****

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI HỌC HUẾ**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT** | **TRUNG TÂM HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI CÔNG MINH** |

**HỘI THẢO KHOA HỌC**

**“HÒA GIẢI CÁC TRANH CHẤP DÂN SỰ VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI”**

**THỪA THIÊN HUẾ, năm 2021**

**MỤC LỤC**

**CHỦ ĐỀ 1: HÒA GIẢI NGOÀI TỐ TỤNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. | **HÒA GIẢI NGOÀI TỐ TỤNG CÁC TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG**  | **1** |
| *PGS.TS. Đoàn Đức Lương; ThS. Lê Bá Hưng* |  |
| 2.  | **HỎA GIẢI THƯƠNG MẠI TRỰC TUYẾN VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN TẠI VIỆT NAM** | **9** |
| *PGS.TS. Bành Quốc Tuấn; ThS. Trịnh Tuấn Anh* |  |
| 3. | **MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT HÒA GIẢI TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ** | **20** |
|  | *TS. Hồ Thị Vân Anh* |  |
| 4. | **CÔNG ƯỚC SINGAPORE VỀ HÒA GIẢI NHÌN TỪ GÓC ĐỘ HÀI HÒA HÓA PHÁP LUẬT** | **28** |
| *TS. Vũ Thị Hương* |  |
| 5. | **HOẠT ĐỘNG HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **38** |
| *Trương Thị Xuân Hải* |  |
| 6. | **MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI** | **44** |
| *LS. Đỗ Thanh Hà* |  |
| 7. | **HÒA GIẢI CÁC TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN NỀN TẢNG TRỰC TUYẾN.** | **56** |
| *ThS. Phan Thị Hồng* |  |
| 8. | **HÒA GIẢI TRANH CHẤP SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI VƯƠNG QUỐC ANH: QUY ĐỊNH VÀ ÁN LỆ** | **70** |
| *ThS. Nguyễn Lương Sỹ* |  |
| 9. | **BẢN CHẤT PHÁP LÝ CỦA HÒA GIẢI THÀNH VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÒA GIẢI THÀNH** | **80** |
| *ThS. Thân Văn Tài; ThS. Nguyễn Thị Phi Yến* |  |
| 10. | **HÒA GIẢI TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI TẠI VIỆT NAM-MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN** | **92** |
| *ThS. Trần Linh Huân; Nguyễn Phước Thạnh* |  |

**CHỦ ĐỀ 2: HÒA GIẢI TRONG TỐ TỤNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11. | **HÒA GIẢI TRONG TỐ TỤNG TRỌNG TÀI** | **102** |
| *PGS.TS. Đỗ Văn Đại* |  |
| 12. | **TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI HÒA GIẢI VIÊN THEO LUẬT HÒA GIẢI ĐỐI THOẠI TÒA ÁN NĂM 2020** | **123** |
| *TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; ThS. Hồ Minh Thành* |  |
| 13. | **HÒA GIẢI TRỰC TUYẾN TRONG TỐ TỤNG ĐỂ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP DÂN SỰ** | **134** |
| *TS. Nguyễn Hải An; ThS. Chu Thị Thơm* |  |
| 14. | **MÔ HÌNH HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN SINGAPORE VÀ KINH NGHIỆM ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM** | **150** |
| *ThS. Đoàn Thị Ngọc Hải* |  |
| 15. | **HÒA GIẢI TRONG TỐ TỤNG CÁC VỤ ÁN DÂN SỰ, KINH DOANH THƯƠNG MẠI THEO PHÁP LUẬT HIỆN NAY** | **161** |
| *Lê Xuân Phúc* |  |
| 16. | **CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI TRONG TỐ TỤNG TRỌNG TÀI TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY** | **169** |
| *LS. Kiều Anh Vũ* |  |
| 17. | **MỌT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TRONG TƯƠNG QUAN SO SÁNH GIỮA NGHỊ ĐỊNH 22/20217/NĐ-CP VỚI LUẬT HÒA GIẢI ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN** | **188** |
| *LS.HGV. La Minh Tường* |  |
| 18. | **PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN CỦA HÀN QUỐC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM** | **201** |
|  | *ThS. Bùi Ai Giôn* |  |
| 19. | **MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI CÁC TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI THEO LUẬT HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN** | **215** |
|  | *Trần Tuyết Trinh* |  |
| 20. | **XÂY DỰNG KHUNG PHÁP LÝ HÒA GIẢI TRỰC TUYẾN TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ, KINH DOANH THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM** | **227** |
|  | *LS. Nguyễn Văn Tứ* |  |
| 21.  | **HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN – QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG** | **238** |
|  | *TS. Nguyễn Thị Hương* |  |
| 22. | **HÒA GIẢI TRỰC TUYẾN TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ** | **251** |
|  | *ThS. Đào Thị Diệu Thương* |  |

**CHỦ ĐỀ 1:**

**HÒA GIẢI TRONG TỐ TỤNG**

**HÒA GIẢI NGOÀI TỐ TỤNG CÁC TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG**

Đoàn Đức Lương[[1]](#footnote-1)\*

Lê Bá Hưng[[2]](#footnote-2)\*\*

*TÓM TẮT:* *Hòa giải là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng. Hiện nay có hòa giải ngoài tốt tụng và hòa giải theo thủ tục tố tụng trọng tài hoặc tòa án. Bài viết tập trung vào một số nội dung về nhận diện tranh chấp hợp đồng, nhận diện hòa giải ngoài tố tụng tranh chấp hợp đồng và một số nội dung hòa giải ngoài tố tụng tranh chấp hợp đồng tiếp cận Nghị định 22/2017/NĐ- CP về hòa giải thương mại và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.*

***Từ khóa:*** *hòa giải, ngoài tố tụng, tranh chấp, hợp đồng*

**1. Đặt vấn đề**

Hòa giải là phương thức giải quyết tranh chấp phi tài phán với sự tham gia của bên trung gian thứ ba – với tư cách là người tổ chức phiên hòa giải để giúp các bên thoả thuận với nhau về giải quyết tranh chấp hợp đồng. Xuất phát từ quyền tự do tự nguyện cam kết thỏa thuận của các bên chủ thể trong quan hệ hợp đồng cũng là sự thể hiện quyền tự do thỏa thuận và tự do định đoạt của các bên khi trạnh chấp phát sinh. Từ năm 2019 đến nay do tác động của đại dịch covid-19 tình trạng tranh chấp hợp đồng xảy ra khá phổ biến và dưới nhiều hình thức vi phạm khác nhau. Để hợp tác và phát triển các chủ thể tranh chấp, nhất là các chủ thể kinh doanh không chỉ lựa chọn phương thức khởi kiện ra Tòa án mà cần thực hiện phương thức thương lượng, hòa giải có tính chất tương trợ lẫn nhau trong sản xuất và kinh doanh.

**2. Nhận diện tranh chấp hợp đồng**

Cơ sở hình thành hợp đồng trước hết phải là sự thể hiện ý chí của các bên chủ thể. Xuất phát từ sự tự do ý làm cơ sở thiết lập các điều khoản đáp ứng các điều kiện có hiệu lực do pháp luật quy định là hợp đồng. Bộ Luật dân sự năm 2015 tại Điều 385 quy định “Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự”. Về kỹ thuật lâp pháp, Bộ luật dân sự năm 2015 tại phần thứ ba đã thống nhất sử dụng thuật ngữ “nghĩa vụ” và “hợp đồng” thay cho thuật ngữ “nghĩa vụ dân sự” và “hợp đồng dân sự” được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005. Sự thay đổi này phù hợp với vị trí, vai trò của Bộ luật dân sự là luật chung để điều chỉnh các quan hệ nghĩa vụ và hợp đồng. Trên cơ sở các quy định của Bộ luật dân sự, các luật cụ thể có những quy định riêng trong từng lĩnh vực điều chỉnh. Điều 275 của Bộ Luật dân sự 2015 quy định một trong các căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ là “hợp đồng”. Việc bỏ cụm từ “dân sự” để tránh cách hiểu quy định trong BLDS chỉ áp dụng cho quan hệ dân sự thuần túy mà không áp dụng cho các quan hệ hợp đồng khác như quan hệ hợp đồng thương mại, lao động, v.v. Đồng thời, các quy định về hợp đồng trong BLDS áp dụng cho tất cả các hợp đồng trong các phạm vi điều chỉnh của “luật tư”.

Khi hợp đồng có hiệu lực thì làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên chủ thể, buộc các bên phải thực hiện. Có thể nói cách khác hợp đồng là sự ràng buộc như “luật của các bên” trên cơ sở đáp ứng các điều kiện do pháp luật quy định. Tuy nhiên, không phải hợp đồng nào cũng được thực hiện trọn vẹn và đầy đủ. Khi một bên chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Do đó tranh chấp hợp đồng là sự “xung đột” lợi ích giữa các bên chủ thể trong quan hệ hợp đồng. Các dạng tranh chấp hợp đồng đa dạng tùy theo tính chất và loại hợp đồng khác nhau. Tranh chấp hợp đồng là một loại tranh chấp dân sự hoặc kinh doanh thương mại theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nhận diện được tranh chấp hợp đồng là nền tảng giúp cho việc giải quyết tranh chấp nói chung và hòa giải tranh chấp hợp đồng nói riệng mang lại hiệu quả. Trong bài viết này nhóm tác giả không đề cập tranh chấp hợp đồng lao động.

*Một là,* tranh chấp về thực hiện quyền và nghĩa vụ phát sinh theo hợp đồng. Quyền và nghĩa vụ giữa các bên chủ thể trong quan hệ hợp đồng phát sinh trên cơ sở hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Trong hợp đồng có nhiều nội dung khác nhau, tranh chấp phát sinh có thể là một hoặc số nội dung trong hợp đồng. Xác định tranh chấp quyền và nghĩa vụ phát sinh làm cơ sở cho quá trình hòa giải. Tuy nhiên, hiệu lực của mỗi loại hợp đồng khác nhau trên cơ sở Bộ luật dân sự và luật chuyên ngành nên là cơ sở xác định tranh chấp quyền và nghĩa vụ[[3]](#footnote-3).

*Hai là,* tranh chấp về hợp đồng bảo đảm giao kết, thực hiện hợp đồng. Các biện pháp đảm bảo giao kết và thực hiện hợp đồng như thế chấp, cầm cố, bảo lãnh và một số biện pháp khác. Từ những quy định mới trong Bộ luật dân sự năm 2015 dẫn tới những tranh chấp về hợp đồng bảo đảm, ví dụ như thế chấp tài sản hình thành trong tương lai. Điều 318 Bộ luật dân sự năm 2015 không quy định về tài sản thế chấp là tài sản được hình thành trong tương lai, trong khi đó Điều 295 của Bộ luật này lại cho phép tài sản bảo đảm có thể là tài sản hình thành trong tương lai[[4]](#footnote-4); Yêu cầu bồi thường thiệt hại của người thứ ba giữ tài sản thế chấp; tranh chấp về biện pháp bảo lãnh, biện pháp cầm cố,…

Ngoài hai hình thức tranh chấp chủ yếu trên còn có những loại tranh chấp hợp đồng khác. Hiện nay, đại dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp không chỉ tại Việt Nam và trên toàn thế giới, gây ảnh hưởng nặng nề đến đời sống người dân nói chung và hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại của các doanh nghiệp nói riêng. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp khi tham gia ký kết, thực hiện các hợp đồng sẽ có nguy cơ gặp phải những khó khăn, vướng mắc và từ đó có thể phát sinh các tranh chấp giữa các bên tham gia hợp đồng hoặc tranh chấp với bên thứ ba. Do đó có thể là ngay hiện tại hoặc hậu Covid-19 các chủ thể tìm những phương thức giải quyết thích hợp nhất. Hòa giải là một trong các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng có hiệu quả cho hoạt động thương mại của các doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

**3. Nhận diện hòa giải ngoài tố tụng tranh chấp hợp đồng**

Hòa giải tranh chấp ngoài tố tụng được hiểu là hoàn giải thông qua hòa giải viên thực hiện theo quy định của Nghị định về hòa giải thương mại, Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án và những quy định khác của pháp luật. Hòa giải tranh chấp hợp đồng nói chung (trong tố tụng và ngoài tố tụng) đều có những đặc điểm chung. Nhận diện được những đặc điểm này giúp các chủ thể trong hòa giải có những biện pháp hữu hiệu nhất để đạt được mục tiêu thỏa thuận giải quyết tranh chấp hợp đồng trên cơ sở những nguyên tắc chung của pháp luật. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thông qua hoà giải có những đặc điểm sau đây:

 *Thứ nhất,* các bên tranh chấp trong hợp đồng có quyền lựa chọn trung gian hoà giải, thời gian, địa điểm, cách thức hòa giải nên tạo điều kiện cho các bên có khả năng sắp xếp thời gian tham gia hòa giải một cách hợp lý. Tuy nhiên, khi xem xét cũng dựa trên thẩm quyền theo Nghị định 22/2017/NĐ- CP hoặc Luật Hòa giải đối thoại tại tòa án năm 2020.

*Thứ hai*, hoà giải tranh chấp hợp đồng hỗ trợ các bên tiếp tục giữ gìn và phát triển các quan hệ đối tác trong thời gian dài vì lợi ích chung. Thông qua trung gian hòa giải để dàn xếp tranh chấp sao cho không có bên nào bị là “thua” như phán quyết của tòa án. Thông qua hòa giải còn tạo ra sự “chia sẻ” trong rủi ro không mong muốn nhất là trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh từ đó có thể các bên trở thành đối tác chiến lược trong quan hệ kinh tế.

*Thứ ba,* việc hoà giải tranh chấp hợp đồng có sự kết hợp hài hòa giữa pháp luật với các yếu tố như tập quán, văn hóa, mối quan hệ giữa các bên. Hoà giải viên là người tạo điều kiện thuận lợi cho các bên tranh chấp đối thoại tự do, là người giải thích pháp luật, nội dung tranh chấp, chuyển giao thông tin giữa các bên; giúp các bên tìm ra phương án giải quyết tranh chấp phù hợp nhất. Vấn đề tranh chấp trong hợp đồng các bên đã biết và đã thương lượng nhưng chưa đạt được mục đích cuối cùng. Trong quá trình hoà giải, các quy định pháp luật cần được cân nhắc tới khi làm rõ sự kiện hay phân tích dưới góc độ pháp lý nhưng không phải là yếu tố quyết định, ràng buộc như trong quá trình giải quyết bằng trọng tài hay tranh tụng tại toà án. Chính vì vậy, thủ tục hoà giải được tiến hành một cách linh hoạt, không bị ràng buộc bởi quy chế, thủ tục cứng nhắc nào (trừ những trường hợp pháp luật có quy định).

*Thứ tư,* hòa giải tranh chấp hợp đồng tiết kiệm thời gian và bảo đảm “kín đáo” cho các bên tranh chấp

Xuất phát từ quyền tự định đoạt của các chủ thể Việc hoà giải tranh chấp giúp các bên tập trung vào các vấn đề chính, cơ bản của nội dung tranh chấp, hạn chế tối đa chi phí tố tụng và thời gian vào các vấn đề mang tính chất hình thức tố tụng. Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu các bên chấp nhận phương án do hoà giải viên đưa ra thì thủ tục hoà giải có thể chấp dứt, không bị buộc phải tiếp tục tham gia hoà giải. Hơn nữa, thông thường khi các bên đã thống nhất hòa giải thì họ cũng tự nguyện thi hành kết quả hòa giải nên sẽ tiết kiện được chi phí và thời gian cho việc thi hành án. Việc hoà giải được tiến hành với chi phí cho hoà giải viên tuỳ thuộc vào quyết định của các bên, trừ trường hợp tiến hành hoà giải tại trung tâm hoà giải theo Nghị định 22/2017/NĐ- CP về hòa giải thương mại và hòa giải tại tòa án theo Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án. Mặt khác, thông qua hòa giải không mang tính công khai như các hình thức giải quyết tranh chấp khác giữa được bí mật thông tin cho các chủ thể kinh doanh.

**4. Một số nội dung của giải ngoài tố tụng tranh chấp hợp đồng**

*Một là,* về chủ thể hòa giải

Chủ thể hòa giải là nhân tố quan trọng quyết định đến hiệu quả của hòa giải tranh chấp hợp đồng. Chủ thể hòa giải không chỉ có kiến thức pháp lý mà còn có kỹ năng và kinh nghiệm. Hay nói cách khác chủ thể hòa giải phải có tính “chuyên nghiệp” được đào tạo bài bản. Việc công nhận các chức danh hòa giải thì là những chuẩn “cơ bản” còn quan trọng là khả năng vận dụng trong quá trình hòa giải tranh chấp. Chủ thể hòa giải không mang ảnh hưởng “quyền lực” như trong hoạt động xét xử của Tòa án. Do đó, hòa giải ngoài tố tụng lại sử dụng chủ thể có tính chuyên nghiệp để chuyên tâm vào lĩnh vực hòa giải.

*Hai là,* thủ tục lựa chọn hòa giải viên đơn giản phù hợp để đạt được mục tiêu.

Thủ tục hòa giải tranh chấp hợp đồng thương mại được thực hiện theo thủ tục quy định tại các điều từ Điều 11 đến Điều 19 Nghị định 22/2017/NĐ- CP về hòa giải thương mại[[5]](#footnote-5), bao gồm các thủ tục sau: Lựa chọn, chỉ định hòa giải viên thương mại; Lựa chọn trình tự, thủ tục hòa giải, hòa giải viên thương mại, địa điểm, thời gian để tiến hành hòa giải. Các bên có quyền lựa chọn Quy tắc hòa giải của tổ chức hòa giải thương mại để tiến hành hòa giải hoặc tự thỏa thuận trình tự, thủ tục hòa giải. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về trình tự, thủ tục hòa giải thì hòa giải viên thương mại tiến hành hòa giải tại địa điểm theo trình tự, thủ tục mà hòa giải viên thương mại thấy phù hợp với tình tiết vụ việc, nguyện vọng của các bên và được các bên chấp thuận.Tranh chấp có thể do một hoặc nhiều hòa giải viên thương mại tiến hành theo thỏa thuận của các bên.

Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án quy định: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, trừ trường hợp không được hòa giải hoặc không hòa giải được thì tòa án thông báo bằng văn bản cho người khởi kiện biết về quyền được lựa chọn hòa giải và lựa chọn hòa giải viên. Thủ tục lựa chọn hòa giải viên theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án còn khá phức tạp sẽ dẫn tới người khởi kiện không muốn lựa chọn phương thức hỗ trợ hòa giải. Vì vậy, thủ tục lựa chọn hòa giải viên hòa giải tranh chấp khi khởi kiện tại Tòa án cần đơn giản hơn.

*Ba là,* yêu cầu kỹ năng trong hòa giải tranh chấp hợp đồng

Khi tham gia hòa giải tranh chấp hợp đồng, người hòa giải phải xác định mục tiêu của hòa giải để có những phương thức đạt được mục tiêu. Vì vậy, trong hòa giải tranh chấp hợp đồng, chủ thể cần phải:

(i) Nhận diện được những xung đột cốt yếu dẫn đến tranh chấp. Trong một hợp đồng có thể tranh chấp nhiều nội dung khác nhau nhưng có nội dung cốt yếu các bên không thể thương lượng được. Từ việc xác định “nút thắt” đó hòa giải viên mới tìm ra phương án thích hợp để hòa giải tranh chấp.

(ii) Nghiên cứu hồ sơ tranh chấp. Hồ sơ tranh chấp được thể hiện dưới dạng văn bản hoặc hình thức khác. Nghiên cứu hồ sơ trong hòa giải khác với giải quyết tranh chấp là tìm luật áp dụng để đưa ra phán quyết. Nghiên cứu hồ sơ để nắm bắt được những tình tiết trong tranh chấp để làm cơ sở xây dựng phương án hòa giải. Do vây, nếu khi nghiên cứu hồ sơ hòa giải chỉ chú trọng đến luật nào điều chỉnh và tìm cách hòa giải theo quy định của pháp luật thì hiệu quả không cao.

(iii) Tìm hiểu quan hệ giữa các bên tranh chấp, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp. Các bên tranh chấp có thể là đối tác thường xuyên của nhau (tranh chấp hợp đồng thương mại) hoặc có thể chỉ tham một lần (tranh chấp trong lĩnh vực hợp đồng dân sự). Từ tìm hiểu này mới đua vào phương án hòa giải phù hợp trên cơ sở vận dụng các yếu tố như quan hệ kinh doanh, quan hệ bạn, quan hệ gia đình,... giữa các bên tranh chấp. Mặt khác, hòa giải viên không chỉ xem mình là “người thứ ba” nữa mà đặt mình vào vị trí của bên bị tranh chấp, bên tranh chấp để có thể xây dựng được các phương án giải quyết thích hợp, khong chủ quan duy ý chí.

(iv) Xây dựng phương án hòa giải tranh chấp hợp đồng. Phương án hòa giải tối ưu nhất có thể nói sẽ mang lại hiệu quả trong tìm ra phương thức giải quyết để đạt được mục tiêu.

Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Nghị định 22/2017/NĐ-CP quy dịnh chuẩn bị hòa giải. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình hòa giải, hòa giải viên thương mại đều có quyền đưa ra đề xuất nhằm giải quyết tranh chấp. Khi đạt được kết quả hòa giải thành các bên lập văn bản về kết quả hòa giải thành[[6]](#footnote-6). Văn bản về kết quả hòa giải thành có hiệu lực thi hành đối với các bên theo quy định của pháp luật dân sự. Trường hợp không đạt được kết quả hòa giải thành, các bên có quyền tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu trọng tài hoặc tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Thủ tục hòa giải chấm dứt trong các trường hợp khi các bên đạt được kết quả hòa giải thành, khi hòa giải viên thương mại xét thấy không cần thiết tiếp tục thực hiện hòa giải, sau khi tham khảo ý kiến của các bên hoặc theo đề nghị của một hoặc các bên tranh chấp.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này đòi hỏi sự chủ động của hòa giải viên tiếp cận tài liệu, chứng cứ, tiếp cận các bên liên tranh chấp. Quy định giai đoạn chuẩn bị hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án “linh hoạt hơn”.

*Bốn là,* thời gian và địa điểm hòa giải

Tiến hành phiên hòa giải tại tòa án. Luật Hòa giải đối thoại tại tòa án quy định khi các bên đồng ý gặp nhau để thống nhất phương án giải quyết tranh chấp hợp đồng, hòa giải viên ấn định thời gian, địa điểm tiến hành phiên hòa giải, đối thoại và thông báo cho các bên, người đại diện, người phiên dịch chậm nhất là 05 ngày trước ngày mở phiên hòa giải. Hòa giải có thể được tiến hành trong một hoặc nhiều phiên hình thức trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác theo đề nghị của các bên. Hòa giải viên có thể tiến hành hòa giải có mặt các bên hoặc gặp riêng từng bên; yêu cầu mỗi bên trình bày ý kiến của mình về các vấn đề của tranh chấp hợp đồng; đề xuất phương án, giải pháp hòa giải. Trường hợp một trong các bên có người đại diện, người phiên dịch thì hòa giải viên phải mời họ cùng tham gia hòa giải. Trình tự phiên hòa giải tại tòa án được thực hiện theo Điều 26 Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án[[7]](#footnote-7).

**5. Kết luận và một số kiến nghị**

Nghiên cứu một số quy định về hòa giải ngoài tố tụng tranh chấp hợp đồng, chúng tôi cho rằng những quy định của của pháp luật chỉ là “khung” làm cơ sở để triển khai. Để hòa giải trở thành phương thức phổ biến được các chủ thể tranh chấp trong hợp đồng lựa chọn, tác giả có một số đề xuất sau đây:

*Một là,* đảm bảo chuyên nghiệp cho hòa giải viên. Tính chuyên nghiệp là yếu tố then chốt để hòa giải thành công. Để có tính chuyên nghiệp cần thiết có những mô hình đào tạo, tập huấn hòa giải viên như viện/trung tâm hòa giải, các chuyên gia nước ngoài có kiến thức và kỹ năng, kinh nghiệm truyền đạt cho các hòa giải viên hoặc sẽ là hòa giải viên. Ngoại ngữ cũng là một yêu cầu quan trọng để hòa giải viên có khả năng hòa giải tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

*Hai là,* cùng vấn đề hòa giải quy định trong nhiều văn bản khác nhau. Các văn bản riêng về hòa giải như Luật Hòa giải cơ sở năm 2013, Luật Hòa giải đối thoại tại tại Tòa án năm 2020, Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại,... và các văn bản pháp luật khác quy định về hòa giải như Luật Đất đai năm 2013,... Trong chương trình xây dựng luật những năm tới cần pháp điển hóa thành Luật Hòa giải (phạm vi bao gồm cả hòa giải và hòa giải thương mại); có những quy định chung và quy định đặc thù để không còn tản mạn như hiện nay. Luật hòa giải sẽ giải quyết tất cả những bất cập trong các văn bản về hòa giải hiện nay.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đoàn Đức Lương, Dương Quỳnh Hoa (2020). *Bình luận chuyên sâu chế định hợp đồng trong Bộ luật dân sự năm 2015*. Nhà xuất bản Tư pháp;
2. Lê Thị Thu Thủy (2018). *Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ - nhìn từ góc độ lý luận,* <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207418>, cập nhật ngày 01/9/2018.
3. Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2020
4. Nghị định 22/2017/NĐ-Cp về hòa giải thương mại.

**HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TRỰC TUYẾN VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN TẠI VIỆT NAM**

***Bành Quốc Tuấn\****

***[[8]](#footnote-8)Trịnh Tuấn Anh\*\****

***[[9]](#footnote-9)*** *TÓM TẮT: Hòa giải thương mại trực tuyến đang phát triển một cách nhanh chóng và hiệu quả, và là một trong những xu hướng mới trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp trực tuyến; đặc biệt trong bối cảnh tác động của đại dịch COVID 19 trên toàn cầu. Bài viết phân tích đánh giá các nét đặc trưng của bản của hòa giải thương mại trực tuyến và đặt ra các vấn đề pháp lý cần tiếp tục hoàn thiện khi áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng hòa giải trực tuyến tại Việt Nam.*

***Từ khóa*:** *Hòa giải thương mại, giải quyết tranh chấp trực tuyến,*

**Dẫn nhập**

Trên thế giới, hòa giải là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp ngày càng trở nên phổ biến và được lựa chọn thay thế cho phương thức giải quyết tranh chấp thay thế, để đa dạng hoá phương thức giải quyết tranh chấp và giảm gánh nặng cho tòa án. Đối mặt với đại dịch COVID 19, mọi hoạt động của con người đã bị thay đổi thay vì gặp mặt trực tiếp, các giao dịch để có thể tiếp tục thì hầu hết phải được thực hiện thông qua phương thức trực tuyến. Do đó, việc giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) đã trở thành công cụ hữu dụng giúp các bên giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng phát sinh trong quan hệ thương mại. Trong số các phương thức ODR, hòa giải trực tuyến là phương thức được nghiên cứu và sử dụng rộng rãi trong giải quyết tranh chấp thương mại. Ở nước ta, mặc dù chưa hình thành khung pháp lý cụ thể về hòa giải thương mại trực tuyến; tuy nhiên trong thời gian qua do tác động tiêu cực và kéo dài của đại dịch COVID 19 thì một số trung tâm hòa giải thương mại đã ban hành quy tắc hòa giải trực tuyến và triển khai thực hiện trên các nền tảng số[[10]](#footnote-10).

**1. Hòa giải thương mại trực tuyến: Phương thức giải quyết tranh chấp thay thế đặc biệt**

Theo Khoản 3, Điều 1 Luật mẫu về hòa giải thương mại quốc tế 2002 của UNCITRAL thì hòa giải là một thủ tục được gọi bằng cụm từ hòa giải, trung gian hay một cụm từ khác có nghĩa tương đương, trong đó các bên yêu cầu một bên thứ ba (hòa giải viên) hỗ trợ mình đạt được thỏa thuận giải quyết tranh chấp liên quan tới quan hệ hợp đồng hay mối quan hệ pháp lý khác[[11]](#footnote-11). Thực tiễn cho thấy, hoạt động hòa giải thương mại phát triển mạnh mẽ tại các quốc gia Khu vực ASEAN (Singapore, Indonesia, Malaysia…vvv), bởi phương thức này thể ưu điểm rõ rệt về thời gian, chi phí và hiệu quả, thu hút được sự chú ý của đông đảo giới luật sư và doanh nghiệp[[12]](#footnote-12). Ở Việt Nam, để hoàn thiện khung pháp lý về HGTM thì Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về HGTM chỉ rõ: HGTM là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại do các bên thỏa thuận và được HGTM làm trung gian hòa giải hỗ trợ giải quyết tranh chấp. Qua các định nghĩa này, có thể hiểu thể hiểu HGTM là một phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Toà án do HGV là chủ thể hỗ trợ giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại. Do đó, bản chất của hoà giải thương mại là một quy trình có tính tự nguyện, quyền tự quyết thuộc về các bên tranh chấp. Thỏa thuận hòa giải thành có giá trị ràng buộc như hợp đồng đối với các bên và có thể được công nhận, thi hành như bản án nếu một hoặc các bên trong thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận.

Nghiên cứu các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành cho thấy nội dung pháp luật về HGTM các nhóm vấn đề lớn:

(i) Nhóm quy định về chủ thể hoà giải: Bao gồm quy định về tổ chức hoà giải thương mại và HGV thương mại. Trong đó, Việt Nam chú trọng xây dựng tư cách pháp lý bao gồm điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục pháp lý để công nhận tư cách của các chủ thể này. Các quyền và nghĩa vụ, các hành vi bị cấm của tổ chức hoà giải và HGV thương mại cũng được quy định rõ ràng tại Nghị định số 22/2017/NĐ-CP.

(ii) Nhóm quy định về giải quyết tranh chấp bằng hoà giải thương mại: Bao gồm nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hoà giải thương mại, điều kiện để giải quyết tranh chấp bằng hoà giải thương mại, trình tự hoà giải, quyền và nghĩa vụ các bên trong hoạt động hoà giải, quy định về chấm dứt thủ tục hoà giải, công nhận kết quả hoà giải. Trong đó, phần về thủ tục công nhận kết quả hoà giải thành sẽ được thực hiện theo quy định tại BLTTDS năm 2015.

(iii) Nhóm quy định về quản lý Nhà nước về HGTM: Bao gồm chính sách của Nhà nước về hoà giải thương mại, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý Nhà nước, các thủ tục hành chính trong hoạt động HGTM được hướng dẫn tại Thông tư 02/2018/TT-BTP.

Hiện nay, trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử và tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19 để duy trì thực hiện các giao dịch đã xác lập thì hầu hết phải được thực hiện thực hiện trực tuyến. Do đó, việc giải quyết trực tuyến tranh chấp thương mại trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Theo tác giả Nguyễn Thị Hoa nhận định thì yếu tố “trực tuyến” trong giải quyết tranh chấp trong tài hoặc hòa giải được thể hiện có ba cấp độ. Cấp độ thấp nhất là việc trao đổi thông tin giữa các chủ thể tham gia thủ tục giải quyết tranh chấp được thực hiện không phải qua văn bản giấy mà bằng các văn bản điện tử. Cấp độ thứ hai là không chỉ thông tin trao đổi được số hoá mà cả các cuộc trò chuyện cũng được thực hiện thông qua các cuộc trao đổi qua mạng như (video call hoặc chat room) và vẫn có sự tham gia của con người-trọng tài viên hoặc hoà giải viên. Cấp độ thứ ba của trực tuyến là các trọng tài viên và hoà giải viên không phải là con người thực thụ mà được thay thế bằng các thuật toán được vận hành thông qua trí tuệ nhân tạo[[13]](#footnote-13).

Theo các chuyên gia pháp lý “giải quyết tranh chấp trực tuyến” (Online-Dispute Resolution) là một thuật ngữ ghép (collective terms) giữa trực tuyến (Online) và giải quyết tranh tranh chấp thay thế (ADR) . Do đó giải quyết tranh chấp trực tuyến được hiểu một cách rộng rãi trên thế giới như là việc sử dụng các biện pháp giải quyết tranh chấp thay thế với sự hỗ trợ của công nghệ internet (mạng trực tuyến)[[14]](#footnote-14).

Ghi chú Kỹ thuật về Giải quyết Tranh chấp Trực tuyến (UNCITRAL’s Technical Notes on Online Dispute Resolution) được ban hành bởi Ủy ban LHQF về Luật TMQT đã đưa ra định nghĩa về các phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến, bao gồm cả trọng tài trực tuyến, như sau: Giải quyết tranh chấp trực tuyến là “cơ chế giải quyết tranh chấp thông qua việc sử dụng các phương tiện liên lạc điện tử và các công nghệ thông tin và truyền thông và cơ chế này “có thể hỗ trợ các bên giải quyết tranh chấp một cách đơn giản, nhanh chóng, linh hoạt và an toàn mà không cần sự hiện diện vật lý tại một cuộc họp hoặc phiên xử[[15]](#footnote-15)”. Như vậy, có thể hiểu giải quyết tranh chấp trực tuyến thực chất là việc tái tạo lại mô hình giải quyết tranh chấp truyền thống trong môi trường ảo.

Từ các phân tích trên theo tác giả, có thể hiểu “*Hòa giải thương mại trực tuyến được hiểu là việc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại mà một phần hay toàn bộ quy trình được tiến hành trực tuyến, trong đó việc xác lập thỏa thuận hòa giải, trình tự, thủ tục hòa giải và công nhận kết quả hòa giải thành sẽ có thể được tiến hành trực tuyến thông qua việc sử dụng công nghệ thông tin*”.

Về nguyên tắc, thì “hòa giải thương mại” đã được sử dụng như một hình thức giải quyết tranh chấp “thay thế” (Alternative Dispute Res olution- ADR). Theo giả Dương Quỳnh Hoa thì ADR được hiểu là tập hợp các nguyên tắc và quy định mà có thể là đối lập với những nguyên tắc và quy định về hoạt động của Tòa án[[16]](#footnote-16). Trong bối cảnh đại dịch COVID 19 có diễn biến hết sức phức tạp và tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế xã hội thì hòa giải thương mại trực tuyến đã trở thành phương thức giải quyết tranh chấp “thay thế” hòa giải thương mại truyền thống và được ưu tiên sử dụng tại các trung tâm hòa giải ở các quốc gia trong thời gian vừa qua. Điều này cũng chính là các đặc trưng cơ bản của phương thức này, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Khác với hòa giải thương mại truyền thống thì thỏa thuận hòa giải sẽ được các bên xác lập trực tiếp bằng văn bản dưới hình thức điều khoản hòa giải trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thỏa thuận riêng; bởi pháp luật hiện hành không ghi nhận các hình thức thoả thuận tương đương văn bản (telegram, fax, telex, thư điện tử…vvv). Trong khi đó, thỏa thuận hòa giải trực tuyến sẽ được các bên xác lập dưới hình thức dữ liệu điện tử thể hiện trong các điều kiện chung công bố trên trang thông tin diện tử.

Thứ hai, Khác với hòa giải thương mại truyền thống sẽ được tiến hành trực tiếp tại phòng họp của Trung tâm hòa giải thì hòa giải trực tuyến được thực hiện trên nền tảng “ODR” được thiết lập để có thể tạo, gửi, nhận, lưu trữ, trao đổi hoặc xử lý thông tin liên lạc theo một cách có thể đảm bảo an toàn dữ liệu. Mọi tài liệu, ý kiến được các bên nộp lên hay các thông báo, văn bản trao đổi giữa hòa giải viên và các bên, bao gồm cả kết quả hòa giải thành cũng được lập, gửi và quản lý trên nền tảng trực tuyến, ví dụ như Zoom, Google Meet, Microsoft Teams…vvv

Thứ ba, Hòa giải trực tuyến được thực hiện trên môi trường Internet, do đó kết quả hòa giải phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chất lượng và thông số của tín hiệu đường truyền, khả năng cung cấp dịch vụ. Điều này khác với hòa giải truyền thống thì kết quả hòa giải thường phụ thuộc vào sự thiện chí các bên; trình độ và năng lực hòa giải viên, chứng cứ và thẩm tra chứng cứ các bên hoặc bên thứ ba xuất trình..vvv.[[17]](#footnote-17)

**2. Những vấn đề pháp lý đặt ra khi áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng hòa giải trực tuyến tại Việt Nam**

Kể từ khi Nghị định 22/2017/NĐ-CP được ban hành cho đến nay, Việt Nam đã có 7 trung tâm hoà giải thương mại được thành lập và 3 trung tâm trọng tài thương mại có bổ sung thêm chức năng hoà giải[[18]](#footnote-18) . Trong số các vụ tranh chấp được giải quyết bằng HGTM, số lượng các vụ việc có YTNN luôn chiếm một tỷ lệ đáng kể. Cũng theo báo cáo thống kê của VIAC (2020), số lượng các vụ tranh chấp có YTNN thường chiếm tỷ lệ lớn trong thời gian trước tại VIAC[[19]](#footnote-19) .Có nhiều lý do để NĐTNN lựa chọn giải quyết tranh chấp thông qua cơ ch HGTM tại Việt Nam, như: lý do từ luật áp dụng (luật nội dung và luật thủ tục), lý do từ chi phí, lý do từ năng lực của hòa giải viên, lý do từ khả năng bảo đảm thi hành thoả thuận hoà giải thành, lý do từ văn hoá và nhận thức của NĐTNN[[20]](#footnote-20)... Tuy nhiên, số lượng vụ việc tranh chấp được giải quyết thông qua HGTM còn rất thấp, chỉ chiếm gần 1% số vụ việc tranh chấp được giải quyết tại Toà án[[21]](#footnote-21) .

Hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại bằng HGTM hiện ở Việt Nam đang trong xu hướng phát triển, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường, kỳ vọng của các doanh nghiệp. Trong giai đoạn cách ly xã hội do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, một số trung tâm hòa giải đã tổ chức các phiên họp hoà giải trực tuyến nếu được các bên tranh chấp đồng ý. Phần lớn các trung tâm hoà giải thực hiện một số bước, công đoạn trong thủ tục hoà giải bằng phương thức điện tử, như tiếp nhận đơn khởi kiện, phí, chứng cứ.. Khảo sát trên website của các trung tâm trọng tài, trung tâm hoà giải tại Việt Nam cho thấy hiện tại chỉ Trung tâm hoà giải thương mại quốc Việt Nam (VICMC), Trung tâm trọng tài quốc tế Hà Nội (HIAC) đã giới thiệu về hoạt động giải quyết tranh chấp trực tuyến[[22]](#footnote-22). Từ kinh nghiệm thực tiễn tham gia HGTM trực tuyến tại một số trung tâm trọng tài, trung tâm hoà giải ở Việt Nam cho thấy các trung tâm hiện nay tổ chức phương thức HGTM trực tuyến dựa trên mô hình hoà giải truyền thống được quy định cụ thể tại các quy định pháp luật hiên hành về HGTM. Phương tiện điện tử giúp cho HGV và các bên tranh chấp quản lý và trao đổi với nhau về giấy tờ, chứng cứ, hồ sơ tranh chấp thông qua các tập tin điện tử được giao tiếp bằng email hoặc bằng các nền tảng trao đổi thông tin trực tuyến. Một số HGV có thể thống nhất với các bên về việc tổ chức một số phiên họp trực tuyến thông qua các nền tảng như Zoom, Google Meet, Microsoft Teams…vvv. Thực tiễn này đã nên giúp các bên tranh chấp và HGV không cần di chuyển về mặt địa lý, tiết kiệm thời gian và chi phí cũng như thúc đẩy được tiến trình giải quyết tranh chấp[[23]](#footnote-23). Tuy nhiên, việc triển khai áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng hòa giải trực tuyến trên thực tiễn sẽ đặt ra một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, Khung pháp lý về hòa giải thương mại trực tuyến

Ở nước ta, mặc dù khung pháp lý về thương mại điện tử đã khá đầy đủ, tuy nhiên Việt Nam vẫn chưa ban hành một văn bản pháp luật nào làm cơ sở pháp lý cho việc áp dụng giải quyết tranh chấp trực tuyến[[24]](#footnote-24). Điều này khiến cho phương thức giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại trực tuyến ở Việt Nam chưa phát triển. Do đó, cần có hướng dẫn cụ thể về các vấn đề pháp lývề phạm vi tranh chấp được sử dụng phương thức ODR; trình tự, thủ tục và giá trị pháp lý của các quyết định giải quyết tranh chấp.Tham khảo kinh nghiệm quốc tế cho thấy, EU đã ban hành Quy tắc số 524/2013 liên quan đến giải quyết trực tuyến tranh chấp tiêu dùng và sửa đổi Quy tắc (CE) số 2006/2004 và Nghị quyết số 2009/22/CE theo đó EU sẽ xây dựng một nền tảng trực tuyến phục vụ hoạt động HGTM (ODR-platform)[[25]](#footnote-25). Khi tranh chấp phát sinh, trước tiên, NTD liên quan đến tranh chấp sẽ gửi yêu cầu thông qua ODR-platform. Doanh nghiệp bị tranh chấp sẽ được ODR-platform thông tin về yêu cầu đó được thể hiện bằng một trong 23 ngôn ngữ chính thức của EU và chủ thể này có thể chọn ra các tổ chức HGTM mà DN dự định có thể lựa chọn trong thời hạn 10 ngày và gửi đến người tiêu dùng qua ODR-platform. NTD và doanh nghiệp có thời gian 30 ngày để quyết định lựa chọn một Trung tâm HGTM cụ thể mà cả hai bên thấy phù hợp nhất. Sau đó, ODR-platform sẽ gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp đến Trung tâm HGTM do các bên lựa chọn. Sau khi Trung tâm HGTM nhận được thông tin từ ODR Platform, việc giải quyết tranh chấp sẽ tuân thủ theo nguyên tắc tố tụng của Trung tâm[[26]](#footnote-26) . Khi HGTM trực tuyến thành công thì cơ chế thi hành kết quả hoà giải thành theo thủ tục thông thường. Theo đó, việc thi hành kết quả hoà giải thành sẽ tuân thủ quy định của pháp luật quốc gia nơi thi hành mà không có một văn bản pháp lý chung nào trong EU về thi hành kết quả hoà giải thành như mô hình của Công ước Châu Âu về trọng tài thương mại quốc tế (1961).

Thứ hai, Chữ ký số

Về kỹ thuật lập pháp thì Nghị định 22/2017/NĐ-CP quy định thỏa thuận hòa giải phải được xác lập bằng văn bản. Như vậy khác với thỏa thuận trọng tài cho phép các bên được lựa chọn xác lập bằng văn bản hoặc telegram, fax, telex, thư điện tử..vvv[[27]](#footnote-27); thì nhà làm luật đã tỏ ra khá cứng nhắc so với bản chất của mô hình hoà giải thương mại. Về nguyên tắc, thoả thuận hoà giải được coi là một điều kiện để giải quyết tranh chấp bằng hoà giải thương mại. Tranh chấp được giải quyết bằng hòa giải thương mại nếu các bên có thoả thuận hòa giải; do đó việc Nghị định 22/2017/NĐ-CP không ghi nhận các hình thức thoả thuận tương đương văn bản sẽ làm cản trở việc các bên xác lập thỏa thuận hòa giải trực tuyến. Đồng thời, Nghị định 22/2017/NĐ-CP đặt ra yêu cầu “văn bản về kết quả hòa giải thành có chữ ký của các bên và hòa giải viên thương mại”. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra khi áp dụng phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến thì việc các bên sử dụng chữ ký điện tử trong việc thiết lập “biên bản hòa giải” thì có giá trị tương đương “chữ ký truyền thống”?; vấn đề này thì pháp luật hiện hành chưa quy định rõ ràng. Việc không quy định rõ sẽ dẫn đến khả năng Toà án xem xét lại toàn bộ vụ việc tranh chấp. Nghiên cứu so sánh cho thấy, Canada và Hoa Kỳ đều đã thông qua luật công nhận các thỏa thuận hợp đồng được tạo hoàn toàn trực tuyến thông qua quy trình ODR. Tuy nhiên trọng lượng bằng chứng của chữ ký được xác định bởi tòa án tùy thuộc vào tính bảo mật của công nghệ được sử dụng[[28]](#footnote-28). Do đó, theo chúng tôi để có thể triển khai áp dụng phương thức hòa giải trực tuyến thì cần sửa đổi quy định của pháp luật hiện hành cho phép sử dụng chữ ký điện tử trong việc xác lập biên bản hòa giải thành và có giá trị pháp lý tương đương như chữ ký theo phương thức truyền thống; đồng thời quy định việc xác lập thỏa thuận hòa giải bằng telegram, fax, telex, thư điện tử có giá trị tương đường văn bản.

Thứ ba, Tính bảo mật và an toàn thông tin

Không hiếm các trường hợp các cuộp họp trực tuyến trên nhiều nền tảng khác nhau đã rò rỉ thông tin. Tại Việt Nam hiện nay, việc áp dụng HGTM trực tuyến mới được triển khai áp dụng để ứng phó với tác động tiêu cực từ đại dịch COVID 19, do đó chưa có báo cáo nào về vấn đề rò rỉ bảo mật trong giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên trên thực tiễn đã ghi nhận nhiều trường hợp các lớp học hoặc cuộc họp trực tuyến đã bị xâm nhập. Điều này khiến nhiều người sử dụng lo ngại tình trạng tương tự cũng có thể xảy ra khi giải quyết tranh chấp bằng HGTM trực tuyến tại Việt Nam và chưa muốn sử dụng phương thức này. Nghiên cứu so sánh cho thấy, một số tổ chức nghề nghiệp quốc đã đưa ra khuyến nghị để đảm bảo bí mật và an toàn thông tin trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng HGTM trực tuyến. Ví dụ HĐTT TMQT (ICCA) đã đưa ra các văn bản hướng dẫn về việc bảo mật đường truyền và nghĩa vụ của các bên trong việc đảm bảo an toàn bí mật cho cuộc họp trực tuyến, hạn chế việc tiết lộ các bản ghi âm/ghi hình v.v…Các trung tâm cung cấp dịch vụ HGTM trực tuyến cũng cần tham khảo các hướng dẫn này và ban hành quy định tương tự nhằm đảm bảo bảo mật thông tin và dữ liệu, tránh rò rỉ các tài liệu, chứng cứ, ghi âm ghi hình phiên họp cho bên thứ ba, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên trong tranh chấp[[29]](#footnote-29); hoặc để bảo đảm tính bảo mật và an toàn trong việc lấy lời khai của nhân chứng và chuyên gia trong phiên họp giải quyết tranh chấp thì Nghị định thư Seoul về Cuộc họp trực tuyến có quy định rằng “Mỗi Bên phải cung cấp danh tính của mọi cá nhân trong phòng đối với Bên kia/các Bên kia và đối với HĐTT trước khi cuộc họp trực tuyến diễn ra và HĐTT sẽ thực hiện các bước để xác minh danh tính của mỗi cá nhân có mặt khi bắt đầu cuộc họp trực tuyến[[30]](#footnote-30)”. Theo chúng tôi thì Bộ Tư Pháp cần ban hành các văn bản hướng dẫn các Trung tâm hòa giải thương mại ban hành các quy chế về tính bảo mật và an toàn trong hoạt động giải quyết tranh chấp trực tuyến, nhằm hạn chế rủi ro cho các bên tranh chấp và trung tâm hòa giải, đồng thời cơ sở để giải quyết tranh chấp (nếu có).

**3. Kết luận**

 Hòa giải trực tuyến đã được minh chứng thực tế ở các nước phát triển trên thế giới cùng với những lợi ích mà phương pháp này mang lại như tiết kiệm thời gian, chi phí, tiện lợi[[31]](#footnote-31). Tại Việt Nam hiện nay vẫn chưa có khung pháp lý hoàn thiện để điều chỉnh và thúc đẩy giải quyết tranh chấp bằng hòa giải trực tuyến. Chính vì vậy, tác giả cho rằng về lâu dài, cần có quy tắc và hướng dẫn riêng dành cho hòa giải trực tuyến, và pháp luật cũng cần hoàn thiện theo hướng ủng hộ và tạo điều kiện cho việc giải quyết tranh chấp bằng phương pháp này. Bên cạnh đó, việc nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, của người tiêu dùng…vvv; về giải quyết tranh chấp bằng hòa giải trực tuyến cũng hết sức cần thiết.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

\* Một số ý tưởng bài viết được phát triển từ kết quả hợp tác giữa tác giả và Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp trong các hội thảo/ tọa đàm khoa học *“***Thực trạng giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài, hòa giải của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay**” do VKHPL tổ chức tại TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng tháng 4/2021.

1. Nguyễn Bá Bình, Nguyễn Thị Anh Thơ (2015), “*Khung pháp luật riêng về hòa giải thương mại của UNCITRAL*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Số 14 (294),
2. Lưu Hương Ly (2011), “*Hòa giải trong thương mại và phát triển phương thức hòa giải trong thương mại ở Việt Nam*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 10(195),
3. Nguyễn Thị Hoa (2021), “*Thực trạng áp dụng phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài và hoà giải trực tuyến tại Liên minh Châu Âu*”, Kỷ yếu tọa đàm khoa học “Thực trạng giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, hòa giải trực tuyến của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay”, Bộ Tư pháp
4. Phan Thị Thanh Thủy (2016), “*Giải quyết tranh chấp thương mại trực tuyến: Những vấn đề pháp lý đặt ra cho Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Tập 32, Số 4,
5. UNCITRAL (2017), “*Technical Notes on Online Dispute Resolution*Ư , [<https://www.uncitral.org/pdf/english/texts/odr/V1700382_English_Technical_Notes_on_ODR.pdf>], truy cập ngày ngày 22/5/2021
6. Dương Quỳnh Hoa (2011), “*Hòa giải - một phương thức giải quyết tranh chấp thay thế”*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 23 (208), tr.47-55
7. Lê Hương Giang (2019), “*Hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*”, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội
8. Bộ Tư pháp (2021), Trang thông tin bổ trợ tư pháp, <https://bttp.moj.gov.vn/Pages/hoa-giai-thuong-mai.aspx>, truy cập ngày 11/5/2021
9. Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) (2020), *Thống kê hoạt động giải quyết tranh chấp,* <https://www.viac.vn/thong-ke/thong-ke-hoat-dong-giai-quyet-tranh-chap-nam-2019-s31.html>, truy cập ngày 11/5/2021
10. Nguyễn Ngọc Lâm (2014), “*Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế: Nhận dạng tranh chấp, biện pháp ngăn ngừa và phương pháp giải quyết*”, Nxb. Chính trị Quốc gia,
11. Trung tâm hòa giải thương mại Quốc tế Việt Nam, [<http://www.vicmc.vn/>], truy cập ngày 22/5/2021
12. Dương Quỳnh Hoa (2019), “*Giải quyết tranh chấp trực tuyến ở Việt Nam*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Số 19 (419),
13. European Commission, “*Online Dispute Resolution*”, [<https://ec.europa.eu/consumers/odr/main/?event=main.home2.show>], truy cập ngày 22/5/2021
14. Lê Văn Thiệp (2016), “*Pháp luật thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội
15. International Congress and Convention Association, [<https://www.iccaworld.org>], truy cập ngày 25/5/2021
16. Seoul Protocol on Video Conferencing in International Arbitration, [https://www.viac.eu/images/COVID19/Seoul\_Protocol\_on\_Video\_Conferencing\_in\_International\_Arbitration.pdf], truy cập ngày 22/11/2021
17. Nguyễn Thành Minh Chánh (2021), “*Thúc đẩy giải quyết tranh chấp trực tuyến ngoài Tòa án trong thương mại điện tử tại Việt Nam*”, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, [https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nghien-cuu/thuc-day-giai-quyet-tranh-chap-truc-tuyen-ngoai-toa-an-trong-thuong-mai-dien-tu-tai-viet-nam], truy cập ngày 22/11/2021
18. Trung tâm Hòa giải Việt Nam (2021), *“Ra mắt nền tảng hòa giải trực tuyến MedUp*”, [https://www.viac.vn/tin-tuc-su-kien/ra-mat-nen-tang-hoa-giai-truc-tuyen-medup-n1087.html], truy cập ngày 22/11/2021

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT HÒA GIẢI TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

***Hồ Thị Vân Anh[[32]](#footnote-32)\****

*TÓM TẮT: Tranh chấp về đất đai là một trong những tranh chấp xảy ra phổ biến, rất phức tạp và đa số các tranh chấp về đất đai phải giải quyết bằng con đường Tòa án. Một trong những biện pháp hữu hiệu để hạn chế các bên tranh chấp khởi kiện ra Tòa án để giải quyết tranh chấp đất đai là tăng cường công tác hòa giải ở cơ sở nhất là hòa giải tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã). Trong phạm vi bài viết, tác giải trình bày một số quy định của pháp luật về hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã. Nêu một số khó khăn, bất cập trong thực tiễn và kiến nghị giải pháp cụ thể.*

***Từ khóa:*** *Tranh chấp đất đai, UBND cấp xã, hòa giải*

1. Quy định của pháp luật về hòa giải tranh chấp đất đai và hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã

1.1. Quy định của pháp luật về hòa giải tranh chấp đất đai

Từ sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập vào ngày 02 tháng 9 năm 1945 (nay là Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định về công tác quản lý đất đai và việc giải quyết tranh chấp đất đai như: Thông tư liên tịch số 33 ngày 21/8/1949 của liên Bộ Nội vụ - Bộ Tư pháp – Bộ Canh nông – Bộ Tài chính, về việc sử dụng ruộng đất của người Pháp; Sắc lệnh số: 90/SL ngày 22/5/1950 quy định việc sử dụng các ruộng đất bỏ hoang; Luật cải các ruộng đất năm 1953; Thông tư số: 73/TTg ngày 07/7/1962 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số: 125-CP ngày 28/6/1971 của Hội đồng Chính phủ; Nghị định số: 47-CP ngày 15/3/1972 của Hội đồng Chính phủ; Nghị quyết số: 28-CP ngày 16/12/1973 của Hội đồng Chính phủ; Nghị định số: 01/NĐ/75 ngày 05/3/1975 của Chính phủ: Quyết định số: 188/CP ngày 25/9/1976; Quyết định số: 318/CP ngày 14/12/1978 và Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ… cho đến khi Luật đất đai năm 1987 (Luật đất đai đầu tiên) được Quốc hội thông ngày 29/12/1987.

   Tuy nhiên, thuật ngữ “hòa giải tranh chấp đất đai” đến năm 1993 mới được cụ thể hóa trong văn bản pháp luật, đó là Luật đất đai năm 1993. Mặc dù, đây mới chỉ là những quy định sơ khai, nhưng là tiền đề quan trọng trong cho chính quyền cấp cơ sở thực hiện sau này, giúp giảm tải áp lực cho các cơ quan nhà nước có thẩ̉m quyền trong giải quyết tranh chấp đất đai.

   Mặc dù, hiện nay các văn bản pháp luật về đất đai không định nghĩa rõ khái niệm như thế nào hòa giải tranh chấp đất đai, nhưng về cơ bản có thể hiểu: Hòa giải tranh chấp đất đai là để chấm dứ́t việc xích mích, mâu thuẫn, tranh chấp trong sử dụng đất giữa các bên bằng sự thương lượ̣ng hoặc qua sự trung gian củ̉a một cơ quan có thẩm quyền. Do đất đai có tầm quan trọng đặc biệt và tranh chấp đất đai tiềm ẩ̉n nhiều hậu quả tiêu cực về chính trị, kinh tế và xã hội. Vì vậy, việc hòa giải tranh chấp đất đai không chỉ là nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước có thẩ̉m quyền mà còn là trách nhiệm của cả cộng đồng xã hội và của mỗi người sử dụng đất.

1.2. Quy định của pháp luật về hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 thì tranh chấp đất đai là tranh chấp về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai. Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai tự hòa giải hoặc giải quyết tranh chấp đất đai thông qua hòa giải ở cơ sở. Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức việc hòa giải tranh chấp đất đai tại địa phương mình.

Căn cứ các văn bản pháp luật đang có hiệu lực thi hành hiện nay (Tại Điều 202 luật Đất đai năm 2013[[33]](#footnote-33)1 và Điều 88 Nghị định số́ 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ[[34]](#footnote-34)2 quy định về trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai được thực hiện như sau: Khi nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các công việc:

***Thứ nhất,*** tổ chức thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất. Những nội dung thẩm tra, xác minh gồm: quan hệ tranh chấp (ai tranh chấp với ai; diện tích, loại đất tranh chấp, yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu của bị đơn; nguồn gốc và quá trình sử dụng; thông tin hồ sơ địa chính qua các thời kỳ (diện tích, loại đất, sổ mục kê, sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính…); hiện trạng sử dụng đất đang tranh chấp; nguyên nhân và diễn biến phát sinh tranh chấp; hiện trạng sử dụng đất hiện nay…

***Thứ hai,*** thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên…

***Thứ ba,*** tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai thì được coi là việc hòa giải không thành. Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản, gồm có các nội dung: Thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải; thành phần tham dự hòa giải; tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu); ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận, không thỏa thuận. Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp hòa giải không thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản hòa giải không thành và hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Theo Luật đất đai hiện hành không quy định rõ các tranh chấp đất đai nào thuộc trường hợp bắt buộc phải tổ chức hòa giải. Nhưng tại khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán – Tòa án nhân dân tối cao[[35]](#footnote-35)3 quy định: Đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với tranh chấp khác liên quan đến quyền sử dụng đất như: tranh chấp về giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất, chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất,... thì thủ tục hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp không phải là điều kiện khởi kiện vụ án.

Như vậy, điều kiện để khởi kiện vụ án về tranh chấp đất đai và để được Tòa án thụ lý giải quyết chỉ phát sinh trong một số quan hệ tranh chấp cụ thể.

2. Một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã

***Thứ nhất,*** tại khoản 2, khoản 3, điều 202, luật Đất đai năm 2013[[36]](#footnote-36)4 quy định: Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay một số huyện trực thuộc tỉnh, thành phố không có đơn vị hành chính cấp xã thì khi phát sinh tranh chấp đất đai việc tổ chức hòa giải sẽ được thực hiện như thế nào? cơ quan nào sẽ đứng ra tổ chức hòa giải? Cơ sở pháp lý nào để cơ quan chức năng thụ lý hay không thụ lý giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất hay khiếu kiện về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với những trường hợp này (ví dụ một số huyện hiện nay không có chính quyền cấp xã như huyện Côn Đảo của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; huyện Cồn Cỏ của tỉnh Quảng Trị; huyện Bạch Long Vĩ của thành phố Hải Phòng).

***Thứ hai,*** trường hợp UBND cấp xã triệu tập nhiều lần nhưng người bị kiện cố tình không đến, cho nên không thể tiến hành hòa giải được. Như vậy, theo quy định trước đây thì nếu người bị kiện cố tình trốn tránh việc tham gia hòa giải thì tranh chấp sẽ kéo dài thời gian hòa giải mà nếu chưa qua hòa giải được ở địa phương thì Tòa án không thụ lý đơn khởi kiện. Tuy nhiên, hiện tại theo quy định của [Luật Đất đai năm 2013](https://luatminhkhue.vn/luat-dat-dai-nam-2013-so-45-2013-qh13.aspx) sau thời gian 45 ngày hòa giải không thành hoặc không thể tiến hành hòa giải được thì các bên tranh chấp đất đai có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền hòa giải tranh chấp đất đai cho mình lập một Biên bản hòa giải không thành để có thể tiến hành các bước tiếp theo, có thể tiếp tục yêu cầu lên cấp trên hoặc khởi kiện tại Tòa án.

***Thứ ba,*** trong thực tế, tranh chấp đất đai xảy ra rất nhiều dạng, vậy loại tranh chấp nào phải qua hòa giải tại cấp xã? Ðây là vấn đề có nhiều cách hiểu khác nhau. Nơi này thì cho rằng chỉ có loại tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mới phải qua hòa giải tại cấp xã, còn các tranh chấp về hợp đồng liên quan quyền sử dụng đất như chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho... và tranh chấp thừa kế quyền sử dụng thì không bắt buộc phải qua hòa giải tại cơ sở. Ngược lại, ở nơi khác thì lại khẳng định tất cả các tranh chấp đất đai kể cả các tranh chấp hợp đồng liên quan quyền sử dụng đất và thừa kế quyền sử dụng đất đều bắt buộc phải qua hòa giải tại cấp xã trước khi khởi kiện đến Tòa án. Khi đó, ở từng địa phương khác nhau sẽ có cách giải quyết hòa giải khác nhau.

***Thứ tư,*** theo điểm b, khoản 1, điều 88, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ[[37]](#footnote-37)5 quy định: Khi nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, UBND cấp xã có trách nhiệm thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan... và thành lập Hội đồng hòa giải để thực hiện hòa giải. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp có thể mời Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên. Trong thực tế, do không nắm vững các quy định của pháp luật cho nên nhiều trường hợp thành phần tham gia hòa giải ở cấp xã không đúng. Chẳng hạn như không có sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của mặt trận mà chỉ có thường trực UBND, cán bộ địa chính, tư pháp và đại diện một số hội, đoàn thể ở xã mà quên mất thành phần cần có là đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam. Không có mặt của Tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, nhất là không có đại diện của một số hộ dân cư sinh sống lâu đời tại khu vực có đất tranh chấp biết rõ về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất đó. Việc vắng mặt đại diện của một số hộ dân cư sinh sống lâu đời tại khu vực có đất tranh chấp biết rõ về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất trong quá trình hòa giải có thể nhận thấy nguyên nhân là do thành phần này là những người không có trách nhiệm công vụ, nên việc họ không tham gia hoặc từ chối tham gia hội đồng sẽ không có chế tài bắt buộc. Mặt khác, việc xác định được người sinh sống lâu đời và biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Đối với các khu vực đô thị hóa nhanh, các mặt bằng tái định cư việc thay đổi nhân khẩu trong khu vực này cũng rất thường xuyên, nên đối tượng sinh sống lâu đời ở các khu vực này rất khó xác định. Đối với khu vực nông thôn thì có thể xác định được người sinh sống lâu đời và biết rõ về nguồn gốc thửa đất có tranh chấp, nhưng việc mời đối tượng này tham gia hòa giải tranh chấp về đất đai cũng không phải dễ, bởi họ ngại va chạm, sợ mất lòng. Các vụ hoà giải trên đây tuy không đúng với quy định của Luật Đất đai, song, không có gì đáng nói, nếu đã được hòa giải thành. Điều đáng nói là, khi các bên tranh chấp hòa giải không thành đã tiến hành khởi kiện theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, do biên bản hòa giải không có Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tham gia hòa giải (áp dụng đối với một số trường hợp bắt buộc phải tiến hành hòa giải cơ sở) nên Tòa án đã căn cứ điểm b khoản 1 Điều 192 [Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015](https://luatminhkhue.vn/bo-luat-to-tung-dan-su-2015.aspx) và được hướng dẫn chi tiết tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP để trả lại đơn cho người khởi kiện vì chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật[[38]](#footnote-38)6.

***Thứ năm,*** Công chức địa chính hoặc tư pháp cấp xã chưa tiến hành thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất. Công chức địa chính không vẽ sơ đồ phác họa phần đất tranh chấp giữa các bên …

***Thứ sáu,*** nhiều trường hợp khác là UBND xã tổ chức hòa giải nhưng không giao biên bản để người khởi kiện nộp cho Tòa án, kéo dài nhiều tháng đến cả năm. Tranh chấp đất đai bao giờ cũng là cũng chiếm một số lượng lớn trong các vụ án dân sự ở các địa phương, nhưng trong quan hệ đất đai thường phức tạp do vậy việc định hướng hòa giải đối với cấp xã đôi khi cũng rất khó khăn. Biên bản hòa giải không thể hiện đầy đủ, rõ ràng yêu cầu của người yêu cầu giải quyết. Từ đó không xác định được yêu cầu tranh chấp đã được tiến hành hòa giải hay chưa.

3. Một số kiến nghị

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả của hòa giải tranh chấp đất tại UBND cấp xã, chúng tôi có một số kiến nghị sau:

– Thứ nhất, cần hoàn thiện và nâng cao kỹ năng giải quyết hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã.

Hòa giải tranh chấp đất đai là vấn đề vô cùng khó khăn và phức tạp. Điều này đòi hỏi các thành viên trong Tổ hòa giải phải tìm hiểu quá trình mâu thuẫn cũng như là nắm bắt chính xác tâm tư, nguyện vọng của các bên. Quá trình hòa giải, Tổ hòa giải phải tỏ ra hết sức mềm dẽo, vừa giải quyết tranh chấp trên cơ sở quy định pháp luật nhưng cũng vừa có tình, có lý trên cơ sở tình nghĩa láng giềng, họ hàng, thân tộc. Để làm được việc này đòii hỏi thành viên Tồ hòa giải phải được trang bị một số kỹ năng cần thiết.

– Thứ hai, cần tăng cường công tác tổ chức tập huấn về công tác hòa giải về tranh chấp đất đai.

Ngoài việc trang bị những kỹ năng cần thiết cho việc hòa giải tranh chấp dất đai thì đòi hỏi công chức cấp xã làm công tác tham mưu, giúp việc cần phải có hiểu biết đầy đủ về các quy định của pháp luật có liên quan đến hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã. Có như vậy, mới hạn chế được những sai sót trang quá trình hòa giải như chúng tôi đã trình bày.

– Thứ ba, cần nâng cao trách nhiệm hòa giải tranh chấp đất đai của Tổ hòa giải.

Để việc hòa giải đem lại kết quả tốt, vai trò của Tổ hòa giải tranh chấp đất đai là rất quan trọng. Tuy nhiên, thực tế một số vụ việc hòa giải tranh chấp đất đai thì Tổ hòa giải chưa làm hết trách nhiệm của mình, chỉ hòa giải qua loa, chiếu lệ để chuyển hồ sơ đến Tòa án. Do đó, cần có sự quan tâm thích đáng của nhà nước thông qua việc bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp lý, kỹ năng hòa giải cho đội ngũ hòa giải viên. Đồng thời tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho hoạt động của Tổ hòa giải ở cơ sở để nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải.

– Thứ tư, cần tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai và nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân:

Thực tế cho thấy, việc tranh chấp đất đai xuất phát từ nhiều nguyên nhận, trong đó có một nguyên nhân là trình độ hiểu biết pháp luật, ý thức pháp luật, sự tôn trọng pháp luật của một bộ phận nhân dân còn hết sức hạn chế. Do đó, việc nâng cao trình độ pháp luật cho nhân dân theo yêu cầu quản lý nhà nước bằng pháp luật hiện nay đang là vấn đề cấp thiết. Để làm được việc này cần triển khai đồng bộ các hình thức phổ biến, tuyên truyền pháp luật: Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền thông qua các hội nghị, tuyên truyền thông qua công tác hòa giải ở cơ sở, qua tủ sách pháp luật…

**4. Kết luận**

Làm tốt công tác hòa giải tranh chấp đất đai sẽ góp phần hạn chế mâu thuẫn về đất đai trong nội bộ quần chúng nhân dân, tăng cường sự đoàn kết gắn bó cũng như tạo sự khắng khít về tình làng, nghĩa xóm, tình thân họ hàng… Với ý nghĩa và vai trò quan trọng như vật của công tác hòa giải tranh chấp đất đai, đòi hỏi mỗi người dân phải nâng cao nhận thức về pháp luật, phát huy truyền thống yêu thương, đoàn kết của người Việt Nam. Đồng thời Tổ hòa giải cũng phải phát huy vai trò, trách nhiệm của mình trên cơ sở những quy định của pháp luật về hòa giải tranh chấp đất đai, các kỹ năng được trang bị, tập huấn, bồi dưỡng… Ngoài ra, chính sách pháp luật về đất đai cũng cần được hoàn thiện hơn.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật đất đai năm 2013.
2. Nghị định số́ 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Đất đai
3. Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán – Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

**CÔNG ƯỚC SINGAPORE VỀ HOÀ GIẢI**

**NHÌN TỪ GÓC ĐỘ HÀI HOÀ HOÁ PHÁP LUẬT**

***Vũ Thị Hương[[39]](#footnote-39)\****

*TÓM TẮT:**Hòa giải là một phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế và mang lại nhiều lợi ích như tiết kiệm được thời gian, chi phí, giữ gìn được mối quan hệ hợp tác lâu dài giữa các bên. Công ước Singapore quy định thực hiện hòa giải và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại quốc tế phát triển hài hòa. Khi tham gia Công ước Singapore, hoà giải viên sẽ thực hiện hòa giải thành giữa một bên là doanh nghiệp Việt Nam và một bên là doanh nghiệp nước ngoài. Hiện nay, nhiều quốc giá trên thế giới nói chung và pháp luật Việt Nam nói riêng có một số điểm khác biệt so với quy định của Công ước Singapore. Do đó, nhiều quan điểm khác nhau về giá trị pháp lý đối với hoà giải và giải quyết tranh chấp thương mại. Bài viết phân tích quy định của công ước Singapore về hoà giải thương mại trong tương quan so sánh với quy định của pháp luật Việt Nam. Từ đó, phân tích khả năng hài hoà hoá các quy định của Công ước để hoà giải và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế ở Việt Nam.*

***Từ khoá:*** *Công ước Singapore, hài hoà hoá pháp luật, hoà giải, thương mại, tranh chấp.*

**1. Quy định của Công ước Singapore về hoà giải thương mại**

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, các đoàn đại biểu từ 70 quốc gia (bao gồm 1.600 nhà lãnh đaọ và quan chức chính phủ, giới kinh doanh, thẩm phán, luật sư và các học giả) đã tham gia lễ ký kết Công ước về hoà giải tại Singapore. Trong đó, 46 nước thành viên Liên hợp quốc (trong số đó có các nước lớn như Trung Quốc, Hoa kỳ,… và 05 nước ASEAN là Brunei, Malaysia, Lào, Philippin và Singapor) đã ký kết Công ước của Liên hợp quốc về Thỏa thuận giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải (hay còn gọi là Công ước Singapore về Hòa giải). Công ước này được đánh giá là một phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại quốc tếphát triển hài hòa, qua đó góp phần thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững[[40]](#footnote-40). Công ước đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 20/12/2018 tại Phiên họp thứ 62 tổ chức tại Viên, Cộng hòa Áo.

Sự ra đời của Công ước vào thời điểm hiện nay có ý nghĩa rất đặc biệt, bởi xung đột thương mại hiện rất thời sự trên thế giới và ảnh hưởng tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu, cũng như quan hệ quốc tế. Trong đó, nổi bật nhất là xung đột thương mại của Mỹ với các đối tác thương mại của Mỹ, đặc biệt là Trung Quốc[[41]](#footnote-41).

Công ước gồm 16 điều, trong đó: từ Điều 1 đến Điều 6 quy định các nội dung chính của Công ước: phạm vi điều chỉnh; giải thích các thuật ngữ; các nguyên tắc thi hành và viện dẫn thỏa thuận giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải; điều kiện sử dụng thỏa thuận nêu trên làm căn cứ yêu cầu trợ giúp; căn cứ từ chối trợ giúp; quyết định của cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia được yêu cầu trong trường hợp hiệu lực của thỏa thuận đang được xem xét tại tòa án, trọng tài hoặc cơ quan có thẩm quyền khác; từ Điều 7 đến Điều 10 quy định về mối quan hệ của Công ước với các điều ước khác; bảo lưu; trình tự thủ tục lưu chiểu, ký kết, gia nhập, sửa đổi, bãi bỏ và hiệu lực của Công ước.

**Thứ nhất,** về mục tiêu của Công ước Singapore

Trong lời nói đầu của công ước: *Các Bên của Công ước này,*

*Thừa nhận* giá trị của hoạt động hòa giải thương mại quốc tế như một phương thức giải quyết tranh chấp thương mại mà các bên tranh chấp yêu cầu người thứ ba hoặc những người hỗ trợ họ trong nỗ lực giải quyết tranh chấp một cách thân thiện,

*Lưu ý* rằng hòa giải ngày càng được sử dụng rộng rãi ở quốc tế và hoạt động thương mại trong nước như một giải pháp thay thế cho việc kiện tụng,

*Xem xét* rằng việc sử dụng hòa giải dẫn đến lợi nhuận đáng kể lợi ích, chẳng hạn như giảm các trường hợp tranh chấp dẫn đến chấm dứt quan hệ thương mại, tạo thuận lợi cho việc quản lý giao dịch quốc tế của các bên thương mại và sản xuất tiết kiệm trong việc quản lý tư pháp của các Quốc gia,

Việc thiết lập một khuôn khổ pháp lý cho các thỏa thuận hoà giải là kết quả của việc hòa giải có thể chấp nhận được đến các Quốc gia có hệ thống luật pháp, xã hội và kinh tế khác nhau sẽ góp phần phát triển kinh tế quốc tế hài hòa quan hệ.

Như vậy, mục tiêu chính của Công ước là thúc đẩy hòa giải như một phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại quốc tế phát triển hài hòa, qua đó góp phần thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững. mục đích của Công ước Singapore về Hòa giải là đưa ra một quy chế quốc tế để thực thi các thỏa thuận đạt được thông qua con đường hòa giải

**Thứ hai,** *về phạm vi áp dụng*

Công ước áp dụng đối với việc ghi nhận và thi hành các thỏa thuận hòa giải quốc tế được các bên ký kết bằng văn bản là kết quả của quá trình hòa giải tranh chấp thương mại quốc tế, có sự tham gia của hòa giải viên nếu tại thời điểm ký kết: (i) ít nhất hai bên tham gia thỏa thuận có địa điểm kinh doanh tại các quốc gia khác nhau; hoặc (ii) quốc gia mà các bên tham gia thỏa thuận có địa điểm kinh doanh khác với quốc gia mà phần đáng kể các nghĩa vụ theo thỏa thuận được thực hiện hoặc quốc gia mà nội dung của thỏa thuận có mối quan hệ gắn bó nhất.

Công ước Singapore về Hòa giải áp dụng cho các thỏa thuận hòa giải đáp ứng tất cả các tiêu chí sau: Thỏa thuận giải quyết đạt được giữa các bên phải có kết quả từ hòa giải; Thỏa thuận giải quyết phải được ký kết bằng văn bản; Tranh chấp giữa các bên phải có tính chất thương mại; Tranh chấp phải có tính chất quốc tế (ví dụ: ít nhất hai bên tham gia thỏa thuận hòa giải có trụ sở kinh doanh ở các quốc gia khác nhau).

Công ước không áp dụng đối với các trường hợp sau: (i) Thỏa thuận giải quyết tranh chấp phát sinh từ các giao dịch mà một trong các bên (người tiêu dùng) tham gia vì mục đích cá nhân hoặc hộ gia đình; (ii) Thỏa thuận giải quyết tranh chấp liên quan đến luật gia đình, thừa kế, lao động; (iii) Thỏa thuận giải quyết tranh chấp đã được tòa án công nhận hoặc đạt được trong quá trình tố tụng tại tòa án hoặc đang được thi hành như phán quyết của tòa án tại quốc gia có tòa án đó; (iv) Thỏa thuận giải quyết tranh chấp được ghi nhận và có thể được thi hành như một phán quyết trọng tài[[42]](#footnote-42).

**Thứ ba,** *về công nhận kết quả hoà giải*

Đối với các thỏa thuận hòa giải thuộc phạm vi của mình, Công ước Singapore về Hòa giải yêu cầu các quốc gia thành viên thực thi các thỏa thuận hòa giải đó theo quy tắc tố tụng của họ và theo các điều kiện được quy định trong Công ước[[43]](#footnote-43). Công ước quy định bên yêu cầu công nhận kết quả hoà giải phải cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền của bên tham gia công ước các: Thoả thuận giải quyết do các bên ký kết; bằng chứng xác định kết quả hoà giải như (Chữ ký của hoà giải viên trên thoả thuận hoà giải, Tài liệu có chữ ký của người hoà giải để xác định hoà giải đã được thực hiện, Chứng thực của tổ chức đã quản lý phiên hoà giải,…), Công ước cũng quy định về chứng cứ điện tử tại khoản 2 Điều 4 của công ước.

Công ước Singapore hỗ trợ cho kết quả hòa giải các tranh chấp thương mại quốc tế. Khi tham gia vào Công ước, kết quả hòa giải thành do hòa giải viên đưa ra ở một quốc gia sẽ được công nhận và thi hành ở một quốc gia thành viên khác.

**Thứ tư,** *về căn cứ từ chối công nhận kết quả hoà giải thành*

Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia được yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành có thể từ chối công nhận kết quả hoà giải nếu một trong các bên cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền bằng chứng rằng: i) Một một bên tham gia thỏa thuận giải quyết tranh chấp không có năng lực ký kết thỏa thuận đó; ii) thỏa thuận hoà giải được viện dẫn vô hiệu, không khả thi hoặc không thể thực hiện được theo pháp luật mà các bên bị ràng buộc một cách hợp lệ hoặc nếu không có bất kỳ viện dẫn nào đến pháp luật đó, theo pháp luật được cơ quan có thẩm quyền của bên tham gia Công ước nơi cần có biện pháp trợ giúp theo Điều 5 cho là có thể áp dụng; Thoả thuận hoà giải chưa phải là kết luận cuối cùng của phiên họp hoà giữa các bên; iii) Các nghĩa vụ theo thoả thuận hoà giải đã được thực hiện hoặc không rõ ràng; iv) Việc công nhận sẽ trái với các điều khoản của thoả thuận giải quyết; v) hoà giải viên đã vi phạm nghiệm trọng các tiêu chuẩn áp dụng cho hoà giải, nếu hoà giải viên không vi phạm quy định áp dụng (thủ tục) một trong các bên sẽ không tham gia hoà giải; ….

Cơ quan có thẩm quyền của bên tham gia công ước nơi thoả thuận hoà giải được yêu cầu công nhận cũng có thể từ chối công nhận nếu xét thấy: i) Việc công nhận thoả thuận hoà giải sẽ trái với chính sách công (Nguyên tắc cơ bản) của quốc gia công nhận; ii) đối tượng của tranh chấp không có khả năng giải quyết bằng hoà giải theo pháp luật của quốc gia được yếu cầu công nhận.[[44]](#footnote-44)

Công ước không quy định cụ thể về quy trình, thủ tục cụ thể xem xét công nhận và thi hành thỏa thuận giải quyết tranh chấp mà để ngỏ cho các nước thành viên chủ động thực hiện nhưng phải đảm bảo nhanh chóng, phù hợp với các điều kiện được quy định tại Công ước.

**2. Pháp luật Việt Nam về hoà giải thương mại**

***2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về hoà giải thương mại***

Hiện nay, pháp luật điều chỉnh hoà giải ở Việt Nam có thể kể đến Luật Hoà giải đối thoại tại toà án 2020; Nghị Định số 22/2017/NĐ-CP về Hòa giải thương mại. Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết chúng tôi chỉ đề cập đến Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về Hòa giải thương mại.

 Ngày 24 tháng 02 năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về Hòa giải thương mại. Nghị định bao gồm 6 chương với 44 điều luật, có hiệu lực chính thức từ ngày 15/4/2017.

**Thứ nhất,** *về phạm vi áp dụng*

Khoản 1 Điều 1 nghị định 22 quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: Nghị định này quy định về phạm vi, nguyên tắc, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại, hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam và quản lý nhà nước về hoạt động hòa giải thương mại.

Việc các bên tranh chấp tự hòa giải hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không phải là hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Nghị định này làm trung gian hòa giải được thực hiện theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định pháp luật, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

**Thứ hai,** *về phạm vi giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại*

Về phạm vi giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại Điều 2 của Nghị định quy định: i) Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; ii) Tranh chấp giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; iii) Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng hòa giải thương mại.

Như vậy, phạm vi điều chỉnh của nghị định 22/2017/NĐ-CP phạm vi giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại phải là tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại.

**Thứ ba,** về nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại

Nghị định 22 quy định, các bên tranh chấp tham gia hòa giải hoàn toàn tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải phải được giữ bí mật, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác. Nội dung thỏa thuận hòa giải không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ, không xâm phạm quyền của bên thứ ba.[[45]](#footnote-45) Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp sử dụng hòa giải thương mại để giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực thương mại và các tranh chấp khác mà pháp luật quy định được giải quyết bằng hòa giải thương mại và khuyến khích huy động các nguồn lực tham gia hoạt động hòa giải thương mại, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hòa giải viên thương mại tổ chức hòa giải thương mại.[[46]](#footnote-46)

**Thứ tư,** *về điều kiện giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại*

Tranh chấp được giải quyết bằng hòa giải thương mại nếu các bên có thỏa thuận hòa giải. Các bên có thể thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng hòa giải trước, sau khi xảy ra tranh chấp hoặc tại bất cứ thời điểm nào của quá trình giải quyết tranh chấp.[[47]](#footnote-47)

**Thứ năm,** *về hình thức của thoả thuận hoà giải*

Theo quy định tại Điều 11 của Nghị định 22/2017 thì i) Thỏa thuận hòa giải có thể được xác lập dưới hình thức điều khoản hòa giải trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thỏa thuận riêng; ii) Thỏa thuận hòa giải được xác lập bằng văn bản.

Như vậy, theo quy định của pháp luật Việt Nam nếu các bên tranh chấp muốn hoà giải thì phải có thoả thuận hoà giải và thoả thuận hoà giải phải được lập thành văn bản.

Ngoài ra, Nghị định quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại, hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam và quản lý nhà nước về hoạt động hòa giải thương mại.

***2.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về công nhận kết quả hoà giải***

Đối với việc công nhận kết quả hoà giải thành, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có quy định tại chương XXXIII về thủ tục công nhận kết quả hoà giải thành ngoài toà án (từ Điều 416 đến Điều 419). Theo đó, kết quả hòa giải vụ việc ngoài Tòa án được Tòa án xem xét ra quyết định công nhận là kết quả hòa giải thành vụ việc xảy ra giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền có nhiệm vụ hòa giải đã hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải.

Về điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án, Điều 417 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: i) Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; ii) Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải. Trường hợp nội dung thỏa thuận hòa giải thành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người thứ ba thì phải được người thứ ba đồng ý; iii) Một hoặc cả hai bên có đơn yêu cầu Tòa án công nhận; iv) Nội dung thỏa thuận hòa giải thành của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba. Điều 418, 419 cũng quy định về nội dung đơn yêu cầu công nhận kết qủa hoà giải thành ngoài toà án.

**3. Khả năng hài hoà hoá pháp luật khi tham gia Công ước Singapore**

Vấn đề hài hòa hóa luật pháp và các quy tắc tố tụng đang là đề tài được quan tâm tại các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia. Để tham gia vào sân chơi quốc trong quá trình hội nhập quốc, pháp luật Việt Nam cần phải có sự thay đổi, hoàn thiện thông qua việc hoàn thiện hệ thống pháp luật để đáp ứng yêu cầu quá trình hội nhập. Đối với việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, Việt Nam đã tham gia công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài và chính việc tham gia công ước đã tạo điều kiện thúc đẩy sự thống nhất, hài hòa pháp lý qua việc tòa án một nước cho phép phán quyết của trọng tài nước ngoài được thực thi trên đất nước mình, dựa trên nghĩa vụ quốc tế nói chung cũng như nghĩa vụ theo các hiệp định đã được kí kết, đặt trong tổng thể với quyền lợi hợp pháp của chính cá nhân hoặc thể nhân nước mình, khi các chủ thể này tham gia vào quan hệ pháp luật tố tụng ở một quốc gia khác.[[48]](#footnote-48)

 Bên cạnh đó, cùng với trọng tài, hòa giải đang ngày càng được chứng tỏ là một phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án (Alternative Dispute Resolution – ADR) vô cùng hiệu quả. Một yếu tố quan trọng tạo nên sự thành công của việc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải đó là khả năng thi hành của thỏa thuận hòa giải thành.[[49]](#footnote-49) Tuy nhiên, hiện nay pháp luật Việt Nam vẫn còn khoảng trống và có một số điểm khác biệt so với quy định của Công ước.

  **Thứ nhất,** *về phạm vi áp dụng công ước Singapore*

Công ước không áp dụng đối với tranh chấp mà một bên tham gia không có hoạt động thương mại. Còn pháp luật Việt Nam theo quy định tại Nghị định 22/2017/NĐ-CP thì phạm vi áp dụng bao gồm cả “Tranh chấp giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại”. Như vậy, phạm vi điều chỉnh của pháp luật Việt Nam rộng hơn so với Công ước.

**Thứ hai,** *về thủ tục công nhận kết quả hoà giải thành đối với những thỏa thuận giải quyết tranh chấp được hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại ngoài lãnh thổ Việt Nam.*

Theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án Việt Nam chỉ công nhận thỏa thuận giải quyết tranh chấp do hòa giải viên, tổ chức hòa giải được đăng ký hoạt động theo quy định của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP tại chương XXXIII (từ Điều 417- Điều 419).

 Đối với những thỏa thuận giải quyết tranh chấp được hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại ngoài lãnh thổ Việt Nam thực hiện thì để được thi hành tại Việt Nam cần phải thông qua thủ tục công nhận và cho thi hành. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam lại chưa có quy định về việc công nhận thoả thuận giải quyết tranh chấp do hòa giải viên, tổ chức hòa giải ở nước ngoài không đăng ký hoạt động tại Việt Nam thực hiện. Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tại các chương XXXV, XXXVI, XXXVII, quy định về trình tự thủ tục công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài (Phải là bản án quyết định của toà án hoặc quyết định về nhân thân, hôn nhân và gia đình của cơ quan khác có thẩm quyền của nước ngoài cũng được xem xét công nhận và cho thi hành tại Việt Nam như bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều này)[[50]](#footnote-50) và trình tự thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Đối với, thỏa thuận giải quyết tranh chấp do hòa giải viên nước ngoài, tổ chức hòa giải ở nước ngoài không đăng ký hoạt động tại Việt Nam thực hiện không thuộc loại được công nhận và cho thi hành. Như vậy, trong trường hợp này pháp luật Việt Nam chưa có quy định về việc công nhận và cho thi hành thỏa thuận giải quyết tranh chấp thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

**Thứ ba,** *về các trường hợp từ chối công nhận và thi hành thỏa thuận hòa giải thành*

Công ước Singapore quy định về căn cứ từ chối công nhận kết qủa hoà giải thành, tuy nhiên, Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng dân sự tại Điều 417 chỉ quy định về điều kiện công nhận, thủ tục công nhận những vẫn còn bỏ ngỏ chưa có quy định nào về căn cứ từ chối công nhận kết quả hoà giải thành. Điều này là chưa tương thích với quy định của Công ước Singapore về hoà giải thương mại.

Chính vì pháp luật Việt Nam còn có nhiều điểm khác biệt, chưa tương thích với Công ước Singapore về hoà giải, cũng như chưa có quy định nên để có thể gia nhập Công ước Singapore về hoà giải thương mại, pháp luật Việt Nam cần phải có các sửa đổi, bổ sung các quy định phù hợp với Công ước.

**4. Kết luận**

Phương thức hòa giải mang lại cho doanh nghiệp rất nhiều ưu điểm có thể kể đến như: tiết kiệm thời gian, chi phí tố tụng, tính bảo mật, các bên tự mình chủ động để đưa ra kết quả giải quyết, không gây ảnh hưởng xấu và giữ được mối quan hệ với đối tác. Đặc biệt, khi lựa chọn phương thức hòa giải, nếu các bên không đạt được thỏa thuận, các bên hoàn toàn có thể lựa chọn đưa tranh chấp ra tòa án hay trọng tài mà không bị giới hạn. Trong tương lai, nếu Việt Nam gia nhập Công ước Singapore hứa hẹn sẽ tạo ra một khuôn khổ hài hòa để thực thi nhanh chóng và hiệu quả về chi phí đối với các thỏa thuận dàn xếp quốc tế qua trung gian, nhằm mục đích làm cho hòa giải hiệu quả hơn và hấp dẫn hơn đối với các bên thương mại trên toàn cầu, như một sự thay thế cho trọng tài quốc tế và tòa án. Khi tham gia Công ước, kết quả hòa giải thành giữa một bên là doanh nghiệp Việt Nam và một bên là doanh nghiệp nước ngoài nếu được thực hiện bởi các hòa giải viên, trung tâm hòa giải thương mại của Việt Nam sẽ được công nhận và thi hành ở các quốc gia thành viên.

Chính vì vậy, cần bổ sung vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thủ tục công nhận và cho thi hành thoả thuận hoà giải thương mại cụ thể là trình tự thủ tục công nhận kết quả hoà giải thành đối với những thỏa thuận giải quyết tranh chấp được hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại ngoài lãnh thổ Việt Nam thực hiện bao gồm: Khái niệm, thẩm quyền, điều kiện công nhận, căn cứ từ chối công nhận,… nhằm nội luật hoá các quy định của Công ước phù hợp với xu thế hội nhập của Việt Nam. Qua đó góp phần tăng cường giao lưu thương mại quốc tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hài hoà hoá pháp luật Việt Nam và quốc tế về hoà giải thương mại.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ luật tố tụng dân sự 2015
2. Công ước Singapore về hoà giải thương mại, Xem bản tiếng Anh tại: <https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/EN/Texts/UNCITRAL/Arbitration/mediation_convention_v1900316_eng.pdf>
3. Công ước Singapore về hoà giải thương mại quốc tế và khả năng tham gia của Việt Nam, <https://phaply.net.vn/cong-uoc-singapore-ve-hoa-giai-thuong-mai-quoc-te-va-kha-nang-tham-gia-cong-uoc-cua-viet-nam-a236044.html>, Truy cập ngày 05/10/2021.
4. Hilton v Guyot 159 US 113 (1895), 163-164.
5. Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hoà giải thương mại.
6. Nguyễn Mạnh Dũng, *Thi hành bản án, quyết định của Toà án, trọng tài nước ngoài,*

<http://dzungsrt.com/wp-content/uploads/2015/03/03142016tham-luan-ACJM-2Final-1.pdf>, truy cập ngày 10/10/2021.

1. PM North, JJ Fawcett, *Cheshire and North’s Private International Law* (13th ed, OUP, 2004) 406;

**HOẠT ĐỘNG HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI**

**TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUÊ**

 ***Trương Thị Xuân Hải[[51]](#footnote-51)\****

*TÓM TẮT: Bài viết đề cập đến việc triển khai thực hiện hoạt động hòa giải thương mại theo Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại tại tỉnh Thừa Thiên Huế, đồng thời làm rõ một số hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định, từ đó đề xuất một số kiến nghị góp phần thực hiện có hiệu quả vấn đề này.*

***Từ khóa:*** *Hoạt động hòa giải, Thừa Thiên Huế, hòa giải thương mại*

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại được ban hành trong bối cảnh đất nước ta đang phát triển toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội, ngày càng hội nhập sâu hơn vào thị trường quốc tế, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp đã và đang tạo ra một môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn nhưng cũng không kém phần phức tạp và cạnh tranh gay gắt. Các tranh chấp kinh tế, thương mại phát sinh với số lượng ngày càng nhiều, đa dạng và phức tạp hơn đòi hỏi phải có những cơ chế giải quyết tranh chấp linh hoạt, phù hợp với thông lệ quốc tế và nhu cầu thực tiễn của Việt Nam, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh ổn định, phát triển kinh tế. Nghị định số 22/2017/NĐ-CP đã thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải thương mại nhằm đa dạng hóa các hình thức giải quyết tranh chấp thương mại; tạo cơ sở pháp lý cho việc hình thành, phát triển dịch vụ hòa giải thương mại với tư cách là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp thương mại độc lập; tạo hành lang pháp lý thống nhất trong việc khuyến khích các bên tranh chấp sử dụng dịch vụ hòa giải. Việc ban hành Nghị định về hòa giải thương mại góp phần thể chế hóa cam kết của Việt Nam trong WTO đối với lĩnh vực dịch vụ trọng tài, hòa giải thương mại.

**1. Việc triển khai thực hiện Nghị định số 22/2017/NĐ-CP tại tỉnh Thừa Thiên Huế**

Sau khi Nghị định số 22/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, ngày 04 tháng 7 năm 2017, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Thừa Thiên Huếđã có công văn số 4673/UBND-TP về việc triển khai thực hiện Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại theo công văn số 2147/BTP-BTTP ngày 26 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tư pháp. Thực hiện công văn số 4673/UBND-TP, Sở Tư pháp đã có công văn số 1147/STP-BTTP báo cáo về việc khai thực hiện Nghị định số 22/2017/NĐ-CP gửi Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo đó, nhằm tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, Sở Tư pháp đã biên soạn tài liệu giới thiệu về trình tự, thủ tục hòa giải thương mại, hỏi - đáp pháp luật về hòa giải thương mại và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

Bên cạnh đó, Sở Tư pháp đã phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao chức năng quản lý chuyên ngành đối với hòa giải thương mại cho Sở Tư pháp; xây dựng dự thảo Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp gửi Sở Nội vụ thẩm định. Ngày 22/12/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 103/2017/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp. Theo đó, bổ sung nhiệm vụ của Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại tại địa phương theo quy định của pháp luật. Hiện nay là Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 03/04/2021 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp đã thay thế các quyết định trên.

Mặt khác, Sở Tư pháp đã chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và các điều kiện khác để đảm bảo việc đăng ký hòa giải viên thương mại vụ việc, đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài,… tại địa phương được thuận lợi, kịp thời; lập và công bố danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc, tổ chức hòa giải thương mại trên Trang thông tin của Sở Tư pháp.

Sở Tư pháp đã tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 31/7/2017 về triển khai thực hiện Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 01 Trung tâm hòa giải thương mại và 09 hòa giải viên thương mại.

**2. Về thủ tục hành chính công trong lĩnh vực hòa giải thương mại**

Một trong những nhiệm vụ nhằm triển khai thực hiện Nghị định số 22/2017/NĐ-CP là việc xây dựng thủ tục hành chính trong lĩnh vực hòa giải thương mại. Trên cơ sở Quyết định số 500/QĐ-BTP ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hòa giải thương mại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hòa giải thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, gồm 13 thủ tục hành chính.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 1956/QĐ-BTP về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hòa giải thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. Theo đó, Quyết định số 500/QĐ-BTP hết hiệu lực thi hành. Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-BTP, Ủy ban nhân dân tỉnh dã ban hành Quyết định số 2934/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2020công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hòa giải thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế. Có 09 thủ tục hành chính được chuẩn hóa, gồm:

- Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc;

- Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập;

- Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác;

- Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại; Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại;

- Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

- Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập;

- Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác;

- Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

- Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam theo điểm a, b khoản 1 Điều 41 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.

Ngoài ra, Quyết định này đã bãi bỏ 13 thủ tục hành chính trong lĩnh vực hòa giải thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp. Với việc đơn giản hóa về thủ tục hành chính công trong lĩnh vực hòa giải thương mại tạo điều kiện thuận lợi cho việc các trung tâm hòa giải và các hòa giải viên thương mại trong việc đăng ký thành lập và hoạt động.

**3. Một số hạn chế, vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong triển khai thực hiện Nghị định số 22/2017/NĐ-CP**

***3.1. Hạn chế, vướng mắc***

Như đã đề cập trên đây, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 01 Trung tâm hòa giải thương mại và 09 hòa giải viên thương mại. Tuy nhiên, đã hơn 4 năm kể từ ngày Nghị định số 22/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến nay vẫn chưa có vụ việc hòa giải thương mại nào được thực hiện tại địa phương.

Qua công tác quản lý nhà nước, có thể đưa ra một số nguyên nhân của thực trạng này, như sau:

*Thứ nhất,* các bên tranh chấp chưa biết nhiều về hoạt động hòa giải thương mại, chưa hiểu hết về ý nghĩa của hoạt động này. Phần lớn cá nhân, tổ chức chưa coi hòa giải thương mại là một hoạt động dịch vụ giải quyết tranh chấp chuyên nghiệp nên chưa sử dụng rộng rãi phương thức này.

*Thứ hai,* Điều 16 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định**: “**Văn bản về kết quả hòa giải thành được xem xét công nhận theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự”. Theo quy định tại Điều 418 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án phải gửi đơn đến Tòa án trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày các bên đạt được thỏa thuận hòa giải thành. Kèm theo đơn yêu cầu, người yêu cầu phải gửi văn bản về kết quả hòa giải thành theo quy định của pháp luật có liên quan. Mặc dù đây là quy định nhằm nâng cao hiệu lực và giá trị pháp lý của kết quả hòa giải, tuy nhiên, vẫn còn tâm lý e ngại về các thủ tục này.

***3.2. Đề xuất kiến nghị***

*Một là*, tăng cường hơn nữa hoạt động tuyên truyền, phổ biến về Nghị định số 22/2017/NĐ-CP trên các phương tiện thông tin đại chúng, các nền tảng mạng xã hội... vói nhiều hình thức đa dạng, dễ hiểu, dễ tiếp cận. Cần có các giải pháp thông qua hoạt động truyền thông, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp... để cá nhân, tổ chức biết đến phương thức giải quyết tranh chấp này nhiều hơn, hiểu rõ hoà giải thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại thuận lợi, bảo đảm bí mật kinh doanh; trình tự, thủ tục hòa giải thương mại đơn giản, các bên đỡ mất nhiều thời gian…

*Hai là,* đối với quy định tại Điều 16 (Công nhận kết quả hòa giải thành), cần có sự hướng dẫn, giải thích để các bên thấy được ý nghĩa của quy định này là nâng cao giá trị pháp lý và hiệu lực của kết quả hòa giải thành; quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự; việc không công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án không ảnh hưởng đến nội dung và giá trị pháp lý của kết quả hòa giải ngoài Tòa án.

Có thể thấy, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ra đời đã tạo cơ sở pháp lý cho việc đa dạng hóa cơ chế giải quyết tranh chấp, qua đó, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh và ổn định, góp phần phát triển kinh tế, đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Để các quy định pháp luật về hòa giải thương mại có thể đi vào cuộc sống, cần phải tăng cường nhận thức của cộng đồng, đặc biệt là các cộng đồng doanh nghiệp về vai trò của hình thức giải quyết tranh chấp bằng hòa giải với tư cách là một phương thức giải quyết tranh chấp thực sự mang lại hiệu quả và lợi ích cho các bên. Chúng ta đã có Trung tâm hòa giải thương mại và các hòa giải viên thương mại, nhưng trên thực tế các tổ chức, cá nhân chưa biết đến nhiều, chưa có vụ việc được giải quyết bằng phương thức này thì rất đáng tiếc. Trong khi đó, các tranh chấp thương mại chủ yếu vẫn tập trung tại Tòa án, gây sức ép, quá tải và chậm trễ trong giải quyết, mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến hoạt động và công việc của các bên. Do đó, đặt ra yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần tăng cường hơn nữa cơ hội tiếp cận và nâng cao nhận thức về hòa giải thương mại; cộng đồng kinh doanh cũng như cá nhân nhà kinh doanh cần tạo cho mình những hiểu biết đúng đắn và đầy đủ về hình thức giải quyết tranh chấp này để tiến tới các quy định về hòa giải thương mại thật sự phát huy tác dụng và đem lại hiệu quả thiết thực cho các đối tượng liên quan./.

**MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI**

 ***Đỗ Thanh Hà[[52]](#footnote-52)\****

*TÓM TẮT: Trong quá trình thực hiện các giao dịch thương mại, các bên trong giao dịch thường xảy ra những tranh chấp xung đột về quyền và nghĩa vụ. Ngoài phương thức giải quyết tài phán là trọng tài và tòa án, thì hòa giải là một trong những phương thức giải quyết giúp các bên giải quyết được tranh chấp đồng thời có một thỏa thuận mới giúp các bên tiếp tục thực hiện giao dịch thương mại. Hòa giải được xem là phương thức giải quyết tranh chấp có nhiều ưu điểm như: thủ tục tiến hành nhanh gọn, linh hoạt, tiết kiệm thời gian, công sức, quyền định đoạt thuộc về các bên, giữ được bí mật kinh doanh… Tuy nhiên, ở Việt Nam khi xảy ra tranh chấp thương mại thì hòa giải chưa được xem là phương thức giải quyết tranh được các bên ưa chuộng. Một trong các lý do khiến hòa giải không được phổ biến chính bởi khung pháp lý của hòa giải còn tồn tại một số bất cập, đã ảnh hưởng đến chất lượng hòa giải và gây ra khó khăn cho các chủ thể tham gia quy trình hòa giải. Chính vì vậy đã đặt ra giải pháp hoàn thiện khung pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả hòa giải để phương thức này thực sự pháp triển đúng với tiềm năng của nó. Bài viết tập trung: (i) Phân tích một số pháp lý về hòa giải thương mại; (ii) nêu, đánh giá, làm rõ một số vấn đề bất cập trong quy định pháp luật về hòa giải thương mại; (iii) qua đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện về vấn đề này.*

***Từ khóa:*** *hòa giải, hòa giải thương mại, hòa giải viên*

**1. Đặt vấn đề**

Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế, một mặt tạo ra các cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp, mặt khác tiềm ẩn rủi ro và nguy cơ phát sinh tranh chấp. Hòa giải thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại do các bên thỏa thuận và được hòa giải viên thương mại làm trung gian hòa giải hỗ trợ giải quyết tranh chấp, đây là phương thức giải quyết tranh chấp phổ biến trên thế giới. Tại Việt Nam, với sự ra đời của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại (Sau đây gọi là Nghị định 22/2017/NĐ-CP) đã định nghĩa cụ thể về phương thức hòa giải thương mại, chính thức tạo ra khuôn khổ pháp lý khá hoàn chỉnh cho phương thức giải quyết tranh này. Với những quy định về cách thức thực hiện phương pháp hòa giải thương mại theo Nghị định số 22/2017/NĐ-CP được phân tích ở mục 2.3 cho thấy với phương pháp này, các doanh nghiệp có nhiều cơ hội trong việc lựa chọn một quy trình phù hợp, tránh các thủ tục pháp lý phức tạp.

Tuy nhiên, thực tế vì nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan mà tại Việt Nam hòa giải chưa được xem là phương thức giải quyết được ưa chuộng. Hiện nay số lượng khoảng 6 trung tâm hoà giải thương mại ra đời theo Nghị định 22, mỗi trung tâm còn rất ít vụ việc hoà giải (ví dụ Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC) trong năm đầu tiên hoạt động đã có 05 vụ hoà giải). Qua số liệu thống kê khảo sát của Bộ Tư Pháp, phương thức giải quyết tranh chấp mà các doanh nghiệp, cá nhân ưu tiên sử dụng lần lượt là thương lượng (57,8%), Toà án (46,8%), hoà giải (22,8%) và cuối cùng là trọng tài (16,9%).[[53]](#footnote-53)Hoạt động hòa giải thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp thương mại mới hình thành ở nước ta. Do đó, hiểu biết và nhận thức của các cá nhân, cơ quan, tổ chức, đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp về phương thức giải quyết bằng hòa giải thương mại vẫn còn hạn chế*.*Phần lớn doanh nghiệp của Việt Nam chưa có thói quen sử dụng hòa giải trong việc giải quyết tranh chấp của mình, thậm chí là chưa có niềm tin vào vai trò của hòa giải thương mại và khả năng thực thi các thỏa thuận hòa giải thành trong thực tế nên thực tế chỉ có khoảng 22,8% lựa chọn giải quyết tranh chấp bằng hòa giải. Thực tế, khung pháp lý về hòa giải thương mại trong quá trình hoạt động đã bộc lộ thiếu sót trong thực tiễn áp dụng.

Trên cơ sở xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn, từ ý nghĩa, tầm quan trọng của hòa giải. Mặt khác, với mục tiêu khuyến khích sự phát triển của phương thức hòa giải như là một biện pháp xã hội hóa công tác giải quyết tranh chấp nhằm giảm tải cho hệ thống Tòa án thì việc hoàn thiện khung pháp lý nâng cao hiệu quả hoạt động trong quá trình hòa giải là một trong các vấn đề đặt lên hàng đầu.

**2. Khái quát về hòa giải thương mại**

***2.1. Khái niệm hòa giải***

Theo đại từ điển tiếng Việt: “*Hòa giải là làm cho ổn định thỏa tình mẫu thuẫn, xích mích giữa hai bên*”.

Với sự ra đời của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, khái niệm về hòa giải thương mại được thống nhất hiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 3 như sau: “*Hòa giải thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận và được hòa giải viên thương mại làm trung gian hòa giải hỗ trợ giải quyết tranh chấp theo quy định của Nghị định này*”.

***2.2. Đặc điểm của phương thức hòa giải***

*Thứ nhất*, hòa giải có sự tham gia của bên trung gian (hòa giải viên) giúp cho các bên có thể thỏa thuận với nhau về phương án giải quyết tranh chấp. Hòa giải viên phải là người có vị trí độc lập với các bên, không có quyền lợi liên quan đến vụ tranh chấp và không có quyền đưa ra phán quyết.

*Thứ hai*, các bên độc lập quyết định, thay đổi, xác lập kết quả thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo thiện chí, sự tự nguyện của các bên.

*Thứ ba*, kết quả hòa giải có giá truh ràng buộc các bên theo quy định của pháp luật dân sự. và kết quả hòa giải không có tính cưỡng chế thi hành.

*Thứ tư*, hòa giải là một biện pháp giải quyết tranh chấp phi tố tụng

***2.3. Phạm vi giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại***

Hòa giải thương mại được lựa chọn để giải quyết đối với các tranh chấp sau:

- Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại.

- Tranh chấp giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại.

- Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng hòa giải thương mại.

***2.4. Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng hòa giải***

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP: “*Tranh chấp được giải quyết bằng hòa giải thương mại nếu các bên có thỏa thuận hòa giải. Các bên có thể thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng hòa giải trước, sau khi xảy ra tranh chấp hoặc tại bất cứ thời điểm nào của quá trình giải quyết tranh chấp*.”

Như vậy, để một tranh chấp được giải quyết bằng hòa giải thương mại thì phải đáp ứng hai điều kiện như sau:

*Một là*, các bên phải có thỏa thuận hòa giải. Thỏa thuận hòa giải phải được xác lập bằng văn bản dưới hình thức: điều khoản hòa giải đã được ghi trong hợp đồng hoặc thỏa thuận riêng.

*Hai là*, thỏa thuận hòa giải có thể được các bên thỏa thuận trước, sau khi tranh chấp xảy ra hoặc vào bất kỳ lúc nào trong quá trình tranh chấp được giải quyết. Không nhất thiết phải có thỏa thuận trước trong hợp đồng thì các bên mới có thể giải quyết tranh chấp bằng hòa giải.

***2.5. Hòa giải viên thương mại***

Theo Điều 7 Nghị định 22/2017/NĐ-CP quy định các tiêu chuẩn của hòa giải viên thương mại như có năng lực hành vi dân sự, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, độc lập, vô tư, khách quan, có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên, có kỹ năng hòa giải, hiểu biết pháp luật, hiểu biết tập quán kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực liên quan. Hòa giải viên thương mại bao gồm hòa giải viên thương mại vụ việc và hòa giải viên thương mại của tổ chức hòa giải thương mại.

***- Quyền, nghĩa vụ của hòa giải viên thương mại[[54]](#footnote-54)***

+ Theo Nghị định, hòa giải viên thương mại có các quyền sau đây: Chấp nhận hoặc từ chối thực hiện hoạt động hòa giải thương mại; Từ chối cung cấp thông tin liên quan đến vụ tranh chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật; Được hưởng thù lao từ việc thực hiện hoạt động hòa giải thương mại theo thỏa thuận với các bên tranh chấp; Các quyền khác theo quy định của Nghị định này và của pháp luật có liên quan.

+ Hòa giải viên thương mại có các nghĩa vụ sau đây: Tuân thủ pháp luật, quy tắc đạo đức và ứng xử của hòa giải viên thương mại; độc lập, vô tư, khách quan, trung thực; Tôn trọng thỏa thuận của các bên nếu thỏa thuận đó không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội; Bảo vệ bí mật thông tin về vụ tranh chấp mà mình tham gia hòa giải, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật; Thông báo cho các bên về thẩm quyền, thù lao và chi phí trước khi tiến hành hòa giải; Không được đồng thời đảm nhiệm vai trò đại diện hay tư vấn cho một trong các bên, không được đồng thời là trọng tài viên đối với cùng vụ tranh chấp đang hoặc đã tiến hành hòa giải, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác; Các nghĩa vụ khác theo quy định của Nghị định này và của pháp luật có liên quan.

**3. Trình tự, thủ tục tiến hành hòa giải**

***3.1. Trình tự và thủ tục***

Các bên có quyền lựa chọn Quy tắc hòa giải của tổ chức hòa giải thương mại để tiến hành hòa giải hoặc tự thỏa thuận trình tự, thủ tục hòa giải. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về trình tự, thủ tục hòa giải thì hòa giải viên thương mại tiến hành hòa giải theo trình tự, thủ tục mà hòa giải viên thương mại thấy phù hợp với tình tiết vụ việc, nguyện vọng của các bên và được các bên chấp thuận. Tranh chấp có thể do một hoặc nhiều hòa giải viên thương mại tiến hành theo thỏa thuận của các bên. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình hòa giải, hòa giải viên thương mại đều có quyền đưa ra đề xuất nhằm giải quyết tranh chấp. Địa điểm, thời gian hòa giải được thực hiện theo thỏa thuận của các bên hoặc theo lựa chọn của hòa giải viên thương mại trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.

Hòa giải viên thương mại do các bên thỏa thuận lựa chọn từ danh sách hòa giải viên thương mại của tổ chức hòa giải thương mại hoặc từ danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc do Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố. Việc chỉ định hòa giải viên thương mại thông qua tổ chức hòa giải thương mại được thực hiện theo Quy tắc hòa giải của tổ chức hòa giải thương mại.

Tranh chấp có thể do một hoặc nhiều hòa giải viên thương mại tiến hành theo thỏa thuận của các bên. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình hòa giải, hòa giải viên thương mại đều có quyền đưa ra đề xuất nhằm giải quyết tranh chấp. Địa điểm, thời gian hòa giải được thực hiện theo thỏa thuận của các bên hoặc theo lựa chọn của hòa giải viên thương mại trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.

Khi đạt được kết quả hòa giải thành các bên lập văn bản về kết quả hòa giải thành. Văn bản về kết quả hòa giải thành có hiệu lực thi hành đối với các bên theo quy định của pháp luật dân sự.

***3.2. Công nhận kết quả******hòa giải***

Văn bản về kết quả hòa giải thành được xem xét công nhận theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Khi muốn được công nhận và được thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự, một hoặc cả hai bên có đơn yêu cầu Tòa án công nhận. Các điều kiện và thủ tục công nhận được quy định tại chương XXXIII Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS): Thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án. Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự.

**4. Một số bất cập của quy định pháp luật về hòa giải thương mại**

***4.1. Về thực trạng pháp luật***

Như trên đã trình bày, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP đã định nghĩa cụ thể về phương thức hòa giải thương mại, cũng như tạo ra khuôn khổ pháp lý cho phương thức giải quyết tranh chấp này. Nghị định quy định rõ nguyên tắc cơ bản và đặc thù của hòa giải là tôn trọng quyền tự định đoạt của các bên. Cách thức lựa chọn hòa giải viên theo trực tiếp hoặc qua nhà cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận chung của các bên (Điều 12 Nghị định 22/2017/NĐ-CP). Nguyên tắc khuyến khích các bên tham gia trực tiếp vào quá trình hoà giải và thực hiện quyền quyết định của họ về quy trình tiến hành hoà giải cũng như kết quả của nó (Điều 14, Điều 15 Nghị định 22/2017/NĐ-CP). Khác với phướng thức khác, theo quy định hòa giải viên không thể giải quyết tranh chấp đưa ra phán quyết. Với cương vị trung gian, hòa giải viên tạo điều kiện cho quá trình thương lượng giữa các bên để tự họ có thể tìm ra giải pháp, hòa giải viên có vai trò, nhiệm vụ đưa các bên đến gần nhau hơn, giảm bớt xung đột căng thẳng giữa các bên để từ đó đưa các bên đến thỏa thuận kết thúc tranh chấp. Bên cạnh đó, Nghị định quy định Hòa giải viên có thể cùng các bên đề xuất nhằm giải quyết tranh chấp (Khoản 3 Điều 14 Nghị định 22/2017/NĐ-CP). Nguyên tắc tự định đoạt quy định rõ trong trường hợp một trong các bên có thể dừng, rút khỏi hoặc chấm dứt quy trình hòa giải vào bất kỳ lúc nào (Điểm b Khoản 1 Điều 13 và Khoản 3 Điều 17 Nghị định 22/2017/NĐ-CP).

Sau khi Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại ra đời, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 944/QĐ-BTP ngày 3/7/2017 ban hành kế hoạch triển khai Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại, Công văn số 2147/BTP-BTTP ngày 26/6/2017 về việc triển khai Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, Quyết định số 500/QĐ-BTP ngày 26/3/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hòa giải thương mại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, Thông tư 02/2018/TT-BTP ngày 26/2/2018 ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại có hiệu lực từ ngày 20/4/2018. Để để bảo đảm rằng mỗi bên sẽ thực hiện nghĩa vụ của mình theo kết quả hòa giải thành, BLTTDS năm 2015 đã bổ sung một chương mới về “Thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án” (Chương XXXIII BLTTDS, từ Điều 416 đến Điều 419) đây là cơ sở pháp lý cho việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả của phương thức giải quyết tranh chấp bằng hòa giải.

Tại địa phương, hoạt động triển khai thi hành Nghị định số 22/2017/NĐ-CP cũng đã được quan tâm thực hiện. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai, tổ chức tuyên truyền, phổ biến dưới nhiều hình thức về mục đích, ý nghĩa của việc ban hành Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. Tuyên truyền về vai trò, tính hiệu quả của phương thức giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại được phổ biến rộng rãi quy mô tầm cỡ, với sự hợp tác của của các trung tâm lớn như Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC), trung tâm Hòa giải thương mại quốc tế Việt Nam (VICMC), có sự tham dự của hơn 100 đại biểu đến từ các doanh nghiệp xây dựng, các luật sư đến từ các công ty/văn phòng luật sư lớn, các trọng tài viên, hòa giải viên cũng như các cơ quan truyền thông.[[55]](#footnote-55)

***4.2. Về bất cập***

Sự ra đời của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP là bước tiến trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống hòa giải thương mại ở Việt Nam, góp phần rất lớn vào việc giảm tải áp lực cho ngành Tòa án nhân dân, tạo điều kiện cho các bên tranh chấp có điều kiện để lựa chọn hình thức giải quyết phù hợp, tránh được việc kéo dài vụ… Bên cạnh mặt tích cực thì Nghị định này đã bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập cần có hướng giải quyết. Do đó, trong phạm vi bài viết, tác giả chỉ đề cập đến những bất cập của Nghị định này.

*Thứ nhất, các khoảng trống và chưa rõ ràng của pháp luật về hòa giải thương mại*

- Bất cập về thời gian tiến hành hòa giải trong nghị định 22/2017/NĐ-CP với quy định về thời hiệu. Việc không quy định thời gian hòa giải được trừ vào thời hiệu khởi kiện. Các vụ án tranh chấp về thương mại đều có thời hiệu để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết khi tiến hành các phương thức giải quyết không thành công. Tuy nhiên, việc hòa giải cần phải có thời gian, giai đoạn hai bên thực hiện hòa giải không được trừ vào thời hiệu khởi kiện, sẽ dẫn đến nhiều trường hợp sau khi tiến hành hoà giải ở không thành, các bên gửi đơn đến Tòa án thì đã hết thời hiệu khởi kiện, làm thiệt hai quyền lợi chính đáng của các bên, ảnh hưởng đến việc tham gia và sử dụng hòa giải thương mại của doanh nghiệp, người dân.

- Nghị định 22/2017/NĐ-CP chưa quy định quy trình hòa giải mang tính tổng quan, hiện nay mỗi trung tâm sẽ có quy trình hòa giải xây dựng riêng, điều này dẫn đến khó khăn cho các đối tượng muốn sử dụng phương pháp này để giải quyết tranh chấp thương mại. Việc quy định quy trình không được công bố công khai khiến cho các chủ thể nắm bắt quy trình rất thụ động dẫn đến nghi ngại về quá trình và kết quả hòa giải.

- Nghị định 22/2017/NĐ-CP chưa có quy định về địa điểm, không gian hay phong thái, ngôn ngữ, hành vi giao tiếp và ứng xử của những những người tham gia buổi hòa giải.

*Thứ hai, vấn đề bảo mật của hòa giải thương mại còn nhiều bất cập và chưa được quy định cụ thể*

- Nghị định số chưa quy định rõ ràng về vấn đề quy định bảo mật thông tin hòa giải, chỉ có quy định các thông tin liên quan đến hòa giải phải được giữ bí mật tại Điều 4 của Nghị định 22/2017/NĐ-CP. Nghị định không quy định rõ giữ bí mật ở giai đoạn nào như Luật mẫu của UNCITRAL về hòa thương mại[[56]](#footnote-56), các bên tham gia hòa giải không được cung cấp thông tin trong quá trình hòa giải cho quá trình tố tụng sau đó. Quy định này nhằm thúc đẩy các bên cởi mở, chia sẻ thẳng thắn và xây dựng giải pháp để thúc đẩy hòa giải nhưng chưa được quy định trong Nghị định.

- Về vấn đề chứng cứ, nghị định cũng chưa có quy định nhằm đảm bảo cho việc các chứng cứ được các bên đưa ra trong quá trình hòa giải sẽ được giữ bí mật và không được ra làm chứng cứ tại Tòa án và trọng tài.

*Thứ ba,* các quy định về đội ngũ hòa giải viên hiện nay bộc lộ nhiều hạn chế

- Quy định về tiêu chuẩn hòa giải viên không đảm bảo được hiệu quả hòa giải.Tiêu chuẩn hòa giải viên, hiện nay chỉ quy định tại Nghị định 22/2017/NĐ-CP[[57]](#footnote-57) về yêu cầu tối thiểu về chuyên môn hay năng lực hành vi dân sự của hòa giải viên ở Việt Nam . Các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và kỹ năng hòa giải chưa được quy định rõ ràng. Hơn hết, luật pháp Việt Nam không có quy định về đào tạo “nghề hòa giải”, chưa có mô hình đào tạo, bồi dưỡng như thế nào, thời hạn bao lâu  hay tổ chức chuyên môn bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải cho hòa giải viên. Ngoài ra, với tư cách là người hỗ trợ các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp, không phải là người đưa ra kết luận, quyết định hay phán quyết cuối cùng như trọng tài hay thẩm phán, hòa giải viên giỏi không đơn thuần là người có hiểu biết về chuyên môn mà quan trọng hơn phải là người có khả năng thuyết phục, đàm phán, dẫn dắt các bên tranh chấp đạt được tiếng nói chung, vì quy định như trên nên thực tế thì việc hòa giải viên đáp ứng đủ về tiêu chí chuyên môn và nghiệp vụ hòa giải rất ít khiến việc kiểm soát chất lượng đội ngũ hòa giải viên thương mại mới được hình thành nên còn chưa đồng đều, chưa được đào tạo bài bản

- Hiện tại Nghị định số 22/2017/NĐ-CP chỉ quy định quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên, chưa có những quy định về chế tài khi hòa giải viên vi phạm quy định của hòa giải. Bởi lẽ kết quả của hòa giải phụ thuộc rất lớn vào chất lượng và đạo đức của hòa giải viên. Pháp luật quy định hòa giải viên không được chia sẻ cho bên khác các thông tin riêng của một bên đã chia sẻ với các hòa giải viên trong các cuộc gặp riêng trừ khi có sự đồng ý của các bên đã chia sẻ. Tuy nhiên, trong trường hợp hòa giải viên tự ý chia sẻ các thông tin thì chưa có chế tài cụ thể. Mặt khác, trong trường hợp hòa giải không thành, pháp luật cũng chưa có quy định nhằm đảm bảo cho việc các chứng cứ được các bên đưa ra trong quá trình hòa giải sẽ không được ra làm chứng cứ tại Tòa án và trọng tài. Đây được xem là lý do các bên mất niềm tin đối với phương pháp này và có thể dẫn đến chấm dứt việc hòa giải.

*Thứ tư*, công tác quảng bá, tập hợp, vận động mọi cá nhân, doanh nghiệp tham dự các buổi hội thảo hòa giải thương mại chưa hình thành thống nhất, về việc phổ biến tuyên truyền phương thức hòa giải và mô hình hòa giải chưa rộng rãi và đảm bảo đến các cá nhân có nhu cầu. Bên cạnh đó, nhiều Trung tâm hòa giải thương mại được thành lập nhưng số lượng Trung tâm hòa giải thương mại được người dân, doanh nghiệp lựa chọn để giải quyết tranh chấp gần như chưa đáng kể.

***4.3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật hòa giải thương mại***

Từ những thực trạng và bất cập nêu trên, nhằm đảm bảo hiệu quả của phương pháp hòa giải, làm cơ sở để xây dựng môi trường an toàn, thuận lợi và tin cậy cho các bên có tranh chấp dễ dàng tìm được giải pháp chung cho các bên, tác giải đề xuất một số giải pháp cụ thể sau đây:

*Thứ nhất*, kiện toàn các khoảng trống của pháp luật hòa giải thương mại

Sửa đổi quy định của Bộ luật tố tụng dân sự theo hướng thời gian tiến hành giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại không tính vào thời hiệu khởi kiện, thời hạn tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cần quy định rõ thời gian hòa giải không tính vào thời hiệu khởi kiện để các bên chủ động tiến hành hòa giải và cản trở về thời hiệu.

Cần quy định quy trình hòa giải mang tính tổng quan, còn cụ thể thì sẽ do tự trung tâm hòa giải tự quy định. Việc quy định quy trình tổng quát vừa đảm bảo linh hoạt của các trung tâm mặt khác quy trình tổng quan được công bố công khai khiến cho các chủ thể nắm bắt quy trình và chủ động hơn khi hòa giải.

Quy định về địa điểm, không gian hay phong thái, ngôn ngữ, hành vi giao tiếp và ứng xử của những những người tham gia buổi hòa giải để tạo môi trường hòa giải thiện trí, tích cực và tạo điều kiện cho các bên dễ bày tỏ quan điểm, khiến họ dễ dàng nhận thấy chính họ là người “làm chủ” giải quyết các vấn đề. Quy định mỗi bên có thể kiểm chứng các thông tin của đối phương nhằm đảm bảo sự tin tưởng và minh bạch.

*Thứ hai*, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của quy định pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế, quy định pháp luật một số nước có hoạt động hòa giải thương mại phát triển như Anh, Mỹ, Liên minh Châu Âu… Cần quy định rõ ràng về vấn đề quy định bảo mật thông tin hòa giải, chỉ có quy định các thông tin liên quan đến hòa giải phải được giữ bí mật tại Điều 4 của Nghị định 22/2017/NĐ-CP. Đồng thời quy định rõ giữ bí mật ở tất cả các giai đoạn thì các bên tham gia hòa giải không được cung cấp thông tin trong quá trình hòa giải cho quá trình tố tụng sau đó. Quy định này nhằm thúc đẩy các bên cởi mở, chia sẻ thẳng thắn và xây dựng giải pháp để thúc đẩy hòa giải nhưng chưa được quy định trong Nghị định.

Các quy định chứng cứ phải được bảo mật nhằm đảm bảo các chứng cứ được các bên đưa ra trong quá trình hòa giải sẽ được giữ bí mật và không được ra làm chứng cứ tại Tòa án và trọng tài. Quy định này giúp các bên bảo vệ uy tín của nhau trong trường hợp không đạt được thỏa thuận vẫn có thể tiếp tục tiến hành theo quy trình tố tụng trọng tài hoặc tòa án.

*Thứ ba*, đội ngũ hòa giải viên thương mại cần chủ động tích cực trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, kỹ năng hỗ trợ giải quyết tranh chấp đặc biệt là trong các lĩnh vực chuyên sâu như đầu tư, thương mại quốc tế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm… Ngoài việc bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ tính chuyên nghiệp, thì phải trang bị kỹ năng hòa giải cho cho đội ngũ hòa giải viên thương mại qua đó tạo niềm tin cho người dân và doanh nghiệp. Các trung tâm hòa giải, hòa giải viên hoàn thiện qui trình, nâng cao chất lượng hoạt động.

Một mặt đảm bảo được nguyên tắc bí mật mặt khác có cơ chế cho hòa giải viên. Pháp luật Việt Nam cũng cần ghi nhận những hiểu biết và thông tin mà hòa giải viên có được trong quá trình hòa giải là bí mật nghề nghiệp từ chối khai báo những thông tin này để đảm bảo việc hòa giải không thành không ảnh hưởng đến việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tại hoặc tòa án về sau. Ngoài ra, cần phải được quy định tất cả những thông tin tài liệu do các bên đưa ra trong quá trình hòa giải phải được đảm bảo bí mật và không thể trở thành chứng cứ nhằm chống lại một bên trong tố tụng tại Tòa án hay trọng tài. Trường hợp hòa giải viên vi phạm quy định về đạo đức trong quá trình hòa giải phải có cơ chế xử lý như thu hồi thẻ hòa giải viên, đình chỉ hoạt động nghề,..

*Thứ tư*, triển khai đồng bộ các hình thức phổ biến, tuyên truyền pháp luật: Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền thông qua các hội nghị, hội thảo, các chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật... để nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng doanh nghiệp hiểu biết về vai trò, tính hiệu quả của hòa giải trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh trong việc tiếp cận dịch vụ hòa giải thông qua các hình thức như tổ chức hội thảo, tọa đàm, tuyên truyền, phổ biến, quảng bá hoạt động hòa giải trên các báo, đài, mạng internet. Các trung tâm hòa giải thương mại cần có chính sách quảng bá, xây dựng hình ảnh, thương hiệu, uy tín cho trung tâm của mình.

Các cơ quan ban ngành tại địa phương xây dựng kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn, cho các bên về phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án như trọng tài, hòa giải để các bên lựa chọn, trước khi đưa tranh chấp ra tòa nhằm giảm tải công tác xét xử của Tòa án đã quá tải từ lâu.

**5. Kết luận**

Giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp thay thế Tòa án và Trọng tài ngày càng được phổ biến là xu thế tất yếu trong nền kinh tế thị trường. Với ưu điểm như: Thủ tục được tiến hành nhanh gọn, linh hoạt giúp các bên tiết kiệm thời gian công sức, các bên có quyền tự định đoạt và giữ được bí mật kinh doanh và vấn đề tranh chấp,… Từ đó, có thể thấy rằng mặc dù hòa giải là phương thức giải quyết tranh chấp mềm dẻo hơn nhiều so với tố tụng tại tòa án, đồng thời đảm bảo các bên sẽ tự nguyện tham gia quy trình đi đến hòa giải hiệu quả và thành công. Tuy nhiên hiện tại các bên lựa chọn phương thức này không phổ biến một trong các nguyên nhân là hành lang pháp lý về hòa giải chưa hoàn thiện, nhiều quy định không có tính cụ thể. Hiện nay đang tồn tại các khoảng không pháp lý về hòa giải, cũng như các quy định bất cập về các vấn đề như: bảo mât, trong tài viên, cơ chế bảo vệ các bên… Để khắc phục các vấn đề trên cũng như nhằm nâng cao chất lượng đẩy mạnh phương thức hoà giải với cách là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp thương mại được ưu chuộng, tác giả cho rằng cần hoàn thiện khung pháp lý điều chình khắc phục các bất cập của hòa giải thương mại.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Tư pháp (2017), Quyết định số 944/QĐ-BTP ngày 3/7/2017 ban hành kế hoạch triển khai Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại;
2. Bộ Tư pháp (2017), Công văn số 2147/BTP-BTTP ngày 26/6/2017 về việc triển khai Nghị định số 22/2017/NĐ-CP;
3. Bộ Tư pháp (2018), Quyết định số 500/QĐ-BTP ngày 26/3/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hòa giải thương mại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;
4. Bộ Tư pháp (2018), Thông tư 02/2018/TT-BTP ngày 26/2/2018 ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại;
5. Chính phủ (2017), Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại;
6. Hòa giải thương mại tại Việt Nam, <https://www.viac.vn/tin-tuc-su-kien/hoa-giai-thuong-mai-tai-viet-nam-n694>, truy cập ngày 10/9/2021;
7. Hòa giải thương mại: Lựa chọn hiệu quả cho giải quyết tranh chấp, <http://thiduakhenthuongvn.org.vn/kinh-te/hoa-giai-thuong-mai-lua-chon-hieu-qua-cho-giai-quyet-tranh-chap>, truy cập ngày 8/9/2021.
8. Luật mẫu UNCITRAL về Hòa giải thương mại (bảng tiếng Anh);
9. Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

**HÒA GIẢI CÁC TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN**

**SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN NỀN TẢNG TRỰC TUYẾN**

***Phan Thị Hồng[[58]](#footnote-58)\****

*TÓM TẮT:**Hòa giải là một phương thức giải quyết tranh chấp có tính mềm dẻo và linh hoạt. Tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất là một loại tranh chấp khá phổ biến tại Việt Nam bởi giá trị, tầm quan trọng và chủ thể tham gia trong các hợp đồng đó. Tốc độ đô thị hóa cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thị trường bất động sản đã tác động rất nhiều tới các giao dịch chuyển quyền sử dụng đất. Chính vì vậy, khi không đạt được tiếng nói chung trong giao dịch, mâu thuẫn tăng cao buộc các bên phải tìm kiếm một phương thức giải quyết để thoát khỏi những tranh chấp này. Bài viết tập trung phân tích các hoạt động hòa giải các tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020, Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Luật hòa giải ở cơ sở 2013 và Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính Phủ về hòa giải thương mại nhằm làm rõ những thuận lợi và khó khăn trong việc thực hiện hoạt động hòa giải trên nền tảng trực tuyến. Từ đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần thúc đẩy hoạt động hòa giải trực tuyến trong lĩnh vực dân sự.*

***Từ khóa:*** *Hòa giải, tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, trực tuyến.*

**Dẫn nhập**

Hòa giải đang ngày càng được sử dụng phổ biến tại nhiều nơi trên thế giới. Đây là xu hướng chung đang được các nước quan tâm về những lợi ích thiết thực mà hòa giải mang lại. Một trong những bằng chứng khẳng định xu hướng này, đó là việc thành lập các tổ chức của Nhà nước hoặc của tư nhân chuyên cung cấp dịch vụ hỗ trợ các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp theo thỏa thuận[[59]](#footnote-59). Nhận thức được xu thế tất yếu này của thời đại nên nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam đã từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật của mình theo hướng thừa nhận vai trò của hòa giải bằng cách luật hóa hoạt động này. Nhiều nhà hoạt động thực tiễn cho rằng, sự thỏa thuận của các bên là chưa đủ để đáp ứng yêu cầu sử dụng phương thức hòa giải, nên nhiều quốc gia cũng đã ban hành văn bản luật về hòa giải nhưng đồng thời vẫn ý thức được rằng cần phải bảo đảm tính mềm dẻo của thủ tục hòa giải[[60]](#footnote-60). Với sự ra đời của Luật hòa giải ở cơ sở 2013, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính Phủ về hòa giải thương mại và gần đây nhất là Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020, hoạt động hòa giải đã thực sự được quan tâm tại Việt Nam, xuất phát từ sự thành công của phương thức này trong giải quyết tranh chấp. Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, tỷ lệ hòa giải thành trong giải quyết các vụ việc dân sự của Tòa án tăng dần qua từng năm. Cụ thể, năm 2016, các Tòa án đã hòa giải thành 157.916 vụ, bằng 50% trên tổng số các vụ việc dân sự đã giải quyết. Năm 2017 là 173.958, đạt tỷ lệ 50,6%. Năm 2018 là 184. 443 vụ, đạt tỷ lệ 53,2%. Năm 2019 là 201.995 vụ, đạt tỷ lệ 52,1%.[[61]](#footnote-61)

Tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất là một loại tranh chấp khá phổ biến tại Việt Nam bởi giá trị, tầm quan trọng và chủ thể tham gia trong các hợp đồng đó. Tốc độ đô thị hóa cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thị trường bất động sản đã tác động rất nhiều tới các giao dịch chuyển quyền sử dụng đất. Chính vì vậy, khi không đạt được tiếng nói chung trong giao dịch, mâu thuẫn tăng cao buộc các bên phải tìm kiếm một phương thức giải quyết để thoát khỏi những tranh chấp này. Chung quy lại thì mục đích chính khi các bên giao kết hợp đồng là tìm kiếm lợi ích để thỏa mãn nhu cầu của mình. Chính vì vậy, khi xảy ra tranh chấp, tâm lý chung các bên đều mong muốn giải quyết một cách nhanh chóng, ít tốn kém và hiệu quả. Dân gian có câu "dĩ hòa vi quý", pháp luật dân sự cũng đề cao nguyên tắc hòa giải và thực tế cũng đã chứng minh hòa giải có nhiều ưu điểm trong giải quyết tranh chấp, giúp các bên có thể vẫn đạt được mục đích khi giao kết hợp đồng mà ít tốn kém thời gian, tiền bạc.

Mục tiêu của hoạt động hòa giải là nhanh chóng hiệu quả[[62]](#footnote-62).Trong bối cảnh hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số cùng với sự tác động của đại dịch covid-19 đang là thách thức, nhưng cũng là cơ hội thay đổi cách tư duy, cách hành động của các nhà lập pháp cũng như các nhà hoạt động thực tiễn trong việc giải quyết các tranh chấp bằng hòa giải. Thực tế, chúng ta đã làm rất tốt công tác hòa giải các tranh chấp hợp đồng nói chung và hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất nói riêng bằng con đường hòa giải trực tiếp. Tuy nhiên, hiện nay tình hình đã thay đổi. Thế giới đã phát triển sang một trang mới. Công nghệ số đang phát triển vượt bậc, đại dịch covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp và chưa có dấu hiệu dừng lại nhưng những tranh chấp hàng ngày diễn ra vẫn cần được giải quyết. Chúng ta cần "chấp nhận trạng thái bình thường mới" để phát triển thì cũng cần chấp nhận trạng thái này để giải quyết những tranh chấp phát sinh. Với bản chất, mục tiêu và vai trò của hòa giải, hoạt động hòa giải các tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất trong chỉ đạt hiệu quả khi thực hiện trực tiếp mà chúng ta còn có thể thu được kết quả tương tự nếu thực hiện hoạt động này trên nền tảng trực tuyến. Bởi vì, đây là nhu cầu và xu hướng phát triển tất yếu của thời đại ngày nay.

**1. Hòa giải các tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật Việt Nam**

Hòa giải hiểu theo Từ điển tiếng Việt là ''thuyết phục các bên đồng ý chấm dứt xung đột, xích mích một cách ổn thỏa"[[63]](#footnote-63). Từ điển pháp lý của Rothenberg cũng định nghĩa "hòa giải là hành vi thỏa hiệp giữa các bên sau khi có tranh chấp, mỗi bên nhượng bộ một ít"[[64]](#footnote-64). Theo Oxford Dictionary of Law, hòa giải là "một hình thức giải quyết tranh chấp thay thế, trong đó bên thứ ba độc lập (hòa giải viên) hỗ trợ các bên liên quan đến tranh chấp hoặc đàm phán để đạt được một giải pháp được cả hai bên chấp nhận về các điểm xung đột"[[65]](#footnote-65). Khái niệm hòa giải cũng được đề cập đến trong Luật hòa giải ở cơ sở 2013 và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020. Theo đó, hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của luật này[[66]](#footnote-66). Hòa giải tại Tòa án là hoạt động hòa giải cho hoà giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ việc dân sự, nhằm hỗ trợ các bên tham gia hòa giải thỏa thuận giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của luật này[[67]](#footnote-67).

Như vậy, xét về mặt tổng thể, hòa giải là một hoạt động được thực hiện trước khi Tòa án xét xử các vụ việc dân sự và hoạt động này có các đặc điểm như sau: Thứ nhất, hòa giải được thực hiện khi giữa các bên có tranh chấp không thể tự mình giải quyết được những mâu thuẫn tồn tại trong quan hệ của họ. Thứ hai, hòa giải được thực hiện khi các bên tranh chấp tự nguyện và thống nhất cùng ngồi lại đàm phán để đạt được một giải pháp được các bên chấp nhận cho các điểm xung đột. Thứ 3, hòa giải được thực hiện với sự hỗ trợ của bên thứ ba độc lập để trợ giúp cho các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Hòa giải là thủ tục giải quyết tranh chấp hoàn toàn mang tính thỏa thuận: các bên tự xác định cách thức giải quyết tranh chấp của mình với sự trợ giúp của một người thứ ba trung lập, người thứ ba không có quyền áp đặt giải pháp giải quyết tranh chấp cho các bên. Khác với thương lượng, trong thủ tục hòa giải, các bên yêu cầu sự trợ giúp của một hay nhiều người thứ ba độc lập, vô tư để giải quyết tranh chấp. Khác với trọng tài, trong thủ tục hòa giải, các bên tranh chấp hoàn toàn làm chủ quá trình giải quyết tranh chấp và kết quả giải quyết tranh chấp. Thủ tục hòa giải không mang tính tài phán. Trong thủ tục hòa giải, hòa giải viên hỗ trợ các bên đàm phán, thương lượng nhằm tìm ra giải pháp thỏa mãn yêu cầu và lợi ích của các bên tranh chấp[[68]](#footnote-68).

Tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất xét về bản chất là một dạng tranh chấp hợp đồng nên trước hết các vấn đề về giải quyết tranh chấp được điều chỉnh bởi pháp luật hợp đồng. Khác với tranh chấp đất đai, việc giải quyết tranh chấp trước hết được thực hiện bằng phương thức hòa giải tại cơ sở, tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất không bắt buộc tiến hành hòa giải tại cơ sở. Thủ tục này là do các bên tự nguyện trên cơ sở Nhà nước khuyến khích. Vì vậy, dưới góc độ pháp luật thì các tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất có thể sử dụng phương thức hòa giải tại cơ sở, hòa giải tại Tòa án trước khi Tòa án thụ lý và sau khi Tòa án thụ lý hoặc một số trường hợp có thể sử dụng phương thức hòa giải thương mại[[69]](#footnote-69).

Việc hòa giải các tranh chấp hợp đồng nói chung và tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất nói riêng được thực hiện theo quy định về hòa giải trong các văn bản như Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Luật hòa giải ở cơ sở, Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Nghị định về hòa giải thương mại. Nhìn chung, hoạt động hòa giải các tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất được tiến hành theo quy định của pháp luật hiện hành có những điểm cần chú ý như sau:

***- Về căn cứ tiến hành hòa giải:*** Hoạt động hòa giải được tiến hành dựa trên cơ sở có sự đồng thuận của các bên tranh chấp về việc lựa chọn phương thức hòa giải để giải quyết tranh chấp. Khoản 1 điều 16 Luật hòa giải ở cơ sở 2013 quy định: Hòa giải ở cơ sở được tiến hành khi có một trong các căn cứ sau đây: 1. Một bên hoặc các bên yêu cầu hòa giải; (...). Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 quy định tại khoản 1 điều 8 và điều 16. Theo đó, hòa giải được thực hiện khi các bên thống nhất được việc lựa chọn phương thức hòa giải tại Tòa án theo thông báo của Tòa án. Theo quy định tại điều 6 của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính Phủ về hòa giải thương mại thì điều kiện để tiến hành hòa giải là có sự thỏa thuận của các bên. Riêng hòa giải các tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất sau khi Tòa án thụ lý vụ án là một thủ tục bắt buộc theo quy định của BLTTDS[[70]](#footnote-70). Như vậy, xét về mặt căn cứ tiến hành hòa giải tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất có thể được thực hiện hòa giải theo thỏa thuận của các bên, nếu tranh chấp đó chưa được Tòa án thụ lý giải quyết. Đối với trường hợp tranh chấp đã được Tòa án thụ lý giải quyết thì hòa giải là một thủ tục bắt buộc tiến hành trong quá trình chuẩn bị xét xử.

***- Về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hòa giải:*** Trường hợp tranh chấp chưa được Tòa án thụ lý giải quyết thì các bên được quyền lựa chọn phương thức hòa giải (gồm hòa giải ở cơ sở, hòa giải tại Tòa án hoặc hòa giải thương mại - đối với các tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất là hợp đồng thương mại) và vì vậy, các bên cũng được quyền lựa chọn hòa giải viên, thời gian, địa điểm, phương thức hòa giải, có quyền đồng ý hoặc từ chối hòa giải. Theo quy định tại Điều 17 Luật hòa giải ở cơ sở 2013 thì các bên trong hòa giải có quyền lựa chọn, đề xuất hòa giải viên, địa điểm, thời gian để tiến hành hòa giải. Các bên cũng có quyền đồng ý hoặc từ chối hòa giải; yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải; yêu cầu việc hòa giải được tiến hành công khai không công khai,...[[71]](#footnote-71). Các quyền và nghĩa vụ này của các bên trong hòa giải cũng được quy định tại Điều 8 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 và tại Điều 13 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính Phủ.

Đối với trường hợp tranh chấp đã được tòa án thụ lý giải quyết thì hòa giải là một thủ tục Tố tụng bắt buộc, và vì vậy các bên không có quyền lựa chọn thẩm phán tiến hành hòa giải, thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện hòa giải được tiến hành theo một trình tự thủ tục Tố tụng do luật định. Các bên được quyền thể hiện ý chí trong việc đồng ý hoặc không đồng ý hòa giải nhưng không phải bằng văn bản hay bằng lời nói trình bày tại Tòa án mà là bằng hành vi (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt)[[72]](#footnote-72). Theo quy định tại điều 205 của BLTTDS 2015 thì trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ những vụ án không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được hoặc vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn. Nguyên tắc và thủ tục hòa giải được thực hiện theo khoản 2 Điều 205 và khoản 4, Điều 210 BLTTDS 2015.

***- Về kết quả hòa giải thành và việc thực hiện kết quả hòa giải thành:*** Kết quả hòa giải thành được lập biên bản hòa giải thành có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc thực hiện kết quả hòa giải thành phụ thuộc vào hình thức hòa giải được thực hiện. Đối với hòa giải tại cơ sở theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở thì sau khi các bên đạt được thỏa thuận và lập biên bản hòa giải thành theo quy định tại Điều 24 thì việc thực hiện kết quả hòa giải thành là phụ thuộc vào thiện chí của các bên. Luật Hòa giải ở cơ sở không đặt ra cơ chế bắt buộc thực hiện đối với kết quả hòa giải thành sau khi được lập biên bản. Theo quy định của Luật này, các bên đã đạt được thỏa thuận có trách nhiệm thực hiện thỏa thuận đó và hòa giải viên có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành nhưng không đặt ra vấn đề hậu quả pháp lý của việc một bên hoặc các bên không thực hiện thỏa thuận trong biên bản sẽ phải gánh chịu hậu quả gì. Điều này có thể dẫn đến tình trạng sau khi đạt được thỏa thuận và lập biên bản hòa giải thành thì một bên cố tình không thực hiện thỏa thuận nhằm kéo dài thời gian giải quyết tranh chấp với mục đích tẩu tán tài sản.

Đối với trường hợp hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, hòa giải theo Nghị định số 22/2017/NĐ-CP hoặc hòa giải sau khi tranh chấp đã được Tòa án thụ lý theo quy định của BLTTDS thì khi các bên đạt được thỏa thuận, hòa giải viên hoặc thẩm phán tiến hành hòa giải lập biên bản hòa giải thành, biên bản này sẽ được công nhận theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và được bảo đảm thực hiện bởi pháp luật về thi hành án dân sự[[73]](#footnote-73). Như vậy, các tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất được tiến hành hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, theo Nghị định số 22/2017/NĐ-CP và hòa giải theo quy định của BLTTDS thì kết quả hòa giải thành sau khi được lập biên bản sẽ buộc các bên phải thực hiện những cam kết mà mình đã thỏa thuận. Nếu không thực hiện, kết quả hòa giải thành đã được công nhận sẽ dược thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự. Cơ chế này bảo đảm cho các tranh chấp được giải quyết triệt để, đảm bảo mục tiêu đặt ra khi ban hành các quy định về hòa giải là nhanh chóng, hiệu quả. Điều này giúp giảm bớt gánh nặng cho Tòa án khi không phải giải quyết lại những tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất vốn đã rất phức tạp mà các bên đã đạt được thỏa thuận giải quyết tranh chấp trước đó.

**2. Những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện hòa giải các tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất trên nền tảng trực tuyến**

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đã làm thay đổi đáng kể những thói quen trong cách sống, làm việc của đại đa số người dân trên thế giới. Theo thống kê từ nguồn World Internet Users năm 2020, thế giới có hơn 4 tỷ người sử dụng internet, chiếm 56,8% dân số thế giới. Châu Á là khu vực có người dùng Internet nhiều nhất trên thế giới với hơn 2 tỷ người, chiếm tỉ lệ 51,8%[[74]](#footnote-74). Tại Việt Nam, theo báo cáo về thị trường ứng dụng di động 2021 của Apota chia sẻ ngày 12/5/2021, Việt Nam có khoảng 70% dân số sử dụng điện thoại di động, trong đó có các thuê bao đã kết nối 3g và 4G. Tỷ lệ dân số sử dụng internet cũng chiếm 70%[[75]](#footnote-75). Sự phát triển chóng mặt của công nghệ số đã nâng cuộc sống của con người nên tầm cao mới. Nguồn tri thức được mở rộng, các giao dịch ngày càng thuận lợi hơn nhờ sự phát triển của thương mại điện tử, các dịch vụ công cũng dần được số hóa, sức lao động của con người ngày càng được giải phóng nhờ áp dụng những thành tựu của khoa học công nghệ. Con người ngày càng thích mua sắm online hơn là mua sắm trực tiếp. Việc xác lập các hợp đồng thông qua nền tảng số cũng ngày càng phổ biến nhờ các ứng dụng được cung cấp bởi các công ty sản xuất phần mềm. Ngày 28/8/2018, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 1072/QĐ-TTg thành lập Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử trên cơ sở kiện toàn Ủy ban quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin do Thủ tướng làm chủ tịch Ủy ban. Tại phiên họp lần thứ nhất của Ủy ban, Thủ tướng đã chỉ đạo tiếp tục xây dựng phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; tạo thuận lợi cho việc triển khai cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tại Việt Nam[[76]](#footnote-76). Trên cơ sở chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hiện nay, các dịch vụ công dần dần được số hóa, dịch vụ công trực tuyến được cung cấp tới người dân mọi lúc, mọi nơi, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí, làm cho hoạt động của cơ quan Nhà nước được minh bạch, hiệu quả, góp phần phòng chống tham nhũng, cải cách hành chính toàn diện[[77]](#footnote-77). Việc xây dựng Chính phủ điện tử là yêu cầu tất yếu của xã hội và cũng là tiền đề cho việc xây dựng Quốc hội điện tử hay Tòa án điện tử tại Việt Nam trong thời gian tới.

Mặt khác sự bùng phát và lây lan của đại dịch covid-19 trên thế giới cũng như tại Việt Nam ngày càng mạnh mẽ và chưa có dấu hiệu kết thúc. Tác động của đại dịch covid-19 đã và đang để lại những hậu quả rất nặng nề cho nền kinh tế thế giới. Cuộc sống bình thường bị đảo lộn, người dân được khuyến cáo nên hạn để tiếp xúc và hạn chế tổ chức các hoạt động tập trung đông người để tránh sự lây lan của dịch bệnh. Tuy nhiên, hợp đồng là xương sống của nền kinh tế, đặc biệt là các hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất. Nếu hạn chế người dân xác lập hợp đồng như hạn chế tiếp xúc thì sớm muộn kinh tế sẽ suy thoái trầm trọng. Nhận thức được điều này nên Chính phủ Việt Nam không "ngăn sông cấm chợ" khi đại dịch xảy ra mà khuyến nghị người dân nên "chấp nhận trạng thái bình thường mới" để phát triển kinh tế. Đây có thể xem là một thách thức cũng như là cơ hội để chúng ta thay đổi tư duy và nhận thức để thực hiện tốt hơn những hoạt động xã hội trên nền tảng số, trong đó có hoạt động hòa giải.

Có thể nói sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số và sự bùng phát của đại dịch covid-19 xét ở một góc độ nào đó là thuận lợi để Việt Nam phát triển hoạt động hòa giải các tranh chấp dân sự nói chung và tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất nói trên nền tảng trực tuyến. Xét dưới góc độ văn bản, pháp luật Việt Nam hiện hành không có quy định nào là rào cản của việc thực hiện hòa giải trên nền tảng trực tuyến. Đặc biệt, quy định tại điểm c khoản 1 điều 190 BLTTDS 2015 về việc cho phép đương sự gửi đơn khởi kiện trực tuyến bằng hình thức điện tử qua cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có) là tiền đề cho việc xây dựng mô hình Tòa án điện tử trong tương lai không xa. Mặt khác theo quy định về căn cứ hòa giải, quyền, nghĩa vụ của các bên hòa giải, thủ tục hòa giải cũng như hoạt động công nhận kết quả hóa giải thành tại Tòa án, pháp luật Việt Nam không đặt ra yêu cầu các bên tham gia hòa giải cũng như hòa giải viên hay thẩm phán tiến hành hòa giải phải có mặt trực tiếp tại địa điểm tiến hành hòa giải[[78]](#footnote-78). Đây là một trong những cơ sở để thực hiện hòa giải cơ sở nền tảng trực tuyến mà không phải lo "khoảng trống" về pháp lý.

Xét về mặt thực tiễn, ngày 30/03/2021, Trung tâm hòa giải Việt Nam (VMC) thuộc trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) đã chính thức ra mắt nền tảng hòa giải trực tuyến MedUp tại địa chỉ <http://medup.vmc.org.vn/vi/>. Theo đó, bên cạnh việc vận hành quy trình hòa giải thương mại truyền thống, VMC đã tiến hành xây dựng nền tảng hóa giải trực tuyến MedUp nhằm cung cấp thêm một mô hình giải quyết tranh chấp hiệu quả đồng hành cùng với sự ứng dụng công nghệ kỹ thuật số hiện đại[[79]](#footnote-79). Ngoài ra, các Tòa án nhân dân các tỉnh tại Việt Nam cũng như Tòa án nhân dân tối cao đã từng tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm trong những năm qua và đã đạt được những thành công nhất định[[80]](#footnote-80). Như vậy, hoạt động hòa giải thương mại và các phiên tòa rút kinh nghiệm có thể thực hiện được trên nền tảng trực tuyến thì hoạt động hòa giải các tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất cũng hoàn toàn có thể thực hiện được trên nền tảng trực tuyến, vì đây là nhu cầu tất yếu của thời đại.

Mặt khác, các tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất thường gồm nhiều người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Việc triệu tập những người này tham gia các buổi hòa giải trực tiếp có thể không thực hiện được do nhiều yếu tố khách quan như: sự trở ngại về địa lý hoặc già yếu đi lại khó khăn. Chính vì vậy, tổ chức hòa giải trực tuyến sẽ tạo điều kiện cho các chủ thể này có thể tham gia mà không cần phải di chuyển từ địa phương này đến địa phương khác.

Bên cạnh đó, các hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất thường là các hợp đồng có giá trị kinh tế lớn nên các bên tranh chấp đều mong muốn tìm được tiếng nói chung trong việc bảo đảm lợi ích của mình. Đồng thời, nếu khởi kiện ra Tòa án với thủ tục khép kín, kéo dài theo pháp luật về Tố tụng dân sự sẽ là rào cản cho các bên nếu muốn nhanh chóng hoàn tất thủ tục chuyển quyền hoặc thực hiện các giao dịch khác đối với quyền sử dụng đất. Chính vì vậy, hòa giải là lựa chọn tối ưu cho tình huống này, đặc biệt là hòa giả trực tuyến sẽ giúp các bên tiết kiệm thời gian và chi phí. Ngoài ra, hòa giải trực tuyến giúp các bên tránh được tình trạng mặt đối mặt, nên các bên sẽ dễ dàng trình bày những quan điểm cũng như đưa ra những đề nghị trong quá trình đàm phán để nhượng bộ quyền lợi cho nhau.

Mặc dù có những thuận lợi nhất định để thực hiện hòa giải các tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất trên nền tảng trực tuyến, nhưng bên cạnh đó vẫn còn những khó khăn cần thiết phải được khắc phục nhằm đảm bảo hoạt động hòa giải là một hoạt động xã hội và thực sự đảm bảo mục tiêu của hòa giải là nhanh chóng và hiệu quả:

Thứ nhất, tranh chấp đồng chuyển quyền sử dụng đất là một loại tranh chấp hợp đồng nên không bắt buộc thủ tục hòa giải ở cơ sở theo quy định của luật hòa giải ở cơ sở 2013. Tuy nhiên, trường hợp các bên lựa chọn hình thức hòa giải ở cơ sở thì với cơ sở vật chất và đội ngũ hòa giải viên tại cơ sở sẽ gặp nhiều khó khăn trong công tác cũng như xây dựng trang thiết bị phục vụ hoạt động hòa giải trực tuyến.

Thứ hai, trong quá trình hòa giải, nếu các bên thỏa thuận được với nhau về các nội dung tranh chấp trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của nhau, hòa giải viên hoặc thẩm phán thực hiện hòa giải sẽ lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên tham gia nên nếu thực hiện hòa giải trực tuyến sẽ khó khăn trong việc cung cấp chữ ký tại biên bản hòa giải thành vì các bên không có mặt tại đó.

Thứ ba, hiện nay pháp luật chỉ cho phép xã hội hóa đối với hoạt động hòa giải thương mại mà chưa cho phép xã hội hóa đối với hoạt động giải giải các tranh chấp dân sự nói chung. Do đó, các tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất có thể có loại tranh chấp các bên được lựa chọn hòa giải tại trung tâm hòa giải thương mại và có loại tranh chấp các bên chỉ có thể lựa chọn hòa giải ở cơ sở hoặc hòa giải tại Tòa án theo phương thức tiền tố tụng trong tố tụng. Điều này dẫn đến tâm lý e ngại thực hiện hoạt động hòa giải do phải đối mặt với nhân vật trung gian mang quyền lực nhà nước. Việc này sẽ làm tăng nguy cơ các bên không lựa chọn phương thức hóa giải để giải quyết tranh chấp. Và thực tế thì với phương thức hòa giải trực tuyến, nếu là một trung tâm hòa giải thương mại thì các dịch vụ cung cấp sẽ có xu hướng tốt hơn do họ phải cạnh tranh.

Thứ tư, các hợp đồng về chuyển quyền sử dụng đất khi xảy ra tranh chấp thì phần lớn các bên thường yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết trước. Trong trường hợp tranh chấp được hòa giải thành tại cấp cơ sở mà kết quả hòa giải thành một bên không tự nguyện thực hiện, thì bên còn lại có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bên không thực hiện phải thực hiện kết quả đó hay không, và nếu là hòa giải trực tuyến thì có thể khởi kiện được hay không, vấn đề này hiện nay pháp luật còn có khoảng trống.

**3. Một số kiến nghị**

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận cũng như thực tiễn về hoạt động hòa giải nói chung và hòa giải các tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất nói riêng, tác giả đề xuất một số kiến nghị sau đây nhằm góp phần thúc đẩy hoạt động hòa giải trực tuyến sớm được thực hiện bảo đảm quyền tự định đoạt và quyền tự do trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất:

*Thứ nhất,* để thực hiện hoạt động hòa giải trực tuyến ở cấp cơ sở thì cần phải có sự đầu tư về cơ sở vật chất cũng như về con người trong việc tiếp cận công nghệ số trong hoạt động hòa giải. Các hòa giải viên cơ sở cần được tập huấn và bồi dưỡng định kỳ về công tác hòa giải nói chung và hòa giải ứng dụng công nghệ số nói riêng. Hệ thống công nghệ thông tin tại các ủy ban nhân dân cấp cơ sở cần được trang bị và nâng cấp để đáp ứng hoạt động hòa giải trực tuyến.

*Thứ hai,* để đảm bảo biên bản hòa giải thành có đầy đủ chữ ký của các bên sau khi lập biên bản, cần quy định cho phép các bên được sử dụng chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật. Hiện nay, pháp luật về hòa giải chỉ quy định biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên sau mà không quy định là chữ ký tươi hay chữ ký điện tử. Vì vậy, đã đến lúc Chính phủ cần ban hành nghị định hướng dẫn hòa giải các tranh chấp dân sự trên nền tảng trực tuyến và theo đó thừa nhận chữ ký điện tử trong biên bản hòa giải thành theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

*Thứ ba,* Chính phủ cần cho phép xã hội hóa đối với hoạt động hòa giải các tranh chấp dân sự nói chung thay vì chỉ giới hạn trong các tranh chấp thương mại. Bởi vì, thứ nhất, xét về mặt nguyên tắc, không có lý do gì để Nhà nước cần phải quản lý hoạt động hòa giải các tranh chấp dân sự bằng con đường hành chính mà không cho phép một tổ chức nào khác được quyền tham gia thực hiện hoạt động hòa giải này như đối với các tranh chấp thương mại. Thứ hai, bản chất của hòa giải là một hoạt động xã hội hơn là một hoạt động tư pháp. Vì vậy, thay vì nhà nước phải chi ra một nguồn ngân sách không nhỏ để duy trì hoạt động này thì nên chia sẻ bớt gánh nặng chi phí cho xã hội. Thực tế về hoạt động công chứng và thừa phát lại đã phần nào chứng minh hiệu quả của việc xã hội hóa các dịch vụ công, một mặt san sẻ bớt áp lực cho Nhà nước, mặt khác tạo ra năng lực cạnh tranh để mang lại dịch vụ tốt nhất cho xã hội.

*Cuối cùng,* pháp luật cần có cơ chế bảo đảm thực hiện đối với kết quả hòa giải thành được thực hiện hòa giải tại cơ sở kể cả hòa giải trực tiếp hiện nay và trong tương lai, nếu có thể, là cả hòa giải trực tuyến. Bởi vì nếu kết quả hòa giải thành ở cơ sở không có cơ chế bảo đảm thực hiện thì tất cả những nỗ lực hòa giải của tổ hòa giải là vô ích, vì vậy, sẽ làm giảm hiệu quả và tâm huyết của cán bộ hòa giải. Mặt khác, đây có thể sẽ là cơ hội để cho một số người lợi dụng hòa giải như là một phương tiện để kéo dài thời gian giải quyết tranh chấp nhằm tẩu tán tài sản. Hơn nữa, điều quan trọng là không có lý do gì để một người vừa nhất ký đồng thuận với đối phương về giải pháp nhằm thỏa mãn lợi ích của hai bên bằng cách ký xác nhận vào biên bản hòa giải thành, sau đó lại không chịu thực hiện những cam kết đó. Chính vì vậy, tác giả kiến nghị cần sửa đổi quy định của Luật hòa giải ở cơ sở 2013 theo hướng bổ sung quy định đảm bảo thực hiện đối với kết quả hòa giải thành tương tự như Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án: *Quyết định công nhận kết quả hóa giải thành có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định công nhận kết quả hóa giải thành được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.[[81]](#footnote-81)*

***Tóm lại,*** hòa giải là một phương thức giải quyết tranh chấp có tính mềm dẻo và linh hoạt. Hoạt động tòa giải, nếu thực hiện thành công sẽ mang lại rất nhiều lợi ích cho các bên tranh chấp, đặc biệt là các bên trong tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất vì nó giúp tiết kiệm chi phí, thời gian, giảm áp lực thu thập chứng cứ và không làm rạn nứt tình cảm giữa các bên. Tuy nhiên, để hoạt động hòa giải phát huy được ưu điểm vốn có của nó là nhanh chóng và hiệu quả, chúng ta cần nhanh chóng xây dựng phương thức hòa giải trực tuyến bên cạnh thức hòa giải truyền thống, cũng như sửa đổi một số quy định pháp luật liên quan như đã phân tích, để hoạt động giải quyết tranh chấp dân sự nói riêng và tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất nói riêng bắt kịp nhịp sống số và mang lại dịch vụ tốt nhất cho người dân./.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

2. Luật hòa giải ở cơ sở 2013.

3. Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020.

4. Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính Phủ về hòa giải thương mại

5. Nhà pháp Luật Việt – Pháp,Tuyển tập một số văn bản về trọng tài và hòa giải thương mại - sổ tay hướng dẫn sử dụng và chuyển hóa Vào nồi luật luật mẫu về hòa giải thương mại quốc tế của ủy ban pháp luật thương mại quốc tế của Liên Hợp Quốc 2002, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, (2010).

6. Rothenberg, R.Plain Dictionary of Law, Signet, (1996).

7. Oxford Dictionary of Law, Oxford University Press, (2003)

8. Từ điển tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng, (1998).

9. Lê Nết, Hòa giải trong tố tụng dân sự - nhìn từ góc độ kinh tế, Tạp chí Khoa học pháp lý số 02/2006, https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2008/02/17/214562/, truy cập ngày 19/5/2021.

10. https://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/ong-nguyen-hoa-binh-de-hoa-giai-thanh-cong-phai-co-tam-long-nhan-ai-657279.html, truy cập ngày 19/5/2021.

11.https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh\_s%C3%A1ch\_qu%E1%BB%91c\_gia\_theo\_s%E1%BB%91\_l%C6%B0%E1%BB%A3ng\_ng%C6%B0%E1%BB%9Di\_s%E1%BB%AD\_d%E1%BB%A5ng\_internet, truy cập ngày 18/5/2021.

 12. https://www.vietnamplus.vn/nguoi-dung-viet-ton-hon-5-tieng-moi-ngay-chi-de-dung-smartphone/712270.vnp, truy cập ngày 18/5/2021.

13. https://www.quanlynhanuoc.vn/2019/08/15/xu-huong-phat-trien-chinh-phu-dien-tu-o-viet-nam-hien-nay/, truy cập ngày 18/5/2021.

14. https://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/phat-trien-chinh-phu-dien-tu-o-viet-nam-trong-boi-canh-cach-mang-cong-nghiep-40-329075.html, truy cập ngày 18/5/2021.

15. https://www.viac.vn/tin-tuc-su-kien/ra-mat-nen-tang-hoa-giai-truc-tuyen-medup-n1087.html, truy cập ngày 18/5/2021.

16. https://kiemsat.vn/vksnd-huyen-lang-giang-to-chuc-phien-toa-hinh-su-rut-kinh-nghiem-truc-tuyen-su-dung-tai-lieu-chung-cu-duoc-so-hoa-52621.html; https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/tin-hoat-dong-vksnd-toi-cao/phien-toa-hinh-su-rut-kinh-nghiem-truc-tuyen-trong-d2-t2819.html; https://congly.vn/tand-tinh-son-la-to-chuc-phien-toa-rut-kinh-nghiem-theo-yeu-cau-cai-cach-tu-phap-186002.html, truy cập ngày 18/5/2021.

**HÒA GIẢI TRANH CHẤP SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI**

 **VƯƠNG QUỐC ANH: QUY ĐỊNH VÀ ÁN LỆ**

***Nguyễn Lương Sỹ[[82]](#footnote-82)\****

*TÓM TẮT:**Hòa giải là phương thức giải quyết tranh chấp có nhiều ưu thế để áp dụng trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Nước Anh và xứ Wales đã ban hành Bộ quy tắc tố tụng dân sự 1998 gồm những quy định khuyến khích hòa giải, và đặc biệt là chế tài cho bên nào thiếu thiện chí hòa giải. Bài viết tìm hiểu về nguyên tắc hòa giải nói trên từ quy định đến thực tiễn qua một số án lệ về tranh chấp sở hữu trí tuệ.*

***Từ khóa:*** *Hòa giải, sở hữu trí tuệ, Vương quốc Anh*

**1. Vai trò của hòa giải đối với tranh chấp sở hữu trí tuệ**

Ngày nay, bên cạnh tố tụng tòa án và tố tụng trọng tài, hòa giải dần trở thành một phương thức phổ biến trong giải quyết tranh chấp dân sự. Mặc dù cả trọng tài và hòa giải đều được xem là nhóm phương thức thay thế tòa án truyền thống, giữa hai loại hình này có những khác biệt đáng kể. Điểm khác biệt lớn nhất nằm ở vai trò của người điều hành (trọng tài viên/hòa giải viên). Nếu như trọng tài là mô hình tòa án thu nhỏ, nơi trọng tài viên có quyền ra phán quyết cuối cùng, thì hòa giải viên được ví như một “phiên dịch viên” dẫn dắt các bên đạt được tiếng nói đồng thuận.[[83]](#footnote-83) Mục tiêu của hòa giải không phải là xác định người thắng, kẻ thua; mà thay vào đó, tìm kiếm lợi ích công bằng cho tất cả các bên nhằm duy trì mối quan hệ hợp tác trên tinh thần tự nguyện.

Trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, các tranh chấp thường mang những tính chất đặc thù mà từ đó, hòa giải có thể sẽ là mô hình giải quyết tối ưu cho các bên. Trước hết, pháp luật sở hữu trí tuệ vẫn còn khá mới mẻ ở nhiều quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Ở đó, đội ngũ thẩm phán chưa có nhiều kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn trong việc giải quyết các tranh chấp phát sinh. Ngoài ra, quyền sở hữu trí tuệ thường liên quan đến vấn đề kỹ thuật trong các lĩnh vực đặc thù như viễn thông, công nghệ sinh học, dược phẩm,…Chính vì vậy, hòa giải, với ưu thế cho phép các bên lựa chọn hòa giải viên, tạo điều kiện cho vụ việc được điều phối bởi một chuyên gia pháp lý hoặc kỹ thuật trong cùng lĩnh vực. Với đối tượng mang tính chuyên môn sâu như sáng chế, hay thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, một chuyên gia kỹ thuật đôi khi mang lại giải pháp phù hợp nhất cho các bên hơn là một chuyên gia pháp lý thuần túy.

Tranh chấp sở hữu trí tuệ thường có sự tham gia của nhiều bên và liên quan đến thẩm quyền tài phán của nhiều quốc gia. Điều này xảy ra phổ biến trong các giao dịch chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ gồm nhiều hợp đồng li-xăng thứ cấp, với những điều khoản giải quyết tranh chấp khác nhau. Khi đó, không một tòa án nào, hay kể cả trọng tài, có thể tự mình đưa ra phán quyết cuối cùng cho toàn bộ vụ việc. Lúc này, hòa giải cung cấp cho các bên thêm lựa chọn khả thi để giải quyết tranh chấp theo một quy trình duy nhất, giúp tiết kiệm đáng kể nguồn lực tài chính và thời gian.

Một số nghiên cứu chỉ ra rằng, nhiều tranh chấp giải quyết theo con đường tố tụng tòa án sẽ dẫn đến việc phát sinh, thực hiện hoặc chấm dứt giao dịch liên quan đến đối tượng sở hữu trí tuệ, chủ yếu là hợp đồng li-xăng. [[84]](#footnote-84) Trong khi đó, hệ quả pháp lý này hoàn toàn có thể đạt được thông qua hòa giải, vừa đảm bảo phù hợp nhu cầu của các bên, đồng thời vẫn duy trì quan hệ hợp tác. Thậm chí, ở trường hợp khác, tòa án có thể đưa ra phán quyết hủy bỏ văn bằng bảo hộ, nhiều khả năng gây thiệt hại cho tất cả các bên liên quan. Chẳng hạn, nếu khi tranh tụng, các bên theo đuổi chiến lược vô hiệu hóa điều kiện bảo hộ sáng chế như tính mới, trình độ sáng tạo. Hòa giải trao cho các bên cơ hội đạt được các thỏa thuận cùng có lợi như đồng sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Nguyên tắc bí mật cũng được xem là ưu thế lớn của hòa giải so với nguyên tắc xét xử công khai của tòa án. Nguyên tắc này là công cụ hữu ích cho các tranh chấp về quyền sở hữu công nghiệp. Mặc dù về lý thuyết, mọi đối tượng sở hữu trí tuệ bảo hộ thông qua đăng ký đều phải bộc lộ công khai bản mô tả chi tiết. Tuy nhiên trên thực tế, các chủ sở hữu, nhất là với sáng chế, đều giữ lại một tỷ lệ nhỏ bí quyết (know-how) – là thứ tạo ra sự khác biệt giữa các sản phẩm cùng áp dụng sáng chế. Nếu các bên muốn bảo mật thông tin này, hòa giải chắc chắn là lựa chọn tối ưu. Hòa giải thậm chí vẫn giúp các bên tranh chấp tiết kiệm nguồn lực kể cả trong trường hợp không đạt được đồng thuận cuối cùng. Bởi lẽ, khi tiến hành hòa giải, một trong những phương pháp mà hòa giải viên thường tiến hành là cung cấp riêng cho các bên bản đánh giá trung lập về vụ việc.[[85]](#footnote-85) Từ đó, đương sự có cái nhìn khách quan về tranh chấp để xác định và thu hẹp phạm vi khởi kiện nếu quyết định chọn phương thức tố tụng tòa án.

Phương thức hòa giải vẫn đặt ra nhiều lo ngại về quy trình giải quyết, giá trị pháp lý, hay khả năng thực thi của thỏa thuận. Tuy nhiên, dù phần lớn các quốc gia không bắt buộc hòa giải đối với tranh chấp sở hữu trí tuệ, đây là giải pháp được khuyến khích bởi chính cơ quan tài phán. Ví dụ, ở Hoa Kỳ, Tòa Khu vực miền Bắc California sẽ đưa toàn bộ vụ việc liên quan đến sáng chế vào chương trình giải quyết tranh chấp bằng phương thức thay thế ADR[[86]](#footnote-86); hay Tòa Khu vực miền Đông Texas thường yêu cầu hòa giải bắt buộc trước khi đưa ra xét xử.[[87]](#footnote-87) Tương tự, Bộ quy tắc Tòa tối cao New Zealand cho phép lựa chọn hòa giải theo lệnh của Tòa nếu đương sự chấp thuận.[[88]](#footnote-88) Tòa án Công lý châu Âu tiếp cận có phần dè dặt hơn, nhưng cũng mở đường cho hòa giải khi từng tuyên bố quyết định áp dụng hòa giải bắt buộc của Tòa án Italy là không trái luật.[[89]](#footnote-89) Tiêu biểu hơn cả cho hướng tiếp cận này là Vương quốc Anh với Bộ quy tắc Tố tụng dân sự 1998 đặt ra các quy định cụ thể về hòa giải đối với tranh chấp dân sự.

**2. Nguyên tắc hòa giải theo Bộ quy tắc Tố tụng Dân sự Vương quốc Anh**

Trong nỗ lực thúc đẩy các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế, Vương quốc Anh đã ban hành Bộ quy tắc Tố tụng dân sự 1998 (CPR)[[90]](#footnote-90). Cơ sở pháp lý cho sự ra đời của CPR là Điều 1 Đạo luật Tố tụng dân sự Vương quốc Anh, nhưng chỉ có hiệu lực trên lãnh thổ nước Anh và xứ Wales, không áp dụng ở Scotland và Bắc Ireland.[[91]](#footnote-91) Trên thực tế, đạo luật này chỉ đưa ra điều luật chung, còn các quy định cụ thể điều chỉnh trực tiếp thủ tục tố tụng sẽ được căn cứ theo CPR. Một trong những mục tiêu nền tảng của CPR là ưu tiên phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp và tương xứng, hiệu quả về kinh tế, giảm bớt gánh nặng cho tòa án.[[92]](#footnote-92) Nghĩa vụ của các bên là phải hỗ trợ tòa án thực hiện mục tiêu nền tảng. Trên cơ sở đó, CPR khuyến khích đương sự sử dụng phương thức giải quyết tranh chấp thay thế như trọng tài và hòa giải, nếu tòa nhận định đó là hình thức phù hợp và đưa ra đề nghị.[[93]](#footnote-93) Nếu có thỏa thuận về phương thức hòa giải nhưng một bên không tuân thủ khi tranh chấp phát sinh, tòa án có thể hoãn xét xử và yêu cầu các bên tiến hành hòa giải theo đúng thỏa thuận trước khi tiếp tục thụ lý tại tòa.[[94]](#footnote-94)

Công cụ quan trọng nhất để thúc đẩy các bên giải quyết thông qua hòa giải chính là nhóm quy tắc số 44 của CPR. Theo đó, nếu có căn cứ cho rằng một bên đã trốn tránh hoặc từ chối hòa giải mà không có lý do chính đáng, thẩm phán có quyền áp dụng một khoản phạt chi phí tố tụng.[[95]](#footnote-95) Trong trường hợp này, thậm chí bên thắng kiện cũng có thể bị tòa buộc chi trả án phí, như trong vụ *Dunnett v Railtrack.* Cụ thể, nguyên đơn Dunnett – người sở hữu một chuồng ngựa cạnh đường ray xe lửa – đã khởi kiện công ty đường sắt Railtrack vì lỗi bất cẩn trong xây dựng hàng rào làm chết ngựa của cô. Sau khi thua tại phiên sơ thẩm, Dunnett tiếp tục tiến hành thủ tục kháng cáo. Tòa phúc thẩm đề nghị các bên xem xét phương án hòa giải ngoài tòa nhưng bị đơn Railtrack từ chối. Vụ án được đưa ra xét xử phúc thẩm và nguyên đơn Dunnett tiếp tục thua kiện. Tuy nhiên, tòa đã buộc bên thắng kiện là Railtrack phải chi trả toàn bộ án phí căn cứ theo nhóm quy tắc số 44 CPR bởi không trình bày được lý do chính đáng cho việc từ chối hòa giải. [[96]](#footnote-96)

Tuy nhiên, hòa giải và phương thức giải quyết thay thế khác cũng chỉ được xem là “nửa bắt buộc” (quasi-compulsory), đúng với tinh thần “khuyến khích” của Quy tắc số 1 về mục tiêu nền tảng. Như trong vụ *Dunnett* kể trên, thẩm phán có quyền phạt án phí với bên từ chối hòa giải, nhưng không thể buộc họ phải hòa giải trước khi đưa ra xét xử.[[97]](#footnote-97) Nguyên tắc này được Tòa Phúc thẩm Vương quốc Anh tái khẳng định trong vụ kiện *Halsey v Milton Keynes General NHS* rằng tòa án không được buộc hòa giải trái nguyên vọng của các bên do xâm phạm quyền được xét xử công bằng tại Điều 6 Công ước nhân quyền châu Âu.[[98]](#footnote-98) Thậm chí trong vụ này, bên từ chối hòa giải cũng không bị phạt án phí. Phán quyết kể trên thoạt nhìn có vẻ mâu thuẫn với phán quyết của Tòa án Công lý châu Âu về vụ việc tại Italy (xem mục 1). Tuy nhiên, vụ kiện tại Italy có những điểm khác biệt quan trọng đó là, hòa giải được tòa nhận định là giúp tranh chấp được giải quyết nhanh hơn, ít tốn kém hơn, vẫn đảm bảo được quyền lợi chính đáng của các bên, và đặc biệt là có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến.[[99]](#footnote-99) Như vậy, chế tài cho việc từ chối hòa giải chỉ có thể áp dụng đối với vụ việc đáp ứng được một số điều kiện nhất định.

Cũng từ vụ *Halsey* nói trên, Tòa Phúc thẩm thiết lập hai nguyên tắc:

(1) Không phản hồi lời mời hòa giải, kể cả nếu có lý do chính đáng, sẽ cấu thành căn cứ để phạt án phí.[[100]](#footnote-100)

(2) Để tránh chịu án phí, bên thua kiện có nghĩa vụ chứng minh rằng bên thắng kiện đã từ chối hòa giải mà không có lý do chính đáng.[[101]](#footnote-101)

Nguyên tắc khuyến khích hòa giải của CPR còn được mở rộng ra cả các hệ thống bên ngoài tòa án, đặc biệt là trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Hiện nay, tranh chấp giữa nhãn hiệu và tên miền tại Anh bắt buộc phải trải qua thủ tục hòa giải. Cơ sở thực hiện là do khi đăng ký tên miền *‘.uk’* với các đơn vị cung cấp chính thức như Nominet, khách hàng phải xác nhận đồng ý điều khoản giải quyết tranh chấp gồm phương thức hòa giải ngoài tòa.[[102]](#footnote-102)

**3. Hòa giải đối với tranh chấp sở hữu trí tuệ ở Anh Quốc qua một số án lệ**

Trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, nguyên tắc hòa giải của CPR cũng được áp dụng tương đối rộng rãi. Trước hết, một số vụ kiện sở hữu trí tuệ đã góp phần diễn giải và định hình quan điểm xét xử khi có các yếu tố liên quan đến hòa giải, chẳng hạn như trong tranh chấp *Reed Executive Plc, Reed Solutions Plc v Reed Business Information Ltd, Reed Elsevier (Uk) Ltd, Totaljobs.com Ltd*. Nguyên đơn là chủ sở hữu nhãn hiệu “REED”, khởi kiện bị đơn với cáo buộc sử dụng trái phép nhãn hiệu của mình trên các cửa sổ quảng cáo pop-up (tự động bật lên) trên website *totaljobs.com*. [[103]](#footnote-103) Mặc dù giành chiến thắng ở phiên sơ thẩm, nguyên đơn đã thất bại trong phiên xét xử phúc thẩm. Nguyên đơn tiếp tục yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét áp dụng nhóm quy tắc số 44 CPR về phạt án phí đối với bị đơn do bị đơn đã từ chối hòa giải sau khi kết thúc phiên sơ thẩm. Hơn thế, nguyên đơn còn nỗ lực bác bỏ nguyên tắc về nghĩa vụ chứng minh của bên thua kiện đã được thiết lập trong vụ *Halsey*. Theo họ, các chứng cứ về việc bị đơn thiếu thiện chí khi từ chối hòa giải được thể hiện trong đối thoại “không phương hại” [[104]](#footnote-104) của hai bên – vốn là loại tài liệu riêng tư không thể dùng làm chứng cứ tại tòa. Vì lý do đó, nguyên đơn đề nghị tòa miễn cho họ nghĩa vụ chứng minh bằng cách cho phép tiết lộ nội dung đối thoại của hai bên. Tuy nhiên, các thẩm phán trong vụ này đã bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn dựa trên hai lập luận chính:

Một là, tòa án không có thẩm quyền với các tài liệu đối thoại “không phương hại” nếu chỉ vì mục đích xác định chi phí tố tụng. Do vậy, việc tiết lộ tài liệu này phải được tất cả các bên chấp thuận.

Hai là, đề nghị hòa giải được đưa ra sau khi nguyên đơn giành chiến thắng tuyệt đối tại phiên sơ thẩm (bản án sơ thẩm xác định toàn bộ hành vi sử dụng dấu hiệu REED của bị đơn, hoặc là xâm phạm nhãn hiệu, hoặc là cạnh tranh không lành mạnh). Điều này đặt bị đơn vào vị thế bất lợi hoàn toàn nếu chấp nhận hòa giải. Hơn nữa, phần lớn chi phí tố tụng phát sinh trước khi có đề nghị hòa giải, nên việc áp dụng khoản phạt là không hợp lý.[[105]](#footnote-105)

Như vậy, tranh chấp nhãn hiệu REED đã một lần nữa khẳng định nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên thua kiện nếu muốn áp dụng điều khoản phạt chi phí tố tụng theo CPR. Lập luận của các thẩm phán đồng thời cho thấy thời điểm đưa ra đề nghị hòa giải cũng đóng vai trò quan trọng trong xác định nghĩa vụ. Nếu đề nghị được đưa ra quá muộn, hoặc ở tình thế bất lợi, bên còn lại sẽ có căn cứ chính đáng để từ chối. Điều này thể hiện một trong những nguyên tắc quan trọng của hòa giải là các bên phải bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Mặt khác, đề nghị hòa giải có thể được đưa ra tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình tố tụng, và tòa án có nghĩa vụ tạo điều kiện cho các bên thực hiện. Chẳng hạn, trong vụ *Brawley v Marczynski* về tranh chấp hợp đồng li-xăng sáng chế, thẩm phán đã cho tạm hoãn phiên tòa khi hai bên đồng ý tham gia hòa giải.[[106]](#footnote-106)

Cần lưu ý rằng, nguyên tắc hòa giải của CPR chỉ quy định nghĩa vụ đối với cơ quan tiến hành tố tụng chứ không áp dụng điều chỉnh hoạt động của các cơ quan khác. Tranh chấp sở hữu trí tuệ ngoài con đường tố tụng, còn có thể giải quyết thông qua quy trình khiếu nại tại cơ quan có thẩm quyền đăng ký bảo hộ; từ đó, hệ quả pháp lý của hòa giải cũng sẽ rất khác nhau phụ thuộc vào cơ quan giải quyết. Quy tắc số 38 của CPR cho phép đương sự rút yêu cầu khởi kiện, và tòa án không có thẩm quyền tiếp tục giải quyết. Theo đó, nếu các bên trong tranh chấp sở hữu trí tuệ đạt được hòa giải thành, bao gồm cả việc rút yêu cầu hủy bỏ văn bằng bảo hộ, tòa án sẽ dừng xem xét vụ việc và công nhận kết quả hòa giải.[[107]](#footnote-107) Tuy nhiên, nếu yêu cầu hủy bỏ văn bằng bảo hộ đang được giải quyết bởi cơ quan đăng ký sở hữu trí tuệ, kết quả hòa giải sẽ không được chấp thuận. Chẳng hạn, trong vụ tranh chấp sáng chế của công ty Farrow System, Văn phòng Sáng chế Vương quốc Anh đã từ chối yêu cầu rút đơn khiếu nại để tiến hành hòa giải. Bởi lẽ, chức năng của cơ quan này là thẩm định sáng chế, hòa giải không có vai trò gì trong việc xác định các điều kiện để sáng chế được bảo hộ.[[108]](#footnote-108)

**4. Kết luận**

Hòa giải có nhiều ưu thế trong giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ, giúp đạt được những kết quả mà các bên cùng có lợi; đồng thời, giảm áp lực đáng kể cho hệ thống tòa án. Chính vì vậy, đây là phương thức ngày càng trở nên phổ biến, được cơ quan tố tụng khuyến khích ở nhiều quốc gia, đặc biệt là Anh và xứ Wales. Tuy nhiên, vướng mắc lớn nhất là hòa giải chỉ có thể tiến hành nếu các bên cùng có thiện chí – điều không dễ đạt được khi tranh chấp đã xảy ra. Mặc dù nguyên tắc của hòa giải là tự nguyện, Bộ quy tắc CPR đã mang đến một cách tiếp cận linh hoạt nhằm ràng buộc các bên ưu tiên lựa chọn hòa giải. Trước hết, lời đề nghị hòa giải từ tòa án sẽ có “sức nặng” để thúc đẩy các bên đồng ý. Quan trọng hơn, chi phí tố tụng trong các vụ án sở hữu trí tuệ thường lớn do tính chất phức tạp và kéo dài. Yếu tố này buộc các bên phải cân nhắc kỹ càng đề nghị hòa giải để tránh thiệt hại thêm về tài chính nếu bị tòa tuyên phạt. Một số án lệ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ đã góp phần giải thích nguyên tắc của CPR, đảm bảo cho việc áp dụng rõ ràng và minh bạch. Cách tiếp cận của Vương quốc Anh cần được các quốc gia khác xem xét học hỏi nếu muốn áp đặt chế tài cho hòa giải trong lĩnh vực dân sự nói chung.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Cheryl H.Agris and others(2011), *The Benefits of Mediation and Arbitration for Dispute Resolution in Intellectual Property Law,* New York Dispute Resolution Lawyer, Vol.4, No.2.

Civil Procedure Act 1997, <https://www.legislation.gov.uk/uksi/1998/3132/contents/made>, truy cập lần cuối 13/10/2021.

Judgment [2004] EWCA Civ 887 *Reed Executive Plc, Reed Solutions Plc v Reed Business Information Ltd, Reed Elsevier (Uk) Ltd, Totaljobs.com Ltd*.

Kevin M.Lemley (2004), *I’ll Make Him an Offer He Can’t Refuse: Proposed Model for Alternative Dispute Resolution in Intellectual Property Disputes*, Akron Law Review 37(2), 287-328.

Manual of Patent Practice, <https://www.gov.uk/guidance/manual-of-patent-practice-mopp/section-72-power-to-revoke-patents-on-application#ref72-26>, truy cập lần cuối 13/10/2021.

Mary Victoria (2006), *Mediation of Intellectual Property Disputes*, Journal of Intellectual Property Law & Practice, Vol.1, No.6.

Nominet Dispute Resolution Service Policy, <https://media.nominet.uk/wp-content/uploads/2017/10/17150434/final-proposed-DRS-policy.pdf>, truy cập lần cuối 11/10/2021.

Pablo Cortes (2015), *The Promotion of Civil and Commercial Mediation in the UK*, University of Leicester School of Law Research Paper No.15-23.

Sue Prince (2020), *Encouragement of Mediation in England and Wales Has Been Futile: Is There Now a Role for Online Dispute Resolution in Settling Low-value Claims*, International Journal of Law in Context.

Susan Corbett (2011), *Mediation of Intellectual Property Disputes: A Critical Analysis*, New Zealand Business Law Quarterly, Vol.17.

The Civil Procedure Rules 1998, <https://www.legislation.gov.uk/uksi/1998/3132/contents/made>

Tony Allen, *Dunnett v Railtrack: The Implications,* <https://www.cedr.com/dunnett-v-railtrack-the-implications/>, truy cập lần cuối 12/10/2021.

**BẢN CHẤT PHÁP LÝ CỦA HÒA GIẢI THÀNH VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÒA GIẢI THÀNH**

***Thân Văn Tài[[109]](#footnote-109)\****

***Nguyễn Thị Phi Yến[[110]](#footnote-110)\*\****

*TÓM TẮT: Trên cơ sở phân tích, làm rõ bản chất pháp lý của hòa giải thành là hợp đồng điều đình (dàn xếp), tác giả phân tích chỉ rõ một số quy định của pháp luật Việt Nam chưa tiếp cận đúng đắn bản chất đó. Từ đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện một số quy định về vấn đề này.*

***Từ khóa****: Hòa giải thành, hợp đồng điều đình, bản chất pháp lý.*

**1. Đặt vấn đề**

Hòa giải, theo cách gọi của luật thực định Việt Nam, là một phương thức giải quyết tranh chấp nói chung, trong đó có tranh chấp về dân sự, cũng như tranh chấp về kinh doanh thương mại. Tuy nhiên, nếu chỉ cách tiếp cận hòa giải dựa trên mục đích mà không nghiên cứu, làm rõ bản chất pháp lý của hòa giải, có thể sẽ dẫn đến nhiều khía cạnh pháp lý liên quan đến hòa giải sẽ không được giải quyết một cách thấu đáo. Chẳng hạn, thỏa thuận hòa giải của các bên tranh chấp cần đạt những điều kiện nào để có giá trị pháp lý; sau khi các bên tranh chấp hòa giải thành nhưng một bên không thực hiện cam kết hòa giải, thì bên còn lại có quyền tự mình buộc bên kia thực hiện đúng cam kết hoặc khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bên kia thực hiện nghĩa vụ cam kết hay không; thời điểm hòa giải thành có hiệu lực là thời điểm nào,…

Hiện nay, bản chất pháp lý của hòa giải thành chưa được quan tâm nghiên cứu tương xứng với tầm quan trọng và phổ biến của nó. Do vậy, từ việc phân tích làm rõ bản chất pháp lý của hòa giải thành, bài viết đánh giá các quy định hiện hành về hòa giải thành ở Việt Nam hiện nay.

**2. Bản chất pháp lý của hòa giải thành**

Trong tranh chấp pháp lý nói chung, hay một loại tranh chấp cụ thể nào đó, luôn chứa đựng đặc điểm là sự xung đột lợi ích giữa các bên. Do vậy, Khi hòa giải được coi là phương thức để giải quyết tranh chấp, thì mục tiêu của hòa giải là nhằm để các bên dàn xếp với nhau về các phương thức hóa giải những xung đột đó. Nói cách khác, một trong những thuộc tính không thể thiếu, đó là mang mục đích dàn xếp giữa các bên về việc giải quyết những xung đột đã phát sinh và đang hiện hữu giữa các bên.

Không những vậy, hòa giải, dù đối với loại tranh chấp nào và được tổ chức bởi chủ thể nào, thì một nguyên tắc rất không thể thiếu, đó là được hình thành trên cơ sở tự thỏa thuận, tự nguyện định đoạt của các bên và không thể bị tác động, chi phối bởi quyền lực công. Chủ thể hòa giải chỉ đảm nhiệm vai trò khơi gợi các phương thức, hỗ trợ các bên những kiến thức pháp lý nhất định, để sự lựa chọn của các bên không vi phạm những gì mà luật cấm cũng như không vi phạm đạo đức xã hội. Việc lựa chọn những phương thức giải quyết xung đột lợi ích phải được thực hiện bởi ý chí đích thực của các bên tham gia hòa giải.

Khi đạt được sự thống nhất ý chí của các bên trong hòa giải, thì những nội dung hòa giải đó phải được các bên tôn trọng và thực hiện. Bởi lẽ, khi các bên đã cùng thỏa thuận dàn xếp phương thức giải quyết xung đột lợi ích, thì đó là cơ sở để các bên tìm kiếm các giải pháp khác nhau nhằm thực hiện phương thức đã được dàn xếp. Do vậy, nó bắt buộc bên còn lại phải tôn trọng và tuân thủ những dàn xếp đã thỏa thuận, nếu không sẽ gây ra những thiệt hại, bất lợi đáng kể cho bên còn lại. Hệ quả pháp lý của hòa giải thành buộc phải được thiết lập theo hướng đó để bảo đảm rằng, mỗi bên không thể gây thiệt hại cho bên kia một cách không chính đáng. Nếu hòa giải thành không có khả năng làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên, thì mục tiêu và ý nghĩa của hòa giải không còn, ngược lại, có thể trở thành công cụ để thực hiện những mục đích thiếu thiện chí của bên này đối với bên kia.

Như vậy, có thể thấy, bản chất pháp lý của hòa giải thành là sự thỏa thuận của các bên, làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên để giải quyết một tranh chấp đã xảy ra, hoặc có khả năng xảy ra. Nói cách khác, hòa giải thành là một hợp đồng điều đình, hay còn gọi là hợp đồng dàn xếp.

Pháp luật nhiều nước trên thế giới, cũng như một số luật cổ Việt Nam cũng đã có định nghĩa chính thức khẳng định bản chất pháp lý của hòa giải thành.Ở một số nước, việc xác định bản chất pháp lý của hòa giải thành không còn là một vấn đề gây tranh cãi. Hơn nữa, hòa giải thành đã được ghi nhận là một loại hợp đồng hữu danh (có tên và được điều chỉnh bằng một chế định pháp lý cụ thể).

Theo Điều 2044, Bộ luật Dân sự của Pháp: một hợp đồng theo đó các bên chấm dứt một vụ tranh chấp hoặc phòng ngừa một vụ tranh chấp sắp xảy ra, được gọi là hợp đồng dàn xếp. Không chỉ vậy, hợp đồng này theo quy định của Bộ Luật này, phải lập thành văn bản mới có hiệu lực[[111]](#footnote-111).

Theo Luật Điều đình dân sự của Nhật Bản năm 1951, sửa đổi năm 1974, 1999 và 2011, quá trình các bên tranh chấp tìm kiếm giải pháp để hóa giải, giải quyết xung đột, tranh chấp xảy ra được gọi là quá trình “điều đình”, và hòa giải thành, tức khi các bên hòa giải đạt được thỏa thuận, đó chính là hợp đồng điều đình đã được xác lập. Nếu việc điều đình được thực hiện bởi Ủy ban điều đình mà Thẩm phán cũng là thành viên thì biên bản điều đình có hiệu lực giống như bản án và được cưỡng chế thi hành án[[112]](#footnote-112).

Bộ luật Dân sự Bắc Kỳ năm 1931, cũng như Bộ Luật Dân sự năm 1972 của Chính quyền Sài gòn đã giành hẳn một chương riêng (Chương X) với tựa đề “nói về sự điều đình”, nằm trong “Nói về vài sự khế ước” (tương tự như phần các hợp đồng thông dụng của Bộ Luật Dân sự hiện nay của nước ta).

Trong 9 Điều của Bộ Luật Dân sự Bắc Kỳ năm 1931, cũng như trong 15 Điều của Bộ Luật Dân sự năm 1972 của Chính quyền Sài gòn được thiết kế điều chỉnh trực tiếp đến điều đình, điều đặc biệt nhất, là đã khẳng định rõ về bản chất pháp lý của điều đình là một hợp đồng: *“Điều đình là khế ước do hai bên thỏa thuận và nhường nhịn lẫn nhau, để giải quyết cho xong việc kiện đã xảy ra, hay để tránh cho khỏi sinh ra việc kiện”* (Điều 1300 Bộ Luật Dân sự Bắc Kỳ năm 1931); *“Điều đình là một khế ước, theo đó các đương sự nhường nhịn lẫn nhau để chấm dứt một vụ tranh chấp đã phát sinh hay để phòng ngừa một vụ tranh chấp có thể xảy đến”* (Điều 1306 Bộ Luật Dân sự năm 1972 của Chính quyền Sài gòn).

Bên cạnh đó, hai đạo luật nêu ở đoạn văn trên đều khẳng định, hợp đồng điều đình có hiệu lực chung thẩm đối với các bên và không có giá trị đối kháng đối với bên thứ ba. Điều 1305 Điều 1306 Bộ luật Dân sự Bắc Kỳ năm 1931 quy định: *“Đối với hai bên thì điều đình có như việc án đã xử chung thẩm, không thể viện cơ sai luật hay viện cớ thiệt hại mà phản đối được”*; *“việc điều đình của một người không ràng buộc với một người quan hệ khác và những người ấy không thể viện dụng được”*. Bộ Luật Dân sự năm 1972 của Chính quyền Sài gòn cũng có những điểm tương tự. Điều 1312 và 1312 của đạo luật này khẳng định rõ: *“sự điều đình với một đương sự này không có hiệu lực đối với những đương sự khác, và những đương sự này cũng không nại được sự điều đình”*; *“giữa các người đã điều đình với nhau, sự điều đình có uy lực quyết tụng của một án văn chung thẩm; không bên nào có thể viện lẽ thiệt thòi hay lầm lẫn về pháp lý để khiếu tố nữa”*[[113]](#footnote-113).

**3. Một số suy nghĩ về pháp luật hòa giải thành ở Việt Nam hiện nay**

[1] Hòa giải thành có bản chất là một hợp đồng, cụ thể là hợp đồng dàn xếp, hay có thể gọi cách khác là hợp đồng điều đình, do đó, một yêu cầu đặt ra, đó là nền tảng điều chỉnh về hòa giải thành phải là các quy định của Luật hợp đồng. Nói cách khác, dù hòa giải thành đó được tiến hành ngoài tòa án hay tại tòa án, dù đơn thuần chỉ do các bên tự tổ chức hay có sự hỗ trợ, giúp đỡ của chủ thể thứ ba, thì bản chất không thay đổi, vẫn là một hợp đồng.

Chính vì hòa giải thành là một hợp đồng cụ thể, nên có thể có những đặc trưng riêng nhất định do với một loại hợp đồng khác. Tuy nhiên, các vấn đề pháp lý liên quan đến hợp đồng dàn xếp hay hợp đồng điều đỉnh phải nằm trong các nguyên tắc chung về hợp đồng, do Luật hợp đồng điều chỉnh.

Như vậy, với tính chấp chịu ảnh hưởng bởi truyền thống pháp luật Châu Âu lục địa (civil law), hệ thống pháp luật Việt Nam cần có những quy tắc điều chỉnh về hòa giải thành tại văn bản mang tính nền tảng chung cho các lĩnh vực luật tư, là Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, Bộ luật Dân sự Việt Nam qua nhiều thời kỳ đều không có quy phạm nào sử dụng thuật ngữ “hợp đồng dàn xếp”. Dường như, quy tắc gần gũi nhất của Bộ Luật Dân sự năm 2015 (cũng như các Bộ luật Dân sự trước đó), là quy tắc định nghĩa về hợp đồng. Theo đó, *“hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”*[[114]](#footnote-114)*.* Với quy định này, có thể thấy, hòa giải thành có nội hàm là một hợp đồng cụ thể, vì hòa giải thành thực chất là sự thỏa thuận của các bên tranh chấp về việc giải quyết tranh chấp đã phát sinh nên sự thỏa thuận đó xác lập, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại như vậy, thật khó để khẳng định, Bộ luật Dân sự coi hòa giải thành là một hợp đồng.

Trong phần các hợp đồng thông dụng, khi đưa ra danh sách các hợp đồng thông dụng, các nhà làm luật cũng không cho rằng, hợp đồng dàn xếp hay hợp đồng điều đình là một loại hợp đồng thông dụng, mặc dù, trong cuộc sống hòa giải, hay quá trình xác lập hợp đồng dàn xếp (điều đình) diễn ra hết sức phổ biến[[115]](#footnote-115). Chính vì vậy, một vấn đề đặt ra mà theo tác giả, sẽ là lỗ hổng pháp lý rất khó để khắc phục. Đó là trường hợp các bên trong hòa giải đã thỏa thuận được với nhau về giải pháp để giải quyết một phần hoặc toàn bộ tranh chấp, nhưng một trong các bên sau đó không thực hiện cam kết, bên còn lại có quyền khởi kiện tòa án theo cơ chế tranh chấp hợp đồng (dàn xếp, điều đình) hay không, và Bộ Luật Dân sự hiện hành do không khẳng định rõ hòa giải thành có là hợp đồng hay không nên câu hỏi vừa nêu cũng còn tranh cãi. Theo tác giả, trừ những trường hợp pháp luật có quy định khác (sẽ phân tích cụ thể ở các đoạn văn sau), khi một bên hòa giải thành không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết trong quá trình hòa giải, thì bên còn lại hoàn toàn có quyền áp dụng các biện pháp buộc thực hiện hợp đồng, trong đó có quyền khởi kiện tòa án theo cơ chế tranh chấp hợp đồng. Việc Bộ luật Dân sự hiện hành không quy định hợp đồng dàn xếp hay hợp đồng điều đình trong phần các hợp đồng thông dụng, không có nghĩa phủ định bản chất hòa giải thành là hợp đồng. Do đó, chủ thể, cũng như tòa án cần viện dẫn các quy định chung về hợp đồng để áp dụng cho việc giải quyết các tranh chấp đó (các quy định chung về hợp đồng còn có chức năng điều chỉnh các loại hợp đồng không thông dụng).

[2] Đối với hòa giải thành trong một lĩnh vực cụ thể là tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã, Luật Đất đai năm 2013 cũng chỉ giảnh một điều luật duy nhất (Điều 202) để quy định, và do đó, bản chất của hòa giải cũng chưa được thể hiện rõ. Việc điều chỉnh về hòa giải thành trong tranh chấp đất đai rất khiêm tốn về nội dung của Luật Đất đai năm 2013 đã bộc lộ những hạn chế nhất định. Theo đó, hiệu lực của hòa giải thành đã được Nghị định 43/2014/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai năm quy định:

 “*Sau thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết đối với ý kiến bổ sung và phải lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành”*[[116]](#footnote-116)*.*

Với quy định này, theo tác giả, pháp luật đất đai dường như chỉ tiếp cận hòa giải thành ở độ là một phương thức giải quyết tranh chấp đất đai mà chưa tiếp cận ở góc độ coi hòa giải thành là một hợp đồng. Bởi lẽ, sau khi các bên đã đạt được thỏa thuận, nhưng một bên vẫn có quyền thay đổi, chống lại sự thỏa thuận đó trong thời hạn 10 ngày. Với nguyên tắc chung của hợp đồng, quy định trên là chưa thực sự phù hợp khi cho phép mỗi bên được quyền bội ước đối với bên kia mà không cần dựa trên bất cứ căn cứ nào của luật hợp đồng. Với quy định như vậy, chúng ta thấy có những đặc điểm giống nhất định so với quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự, khi quy định về quyền của đương sự được “kháng cáo” bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, hòa giải thành, với bản chất là một hợp đồng được hình thành trên cơ sở tự nguyện của các bên tranh chấp, hoàn toàn khác với bản án sơ thẩm, vốn do quyền lực công của nhà nước ấn định nên được xét xử 2 cấp. Việc cho phép một bên có quyền thay đổi trong thời hạn 10 ngày có thể gây thiệt hại đáng kể cho bên còn lại.

Chẳng hạn, A đào móng để xây nhà thì B ngăn cản vì cho rằng móng nhà đã lấn sang đất của B với diện tích 20 mét vuông. Theo quy định, các bên buộc phải hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã trước khi yêu cầu cơ quan có thẩm quyền (Tòa án hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân). Tại buổi hòa giải, các bên đều thống nhất phương án rằng, phần đất tranh chấp sẽ thuộc về quyền sử dụng của A, tuy nhiên A phải có trách nhiệm chi trả cho B số tiền 50 triệu đồng vì từ trước đến nay B đã có công chở đất ở ngoài cánh đồng về đổ ở diện tích đất này để trồng chuối. Ngay khi thỏa thuận xong, A đã tiến hành chi trả tiền cho B, và cho nhân công tiếp tục xây móng và xây nhà như diện tích đất đã thỏa thuận. Tuy nhiên, khi đang xây nhà thì B lại nghe hàng xóm xúi dục nên đã ra Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu hủy bỏ nội dung hòa giải thành và đòi A đập nhà trả lại đất cho mình. Với trường hợp này, chúng ta sẽ thấy được những thiệt hại mà A phải gánh chịu là rất lớn.

Kể cả khi hòa giải thành và các bên không có yêu cầu thay đổi trong thời hạn 10 ngày, thì hòa giải thành vẫn chưa đương nhiên có hiệu lực và được tôn trọng, mà cần có sự công nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tùy vào chủ thể tranh chấp. Cụ thể, Cụ thể, *“đối với trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới, người sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi biên bản hòa giải đến Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau; gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp khác.*

*Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định công nhận việc thay đổi ranh giới thửa đất và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”*[[117]](#footnote-117)*.*

Với quy định trên, hòa giải thành tại Ủy ban nhân dân cấp xã trong tranh chấp đất đai cần sự công nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp tỉnh mới có hiệu lực nếu việc hòa giải thành thay đổi ranh giới thửa đất. Quy định này một lần nữa cho thấy sự bất hợp lý của pháp luật hiện hành về hòa giải thành nói chung và hòa giải thành tại Ủy ban nhân dân cấp xã trong tranh chấp đất đai nói riêng. Bởi lẽ, ở góc độ lý luận, như đã nêu, hòa giải thành có bản chất là hợp đồng dàn xếp, hợp đồng điều đình, nên có giá trị như bản án phúc thẩm, không có quyền thay phản đối vì mọi lý do. Tuy nhiên, ở đây, pháp luật lại quy định cơ quan hành chính có quyền quyết định cộng nhận hòa giải thành để tạo ra giá trị pháp lý cho hợp đồng dàn xếp, hợp đồng điều đình. Ở góc độ khác, kể cả khi xem xét vấn đề trong bối cảnh đặc thù, với sở hữu toàn dân về đất đai ở Việt Nam, trong đó các cơ quan hành chính đóng vai trò thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đất đai, có thể có những quyền nhất định trong bảo đảm trật tự quản lý đất đai. Tuy nhiên, công nhận hòa giải thành và quản lý ranh giới thửa đất có sự khác nhau nhất định. Nói cách khác, vẫn có thể thừa nhận hiệu lực của hòa giải thành mà không cần tách thửa. Nói khác nữa, vẫn có thể có quy tắc thừa nhận hiệu lực của hòa giải thành mà không cần một thủ tục công nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện và tỉnh.

Bên cạnh đó, quy định vừa nêu có sự xung đột, mâu thuẫn nhất định với quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 về công nhận kết quả hòa giải thành ngoài tòa án. Cụ thể, theo Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài tòa án là việc dân sự thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân và bộ luật này không loại trừ “trừ trường hợp pháp luật có quy định khác[[118]](#footnote-118). Do đó, theo theo văn bản này, tất cả các trường hợp hòa giải thành ngoài tòa án, nếu một trong các bên có yêu cầu, tòa án xem xét công nhận kết quả hòa giải thành[[119]](#footnote-119).

Như vậy, để được thi hành theo pháp luật thi hành án dân sự, hòa giải thành tại Ủy ban dân dân cấp xã đối với tranh chấp đất đai cần phải có sự công nhận của cơ quan nào? Nếu kết quả hòa giải thành được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền công nhận, dẫn tới việc hiện trạng ranh giới thửa đất sẽ được cập nhật vào hồ sơ địa chính cũng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trong trường hợp, cùng với tranh chấp đất, các bên có tranh chấp tài sản gắn liền với đất, và sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một bên không tuân thủ cam kết đối với tài sản gắn liền với đất trong hòa giải thành, thì việc công nhận của Ủy ban nhân dân có là cơ sở để cưỡng chế thi hành đối với tài sản gắn liền với đất theo quy định về thi hành án dân sự hay không? Hơn nữa, liệu có trái với nguyên tắc cơ bản trong pháp luật dân sự nói chung và pháp luật hợp đồng nói riêng: *“Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng*[[120]](#footnote-120)”.

[4]  Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2020 cũng tồn tại những hạn chế nhất định, trong việc không tiếp cận đúng nguyên tắc coi hòa giải thành có hiệu lực quyết tụng mà có xu hướng cho các bên cũng như viện kiểm sát nhân dân có quyền đề nghị, kiến nghị xem xét quyết định công nhận kết quả hòa giải thành. Cụ thể, Luật này quy định: *“Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành có thể bị xem xét lại theo đề nghị của các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án, kiến nghị của Viện kiểm sát nếu có căn cứ cho rằng nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên vi phạm một trong các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật này*”[[121]](#footnote-121). Như vậy, các bên hòa giải, đối thoại thành không buộc phải tuân thủ kết quả hòa giải, đối thoại ngay sau khi đạt được thỏa thuận. Kết quả hòa giải thành, đối thoại thành vẫn có thể bị xem xét lại theo cơ chế đề nghị không chỉ của các bên mà còn theo cơ chế kiến nghị của viện kiểm sát nhân dân. Theo chúng tôi, không thể cho phép một trong các bên đưa ra đề nghị hủy bỏ kết quả hòa giải thành như điều luật ở trên. Bên cạnh đó, chúng ta rất khó lý giải tại sao Viện Kiểm sát nhân dân lại có quyền kiến nghị xem xét lại một hợp đồng mà cơ quan này không phải là chủ thể, hay người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan đến hợp đồng dàn xếp, hay hợp đồng điều đình đó. Thiết nghĩ, việc công nhân hòa giải thành theo quy định của Luật này đang được quan niệm như thủ tục giải quyết một vụ án dân sự hơn là việc tiếp cận, xem xét kết quả hòa giải thành là một hợp đồng giữa các bên tranh chấp.

Bên cạnh đó, luật này quy định về điều kiện hòa giải, đối thoại thành cũng chưa thực sự hợp lý. Cụ thể như sau:

Một là, không ghi nhận năng lực pháp luật là một trong những điều kiện để công nhận hòa giải, đối thoại thành. Hòa giải, đối thoại thành có bản chất là một hợp đồng dàn xếp, nên trước hết, chủ thể hòa giải thành, đối thoại thành phải có năng lực pháp luật dân sự. Nếu thiếu điều kiện này, hòa giải thành hay đối thoại thành sẽ không có giá trị pháp lý theo đúng nghĩa là một thỏa thuận. Chẳng hạn, trong tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất giữa A và B, trong đó A là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, B là cá nhân trong nước. Các bên đồng ý hòa giải rằng, phần di sản 300 mét vuông đất do cha của A và B để lại sẽ được chia cho A 100 mét vuông, B sẽ được thừa kế 200 mét vuông do B đã có công sức nuôi dưỡng cha và bảo quản di sản. Sự thỏa thuận này có thể công nhận không?

Ở đây cần lưu ý rằng, không tồn tại một quy phạm Luật nào cấm Người Việt Nam định cư ở nước ngoài được thừa kế quyền sử dụng đất nên không thể viện dẫn lý do thỏa thuận này vi phạm điều cấm của Luật. Tuy nhiên, hoàn toàn có thể thấy rằng, nếu công nhận thỏa thuận này sẽ đi ngược lại tinh thần của điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013: *“Trường hợp người được thừa kế là người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 186 của Luật này thì được nhận thừa kế quyền sử dụng đất; nếu không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 186 của Luật này thì được hưởng giá trị của phần thừa kế đó”.*

*Hai là*, rất khó lý giải rằng, tại sao Khoản 3 Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020 lại quy định rằng, *“không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác”* là một trong những điều kiện để công nhận kết quả hòa giải thành. Đây là sự hành chính hóa quan hệ hợp đồng, và vi phạm nguyên tắc tự định đoạt của chủ thể trong quan hệ dân sự. Cần lưu ý rằng, trong quan hệ dân sự, nếu chủ thể có quyền không yêu cầu thì tòa án không được giải quyết.

**4. Một số kiến nghị**

Các công trình nghiên cứu về bản chất pháp lý của hòa giải thành hiện nay chưa nhiều. Do đó, bản chất pháp lý của hòa giải thành vẫn chưa được quan tâm ở góc độ nhận thức. Chính vì vậy, trong quá trình soạn thảo giữa Bộ Luật dân sự năm 2015 và các luật khác như: Luật Đất đai năm 2013, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2012, Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2020 vẫn chưa tiếp cận thống nhất việc coi hòa giải thành có bản chất là một hợp đồng. Do vậy, trước hết phải nhận thức đúng đắn bản chất của hòa giải thành là một loại hợp đồng. Từ đó, nhiệm vụ quan trọng nhất điều chỉnh về hòa giải thành phải thuộc về Bộ luật dân sư, chứ không phải ở các luật khác như hiện nay.

Ở phương diện lập pháp, cần có một mục riêng trong Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng dàn xếp hay hợp đồng điều đình, nhằm trước hết đưa loại hợp đồng này thành hợp đồng hữu danh, đồng thời, điều chỉnh những khía cạnh pháp lý cơ bản của hợp đồng này, như: hình thức bắt buộc của hợp đồng để có hiệu lực, thời điểm có hiệu lực,… Các luật về hòa giải chỉ nên quy định về trình tự, thủ tục tiến hành để đạt được hòa giải (hợp đồng).

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Luật Dân sự Bắc kỳ năm 1931;

2. Bộ Luật Dân sự năm 1972 của Chính quyền Sài Gòn;

3. Bộ Luật Dân sự năm 2015;

4. Nghị định 43/2014/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đất đai.

5. Luật Đất đai năm 2013;

6. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

7. Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án nhân dân năm 2020;

8. Nhà pháp luật Việt Pháp (dịch) (1999), Bộ Luật Dân sự Pháp, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

9. Tòa án nhân dân Tối cao Việt Nam, Liên minh châu Âu, Chương trình phát triển LHQ (2020), Báo cáo đánh giá mô hình thí điểm về hòa giải, đối thoại tại Tòa án Việt Nam;

**HÒA GIẢI TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI TẠI VIỆT NAM –**

**MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN**

***Trần Linh Huân[[122]](#footnote-122)\****

***Nguyễn Phước Thạnh[[123]](#footnote-123)\*\****

*TÓM TẮT:**Tranh chấp đất đai là một trong những tranh chấp phổ biến ở Việt Nam hiện nay. So với các tranh chấp khác, tranh chấp đất đai khá phức tạp và thường phải giải quyết bằng việc kết hợp nhiều phương thức khác nhau, trong đó có hòa giải. Hòa giải được xem là phương pháp ôn hòa đặt ý chí các chủ thể trong tranh chấp là trọng tâm nhằm hạn chế một cách tối đa những thiệt hại có thể xảy ra trên thực tế. Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung khái quát các vấn đề lý luận về hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai, phân tích làm rõ một số vấn đề còn hạn chế, bất cập trong quy định cũng như thực thi áp dụng pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai và từ đó đưa ra một số đề xuất kiện nghị hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng phương thức này trong giải quyết tranh chấp đất đai hiện nay.*

***Từ khóa****: Tranh chấp đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai, hòa giải.*

**1. Đặt vấn đề**

Tranh chấp đất đai là một trong những tranh chấp diễn ra rất phổ biến. Đất đai là một tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn tài nguyên vô giá và đất đai cũng có giá trị lớn khiến cho các tranh chấp đất đai khó có thể hạn chế. Một trong những cách thức giải quyết tranh chấp đất đai chính là thông qua con đường hòa giải. Nghị quyết số 49 -NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã ghi nhận *“Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài; tòa án hỗ trợ bằng quyết định công nhận việc giải quyết đó”*. Luật Đất đai 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018 cũng quy định tại khoản 1 Điều 202 *“Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai tự hòa giải hoặc giải quyết tranh chấp đất đai thông qua hòa giải ở cơ sở”*. Những quy định trên cho thấy Nhà nước ta rất quan tâm và khuyến khích người dân giải quyết tranh chấp đất đai thông qua con đường hòa giải. Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện hành về vấn đề này vẫn còn một số hạn chế, gây khó khăn cho công tác giải quyết tranh chấp đất đai cũng như ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp. Do đó, việc hoàn thiện khung pháp lý về hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tiễn là một yếu tố quan trọng để đảm bảo quyền và lợi ích của người dân.

**2. Khái quát về hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai**

Theo Từ điển tiếng Việt, hòa giải có nghĩa là “thuyết phục các bên đồng ý chấm dứt xung đột hoặc xích mích một cách ổn thỏa”.[[124]](#footnote-124) Theo Black's Law Dictionary, hòa giải (conciliation) có nghĩa là “Sự can thiệp, sự làm trung gian hòa giải; hành vi của người thứ ba làm trung gian giữa hai bên tranh chấp nhằm thuyết phục họ dàn xếp hoặc giải quyết tranh chấp giữa họ. Việc giải quyết tranh chấp thông qua người trung gian hòa giải (bên trung lập”.[[125]](#footnote-125) Theo khoản 24 Điều 2 Luật Đất đai 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018, tranh chấp đất đai là *“tranh chấp về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai”*. Như vậy, hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai có thể được hiểu là “biện pháp pháp lý giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất, theo đó bên thứ ba độc lập giữ vai trò trung gian trong việc giúp các bên có tranh chấp tìm kiếm những giải pháp thích hợp cho việc giải quyết các tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan đến quyền sử dụng đất và thương lượng với nhau về việc giải quyết quyền lợi của mình”.[[126]](#footnote-126)

Hiện nay, theo quy định của pháp luật, hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai bao gồm hòa giải trong tố tụng và hòa giải ngoài tố tụng, cụ thể:

*Thứ nhất, hòa giải trong tố tụng.* Theo quy định tại Điều 10 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) 2015 thì *“Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật này”.* Trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ những vụ án không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải theo luật định hoặc vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn (Thẩm phán tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ ngay sau khi khai mạc phiên tòa chứ không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải riêng).[[127]](#footnote-127) Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về vấn đề phải giải quyết trong vụ án dân sự thì Tòa án lập biên bản hòa giải thành.[[128]](#footnote-128) Hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải hoặc một Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công phải ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.[[129]](#footnote-129) Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được với nhau thì tranh chấp sẽ tiếp tục được giải quyết bằng con đường tư pháp. Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan hữu quan, hòa giải trong tố tụng đạt trung bình hàng năm 50,6% tổng số các vụ việc.[[130]](#footnote-130)

*Thứ hai, hòa giải ngoài tố tụng.* Hòa giải ngoài tố tụng trong giải quyết tranh chấp đất đai bao gồm hòa giải tiền tố tụng tại Tòa án nhân dân (TAND), hòa giải tại Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã và hòa giải ở cơ sở.

*Một là,* hòa giải tiền tố tụng tại TAND. Theo khoản 2 Điều 2 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 thì *“Hòa giải tại Tòa án là hoạt động hòa giải do Hòa giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ việc dân sự, nhằm hỗ trợ các bên tham gia hòa giải thỏa thuận giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Luật này”.* Hình thức hòa giải này được thí điểm tại 16 tỉnh, thành phố bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Vĩnh phúc, Quảng Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Quảng Nam, Nghệ An, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Đồng Nai, Hồ Chí Minh, Bình Dương, Long An, Cần Thơ. Theo Công văn số 308/TANDTC-PC của TAND tối cao ngày 09/10/2018 hướng dẫn một số hoạt động chuẩn bị triển khai thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại tại 16 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ngày 16/06/2020, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 chính thức được thông qua. Trong thời gian thí điểm tại 16 tỉnh thành, hòa giải tiền tố tụng tại TAND đã đạt được nhiều kết quả đáng chú ý. Theo đó, các trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án của 16 tỉnh, thành phố đã hòa giải thành, đối thoại thành được 36.985/47.493 vụ việc. Một số tỉnh, thành phố có số lượng vụ việc hòa giải thành, đối thoại thành cao như: Thành phố Hà Nội 5.487 vụ việc, thành phố Hồ Chí Minh 5.189 vụ việc, các tỉnh Bình Dương 4.263 vụ việc, Khánh Hòa 3.094 vụ việc…[[131]](#footnote-131)

*Hai là*, hòa giải tại UBND cấp xã. Theo khoản 2 Điều 202 Luật Đất đai 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018 thì *“Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải”*. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án *“Đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013 thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015”.* Còn đối với các tranh chấp khác thì *“Đối với tranh chấp khác liên quan đến quyền sử dụng đất như: tranh chấp về giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất, chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất,... thì thủ tục hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp không phải là điều kiện khởi kiện vụ án”.* Như vậy, đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất thì hòa giải tại UBND cấp xã là điều kiện bắt buộc để các chủ thể có quyền khởi kiện vụ án. Việc hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã tuy chưa có số lượng thống kê toàn quốc nhưng qua khảo sát tại tỉnh Long An vào năm 2018, tổng số vụ tranh chấp đất đai được thụ lý tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Long An là 2.478 vụ, trong đó hòa giải thành là 896 vụ, số vụ hòa giải không thành là 1.162 vụ. Cũng trong năm 2018, Tòa án hai cấp tại tỉnh Long An thụ lý 743 vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất (những tranh chấp này theo quy định của pháp luật phải hòa giải tại UBND cấp xã).[[132]](#footnote-132)

*Ba là*, hòa giải ở cơ sở. Theo khoản 1 Điều 2 Luật hòa giải ở cơ sở 2013 thì hòa giải ở cơ sở là *“Hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của Luật này”*. Theo số liệu của Bộ Tư pháp thì số vụ hòa giải thành theo Luật Hòa giải ở cơ sở tính từ năm 2016 đến năm 2018 là 323.046 vụ/393.649 vụ, đạt tỷ lệ 82,06%. Kết quả này góp phần làm giảm số lượng các tranh chấp phải đưa ra giải quyết tại cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian nêu trên, số vụ việc Hòa giải viên cơ sở thực hiện hòa giải chỉ chiếm 32,9% số lượng vụ việc mà Tòa án phải thụ lý giải quyết (393.649/1.196.487 vụ việc). Cũng trong thời gian này, còn 70.603 vụ việc chưa được hòa giải thành theo Luật Hòa giải ở cơ sở, góp phần làm cho số vụ việc mà Tòa án phải thụ lý, giải quyết tăng lên (năm 2018 tăng so với năm 2016 là 94.619 vụ việc).[[133]](#footnote-133) Theo thống kê Khảo sát thực địa được thực hiện trong tháng 9/2019 tại 03 tỉnh Hà Giang (đại diện cho khu vực miền Bắc), Đăk Nông (đại diện cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên) và Kiên Giang (đại diện cho khu vực miền Nam) trong khuôn khổ chương trình “Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam” do Liên minh châu Âu tài trợ với sự đóng góp tài chính từ UNDP, UNICEF và sự phối hợp của Bộ Tư pháp Việt Nam, khi được hỏi về lý do lựa chọn hòa giải ở cơ sở, 61.6% người dân được phỏng vấn trả lời họ và gia đình quyết định việc lựa chọn giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn bằng hòa giải ở cơ sở; 29.8% sử dụng hòa giải ở cơ sở vì bên có mâu thuẫn, tranh chấp yêu cầu giải quyết thông qua hòa giải; 19.8% trả lời rằng hai bên tranh chấp cùng đồng thuận sử dụng hòa giải ở cơ sở.[[134]](#footnote-134) Hòa giải ở cơ sở được sử dụng rộng rãi vì chi phí thấp, dễ tiếp cận, thông tin được bảo mật và tạo ra được không gian trao đổi thân thiện giữa các bên có tranh chấp, giảm bớt các vụ việc phải chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Tòa án.[[135]](#footnote-135)

*Ngoài ra*, theo khoản 2 Điều 202 Luật Đất đai 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018, còn có một hình thức hòa giải nữa là các bên tranh chấp tự hòa giải với nhau.[[136]](#footnote-136)

Qua những phân tích trên, có thể nhận thấy rằng, hoạt động hòa giải đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với công tác giải quyết tranh chấp đất đai.

**3. Thực trạng pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai**

Những quy định trên đã góp phần tạo nên cơ sở pháp lý vững chắc để hoạt động hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai diễn ra minh bạch, có hiệu quả. Mỗi loại hòa giải được điều chỉnh bởi một văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) khác nhau: BLTTDS 2015 điều chỉnh vấn đề hòa giải trong tố tụng; Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 điều chỉnh vấn đề hòa giải tiền tố tụng tại TAND; Luật Đất đai 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018 điều chỉnh vấn đề hòa giải tại UBND cấp xã; Luật hòa giải ở cơ sở 2013 điều chỉnh vấn đề hòa giải ở cơ sở. Ngoài ra, còn có nhiều văn bản QPPL khác như nghị định, thông tư, nghị quyết,… điều chỉnh vấn đề hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai. Những văn bản QPPL trên đã góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể. Tuy nhiên, vẫn có một số bất cập khiến cho hoạt động hòa giải chưa diễn ra thật sự hiệu quả, điều này được thể hiện ở các khía cạnh sau:

*Một là*, đối với hoạt động hòa giải tại UBND cấp xã, theo khoản 2 Điều 202 Luật Đất đai 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018 thì *“Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải”*. Tuy nhiên, trong thực tế, một số huyện không có chính quyền cấp xã như Côn Đảo, Lý Sơn,…[[137]](#footnote-137) như vậy, đối với các huyện này thì hoạt động hòa giải tại UBND cấp xã sẽ được thực hiện như thế nào, cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết và nếu cơ quan đó thụ lý, giải quyết thì đâu sẽ là cơ sở pháp lý để cơ quan trên thực hiện hành vi đó. Các quy định pháp luật hiện tại không đề cập đến trường hợp trên, dẫn đến sự lúng túng khi áp dụng quy định trên trong thực tế.

*Hai là*, đối với hoạt động hòa giải ở cơ sở, theo Điều 7 Luật hòa giải ở cơ sở 2013, tiêu chuẩn đối với hòa giải viên bao gồm *“Người được bầu làm hòa giải viên phải là công dân Việt Nam thường trú tại cơ sở, tự nguyện tham gia hoạt động hòa giải và có các tiêu chuẩn sau đây: 1. Có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư; 2. Có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật”*. Quy định trên quy định khá chung chung, mang tính định tính và không rõ ràng. Căn cứ nào để xác định là “có uy tín”, “có hiểu biết pháp luật” vẫn chưa được nêu rõ trong các quy định. Quy định lỏng lẻo như trên khiến cho các hòa giải viên ở cơ sở chưa thật sự có đủ kiến thức để thực hiện hoạt động hòa giải cũng như khiến công tác hòa giải ở cơ sở chưa thật sự hiệu quả. Nhiều cán bộ quản lý công tác hòa giải ở cơ sở nhận định rằng hiểu biết pháp luật, kỹ năng và nghiệp vụ hòa giải của đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở còn hạn chế. Hầu hết hòa giải viên không có kiến thức pháp luật, khá nhiều người chưa được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ về hòa giải. Về trình độ học vấn, mặc dù tiêu chuẩn hòa giải viên không yêu cầu, song, kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hòa giải viên chỉ tốt nghiệp tiểu học, trung học cơ sở cao hơn số người tốt nghiệp phổ thông trung học. Về trình độ chuyên môn, tỷ lệ không qua đào tạo nghề chiếm 50%, tỷ lệ hòa giải viên có trình độ cao đẳng, đại học rất thấp, chỉ có 9.9%.[[138]](#footnote-138) Chính thực trạng trên khiến cho nhiều người dân chưa hài lòng về năng lực và tính chuyên nghiệp của hòa giải viên ở cơ sở.

*Ba là*, đối với hoạt động hòa giải tiền tố tụng tại TAND, việc xác định thẩm quyền của Tòa án để tiến hành hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 có cần tuân theo quy định về thẩm quyền của Tòa án theo quy định của BLTTDS 2015 hay không. Hiện nay vấn đề này vẫn đang còn sự tranh cãi giữa hai quan điểm. Quan điểm thứ nhất cho rằng việc xác định thẩm quyền của Tòa án để tiến hành hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 cần có sự tách biệt quy định về thẩm quyền của Tòa án theo quy định của BLTTDS 2015 để tạo sự linh hoạt và thống nhất trong pháp luật. Quan điểm thứ hai cho rằng việc xác định thẩm quyền của Tòa án để tiến hành hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 phải tuân theo quy định về thẩm quyền của Tòa án theo quy định của BLTTDS 2015.[[139]](#footnote-139) Xét theo các quy định hiện hành[[140]](#footnote-140) thì quan điểm thứ hai có phần hợp lý hơn. Tuy nhiên, để hoạt động hòa giải tiền tố tụng tại TAND có sự tách biệt tương đối thì pháp luật cần có những quy định rõ ràng và cụ thể hơn.

**4. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định về hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai**

Hòa giải trong tranh chấp đất đai được xem là hoạt động hiệu quả để giảm thiểu, giải quyết có hiệu quả các tranh chấp đất đai. Trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành, công tác hòa giải trong tranh chấp đất đai đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, vẫn còn đó những mặt hạn chế khiến cho hoạt động hòa giải diễn ra thiếu hiệu quả. Vì thế, để hoạt động hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai diễn ra được hiệu quả, quyền và lợi ích của các bên được bảo vệ thì cần phải hoàn thiện các quy định pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật. Cụ thể, về mặt quy định pháp luật:

*Một là*, đối với hoạt động hòa giải tại UBND cấp xã, cần phải bổ sung quy định về việc hòa giải tại UBND trong trường hợp không có đơn vị hành chính cấp xã. Về vấn đề này, các nhà lập pháp có thể tham khảo các quy định trong Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân 2015 để từ đó ban hành các quy định phù hợp. Theo các quy định tại khoản 4 Điều 11[[141]](#footnote-141), khoản 1 Điều 25[[142]](#footnote-142) và khoản 1 Điều 31[[143]](#footnote-143) Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân 2015, đối với các huyện không có đơn vị hành chính cấp xã thì UBND cấp huyện sẽ có thẩm quyền. Các nhà làm luật có thể tham khảo những quy định trên và ban hành quy định đối với vấn đề hòa giải tại UBND trong trường hợp không có đơn vị hành chính cấp xã.

*Hai là*, đối với hoạt động hòa giải ở cơ sở, cần bổ sung những cơ sở, căn cứ cụ thể để xác định những cá nhân nào đáp ứng đủ các tiêu chí của hòa giải viên cơ sở. Việc quy định cụ thể sẽ giúp cho các địa phương thực hiện thống nhất và nâng cao hiệu quả của hoạt động hòa giải ở cơ sở. Các cơ quan có thẩm quyền cần tham khảo ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan để đề ra một bộ tiêu chí hợp lý.

*Ba là*, đối với hoạt động hòa giải tiền tố tụng tại TAND, cần bổ sung những hướng dẫn cụ thể hơn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020. Việc xác định thẩm quyền của Tòa án để tiến hành hòa giải vẫn phải thực hiện theo quy định của BLTTDS 2015 và việc quy định này đồng thời cũng đã giới hạn chủ thể tham gia hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 chỉ có thể là người khởi kiện và người bị kiện.[[144]](#footnote-144) Tuy nhiên, vấn đề hòa giải tiền tố tụng tại TAND vẫn có sự độc lập tương đối và các nhà làm luật cần bổ sung các quy định để làm rõ tính độc lập ấy. Ví dụ nếu tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án và thuộc trường hợp được phép hòa giải thì triển khai việc hòa giải tiền tố tụng tại TAND theo quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020; nếu vụ án thuộc trường hợp không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải theo luật định hoặc thuộc trường hợp được hòa giải, có thể tiến hành hòa giải theo quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 nhưng các bên không đồng ý hòa giải thì phải giải quyết tranh chấp theo quy trình tố tụng quy định tại BLTTDS 2015.[[145]](#footnote-145)

Bên cạnh việc hoàn thiện các quy định pháp luật thì vấn đề năng cao hiệu quả thực thi pháp luật cũng cần được quan tâm, cụ thể:

*Một là*, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của người dân về việc sử dụng hiệu quả phương thức hòa giải để giải quyết tranh chấp đất đai. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tranh chấp đất đai chưa được giải quyết hiệu quả bằng phương thức hòa giải là một phần do chính trình độ hiểu biết pháp luật, ý thức pháp luật của một số người dân còn hạn chế. Vì thế, công tác tuyên truyền pháp luật cần được chú trọng và tổ chức rộng rãi ở khắp các địa phương. Công tác tuyên truyền có thể được thực hiện qua các hội nghị, thông qua đài phát thanh, đài truyền hình. Trong bối cảnh dịch bệnh còn diễn biến phức tạp như hiện nay thì có thể thực hiện thông qua các hình thức trực tuyến. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền còn có thể thực hiện qua các hình thức khác như phát triển Tủ sách pháp luật, thành lập các trung tâm tư vấn pháp luật cho cộng đồng, tổ chức các phiên hòa giải giả định,..

*Hai là*, hoàn thiện và nâng cao kỹ năng giải quyết hòa giải tranh chấp đất đai của các hòa giải viên. Tăng cường công tác tổ chức tập huấn cho các hòa giải viên, đồng thời cần tổ chức các bài kiểm tra định kỳ để kiểm tra kiến thức của đội ngũ cán bộ. Các hòa giải viên cần một cái đầu nóng và một trái tim lạnh, có lý nhưng cũng có tình, mềm dẻo nhưng cũng cứng rắn để có thể giúp các bên tranh chấp hòa giải thành. Do đó, để công tác hòa giải đạt được hiệu quả cao thì nâng cao kiến thức, kỹ năng của đội ngũ cán bộ.

**5. Kết luận**

Tranh chấp đất đai là một trong những tranh chấp rất phổ biến và hoạt động hòa giải được xem như một trong những phương thức quan trọng trong việc giải quyết tranh chấp đất đai. Các văn bản QPPL đã được ban hành và tạo nên khung pháp lý vững chắc để điều chỉnh vấn đề trên. Tuy nhiên, các quy định hiện hành vẫn còn một số hạn chế khiến cho hoạt động hòa giải diễn ra thiếu hiệu quả. Vì thế, việc hoàn thiện các quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật là vấn đề cấp thiết để bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tranh chấp, để từ đó nâng cao hiệu quả trong hoạt động hòa giải tranh chấp đất đai.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đề cương giới thiệu Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, https://stp.thuathienhue.gov.vn/?gd=26&cn=350&tc=5310, truy cập ngày 28/9/2021.
2. Đặng Thanh Hoa, Nguyễn Đức Nam, “*Một số vấn đề về Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án*”, https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nghien-cuu/mot-so-van-de-ve-luat-hoa-giai-doi-thoai-tai-toa-an, truy cập ngày 28/9/2021.
3. Nguyễn Văn Hoàng (2017), “*Pháp luật hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai từ thực tiễn huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội”*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
4. Hồ Hương, “*Thực trạng các tranh chấp dân sự được hòa giải ngoài tố tụng dân sự*”, https://quochoi.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/content/tintuc/Lists/News&ItemID=44825, truy cập ngày 26/9/2021.
5. Liên minh châu Âu, UNDP, UNICEF, Bộ Tư pháp Việt Nam (2020), “*Báo cáo tóm tắt: Thực trạng giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải ở cơ sở*”.
6. Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học.
7. Hà Phong, Lý Thị Mai, “*Nhân văn, giảm tải áp lực xét xử*”, http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Phap-luat/1003256/nhan-van-giam-tai-ap-luc-xet-xu, truy cập ngày 27/9/2021.
8. Hà Phương, “*Lý Sơn trở thành huyện đảo thứ 2 không có chính quyền cấp xã*”, https://kinhtedothi.vn/ly-son-tro-thanh-huyen-dao-thu-2-khong-co-chinh-quyen-cap-xa-378784.html, truy cập ngày 28/9/2021.

**CHỦ ĐỀ 2:**

**HÒA GIẢI TRONG TỐ TỤNG**

**HOÀ GIẢI TRONG TỐ TỤNG TRỌNG TÀI**

***Đỗ Văn Đại\****

*[[146]](#footnote-146)TÓM TẮT: Bài viết tập trung phân tích, luận giải các vấn đề pháp lý về hòa giải trong tố tụng trọng tài như: Cách thức tiến hành hoà giải trong tố tụng trọng tài, hiệu lực của quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên, sự việc đã được giải quyết trong quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên .*

***Từ khóa:*** *Hòa giải, tố tụng trọng tài, quyết định công nhận sự thỏa thuận*

**Dẫn nhập**

“Hoà giải” là một thuật ngữ pháp lý, tồn tại trong nhiều văn bản tại Việt Nam. Theo Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 về hoà giải thương mại, “*Hòa giải thương mại* là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại do các bên thỏa thuận và được hòa giải viên thương mại làm trung gian hòa giải hỗ trợ giải quyết tranh chấp theo quy định của Nghị định này” (khoản 1 Điều 3). Bên cạnh đó, Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013 quy định *“Hòa giải ở cơ sở* là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của Luật này” (khoản 1 Điều 2). Mới đây, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020 quy định “*Hòa giải tại Tòa án* là hoạt động hòa giải do Hòa giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ việc dân sự, nhằm hỗ trợ các bên tham gia hòa giải thỏa thuận giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Luật này” (khoản 1 Điều 2).

Luật trọng tài thương mại năm 2010 (sau đây là “Luật TTTM”) cũng có quy định về hoà giải tại Điều 9 theo đó “Trong quá trình tố tụng trọng tài, các bên có quyền yêu cầu Hội đồng trọng tài *hòa giải* để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp”. Hiện nay, chưa có định nghĩa chính thức của thuật ngữ “hoà giải” nhưng, từ các quy định trên, chúng ta có thể nhận ra một số yếu tố cơ bản của hoà giải. *Thứ nhất*, hoà giải có thể được triển khai khi tồn tại bất đồng giữa các bên và bất đồng đó có thể là “mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật”, “vụ việc dân sự” và, trong tố tụng trọng tài, là “tranh chấp” giữa các bên; *thứ hai*, người tiến hành hoà giải là người thứ ba so với các bên có vấn đề cần được giải quyết và, trong tố tụng trọng tài, là Hội đồng trọng tài; *thứ ba*, vai trò của người hoà giải không là “giải quyết” bất đồng giữa các bên mà là hỗ trợ, hướng dẫn, giúp đỡ các bên để giải quyết bất đồng và, trong tố tụng trọng tài, là “để các bên thoả thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp”.

Trong quá trình tố tụng trọng tài, hoà giải có vai trò không nhỏ trong việc giải quyết tranh chấp. Ở đây, chúng ta làm rõ các câu hỏi: việc hoà giải trong tố tụng trọng tài được tiến hành như thế nào? Kết quả hoà giải thành có giá trị pháp lý ra sao? Sự việc đã được hoà giải có thể được yêu cầu giải quyết lại hay không? Đó là những vấn đề sẽ được làm rõ ở đây.

**1. Cách thức tiến hành hoà giải trong tố tụng trọng tài**

***1.1. Các bước tiến hành hoà giải trong tố tụng trọng tài***

**Yêu cầu của các bên**. Hoà giải trong tố tụng trọng tài chỉ được tiến hành trên cơ sở yêu cầu của các bên. Thực tế, Điều 58 Luật TTTM đã quy định, “theo yêu cầu của các bên, Hội đồng trọng tài tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp”.

Do đó, nếu các bên không có yêu cầu (thoả thuận) về việc hoà giải trong quá trình tố tụng trọng tài, Hội đồng trọng tài không thể tiến hành hoà giải; yêu cầu của các bên là điều kiện tiên quyết cho việc triển khai hoà giải tại tố tụng trọng tài.

Trong thực tế tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC), thông thường Hội đồng trọng tài khuyến nghị các bên hoà giải và chỉ khi nào các bên đồng ý tiến hành hoà giải thì Hội đồng trọng tài mới tiến hành hoà giải.

**Thời gian hoà giải (trong Phiên họp)**. Trong quá trình tố tụng trọng tài, phiên họp giải quyết tranh chấp có vai trò quan trọng và Luật TTTM đã dành nhiều quy định về phiên họp này (Điều 54 và tiếp theo).

 Trên cơ sở Điều 58 Luật TTTM, việc hoà giải có thể được tiến hành trong quá trình diễn ra phiên họp giải quyết tranh chấp. Ở đây, Luật không giới hạn về thời gian nên việc hoà giải có thể được tiến hành ở phần đầu của phiên họp (trước khi các bên tranh luận về những nội dung có bất đồng) hay sau đó khi mà các bên đã tranh luận với nhau về nội dung có bất đồng. Ưu điểm của việc tiến hành hoà giải trước khi các bên tranh luận về nội dung có bất đồng là lúc đó các bên chưa căng thẳng với nhau và Hội đồng trọng tài có thể gợi ý các hướng hoà giải cho các bên. Còn ưu điểm của việc tiến hành hoà giải sau khi các bên đã tranh luận với nhau là các bên, sau tranh luận, biết được điểm yếu và điểm mạnh của mình nên có thể chấp nhận những phương án dung hoà nhất có lợi cho mình.

Kinh nghiệm của người viết cho thấy khoảng 1/3 vụ việc được thụ lý tại VIAC kết thúc bằng thoả thuận hoà giải thành và kết quả này có thể đến từ việc hoà giải trước tranh luận và hoà giải sau tranh luận.

**Thời gian hoà giải (ngoài Phiên họp)**. Trong tố tụng trọng tài có thể có nhiều phiên họp giải quyết tranh chấp và câu hỏi đặt ra là việc hoà giải có thể được tiến hành độc lập với phiên họp giải quyết tranh chấp không? Cụ thể, việc hoà giải có thể được tiến hành trước phiên họp giải quyết tranh chấp hay trong thời gian giữa các phiên họp giải quyết tranh chấp không?

 Nếu chỉ tập trung vào Điều 58 Luật TTTM, chúng ta sẽ hiểu rằng việc hoà giải phải được tiến hành trong phiên họp giải quyết tranh chấp vì Điều 58 nằm trong Chương VIII về Phiên họp giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bên cạnh Điều 58, chúng ta còn Điều 9 Luật TTTM quy định về hoà giải như chúng ta đã thấy trong phần Dẫn nhập. Ở đây, Điều 9 ghi nhận khả năng hoà giải và điều luật này nằm trong phần Những quy định chung (Chương I) nên có thể áp dụng trong phiên họp giải quyết tranh chấp cũng như ngoài phiên họp giải quyết tranh chấp.

 Kinh nghiệm giải quyết tranh chấp tại Trọng tài cho thấy việc hoà giải ngoài phiên họp giải quyết tranh chấp không có tính khả thi cao vì các lý do chính sau: *Thứ nhất*, để tiến hành hoà giải, Điều 9 vẫn đòi hỏi phải có “yêu cầu của các bên” và rất khó có được sự đồng thuận của các bên (tức yêu cầu của các bên) ngoài phiên họp giải quyết tranh chấp (thường tại phiên họp giải quyết tranh chấp, Hội đồng trọng tài gợi ý hoà giải và các bên đồng ý yêu cầu Hội đồng trọng tài tiến hành hoà giải thì Hội đồng trọng tài mới tiến hành hoà giải); *thứ hai*, hiện nay vẫn chưa rõ về giá trị pháp lý của kết quả hoà giải ngoài phiên họp giải quyết tranh chấp vì Điều 58 nằm trong phần Phiên họp giải quyết tranh chấp có quy định về giá trị pháp lý của kết quả hoà giải như chúng ta sẽ thấy nhưng quy định tương tự như vậy chưa thấy tồn tại đối với kết quả hoà giải ngoài phiên họp giải quyết tranh chấp.

***1.2. Kết quả của hoà giải trong tố tụng trọng tài***

**Các dạng kết quả của việc hoà giải**. Sau khi Hội đồng trọng tài tiến hành hoà giải với các bên, chúng ta sẽ có 2 dạng kết quả.

 Kết quả thứ nhất là các bên đạt được thoả thuận đối với nội dung có tranh chấp; thoả thuận đạt được có thể là chấm dứt toàn bộ nội dung tranh chấp nhưng cũng có thể là làm chấm dứt một phần tranh chấp (thông thường, một khi đã hoà giải được thì hoà giải được toàn bộ nội dung tranh chấp). Kết quả thứ hai là các bên không đạt được thoả thuận đối với nội dung tranh chấp và, lúc này, Hội đồng trọng tài sẽ giải quyết nội dung tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có, tranh luận của các bên.

 Kinh nghiệm cho thấy vị thế của Hội đồng trọng tài khi tiến hành hoà giải trong quá trình tố tụng trọng tài có nhiều ưu điểm. Bởi lẽ, bên cạnh tư cách hoà giải viên trong quá trình hoà giải, các thành viên của Hội đồng trọng tài còn có quyền giải quyết tranh chấp mà không cần sự thống nhất của các bên về nội dung tranh chấp (khi các bên không đạt được thoả thuận, Hội đồng trọng tài sẽ có hướng giải quyết của mình và hướng này ràng buộc các bên). Chính quyền năng giải quyết tranh chấp này đã giúp nhiều Hội đồng trọng tài hoà giải thành công tranh chấp trong thực tế vì các bên biết rằng nếu không hoà giải được thì họ sẽ có một phán quyết của Hội đồng trọng tài ràng buộc họ và việc này không phụ thuộc vào viêc có đồng ý hay không nên, trước áp lực như vậy, nhiều khi các bên nhượng bộ nhau để có một thoả thuận hoà giải thành như chúng ta phân tích ở phần dưới đây.

**Thoả thuận hoà giải thành**. Khi các bên đạt được thoả thuận sau khi hoà giải, về lý thuyết có thể có thoả thuận hoà giải thành mà không cần thêm sự can thiệp của Hội đồng trọng tài. Lúc này, thoả thuận của các bên vẫn ràng buộc các bên trên cơ sở khoản 2 Điều 3 BLDS năm 2015 theo đó “*thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng*”.

 Thực tế, thoả thuận hoà giải thành trong quá trình tố tụng trọng tài vẫn thường có kết quả với sự tham gia của Hội đồng trọng tài. Ở đây, theo Điều 58 Luật TTTM, “khi các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết trong vụ tranh chấp thì Hội đồng trọng tài lập biên bản hoà giải thành có chữ ký của các bên và xác nhận của các Trọng tài viên”.

Lúc này, biên bản hoà giải thành có chữ ký của các bên và xác nhận của các trọng tài viên có hiệu lực như một thoả thuận trên cơ sở khoản 2 Điều 3 BLDS năm 2015 nêu trên.

**Quyết định công nhận thoả thuận**. Trong thực tế, khi thoả thuận hoà giải thành, các bên thường mong muốn Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận và Luật TTTM có quy định về việc công nhận này.

Ở Việt Nam, theo Điều 58 Luật TTTM, “Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên”. Ở đây, sự thoả thuận của các bên được ghi nhận trong quyết định của Hội đồng trọng tài để tạo ra một quyết định có giá trị như một phán quyết trọng tài. Thực ra, việc ban hành quyết định công nhận sự thoả thuận như vừa nêu cũng được ghi nhận trong Luật Mẫu và nhiều nước theo Luật Mẫu.

Cụ theo Luật Mẫu, trên cơ sở yêu cầu của các bên, Toà án trọng tài “ghi nhận sự việc bằng một phán quyết trọng tài” (khoản 1 Điều 30). Sau này, Bộ luật tư pháp của Bỉ cũng theo hướng vừa nêu tại Điều 1712 và tương tự như vậy ở Hy Lạp như chúng ta sẽ thấy ở phần sau.

**Trên cơ sở yêu cầu của cả hai bên**. Một nội dung được tranh luận khá nhiều liên quan đến việc Trọng tài ban hành quyết định công nhận chỉ cần trên cơ sở yêu cầu của một bên hay của cả hai bên. Đây là nội dung được tranh luận khi xây dựng Luật Mẫu và Luật Mẫu ngày nay theo hướng Trọng tài ban hành phán quyết công nhận sự thoả thuận của các bên “nếu các bên yêu cầu việc này” (khoản 1 Điều 30). Tài liệu xây dựng Luật Mẫu ở giai đoạn năm 1983 cho rằng, với việc ban hành phán quyết/quyết định công nhận trên cơ sở yêu cầu của cả hai bên, “rủi ro về sự bất công sẽ ít đi nếu cả hai bên phải yêu cầu quyết định công nhận sự thoả thuận được ban hành”[[147]](#footnote-147).

 Ở Việt Nam, Điều 58 Luật TTTM về hoà giải thành quy định “*Theo yêu cầu của các bên*, Hội đồng trọng tài tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp. Khi các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết trong vụ tranh chấp thì Hội đồng trọng tài lập biên bản hoà giải thành có chữ ký của các bên và xác nhận của các Trọng tài viên. Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên”. Quy định này bắt đầu bằng “theo yêu cầu của các bên” và chúng ta chắc chắn là việc hoà giải chỉ được tiến hành trên yêu cầu của các bên nhưng chưa thực sự rõ là yêu cầu của các bên có cần thiết đối với công đoạt công nhận và cho thi hành hay không. Nói cách khác, ở quy định trên, chúng ta thấy có ít nhất 03 công đoạt là tiến hành hoà giải (công đoạn 1), xác lập biên bản hoà giải thành (công đoạn 2) và ban hành quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên (công đoạn 3) và yêu cầu của cả hai bên chắc chắn là cần thiết đối với công đoạn 1 nhưng chưa thực sự rõ đối với công đoạn 3.

 Thực tế, một khi các bên đạt được hoà giải thành và đã lập hoà giải thành thành văn bản, các bên yêu cầu Trọng tài ban hành quyết định công nhận. Tuy nhiên, về lý thuyết, vẫn có thể xảy ra bất đồng của các bên ở công đoạn thứ ba nêu trên. Bởi vậy, thiết nghĩ, chúng ta nên theo hướng như Luật Mẫu là Trọng tài chỉ ban hành quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên khi việc ban hành này là trên cơ sở yêu cầu của các bên; nếu chỉ một bên yêu cầu ban hành quyết định công nhận, Trọng tài không bên ban hành quyết định công nhận mặc dù các bên đã có sự thoả thuận về nội dung tranh chấp (lúc này coi như các bên chỉ có thoả thuận có giá trị như một hợp đồng thông thường về tranh chấp của các bên).

**Quyền/nghĩa vụ ban hành quyết định (nước ngoài)**. Ở trên, chúng ta thấy Trọng tài được ban hành quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên và câu hỏi đặt ra là, khi được yêu cầu công nhận, Trọng tài có nghĩa vụ hay có quyền ban hành quyết định công nhận nêu trên?

Luật Mẫu theo hướng Hội đồng trọng tài công nhận sự thoả thuận “nếu không có phản đối về thoả thuận của các bên” (khoản 1 Điều 30) và, theo tài liệu xây dựng Luật Mẫu, “các trọng tài viên không buộc phải ký mọi thoả thuận mà các bên đã đạt được, biết rằng nội dung trong thoả thuận như vậy có thể, trong một số trường hợp rất đặc biệt, trái với luật hay trật tự công cộng và nhất là trái với những khái niệm nền tảng của lẽ công bằng và công lý”[[148]](#footnote-148). Thực tế, trong quá trình xây dựng Luật Mẫu, “theo quan điểm của Mexico, Toà án trọng tài không được từ chối công nhận, thông qua phán quyết, thoả thuận của các bên” nhưng, với việc đặt ra điều kiện “nếu không có phản đối về thoả thuận của các bên”[[149]](#footnote-149), Luật Mẫu đã theo hướng Trọng tài không bắt buộc phải ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên và vẫn có thể từ chối làm việc này. Nói cách khác, trong khuôn khổ của Luật Mẫu, “cho dù vẫn thường xuyên ủng hộ việc các bên yêu cầu công nhận sự thoả thuận của các bên, Toà án trọng tài không bắt buộc phải công nhận trong mọi trường hợp (ví dụ như khi có nghi ngờ về sự gian lận hay các nội dung trong thoả thuận không hợp pháp hay hoàn toàn thiếu công bằng)”[[150]](#footnote-150).

Hy Lạp ban hành Luật trọng tài thương mại quốc tế năm 1999 và, tại Điều 30, Luật này quy định Trọng tài ban hành quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên “nếu nội dung thoả thuận của các bên không trái với trật tự công cộng”. Ở đây, “quy định của Hy Lạp cho người đọc hiểu rằng Toà án trọng tài thực sự có một nghĩa vụ ban hành phán quyết công nhận sự thoả thuận của các bên, trừ một ngoại lệ”[[151]](#footnote-151) và “có những trường hợp mà các trọng tài viên hoàn toàn đúng khi không muốn ràng buộc bởi một thoả thuận trái với quy định bắt buộc của luật, trái với tập quán, thuần phong mỹ tục hay bởi một thoả thuận có sự gian lận”[[152]](#footnote-152). Ở Bỉ, Điều 1712 Bộ luật tư pháp theo hướng “nếu các bên yêu cầu, Toà án trọng tài công nhận thông qua một phán quyết thoả thuận của các bên trừ khi thoả thuận đó trái với trật tự công cộng” nên “Toà án trọng tài không thể ban hành quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên nếu thoả thuận của các bên trái với trật tự công cộng”[[153]](#footnote-153) và “đó có thể là trường hợp như khi thoả thuận của các bên hợp thức hoá việc rửa tiền hay buôn bán vũ khí”[[154]](#footnote-154). Hướng tương tự cũng được ghi nhận trong Luật trọng tài tự nguyện năm 2011 của Bồ Đào Nha (khoản 2 Điều 41)[[155]](#footnote-155).

**Quyền/nghĩa vụ ban hành quyết định (Việt Nam)**. Kinh nghiệm nước ngoài ở phần trên cho thấy Trọng tài có thể không ban hành quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên. Về nội dung này, kinh nghiệm của Bỉ khá lý thú. Cụ thể, “trong luật trước đây, việc kiểm tra sự tương thích với trật tự công cộng của thoả thuận của các bên chỉ được tiến hành bởi toà án khi Toà án được yêu cầu công nhận phán quyết ghi nhận sự thoả thuận để trao hiệu lực thi hành. Không như trong luật mới, việc kiểm soát trong luật trước đây đã không được yêu cầu đối với chính các trọng tài viên”[[156]](#footnote-156). Với sự thay đổi nêu trên ở Bỉ, Trọng tài có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp của thoả thuận khi được yêu cầu công nhận sự thoả thuận và khi thoả thuận đó trái với trật tự công cộng thì Trọng tài không có nghĩa vụ ban hành quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên.

Ở Việt Nam, Điều 58 Luật TTTM chưa thực sự rõ là Hội đồng trọng tài có bắt buộc phải ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên hay không. Quy định trong Luật chưa rõ là Hội đồng trọng tài có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp của thoả thuận mà các bên đã đạt được hay không. Trong thực tiễn giải quyết tranh chấp tại VIAC, khi chúng tôi tiến hành công nhận sự thoả thuận của các bên sau hoà giải, chúng tôi vẫn kiểm tra tính hợp pháp sự thoả thuận của các bên trước khi ban hành quyết định công nhận và chúng tôi cũng chỉ ban hành quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên khi thoả thuận đó là hợp pháp. Chẳng hạn, trong thoả thuận, các bên thoả thuận với nhau về mức lãi chậm trả nhưng mức lãi trong thoả thuận của các bên lại vượt quá mức cho phép trong pháp luật. Trong trường hợp như vừa nêu, chúng tôi vẫn khuyến nghị các bên tuân theo pháp luật và tiến hành công nhận sự thoả thuận của các bên sau khi các bên điều chỉnh mức lãi phù hợp với quy định.

Phần sau cho thấy quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên chịu sự điều chỉnh của chế định huỷ phán quyết trọng tài nên, khi ban hành quyết định công nhận, Hội đồng trọng tài cần kiểm tra lại sự thoả thuận để tránh trường hợp quyết định của mình bị rơi vào trường hợp bị huỷ. Do đó, nếu thoả thuận của các bên không hợp pháp, Hội đồng trọng tài hoàn toàn có thể từ chối việc công nhận cho dù được các bên yêu cầu.

**Nội dung của quyết định công nhận**. Phần sau cho thấy quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên có giá trị như phán quyết trọng tài trong khi đó, theo Luật TTTM, phán quyết trọng tài phải có nội dung là “*Căn cứ để ra phán quyết*, trừ khi các bên có thoả thuận không cần nêu căn cứ trong phán quyết” (điểm đ khoản 1 Điều 61).

 Quyết định công nhận sự thoả thuận đang được nghiên cứu có cần nội dung nêu “căn cứ” không? Luật Mẫu có quy định về loại quyết định này tại Điều 30 và quy định tại khoản 2 Điều 31 rằng “phán quyết trọng tài phải nêu căn cứ, trừ khi các bên có thoả thuận không cần nêu căn cứ *hoặc đó là phán quyết ghi nhận sự thoả thuận của các bên phù hợp với Điều 30*”. Ở đây, Luật Mẫu đã theo hướng phán quyết công nhận sự thoả thuận của các bên không cần phải nêu căn cứ và hướng này cũng được ghi nhận một một số hệ thống khác như trong Luật về trọng tài tự nguyện năm 2011 của Bồ Đào Nha (khoản 3 Điều 42)[[157]](#footnote-157). Ở Việt Nam, Luật TTTM không có quy định tương tự như Luật Mẫu. Tuy nhiên, trong Điều 58, Luật TTTM chỉ nêu “Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên” mà không đòi hỏi phải nêu căn cứ (ngoại trừ có thể viện dẫn Điều 9, Điều 58 Luật TTTM hay quy tắc tố tụng về hoà giải trong quá trình tố tụng). Vì vậy, chúng ta cũng không có lý do để buộc Hội đồng trọng tài nêu căn cứ (về nội dung của thoả thuận) trong quyết định công nhận của mình.

 Trong thực tiễn tại VIAC, quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên thường chỉ nêu căn cứ là quy định về hoà giải trong tố tụng trọng tài (quy tắc tố tụng, Điều 9 và Điều 58 Luật TTTM) và không nêu căn cứ về nội dung liên quan đến thoả thuận của các bên. Thực trạng như vậy tương thích với Luật Mẫu nêu trên và phù hợp với Luật TTTM vì Luật TTTM không đòi hỏi yếu tố này.

**2. Hiệu lực của quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên**

***2.1. Quyết định công nhận như phán quyết trọng tài***

**Sự không thống nhất trên thế giới**. Việc Hội đồng trọng tài ban hành quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên sẽ làm cho thoả thuận có tính rằng buộc pháp lý cao hơn một thoả thuận thông thường. Khi Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên sau hoà giải, quyết định này có được coi là phán quyết trọng tài để chịu sự điều chỉnh của chế định về phán quyết trọng tài không?

 Đây là điểm gây tranh cãi trên thế giới. Ở Pháp, “Bộ luật tố tụng dân sự mới im lặng về chủ đề này”[[158]](#footnote-158) và Toà án tối cao không coi đây là một phán quyết trọng tài để được hưởng cơ chế điều chỉnh của phán quyết trọng tài như không được hưởng cơ chế thi hành của một quyết định tài phán. Thực tế, Toà án tối cao Pháp đã từng xét rằng “việc chỉ đơn thuần ghi nhận, trong phần quyết định, sự thoả thuận của các bên mà không có bất kỳ căn cứ nào trong nội dung quyết định, không thể được xem xét như một quyết định mang tính tài phán”[[159]](#footnote-159). Với hướng này, “không thể ghi nhận giá trị phán quyết trọng tài khi trọng tài viên giới hạn ở việc xác nhận thoả thuận giữa các bên và như vậy không thể để quyết định về thoả thuận của các bên vào chế định của phán quyết trọng tài”[[160]](#footnote-160). Ở Đức, Toà án Francfort cũng theo hướng này vì đã cho rằng “Toà án nhà nước từ chối yêu cầu công nhận và cho thi hành đối với phán quyết ghi nhận sự thoả thuận của các bên với lý do tài liệu ghi nhận thoả thuận của các bên không đáp ứng các yêu cầu về hình thức của một phán quyết trọng tài. Đó chỉ là một thoả thuận được xác lập giữa các bên trong quá trình tố tụng trọng tài khi nó không được tuyên trong nội dung văn bản được xác định là phán quyết trọng tài”[[161]](#footnote-161).

 Ngược lại, ở Mỹ, “Toà án tối cao ghi nhận quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên (với tên gọi ‘Award on agreed terms') do Iran United States Claims Tribunal ban hành có cùng cơ chế như tất cả các phán quyết trọng tài đến từ Toà án này theo hướng nó cũng được coi là cuối củng, ràng buộc và có hiệu lực thi hành”[[162]](#footnote-162).

**Hướng xử lý ở Việt Nam**. Nội dung trên cho thấy sự khác biệt giữa các hệ thống về giá trị của quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể, “quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên về nguyên tắc là một phán quyết trọng tài đầy đủ”[[163]](#footnote-163) và pháp luật Việt Nam theo hướng này.

Ở đây, chúng ta ghi nhận quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên trong quá trình tố tụng như một phán quyết trọng tài. Bởi lẽ, Điều 58 Luật TTTM đã quy định “Quyết định này là chung thẩm và có giá trị như phán quyết trọng tài”. Hướng như vừa nêu của pháp luật Việt Nam là thuyết phục, cần được duy trì để thúc đẩy các bên sớm kết thúc tranh chấp và duy trì được quan hệ của họ sau khi tranh chấp kết thúc (khi các bên hoà giải được với nhau, cơ hội duy trì quan hệ cao hơn so với việc một bên bị xét thắng/thua bởi Trọng tài).

Thực ra, đây cũng là hướng được ghi nhận trong Luật Mẫu vì Điều 30 Luật Mẫu quy định “một phán quyết như vậy có cùng cơ chế điều chỉnh và cùng hiệu lực như bất kỳ phán quyết khác được tuyên về nội dung vụ việc”. Sau khi Luật Mẫu có quy định này, một số hệ thống khác cũng có quy định tương tự như trường hợp của Luật Bồ Đào Nha năm 2011 về trọng tài tự nguyện (Điều 41)[[164]](#footnote-164), Luật của Uruguay năm 2018 về trọng tài thương mại quốc tế (Điều 30)[[165]](#footnote-165).

***2.2. Hiệu lực thi hành của quyết định công nhận***

**Ghi nhận giá trị thi hành của quyết định công nhận**. Trên cơ sở khoản 2 Điều 3 BLDS, chúng ta đã thấy thoả thuận hoà giải thành của các bên có hiệu lực ràng buộc các bên thực hiện. Tuy nhiên, nếu một trong các bên không thực hiện thoả thuận này, bên kia có được yêu cầu cưỡng chế thi hành hay không? Nghiên cứu ở nước ngoài đã khẳng định “người thụ hưởng của phán quyết ghi nhận sự thoả thuận của các bên có thể tiến hành cưỡng chế thi hành theo các quy định chung về phán quyết trọng tài”[[166]](#footnote-166) và “phán quyết công nhận sự thoả thuận của các bên có bản chất làm cho việc cưỡng chế thi hành thoả thuận của các bên dễ dàng hơn”[[167]](#footnote-167). Chúng ta đã thấy Luật Mẫu ghi nhận quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên như một phán quyết trọng tài giải quyết nội dung tranh chấp và tài liệu xây dựng Luật Mẫu cho thấy quyết định như vậy có hiệu lực thi hành như phán quyết trọng tài thông thường. Thực tế, Dự thảo Luật Mẫu năm 1983 lúc đó đã quy định tại Điều 33 (khoản 2) rằng quyết định/phán quyết công nhận sự thoả thuận của các bên “có cùng hiệu lực thi hành như phán quyết giải quyết nội dung tranh chấp”[[168]](#footnote-168) và, đến năm 1984, cụm từ “cùng hiệu lực thi hành” bởi cụm từ đang có trong Luật Mẫu hiện hành là “cùng hiệu lực”[[169]](#footnote-169).

Ở Việt Nam, Điều 58 Luật TTTM quy định “*Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên. Quyết định này là chung thẩm và có giá trị như phán quyết trọng tài*”. Thực ra, quy định như vậy chưa thực sự rõ nét về hiệu lực thi hành của quyết định công nhận thoả thuận của các bên. Về phía mình, Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014 (gọi chung là “Luật THADS”) có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành phán quyết trọng tài. Tại Điều 1, Luật THADS khẳng định “*Luật này quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục thi hành (…) phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại*”. Bên cạnh đó, điểm e khoản 1 Điều 2 Luật THADS khẳng định “*Những bản án, quyết định được thi hành theo Luật này bao gồm: Phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại*”. Ở đây, đối tượng được điều chỉnh bởi Luật THADS có “phán quyết, quyết định” của Trọng tài trong khi đó “quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên” do Hội đồng trọng tài ban hành cũng thuộc nhóm này vì đó là “quyết định” và “có giá trị như phán quyết trọng tài”. Do đó, trên cơ sở các quy định trong Luật THADS, quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên sau hoà giải hoàn toàn có thể bị cưỡng chế thi hành như bản án của Toà án hay phán quyết trọng tài thông thường. Trong thực tế, không hiếm trường hợp quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên sau khi hoà giải thành đã được cơ quan thi hành án tại Việt Nam tổ chức thi hành như bản án của Toà án hay phán quyết thông thường của Trọng tài.

Việc ghi nhận giá trị thi hành của quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên chính là một ưu điểm quan trọng của thoả thuận hoà giải thành được công nhận bởi quyết định của Hội đồng trọng tài. Ở đây, quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên là “một công cụ có mục đích trao hiệu lực thi hành cho sự thoả thuận của các bên”[[170]](#footnote-170) và, “trong hoàn cảnh các bên, sau khi đã tìm được thoả thuận giải quyết tranh chấp trong quá trình tố tụng, yêu cầu Trọng tài ban hành một phán quyết ghi nhận sự thoả thuận đó. Lợi ích đối với các bên là được hưởng chế định gắn liền với phán quyết trọng tài (nhất là với mục đích cưỡng chế thi hành)”[[171]](#footnote-171).

**Giá trị thi hành đương nhiên của quyết định công nhận**. Quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên sau hoà giải tại trọng tài đương nhiên có hiệu lực thi hành hay phải qua một thủ tục công nhận tư pháp để có hiệu lực thi hành?

 Một tài liệu ở nước ngoài đã nêu rằng “khi ban hành quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên, Trọng tài giải quyết tranh chấp phù hợp với mong muốn của các bên. Tuy nhiên, quyết định này bản thân nó không trao cho thoả thuận của các bên hiệu lực thi hành. Việc này xuất phát từ bản chất thẩm quyền của trọng tài (…). Vì thế, quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên đòi hỏi một thủ tục công nhận và cho thi hành để được trao giá trị của một văn bản có hiệu lực thi hành”[[172]](#footnote-172). Thực ra, trên thế giới hiện nay vẫn có nhiều hệ thống trong đó điển hình là Pháp theo hướng một phán quyết trọng tài chỉ có hiệu lực thi hành khi nó được Toà án nhà nước công nhận và cho thi hành nên, đối với các hệ thống pháp luật này, việc đòi hỏi một thủ tục để công nhận và cho thi hành quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên cũng là điều dễ hiểu (quyết định này được điều chỉnh cùng cơ chế với phán quyết trọng tài thông thường và phải qua thủ tục công nhận và cho thi hành như phán quyết trọng tài)[[173]](#footnote-173).

 Bên cạnh đó, nhiều hệ thống theo hướng bản thân phán quyết trọng tài có hiệu lực thi hành mà không cần một thủ tục tư pháp công nhận và cho thi hành tại nước mà nó được ban hành[[174]](#footnote-174). Ở Việt Nam, chúng ta cũng theo hướng vừa nêu vì Luật TTTM không đòi hỏi thủ tục công nhận và cho thi hành đối với phán quyết của Trọng tài Việt Nam nên phán quyết của Trọng tài Việt Nam đương nhiên có hiệu lực thi hành sau khi được ban hành và hướng này cũng được áp dụng cho quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên sau hoà giải trong quá trình tố tụng trọng tài vì Điều 58 Luật TTTM đã khẳng định “Quyết định này (…) có giá trị như phán quyết trọng tài”. Trong thực tế, không hiếm trường hợp quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên được Cơ quan thi hành án tổ chức thi hành mà trước đó không có thủ tục công nhận và cho thi hành quyết định này.

2.***3. Huỷ quyết quyết định công nhận***

**Khả năng huỷ quyết định công nhận**. Luật TTTM không thực sự rõ về khả năng yêu cầu huỷ quyết định công nhận hoà giải thành và Điều 58 Luật TTTM chỉ nêu “Quyết định này là chung thẩm và có giá trị như phán quyết trọng tài”. Trong quá trình xây dựng Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành Quy định Luật Trọng tài thương mại do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sau đây là “Nghị quyết số 01/2014), có ý kiến cho rằng không nên quy định“*hủy quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên”.* Bởi lẽ, hướng dẫn như vậy trái Luật LTTTM; Luật TTTM chỉ quy định việc hủy Phán quyết trọng tài, không có quy định về việc hủy quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên. Hơn nữa, việc hủy quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên sẽ không khuyến khích các bên thương lượng hòa giải và điều này không phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật TTTM.

Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, để thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Trọng tài cũng như đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân thì việc Tòa án có trách nhiệm xem xét hủy hoặc không hủy quyết định này khi có yêu cầu là phù hợp với Luật TTTM. Việc Tòa án xem xét quyết định này khi có yêu cầu là để đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa; đảm bảo các quyết định này không xâm phạm đến lợi ích nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Các quy định về việc Tòa án xem xét hủy hoặc không hủy quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên không ảnh hưởng đến việc khuyến khích các bên hòa giải cũng như khuyến khích các bên thỏa thuận lựa chọn Trọng tài giải quyết tranh chấp vì việc yêu cầu Tòa án giải quyết là quyền của các bên mà các bên không có nghĩa vụ phải yêu cầu Tòa án giải quyết

Cuối cùng, Nghị quyết số 01/2014 theo quan điểm thứ hai nêu trên. Bởi lẽ, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014 quy định “Phán quyết trọng tài quy định tại khoản 10 Điều 3 và Điều 68 Luật TTTM bao gồm quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên của Hội đồng trọng tài quy định tại Điều 58 Luật TTTM và phán quyết trọng tài của Hội đồng trọng tài quy định tại Điều 61 Luật TTTM”.

**Căn cứ huỷ quyết định công nhận**. Một khi đã chấp nhận khả năng huỷ quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên, chúng ta cần xem xét căn cứ huỷ.

 Các hệ thống ghi nhận quyết định công nhận như phán quyết trọng tài nêu trên không thực sự rõ về các căn cứ có thể để huỷ quyết định công nhận; ở các hệ thống này chúng ta không biết căn cứ huỷ quyết định công nhận cũng chính là căn cứ huỷ phán quyết trọng tài hay căn cứ huỷ quyết định công nhận có khác biệt so với căn cứ huỷ phán quyết trọng tài thông thường. Một nghiên cứu được công bố năm 2002 cho rằng đa phần các căn cứ thông thường của huỷ phán quyết trọng tài như thành phần của Hội đồng trọng tài không hợp lệ hay không tồn tại thoả thuận trọng tài là không thực sự phù hợp mà “chỉ còn căn cứ phán quyết trái với trật tự công cộng”[[175]](#footnote-175) (khái niệm này có điểm tương đồng với khái niệm trái nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam trong pháp luật Việt Nam). Chúng ta thấy Bỉ và Hy Lạp đã quy định Trọng tài được từ chối công nhận sự thoả thuận của các bên nếu việc này trái với trật tự công cộng nhưng không cho biết đây có là căn cứ duy nhất để có thể huỷ quyết định công nhận hay không.

 Ở Việt Nam, với việc không có quy định giới hạn căn cứ huỷ quyết định công nhận, về mặt lý thuyết thì chúng ta có thể hiểu rằng các căn cứ để huỷ phán quyết trọng tài thông thường cũng có thể được áp dụng cho quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên. Thực tế, chúng tôi vẫn chưa có bất kỳ quyết định công nhận sự thoả thuận nào bị Toà án huỷ nên không thể kiểm chứng được lý thuyết nêu trên.

**Hệ quả của huỷ quyết định công nhận**. Cho đến hiện nay, thực tế tại VIAC cho thấy chưa có quyết định công nhận sự thoả thuận nào bị Toà án huỷ. Tuy nhiên, về mặt lý thuyết, một khi ghi nhận khả năng huỷ như trình bày ở trên thì việc huỷ có thể xảy ra. Từ đó, chúng ta cùng nhau xem xét hệ quả của việc huỷ quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên.

 Theo khoản 8 Điều 71 Luật TTTM, “*Trường hợp Hội đồng xét đơn yêu cầu ra quyết định hủy phán quyết trọng tài, các bên có thể thỏa thuận lại để đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại Trọng tài hoặc một bên có quyền khởi kiện tại Tòa án*”. Với quy định này, các bên bắt đầu lại vụ tranh chấp tại Toà án hay tại trọng tài và hướng này cũng dễ hiểu: các bên có tranh chấp và tranh chấp được Trọng tài giải quyết nhưng việc việc giải quyết đó không được chấp nhận nên tranh chấp coi như chưa được giải quyết và cần có thể bắt đầu lại từ đầu thủ tục tố tụng để giải quyết tranh chấp.

Tuy nhiên, với quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên, hoàn cảnh lại rất khác. Cụ thể, trước khi có quyết định công nhận sự thoả thuận, các bên đã đạt được thoả thuận và thoả thuận này đã làm chấm dứt tranh chấp; quyết định công nhận sự thoả thuận trao cho thoả thuận này những giá trị bổ sung như hiệu lực thi hành hay hệ quả của sự việc đã được giải quyết (nên không giải quyết lại). Do đó, nếu quyết định công nhận sự thoả thuận bị huỷ, thoả thuận của các bên vẫn tồn tại và tranh chấp của các bên đã được các bên giải quyết trong thoả thuận của họ (không còn tranh chấp nữa). Theo một tài liệu, “về nguyên tắc, sự vô hiệu của quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên không có hệ quả là vô hiệu sự thoả thuận của các bên”[[176]](#footnote-176). Thực tế, đối với quyết định công nhận hoà giải thành tại Toà án, Toà án nhân dân tối cao đã theo hướng khi có việc huỷ quyết định công nhận hoà giải thành thì vẫn còn thoả thuận hoà giải thành tuân theo các quy định về hợp đồng[[177]](#footnote-177). Hướng như vậy nên được vận dụng tương tự cho Trọng tài: sự thoả thuận của các bên vẫn tồn tại mặc dù có việc huỷ quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên và sự thoả thuận này chịu sự điều chỉnh của các quy định chung về hợp đồng.

**3. Sự việc đã được giải quyết trong quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên**

***3.1. Trường hợp yêu cầu Toà án giải quyết lại***

**Văn bản quy phạm pháp luật**. Nội dung các bên đã thoả thuận và được Hội đồng trọng tài ban hành quyết định công nhận có thể được một bên yêu cầu Toà án giải quyết lại không khi quyết định công nhận đó không bị Toà án huỷ (tức đang có hiệu lực pháp luật)?

Kế thừa quy định trước đây, điểm c khoản 1 Điều 192 BLTTDS hiện hành quy định “Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện” trong trường hợp “*Sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*, trừ trường hợp (…)”. Trong trường đã thụ lý mới phát hiện “sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”, Tòa án đã thụ lý “ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự” (điểm g khoản 1 Điều 217 BLTTDS). Tuy nhiên, quy định này chỉ đề cập tới sự việc đã được giải quyết “*bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”* trong khi đó phán quyết trọng tài không là bản án hay quyết định “của Toà án” và cũng không là quyết định “của cơ quan nhà nước” (Trọng tài là cơ quan phi chính phủ, khi ban hành phán quyết, Trọng tài không nhân danh Nhà nước như trong bản án, quyết định của Toà án).

Thực tế, Nghị quyết số 01/2014 có đề cập tới việc khởi kiện tại Toà án sau khi có quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên được quy định tại Điều 58 Luật TTTM. Cụ thể, ở đây, chúng ta thấy nêu “sau khi có quyết định, phán quyết của Hội đồng trọng tài quy định tại các điều 43, ***58***, 59 và 61 Luật TTTM mà người khởi kiện có yêu cầu Tòa án giải quyết, thì Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung” (điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2014). Quy định này viện dẫn tới quyết định được quy định tại Điều 58 Luật TTTM và đó là quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên sau khi hoà giải thành. Tuy nhiên, ứng xử của Toà án về việc vẫn có “người khởi kiện có yêu cầu Tòa án giải quyết” chưa thực sự rõ ràng trong quy định vừa nêu của Nghị quyết. Ở đây, Nghị quyết chỉ nêu “Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung” và chúng ta chưa thực sự rõ hướng xử lý cụ thể của Toà án là gì khi được một bên yêu cầu giải quyết nội dung đã được các bên thoả thuận trong quá trình hoà giải?

**Thực tiễn xét xử tại Việt Nam**. Trong thực tiễn, Toà án dường như ủng hộ hướng không giải quyết lại nội dung vụ tranh chấp đã được giải quyết trong quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên. Để hiểu rõ hơn, chúng ta nghiên cứu tình huống sau: Năm 2007, Công ty WASS ký Hợp đồng số P2/LCB/07 với Liên danh Nhà thầu gồm WACO và BMC. Năm 2011, WACO nộp đơn khởi kiện WASS tại VIAC yêu cầu thanh toán giá trị khối lượng đã thi công. Năm 2012, VIAC ra quyết định công nhận hòa giải thành vụ kiện giữa WASS và WACO với nội dung “*- Công ty WASS đồng ý thanh toán cho công ty WACO số tiền là 12.000.000.000đ chậm nhất vào ngày 25/9/2012. - Hai bên đồng ý rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kiện lại trong vụ kiện số 27/11 HCM tại VIAC; Phí Trọng tài vụ kiện 27/11 HCM do bên nào đã nộp cho VIAC thì sẽ do bên đó tự chịu. - Công ty WASS đồng ý rút lại đơn kiện trong vụ kiện tranh chấp hợp đồng bảo lãnh đang được Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh thụ lý theo số 1211/KDTM-ST. - Hai bên chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng số: P2/LCB/07 ngày 10/12/2007 và các phụ lục liên quan đến hợp đồng này*”.

 Sau đó, WACO khởi kiện WASS ra Tòa án Quận Tân Bình để yêu cầu WASS trả lại số tiền bảo hành 3% của các hạng mục công trình đã thực hiện mà WASS còn giữ lại và WASS cho rằng “quyết định công nhận hòa giải thành tại Trọng tài hai bên đã thỏa thuận chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng P2/LCB/07 ngày 10/2/2007 và các phụ lục liên quan đến hợp đồng nên công ty WASS không còn bất kỳ nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng này. Do vậy, đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 168 đình chỉ vụ án vì không thuộc thẩm quyền và đã được giải quyết bằng một quyết định đã có hiệu lực thi hành”. Tuy nhiên, theo Toà án, “*Công ty WASS không đồng ý thanh toán số tiền bảo hành này vì cho rằng mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng số P2/LCB/07 đã được công ty WASS và công ty WACO giải quyết theo quyết định công nhận hòa giải thành ngày 24/8/2012 tại VIAC có nội dung: “Hai bên chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng số: P2/LCB/07 ngày 10/12/2007 và các phụ lục liên quan đến hợp đồng này”. Công ty WACO trình bày: theo nguyên tắc muốn giải quyết tranh chấp bằng phương thức Trọng tài thì phải có thỏa thuận Trọng tài và thỏa thuận Trọng tài phải có hiệu lực mới được giải quyết, vì vậy cụm từ “toàn bộ” là không bao gồm tiền bảo hành vì không có thỏa thuận tiền bảo hành được giải quyết tại Trọng tài. Công ty WASS thì cho rằng “toàn bộ” là kể cả tiền bảo hành. Cách giải thích của mỗi bên về cụm từ “toàn bộ” là khác nhau. Nhưng qua nhận định nêu trên cũng như các công văn trao đổi giữa công ty WACO và WASS và các công văn của VIAC trả lời cho các bên đã thể hiện số tiền bảo hành này không nằm trong phạm vi đơn khởi kiện của công ty WACO yêu cầu VIAC giải quyết nên các bên không thể thỏa thuận những vấn đề không tranh chấp. Do đó, cụm từ “toàn bộ” không bao gồm tiền bảo hành theo như công ty WACO trình bày là có cơ sở chấp nhậ*n”. Từ đó, Toà án theo hướng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp và ra quyết định “buộc công ty WASS phải trả cho Công ty WACO số tiền bảo hành công trình là 2.238.050.205đ (hai tỉ hai trăm ba mươi tám triệu không trăm năm mươi ngàn hai trăm lẻ năm đồng)”[[178]](#footnote-178).

 Ở vụ việc trên, chúng ta thấy Công ty WASS theo hướng nội dung đã được ghi nhận trong quyết định công nhận hoà giải thành (cũng là phán quyết trọng tài) không thể được giải quyết lại tại Toà án (nên đã viện dẫn quy định trả lại đơn khởi kiện, đình chỉ vụ án). Viện kiểm sát cũng theo hướng này vì đã “*đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 4 Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2011 là chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn theo hướng hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án*”. Về phía mình, Toà án xác định yêu cầu về tiền bảo hành chưa được giải quyết trong quyết định công nhận hòa giải thànhđang có hiệu lực và chấp nhận có thẩm quyền giải quyết nội dung tranh chấp về tiền bảo hành. Việc Toà án xác định nội dung về tiền bảo hành đã được Trọng tài giải quyết hay chưa và, sau khi cho rằng nội dung này chưa được giải quyết trong quyết định công nhận hòa giải thành, Toà án mới giải quyết nội dung này cho thấy Toà án đã ngầm theo hướng không giải quyết lại nội dung khi nội dung đó đã được ghi nhận trong quyết định công nhận hòa giải thành đang có hiệu lực.

**Nhận định về khả năng Toà án giải quyết lại**. Thực tế, Luật TTTM có quy định mở ra khả năng cho Toà án giải quyết lại nội dung tranh chấp đã được giải quyết bằng phán quyết trọng tài. Đó là khoản 8 Điều 71 theo đó “Trường hợp Hội đồng xét đơn yêu cầu ra quyết định hủy phán quyết trọng tài, *các bên có thể thỏa thuận lại để đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại Trọng tài hoặc một bên có quyền khởi kiện tại Tòa án*”, tức là chỉ sau khi phán quyết trọng tài bị huỷ và các bên không có thoả thuận lựa chọn Trọng tài. Điều đó có nghĩa là chừng nào phán quyết trọng tài không bị huỷ (tức vẫn tồn tại và có hiệu lực) trong khi đó quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên cũng là phán quyết trọng tài, khoản 8 Điều 71 Luật TTTM không ghi nhận cho Toà án khả năng giải quyết lại nội dung đã được giải quyết trong phán quyết trọng tài.

 Bên cạnh đó, chúng ta có quy định trong Luật TTTM theo hướng Toà án không được xét xử lại nội dung đã được giải quyết trong phán quyết trọng tài. Cụ thể, khoản 4 Điều 71 quy định “Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn yêu cầu căn cứ vào các quy định tại Điều 68 của Luật này và các tài liệu kèm theo để xem xét, quyết định; *không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết*”. Quy định này không cho phép Toà án “*xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết*” nhưng có phạm vi điều chỉnh hẹp là khi Toà án xem xét yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài. Thực tế, nếu một bên khởi kiện lại tại Toà án nội dung đã được giải quyết trong thoả thuận hoà giải thành được công nhận trong quyết định của Hội đồng trọng tài mà không yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài, Luật TTTM chưa có quy định rõ về khả năng Toà án giải quyết lại nội dung vụ tranh chấp.

 Ở đây, khi đề cập tới quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên sau khi hoà giải, Luật TTTM đã khẳng định “Quyết định này là chung thẩm và có giá trị như phán quyết trọng tài”. Ở đây, tính “chung thẩm” và “có giá trị như phán quyết trọng tài” cần được hiểu theo hướng những gì đã được các bên thoả thuận và được Hội đồng trọng tài công nhận không thể được một bên yêu cầu giải quyết lại tại Toà án chừng nào quyết định của Hội đồng trọng tài không bị huỷ. Hơn nữa, khi Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên, thông thường giữa các bên đã có thoả thuận trọng tài hợp pháp nên, khi có một bên yêu cầu, Toà án không có thẩm quyền giải quyết trên cơ sở Điều 6 Luật TTTM theo đó “Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thoả thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Toà án thì Toà án phải từ chối thụ lý”.

***3.2. Trường hợp yêu cầu Trọng tài giải quyết lại***

**Văn bản quy phạm pháp luật**. Ở Việt Nam, sau khi phán quyết trọng tài được ban hành, Luật TTTM có quy định cho phép Hội đồng trọng tài đã giải quyết vụ tranh chấp được quay lại với phán quyết của mình nhưng là để “Sửa chữa và giải thích phán quyết; phán quyết bổ sung” (Điều 63). Quy định này được áp dụng cho quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên sau hoà giải vì quyết định này “có giá trị như phán quyết trọng tài”. Tuy nhiên, Luật không có quy định rõ ràng như đối với bản án của Toà án là Trọng tài không được giải quyết lại một lần nữa sự việc đã được giải quyết trong một phán quyết trọng tài đang có hiệu lực. Thực tế, Luật TTTM có một quy định cho phép Trọng tài được giải quyết lại nội dung đã được giải quyết bằng phán quyết trọng tài nhưng đó là sau khi phán quyết trọng tài bị huỷ (theo khoản 8 Điều 71 nêu trên). Ở đây, tranh chấp đã được giải quyết bởi Trọng tài có thể một lần nữa được giải quyết lại tại Trọng tài nhưng với điều kiện là sau khi phán quyết trọng tài đã bị huỷ và các bên có thoả thuận lựa chọn trọng tài.

**Nhận xét về khả năng Trọng tài giải quyết lại**. Nội dung trên cho thấy văn bản chưa thực sự rõ ràng đối với câu hỏi theo đó liệu rằng, sau khi có quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên, một bên có thể yêu cầu Trọng tài giải quyết nội dung tranh chấp mà các bên đã đạt được thoả thuận không?

Trong một nguyên cứu được công bố năm 2002, một tác giả khẳng định “đối với quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên, chúng ta không được từ chối hiệu lực của sự việc đã được giải quyết, hiệu lực được ghi nhận cho tất cả phán quyết trọng tài từ khi nó được ban hành”[[179]](#footnote-179).

Nội dung trên cho thấy không có cơ sở nào hiện nay cho phép Trọng tài giải quyết lại nội dung đã được các bên thoả thuận sau hoà giải và được Hội đồng trọng tài công nhận. Vì vậy, những thứ đã được công nhận trong quyết định của Hội đồng trọng tài là chung thẩm nên một bên không được yêu cầu Trọng tài giải quyết lại lần nữa.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Antonias Dimolitsa, “Les points de divergence entre la nouvelle loi grecque sur l'arbitrage et la loi-type CNUDCI”, Rev. arb. 2000, tr.244.

Cass. civ. 1re, 14 novembre 2012 : Rev. arb. 2013. 138, note Jean Billemont.

Jean Billemont, “La sentence d'accord-parties : vraie sentence ou transaction déguisée ?”, Rev. arb. 2013, tr.141.

Décision du Tribunal régional supérieur de Francfort (OLG Frankfurt), du 14 mars 2003 (publiée dans Schieds no 2O Sch 01/02) : Gazette du Palais, 22 mai 2004, n° 143, tr. 32.

Edouard Bertrand, “Sur le bon usage des sentences d'accord parties”, Rev. arb. 2006, tr.14.

Guy Keutgen, “La réforme 2013 du droit belge de l’arbitrage”, Revue de droit international et de droit comparé 2014, tr.97.

Jean-Baptiste Racine, *Droit de l’arbitrage*, Puf 2016, phần số n° 815.

Jean-Marie Tchakoua, "Le Statut de la dentence arbitrale d'accord parties: Les limites d'un déguisement bien utile”, RDAI 2002, tr.776.

Olivier Caprasse, “Le nouveau droit belge de l’arbitrage”, Rev. arb. 2013, tr.971.

UNCITRAL, *Yearbook (Volume XVI: 1985)*, UNITED NATIONS, New York, 1989, tr.32.

**TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI HOÀ GIẢI VIÊN THEO**

**LUẬT HOÀ GIẢI ĐỐI THOẠI TOÀ ÁN NĂM 2020**

***Nguyễn Thị Thuý Hằng[[180]](#footnote-180)\****

***Hồ Minh Thành[[181]](#footnote-181)\*\****

*TÓM TẮT: Hòa giải tại Tòa án là hoạt động do Hòa giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ việc dân sự, nhằm hỗ trợ các bên tham gia hòa giải thỏa thuận giải quyết vụ việc dân sự theo quy định. Để hoàn thành tốt hoạt động này, hoà giải viên đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Do đó, tiêu chuẩn đối với hoà giải viên là một vấn đề được tranh luận sôi nổi không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia trên thế giới. Bài viết này nhằm mục đích xem xét các khả năng và hạn chế của hòa giải viên trong thực hiện công tác hoà giải theo Luật hoà giải đối thoại toà án năm 2020 thông qua việc bình luận, phân tích luật và so sánh với thực tiễn công tác hoà giải của một số quốc gia trên thế giới.*

***Từ khóa:*** *hoà giải; hoà giải viên; tiêu chuẩn; trợ giúp pháp lý*

**Đặt vấn đề**

Cùng với xu thế phát triển của xã hội, các tranh chấp dân sự, hành chính trong đời sống ngày càng có chiều hướng gia tăng về cả số lượng và tính chất phức tạp. Khi việc sử dụng hòa giải bùng nổ phổ biến, việc đảm bảo chất lượng dịch vụ hòa giải đã trở thành một thách thức ngày càng rõ ràng. Hành vi của hòa giải viên trước hoặc sau khi hòa giải là những hoạt động quan trọng cho việc hoà giải giữa các bên tranh chấp. Trước khi hòa giải, một hòa giải viên cung cấp thông tin để các bên lựa chọn. Sau khi hòa giải, một hòa giải viên vi phạm bảo mật có thể phải đối mặt với trách nhiệm pháp lý. Do đó, tiêu chuẩn đối với hoà giải viên là một vấn đề được tranh luận sôi nổi không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Tại Việt Nam, ngày 16/6/2020, tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật hòa giải, đối thoại, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Sự ra đời của Luật HGĐT được đánh giá sẽ từng bước giảm tải được áp lực công việc cho các cơ quan Tư pháp, là con đường giải quyết văn minh, thuận tiện hơn cho các bên tham gia. Tuy nhiên, dựa vào thực tiễn thi hành công tác hoà giải tại một số nước trên thế giới, nhiều vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn của hoà giải viên tạo ra các vướng mắc trong quá trình thực hiện. Chính vì vậy, bài viết này nhằm mục đích xem xét các khả năng và hạn chế của hòa giải viên trong thực hiện công tác hoà giải theo Luật hoà giải đối thoại toà án năm 2020 thông qua việc bình luận, phân tích luật và so sánh với thực tiễn công tác hoà giải của một số quốc gia trên thế giới.

**1. Hoà giải theo quy định của pháp luật Việt Nam**

Hòa giải là phương thức để các bên tự nguyện thương lượng với nhau dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện của bên thứ ba trung gian để đạt được thỏa thuận và giải quyết tranh chấp. Có nhiều hình thức hòa giải khác nhau và thường được chia thành hai loại là hòa giải trong tố tụng và hòa giải ngoài tố tụng. Hòa giải trong tố tụng là hòa giải do cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện trong quá trình giải quyết vụ việc theo thẩm quyền và tuân theo thủ tục tố tụng. Còn hòa giải ngoài tố tụng là hòa giải là hòa giải do các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tiến hành và không tuân theo thủ tục tố tụng, trong đó phổ biến nhất là hòa giải ở cơ sở và mới xuất hiện gần đây có thêm hòa giải, đối thoại tại Tòa án thực hiện theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020. Theo đó, *hòa giải tại Tòa án* là hoạt động hòa giải ngoài tố tụng do Hòa giải viên tiến hànhtrước khi Tòa án thụ lý vụ việc dân sự, nhằm hỗ trợ các bên tham gia hòa giải thỏa thuận giải quyết vụ việc dân sự.[[182]](#footnote-182)

***1.1. Về tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm làm hoà giải viên tại toà án***

Luật hòa giải và đối thoại tại Toà án 2020 của Việt Nam quy định hòa giải viên tại toà án là người có đủ điều kiện, được Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm để tiến hành hòa giải tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn (sau đây gọi chung là vụ việc dân sự) và đối thoại khiếu kiện hành chính.[[183]](#footnote-183)

Quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm làm hoà giải viên được luật hoà giải tại toà án đưa ra tại chương 2 Luật hoà giải và đối thoại tại Toà án. Theo đó, công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật và có đủ các điều kiện sau đây thì có thể được bổ nhiệm làm Hòa giải viên: (i) Đã là Thẩm phán, Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên Viện kiểm sát, Chấp hành viên thi hành án dân sự, Thanh tra viên; luật sư, chuyên gia, nhà chuyên môn khác có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác; người có hiểu biết về phong tục tập quán, có uy tín trong cộng đồng dân cư; (ii) Có kinh nghiệm, kỹ năng hòa giải, đối thoại; (iii) Có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao; (iv) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải, đối thoại do cơ sở đào tạo của Tòa án nhân dân tối cao cấp, trừ người đã là Thẩm phán, Thẩm tra viên Tòa án ngạch Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp, Thư ký Tòa án ngạch Thư ký viên chính, Thư ký viên cao cấp, Kiểm sát viên, Chấp hành viên thi hành án dân sự, Thanh tra viên.

Ngoài ra, Luật HGĐT cũng quy định rõ những người đang là cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, hạ sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng; sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân, công nhân công an không được bổ nhiệm làm Hòa giải viên.[[184]](#footnote-184)

Bên cạnh đó, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cũng ban hành Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên tại Tòa án theo quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Thông tư này được áp dụng đối với: Người được đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hòa giải viên; Hòa giải viên được xem xét miễn nhiệm, khen thưởng hoặc bị xử lý vi phạm theo quy định; Cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức và người có thẩm quyền thực hiện việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng hoặc xử lý vi phạm Hòa giải viên; cấp, đổi và thu hồi thẻ Hòa giải viên.

Như vậy, có thể thấy rằng pháp luật Việt Nam đã có những quy định tương đối chi tiết theo phương pháp liệt kê để xác định điều kiện, tiêu chuẩn có thể trở thành hoà giải viên tại toà án. Đặc biệt, tiêu chuẩn về kinh nghiệm liên quan đến pháp luật và tiêu chuẩn về việc có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ hoà giải, đối thoại là những tiêu chí cơ bản, quan trọng đối với các hoà giải viên. Ngoài ra, pháp luật cũng cho phép những cá nhân là người có hiểu biết về phong tục tập quán, có uy tín trong cộng đồng dân cư có thể trở thành hoà giải viên mà không cần kinh nghiệm cụ thể.

***1.2. Về các nguyên tắc hòa giải, đối thoại tại Tòa án đối với hoà giải viên***

Để đảm bảo thực hiện đúng vai trò hoà giải của mình, Luật đối thoại hoà giải tại toà án cũng đề ra các nguyên tắc khung cho các hoà giải viên. Theo đó, các hoà giải viên phải: (i) Tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận, thống nhất của các bên; không được ép buộc các bên thỏa thuận, thống nhất trái với ý chí của họ; (ii) Bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên. (iii) Nội dung thỏa thuận hòa giải, thống nhất đối thoại không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; (iv) Các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải, đối thoại phải được giữ bí mật theo quy định tại Điều 4 của Luật này. (v) Phương thức hòa giải, đối thoại được tiến hành linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm của mỗi loại vụ việc; (vi) Hòa giải viên tiến hành hòa giải, đối thoại độc lậpvà tuân theo pháp luật.

***1.3. Về nguyên tắc bảo mật thông tin hòa giải, đối thoại tại Tòa án***

Theo quy định tại Điều 4 Luật ĐTHG 2020 thì Hòa giải viên, các bên, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được mời tham gia hòa giải, đối thoại ***không được tiết lộ thông tin mà mình biết được trong quá trình hòa giải, đối thoại.*** Bên cạnh đó***, trong quá trình hòa giải***, đối thoại không được ghi âm, ghi hình, ghi biên bản hòa giải, đối thoại. Việc lập biên bản chỉ được thực hiện để ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại. Hòa giải viên, các bên chỉđược ghi chép để phục vụ cho việc hòa giải, đối thoại và phải bảo mật nội dung đã ghi chép. Cơ quan, tổ chức, cá nhân cũng không được sử dụng tài liệu, lời trình bày của các bên trong quá trình hòa giải, đối thoại làm chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp bên đã xuất trình tài liệu, trình bày ý kiến trong quá trình hòa giải, đối thoại đồng ý việc sử dụng tài liệu, lời trình bàycủa mình trong quá trình hòa giải, đối thoại làm chứng cứ hoặc ***phải sử dụng làm chứng cứ theo quy định của luật.***

**2. Quy định pháp luật của một số nước về tiêu chuẩn của hoà giải viên tại toà án**

***2.1. Về tiêu chuẩn, điều kiện trở thành hoà giải viên***

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau đối với vấn đề này ở các nước khác. Ví dụ như ở một vài bang của Hoa Kỳ có quy định rằng các hoà giải viên phải trải qua một khoá đào tạo về chứng chỉ nghiệp vụ hoà giải.[[185]](#footnote-185) Trong khi đó một vài bang khác lại không có quy định về chứng chỉ hay nền giáo dục cơ bản nào, như trường hợp của bang Alaska.[[186]](#footnote-186)

Ở Ý cũng vậy, một hòa giải viên không bắt buộc phải có bằng luật, mặc dù họ phải trải qua một khoá đào tạo về hoà giải.[[187]](#footnote-187) Tuy nhiên, không phải tất cả các chuyên gia đều đồng ý với sự bắt buộc này.

Như vậy, có thể thấy pháp luật các nước có sự khác biệt rõ rệt về tiêu chuẩn, điều kiện để trở thành một hoà giải viên. Tuy nhiên, về mặt bản chất có thể thấy được rằng hoạt động hoà giải do hai bên tự nguyện tham gia và việc lựa chọn hoà giải viên hoàn toàn phụ thuộc vào sự tin tưởng của các bên. Do đó, tiêu chuẩn và điều kiện của hoà giải viên cũng nên được mở rộng để các bên tranh chấp có thể có nhiều lựa chọn theo danh sách mà toà án cung cấp. Yếu tố về chứng chỉ và trình độ cũng nên chỉ là yếu tố bổ trợ, không bắt buộc nhưng vẫn ghi vào hồ sơ của các hoà giải viên để các bên lựa chọn.

***2.2. Về vấn đề trợ giúp pháp lý***

Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp hỗ trợ chuyên nghiệp và có tổ chức cho một chủ thể của pháp luật để họ có thể hoàn thành các khả năng pháp lý của mình. Nó được cung cấp để tìm cách giải quyết một vấn đề và để đáp ứng lợi ích cá nhân của một khách hàng đến mức tối đa.[[188]](#footnote-188) Trợ giúp pháp lý có thể được hiểu là bất kỳ trợ giúp pháp lý nào để thực hiện các quyền, tự do và lợi ích pháp lý của khách hàng.

Một hòa giải viên thường được coi là một người tham gia độc quyền vào việc tạo ra một môi trường để đàm phán. Để thực hiện việc hoà giải của mình, các hoà giải viên có thể phải đưa ra các thông tin và trợ giúp pháp lý cho các bên. Tuy nhiên, việc đưa ra các trợ giúp pháp lý như thế nào còn là một vấn đề tranh cãi nóng hổi giữa các chuyên gia pháp lý dựa trên thực tiễn hoà giải của các nước trên thế giới.

Tại Liên Bang Nga, có một lệnh cấm trực tiếp theo luật về việc cung cấp hỗ trợ pháp lý của hòa giải viên cho các bên tranh chấp. Theo đó, việc một hòa giải viên áp dụng kiến thức pháp lý của họ trong quá trình giải quyết có thể làm cho quá trình đàm phán không hiệu quả, và đôi khi đặt tính hợp pháp của thỏa thuận cuối cùng của các bên vào câu hỏi. Về mặt này, mối tương quan giữa dịch vụ được cung cấp bởi một hòa giải viên và việc cung cấp trợ giúp pháp lý cần được xem xét đặc biệt.

Cụ thể là, theo quy định của pháp luật Nga[[189]](#footnote-189), thì các hoạt động sau đây được coi là một trong những hoạt động tạo thành trợ giúp pháp lý miễn phí:

1. Tư vấn pháp luật bằng hình thức bằng miệng và bằng văn bản;
2. Soạn thảo các báo cáo, khiếu nại, kiến nghị và các văn bản quy phạm pháp luật khác;
3. Đại diện cho lợi ích của khách hàng tại tòa án, hoặc trước các cơ quan, tổ chức nhà nước và thành phố.

 Danh sách này được mở trong tự nhiên. Nguyên tắc chính của nó là bất kỳ loại trợ giúp pháp lý nào cũng có thể nếu không bị pháp luật cấm. Do đó, là một hòa giải viên, người ta phải tự hỏi mình câu hỏi: việc cung cấp pháp lý đến mức độ nào là phù hợp?

Chúng ta hãy xem xét gốc rễ của những do dự được đề cập ở trên trên các ví dụ về các tình huống cụ thể.

Có thể khó khăn cho một luật sư - hòa giải viên chuyên nghiệp, người đã nghe các lập luận của các bên tranh chấp để ngăn mình nói: 'Tôi biết cách giải quyết vấn đề này.' Rốt cuộc, hòa giải là quá trình giúp các bên tranh chấp tìm ra một cách giải quyết vấn đề một cách dễ chấp nhận được để tự giải quyết vấn đề. Như vậy, hòa giải viên chỉ nên tạo điều kiện chấp nhận được để đàm phán và giúp cả hai các bên để thực hiện lợi ích bên trong của họ để hình thành các đề xuất của họ. tuy nhiên, chúng ta có hiểu vị trí của một hòa giải viên chỉ đơn giản là của một siêu số 'im lặng', người chỉ chịu trách nhiệm duy trì đối thoại văn minh giữa các bên tranh chấp? một hòa giải viên không nên ảnh hưởng đến quyết định của các bên kháng cáo pháp luật? Chúng ta hãy tham khảo một ví dụ. Quá trình hòa giải cho một tranh chấp lao động sắp kết thúc. Các bên đã sắp xếp ký thỏa thuận giải thể hợp đồng lao động có vấn đề như một số khoản thanh toán có lợi cho người lao động được quy định trong thỏa thuận này. Trợ cấp khuyết tật nằm trong số đó. Người sử dụng lao động đã không chống lại việc trả tiền này ngay từ đầu của cuộc xung đột vì nó được cung cấp bởi Bảo hiểm xã hội (lấy quỹ từ Nhà nước). Tuy nhiên, trong giai đoạn cuối của thỏa thuận qua trung gian hòa giải, hòa giải viên nhận thấy rằng số tiền trợ cấp chưa được tính chính xác. Cả người sử dụng lao động và người lao động đều tự coi mình là kế toán viên có kinh nghiệm cao chuyên về việc trả lương. Đồng thời, hòa giải viên biết rằng tính toán là không chính xác. Trong trường hợp này họ có nên nói gì không? Việc trợ cấp tính không chính xác có thể không được quỹ Bảo hiểm xã hội chấp nhận nếu số tiền chi trả lớn hơn số tiền do pháp luật quy định. Ngoài ra, quyền của người lao động nhận được trợ cấp do pháp luật xác định sẽ bị vi phạm nếu số tiền trả ít hơn số tiền đó.

Điều quan trọng nhất là hòa giải viên không thể cho phép các bên tranh chấp thực hiện một thỏa thuận bất hợp pháp một phần. Thật dễ dàng để giả sử rằng hòa giải viên trong trường hợp như vậy trên thực tế sẽ cảm thấy có nghĩa vụ phải phá bỏ điều cấm của pháp luật.

Liên quan đến vấn đề này, theo khuyến nghị No.R(98)1 của Ủy ban Bộ trưởng Hội đồng châu Âu về các vấn đề hòa giải gia đình ngày 21 tháng 1 năm 1998, người ta nói rằng “hòa giải viên có thể cung cấp thông tin pháp lý nhưng không thể đưa ra lời khuyên pháp lý”. Điều này đặt ra một vấn đề pháp lý đó là: cái gì là sự khác biệt giữa cung cấp thông tin pháp lý và đưa ra lời khuyên pháp lý?

Đáng chú ý, các quy định pháp lý liên quan đến khả năng cung cấp trợ giúp pháp lý của hòa giải viên là khác nhau ở một số quốc gia. Ví dụ, Đạo luật hòa giải Áo (Luật về Mediation in Civil law Maters, Art. 16 (3) quy định rằng “trong một số trường hợp đặc biệt cần thiết, hoà giải viên có thể cung cấp cho các bên lời khuyên pháp lý đặc biệt như là từ quan điểm của luật sư khi nhận thấy nó là thật sự cần thiết cho toàn bộ quá trình hoà giải. Cùng chung quan điểm, Luật hòa giải nhân dân của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, ngày 28 tháng 8 năm 2010 (Điều 22), cũng tuyên bố rằng “người trung gian” có quyền 'giải thích các luật tương ứng.

**3. Một số kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện quy định về tiêu chuẩn của hoà giải viên**

Từ những phân tích ở trên, có thể thấy sự cần thiết trong việc bổ sung các văn bản hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện của hoà giải viên theo các điểm sau:

Thứ nhất, về đối tượng được làm hoà giải viên hiện đang hạn chế một lực lượng chuyên gia pháp lý tham gia vào quá trình hoà giải. Theo đó, những cá nhân đang là viên chức thì không được làm hoà giải viên. Như vậy có thể thấy được các đối tượng là giảng viên luật, có trình độ, kỹ năng, thời gian sẽ không thể tham gia với tư cách là hoà giải viên. Điều này dẫn đến việc bỏ sót một số lượng lớn các đối tượng có thể bổ nhiệm làm hoà giải viên, tăng phạm vi lựa chọn cho các bên tranh chấp.

Thứ hai, đối với chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải, đối thoại do cơ sở đào tạo của Tòa án nhân dân tối cao cấp (trừ các trường hợp đã quy định) thì cần thiết phải có những hướng dẫn cụ thể về quy trình đào tạo, bồi dưỡng, thời hạn.

Thứ ba, về quy định giữ bí mật vụ việc theo điều 4 luật hoà giải, đối thoại tại toà án năm 2020 thì Hoà giải viên phải giữ bí mật trong suốt quá trình thực hiện việc hoà giải. Tuy nhiên, dựa trên thực tế của pháp luật các nước, việc giữ bí mật này trong một số trường hợp còn phải được thực hiện ngay cả sau khi việc hoà giải kết thúc. Việc quy định thiếu thời gian như vậy có thể dẫn đến việc thiếu cơ sở cho các bên khởi kiện trong trường hợp hoà giải viên tiết lộ bí mật vụ việc gây ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ hợp pháp của các bên.

Thứ tư, về nghĩa vụ giới hạn giải thích luật của các hoà giải viên cần quy định cụ thể hơn. Theo quan điểm của chúng tôi, hoà giải viên chỉ có thẩm quyền cung cấp các thông tin pháp lý để các bên xem xét chứ không được đưa ra các hướng dẫn hay khuyến nghị cho các bên.

Liên quan đến vấn đề này, theo ông Xuân Tuấn thì Luật HGĐT cũng không có điều luật nào nói về việc kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân đối với việc hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Viện kiểm sát nhân dân chỉ có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành. Đây là một thiếu sót rất lớn bởi các quyết định này được thi hành trên thực tế nhưng ngay từ đầu đã không được kiểm sát. Các quyết định này ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống nhưng lại không được thụ lý, kiểm sát để đảm bảo tính khách quan, công bằng, đúng luật. Ngoài ra, hiện nay khi nhận được quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành từ Tòa án thì Viện kiểm sát cũng không biết phải mở sổ thụ lý, thống kê, báo cáo như thế nào cho phù hợp.

**4. Kết luận**

Hòa giải là hoạt động có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh trong đời sống xã hội; hòa giải thành sẽ giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian, công sức và chi phí của người dân cũng như của Nhà nước. Hòa giải viên đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình hoà giải giữa các bên. Do đó, việc hoàn thiện, bổ sung các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện đối với hoà giải viên là yêu cầu cấp bách hiện nay. Theo quan điểm của nhóm tác giả, cần sớm mở rộng phạm vi đối tượng có thể đươc bổ nhiệm làm hoà giải viên, cần quy định cho tiết những yêu cầu về bảo vệ bí mật cũng như vấn đề giải thích luật trong quá trình hoà giải.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Austrian Mediation Act (Law on Mediation in Civil Law Matters) (2003).

2. Frederick E. Woods,  *Legal*  *Issues*  *in*  *the*  *New*  *Methods*  *of*  *Dispute*  *Resolution*, in At torneys general and New Methods of dispute resolution 32 (Michael g. Cochrane, ed.) (ABA 1990).

3. Larisa Zaitseva Và Svetlan Và Racheva, *Hòa giải và trợ giúp pháp lý*,Đại học bang Tyumen, Nga.

4. FrancescaCuomo ulloa, *Ai muốn làm trung gian? Thẩm quyền và trách nhiệm của hòa giải viên dân sự và thương mại mới,* trong hòa giải dân sự theo Chỉ thị 208/52/EC 69–77 (Nhà xuất bản Đại học Firenze 2011).

5. The People’s Mediation Law of the People’s republic of China (2010).

6. Федеральный закон от 21 ноября 2011 г. No 324-ФЗ «О бесплатной юридической помощи в Российской Федерации» [*Federal’nyi zakon ot 21 noyabrya 2011 g. No. 324-FZ ‘O besplatnoi yuridicheskoi pomoshchi v Rossiiskoi Federatsii’* [federal Law of 21 November 2011 No. 324-fZ on a free Legal Aid in the russian federation]]

7.<http://www.vksquangnam.gov.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=2284%3Alut-hoa-gii-i-thoi-ti-toa-an-vng-mc-bt-cp&catid=136%3Atrao-i-nghip-v&Itemid=185&lang=vi>

8.[https://onlinemasteroflegalstudies.com/career-guides/become-a mediator/court-certified-mediation-requirements-by-state/](https://onlinemasteroflegalstudies.com/career-guides/become-a-mediator/court-certified-mediation-requirements-by-state/)

**HÒA GIẢI TRỰC TUYẾN TRONG TỐ TỤNG ĐỂ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP DÂN SỰ**

 ***Nguyễn Hải An[[190]](#footnote-190)\****

***Chu Thị Thơm[[191]](#footnote-191)\*\****

*TÓM TẮT:**Các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực dân sự có xu hướng tăng về số lượng và tính chất ngày càng phức tạp. Cùng với đó, sự phát triển mạnh mẽ của hệ sinh thái các nền tảng số tại Việt Nam thì nhu cầu Tòa án sử dụng không gian trực tuyến trong một phần hoặc toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp dân sự cũng phát sinh và trở thành xu hướng tất yếu. Phiên hòa giải trực tuyến trong tố tụng là việc Tòa án tổ chức phiên hòa giải để giải quyết vụ án theo trình tự luật định có sử dụng các thiết bị điện tử, liên kết với nhau thông qua môi trường mạng, cho phép các đương sự không nhất thiết phải có mặt tập trung tại trụ sở Tòa án nhưng vẫn bảo đảm tham gia mọi diễn biến của phiên hòa giải.*

***Từ khóa:*** *Hòa giải, trực tuyến, tố tụng dân sự.*

**Mở đầu**

 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân”.[[192]](#footnote-192)* Trong tố tụng dân sự, hòa giải là một thủ tục mang tính bắt buộc và trở thành phương thức giải quyết tranh chấp một cách hữu hiệu, trừ những việc không hòa giải được hoặc pháp luật quy định không được hòa giải. Ngày nay, các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực dân sự có xu hướng tăng về số lượng và tính chất ngày càng phức tạp. Bên cạnh đó, tình hình dịch COVID-19 diễn biến ngày càng phức tạp như hiện nay, nhiều địa phương đã phải áp dụng biện pháp cách ly toàn xã hội, hoạt động xét xử của Tòa án theo đó cũng bị ảnh hưởng. Điều này đòi hỏi phải sớm có giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả, không ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án theo luật định.

Hiện nay, Việt Nam được đánh giá là một trong 20 nước có tỉ lệ sử dụng Internet nhiều nhất thế giới với 68,17 triệu người dùng (chiếm 70% dân số). Công nghệ số phát triển cho phép chúng ta đưa toàn bộ hoạt động của mình lên không gian mạng thay vì chỉ đơn giản là số hóa tài liệu, số hóa quy trình như trước đây[[193]](#footnote-193). Với sự phát triển mạnh mẽ của hệ sinh thái các nền tảng số, mở rộng không gian mạng quốc gia và phạm vi hoạt động của các nền tảng số “make in Viet Nam” như ngày nay thì nhu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp dân sự trong một không gian trực tuyến cũng phát sinh và trở thành xu hướng tất yếu.

**1. Khái quát hòa giải trực tuyến trong tố tụng để giải quyết tranh chấp dân sự**

Hoà giải theo nghĩa rộng là một phương thức giải quyết tranh chấp được thừa nhận rộng rãi trong thực tiễn đời sống xã hội và trong quá trình giải quyết tranh chấp của các cơ quan tài phán. Dựa vào chủ thể tiến hành hoà giải có thể phân chia gồm: Hoà giải trong tố tụng và hoà giải ngoài tố tụng. Hoà giải trong tố tụng do Toà án thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hoà giải ngoài tố tụng được thực hiện bởi bên thứ ba trung lập với các bên tranh chấp theo sự lựa chọn của các bên. Nhằm giải quyết các tranh chấp phát sinh, các bên có thể lựa chọn nhiều phướng thức khác nhau như khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu Trọng tài hay hòa giải. Hòa giải là một trong các phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả và phổ biến trên thực tế. Hiểu theo nghĩa chung nhất, hòa giải là biện pháp, cách thức giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp giữa các bên. Khác với trường hợp hai bên tự thương lượng thì hòa giải có sự xuất hiện một bên thứ ba với vài trò trung gian nhằm giúp các bên tranh chấp thỏa thuận để đi đến cách thức giải quyết thống nhất. Bản chất của hòa giải cũng được xác định: *“Hòa giải là một biện pháp giải quyết tranh chấp, với sự giúp đỡ của bên thứ ba độc lập giữ vai trò trung gian, các bên tranh chấp tự nguyện thỏa thuận giải quyết tranh chấp phù hợp với quy định của pháp luật, truyền thống đạo đức xã hội”[[194]](#footnote-194).*

Hòa giải trong tố tụng dân sự được chính thức ghi nhận trong luật là một cách thức giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa các chủ thể. Việc hòa giải được tiến hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Cơ sở pháp lý quan trọng nhất của hòa giải là xuất phát từ quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ghi nhận: *“Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thoả thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội”.* Nguyên tắc này đã thừa nhận, kể các khi các bên đã nộp đơn khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc thì họ vẫn được quyền thỏa thuận với nhau để tìm ra cách giải quyết tranh chấp thống nhất cho cả hai bên. Hòa giải trong tố tụng dân sự là phương thức giải quyết tranh chấp thể hiện rõ nét quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Như vậy, “*Hoà giải trong tố tụng dân sự là thủ tục tố tụng do Toà án áp dụng trong quá trình giải quyết các vụ việc dân sự trên cơ sở tuân thủ pháp luật, nhằm tạo điều kiện để các đương sự trong vụ việc dân sự thiện chí giải quyết các vấn đề về quyền lợi, nghĩa vụ của họ. Đồng thời, trên cơ sở có yêu cầu của đương sự, Toà án có thể xem xét công nhận bảo đảm giá trị pháp lý cho các nội dung thoả thuận trong trường hợp không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội”[[195]](#footnote-195).*

Trong tiến trình hội nhập quốc tế, Việt Nam đã và đang có những bước đi tích cực để đẩy mạnh quá trình toàn cầu hóa, hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Cùng với đó, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển mạnh mẽ, hình thức giao dịch trực tuyến ngày càng trở nên phổ biến đã đặt ra nhu cầu về cơ chế Tòa án giải quyết tranh chấp trực tuyến. Trong bối cảnh đó, vấn đề cải cách tư pháp của Tòa án nhân dân nói chung và việc xây dựng Tòa án điện tử nói riêng (Electronic Court – Ecourt) càng trở nên cần thiết. Bản chất của Tòa án điện tử là chuyển đổi số các hoạt động của Tòa án, trong đó, cốt lõi là chuyển đổi số hoạt động tố tụng để hình thành lên một phương án tố tụng mới trên nền tảng số[[196]](#footnote-196). Giải quyết tranh chấp trực tuyến là một tập hợp các quy trình cho phép giải quyết tranh chấp thông qua trực tuyến các cơ chế như Internet hoặc một số dạng công nghệ cho phép giao tiếp ảo mà không yêu cầu các bên phải ở trong một phòng cùng nhau[[197]](#footnote-197).

Hiện nay trên thế giới, Tòa án của một số quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc, Australia, Singapore, Mỹ,… đã tiến hành và áp dụng thành công việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động giải quyết tranh chấp. Cơ chế này được gọi là “Tòa án mạng” và bao gồm một phần hoặc toàn bộ các thủ tục tương tự như ở Tòa án truyền thống. Tuy nhiên một số thủ tục Tòa án truyền thống khi chuyển vào môi trường mạng sẽ có sự thay đổi để tương thích với môi trường trực tuyến như thủ tục Tòa án trực tuyến linh hoạt hơn, được thực hiện nhanh chóng nhờ áp dụng công nghệ thông tin như lời bào chữa, các tài liệu khác được lưu trữ trên môi trường trực tuyến, những người quan tâm đến vụ việc có thể tham gia vào xem xét[[198]](#footnote-198). Ví dụ, ở Vương quốc Anh, từ năm 2001, các bên đã có thể phát hành Yêu cầu chiếm hữu tiền trực tuyến và kể từ năm 2006, đã có thể thực hiện yêu cầu chiếm hữu trực tuyến. Tòa án Liên bang của Úc cũng bao gồm hệ thống Tòa án điện tử cho phép các bên cùng làm chứng qua hội nghị truyền hình. Tuy nhiên, một số ít hệ thống được Tòa án hoặc Hội đồng xét xử áp dụng liên quan đến Tòa án điện tử ở giai đoạn thương lượng hoặc hòa giải của quy trình, mà cho phép các bên tham gia điện tử vào quá trình xét xử. Tại Canada, hầu hết các Tòa án và Hội đồng xét xử vẫn chưa áp dụng công nghệ giải quyết tranh chấp trực tuyến (Online Dispute Resolution – ODR) như một phần của quá trình thương lượng, hòa giải hoặc xét xử. Một ngoại lệ là ở British Columbia, Tòa án giải quyết dân sự mới được thành lập đã đưa ODR vào giai đoạn thương lượng của quá trình giải quyết vụ án. Các Tòa án khác có thể xem xét các cách tiếp cận tương tự[[199]](#footnote-199). Tại các Tòa án Trung Quốc, từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/5/ 2021, có 6,51 triệu vụ việc đã được hòa giải trực tuyến và 6,14 triệu vụ việc đã được hòa giải thành công trước khi xét xử[[200]](#footnote-200).

Vì vậy, tổ chức hòa giải trực tuyến trong tố tụng (bao gồm phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) để giải quyết các tranh chấp dân sự là nhu cầu, xu hướng tất yếu của hoạt động tư pháp. Có thể hiểu hòa giải trực tuyến trong tố tụng là dạng thức trực tuyến của hòa giải truyền thống, đó là việc đưa quy trình hòa giải truyền thống lên môi trường trực tuyến. Tòa án làm tốt công tác hòa giải sẽ giúp các đương sự giải quyết nhanh các tranh chấp, mâu thuẫn mà không phải kéo dài thời gian xét xử, đỡ tốn kém thời gian đi lại, công sức, chi phí cho đương sự; hàn gắn những rạn nứt trong quan hệ giữa các đương sự..

**2. Áp dụng hòa giải trực tuyến trong tố tụng để giải quyết tranh chấp dân sự**

***2.1. Về cơ sở pháp lý áp dụng hòa giải trực tuyến trong tố tụng***

Bộ luật tố tụng dân sự 2015 lần đầu tiên ghi nhận việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình tố tụng, cụ thể ghi nhận việc gửi, nhận đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo bằng phương tiện điện tử; bổ sung phương thức tống đạt bằng phương tiện điện tử; quy định các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật phải được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án. Bên cạnh đó là quy định đổi mới thủ tục hòa giải trong quy trình tố tụng thành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải[[201]](#footnote-201). Như vậy, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không có quy định về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức trực tuyến nhưng cũng không có quy định cấm việc mở phiên hòa giải trực tuyến trong việc giải quyết các vụ án dân sự. Sau này, Nghị quyết 04/2016/NĐ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử, trong đó quy định giao dịch điện tử, thông điệp dữ liệu điện tử, tài khoản trong giao dịch điện tử, chữ ký điện tử[[202]](#footnote-202).

Luật Giao dịch điện tử năm 2005 đã thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu và quy định về chữ ký điện tử[[203]](#footnote-203). Bên cạnh đó là các văn bản pháp quy như Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử, Nghị định số 64/2007/NĐ-CP về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước,…đã tạo nền tảng pháp lý cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tòa án nói chung và giải quyết tranh chấp dân sự nói riêng.

Việc triển khai hòa giải trực tuyến trong giải quyết các tranh chấp dân sự phù hợp với các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước: Tại các Văn kiện của Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII đã nhấn mạnh một yếu tố rất quan trọng, đó là chú trọng phát triển hạ tầng thông tin viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số và xã hội số[[204]](#footnote-204); Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khuyến khích các cơ quan nhà nước khi giải quyết các công việc thực hiện qua môi trường điện tử nhằm rút ngắn thời gian giải quyết công việc, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi làm các thủ tục mang tính hành chính; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

***2.2. Điều kiện áp dụng hòa giải trực tuyến trong tố tụng***

Tổ chức hòa giải trực tuyến trong tố tụng để giải quyết vụ án dân sự là nhu cầu, xu hướng tất yếu của hoạt động tư pháp nói chung và tố tụng trực tuyến nói riêng phù hợp với chủ trương của Đảng, các nguyên tắc cơ bản và thủ tục tố tụng do pháp luật quy định; phù hợp với thực tiễn. Mục đích của phiên hòa giải trực tuyến nhằm xác định yêu cầu và phạm vi khởi kiện, việc sửa đổi, bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; những vấn đề đã thống nhất, chưa thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết; tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án và việc gửi tài liệu chứng cứ cho đương sự khác; bổ sung tài liệu, chứng cứ; yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ; yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác. Do vậy, để phiên hòa giải trực tuyến hợp lệ, Tòa án phải đảm bảo tuân thủ các quy định tố tụng đã được nêu trong Bộ luật tố tụng dân sự[[205]](#footnote-205). Tuy nhiên, với đặc thù về “điều kiện và môi trường trực tuyến”, khi tiến hành hòa giải trực tuyến giải quyết các vụ án dân sự sẽ có một số vấn đề lưu ý so với hòa giải thông thường:

Thứ nhất, Tòa án cần xác định đương sự có đủ điều kiện về trang thiết bị, khả năng sử dụng công nghệ thông tin hay không để hướng dẫn người khởi kiện tự tham gia đối thoại trực tuyến. Như vậy, phiên hòa giải trực tuyến bắt buộc phải có sự đồng ý bằng văn bản của các đương sự; trường hợp họ không đồng ý, Tòa án tiến hành hòa giải theo thủ tục thông thường.

Thứ hai, về sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên hòa giải trực tuyến: (1) Trường hợp trong vụ án có nhiều đương sự, mà có đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự có mặt vẫn đồng ý tiến hành phiên hòa giải trực tuyến và việc tiến hành phiên hòa giải đó không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì Thẩm phán tiến hành phiên hòa giải trực tuyến giữa các đương sự có mặt; nếu các đương sự đề nghị hoãn phiên hòa giải để có mặt tất cả các đương sự trong vụ án thì Thẩm phán phải hoãn phiên hòa giải trực tuyến và thông báo bằng văn bản việc hoãn phiên hòa giải, mở lại phiên hòa giải cho các đương sự. Đương sự được xem như vắng mặt trong phiên hòa giải trực tuyến khi không có mặt tại các điểm trong thời hạn 15 phút kể từ thời điểm ấn định thời gian mở phiên họp. (2) Trường hợp đương sự có mặt tại phòng họp trực tuyến nhưng vắng mặt trong quá trình diễn ra phiên hòa giải: Trường hợp đương sự cố tình vắng mặt thì Tòa án ghi nhận vào biên bản, vẫn cho phiên hòa giải diễn ra theo quy định và lập biên bản hòa giải gửi đương sự. (3) Trường hợp đương sự vắng mặt do sự cố kỹ thuật không thể khắc phục được lần thứ nhất, Tòa án lập biên bản hoãn theo quy định.

Thứ ba, trường hợp đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt hoặc không thể tham gia hòa giải được vì có lý do chính đáng thì Tòa án vẫn tiến hành phiên hòa giải trực tuyến và lập biên bản không phiên hòa giải được.

Thứ tư, trường hợp đương sự có mặt tại phòng họp trực tuyến nhưng không đồng ý ký vào biên bản thì Tòa án lập biên bản ghi rõ lý do và cho các đương sự còn lại ký vào biên bản. Tòa án không tiến hành lại phiên hòa giải vì lý do đương sự không ký vào biên bản.

Thứ năm, nếu đương sự vi phạm quy định về thuần phong mỹ tục; ghi âm, ghi hình đối thoại lên mạng xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng thì tùy từng trường hợp sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật.

***2.3. Trình tự phiên hòa giải trực tuyến trong tố tụng***

Trình tự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại trực tuyến phải tuân theo quy định tại Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, theo đó thì Thẩm phán tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó mới tiến hành hòa giải. Tuy nhiên, trên thực tế có nhiều vụ án phức tạp Thẩm phán có thể tiến hành hòa giải nhiều lần trong quá trình giải quyết vụ án và giữa các lần hòa giải này không tiếp nhận, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ mới. Quá trình diễn ra phiên hòa giải trực tuyến, các đương sự tuân theo sự điều khiển của Thẩm phán - Chủ tọa phiên hòa giải.

Về phần thủ tục: Với đặc thù việc hòa giải trong “điều kiện và môi trường trực tuyến”, do đó đối với Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thì trong thời hạn chuẩn bị xét xử phải ban hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải trực tuyến để ấn định thời gian, địa điểm mở phiên họp và hướng dẫn đương sự cách đăng nhập vào phòng họp cũng như thao tác sử dụng. Đồng thời, các tài liệu, chứng cứ do đương sự nộp và Tòa án thu thập trước và tại phiên hòa giải, Thư ký phải chuẩn bị scan thành file pdf và tiến hành kiểm tra trang thiết bị, phần mềm và mở phần mềm 15 phút trước khi diễn ra phiên hòa giải. Thư ký kiểm tra sự có mặt, vắng mặt (lý do) và căn cước của các đương sự tại phòng họp (qua giao diện phần mềm) và tại Tòa án (nếu có đương sự tham gia tại điểm cầu của Tòa án) để ghi vào biên bản. Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải kiểm tra lại sự có mặt và căn cước của những người tham gia phiên hòa giải tại phòng họp (qua giao diện phần mềm) và tại Tòa án.

Về phần nội dung: Thẩm phán công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thông qua file pdf gửi cho các đương sự trong phòng họp, kết hợp với công bố bằng lời nói. Tiếp theo là quá trình hỏi các đương sự theo thứ tự: Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người khác nếu được triệu tập[[206]](#footnote-206). Thẩm phán xem xét các ý kiến, giải quyết các đề nghị của đương sự và công bố bằng lời nói cho đương sự tại phòng họp và tại Tòa án.

Sau khi kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thẩm phán tiếp tục mở phiên hòa giải trực tuyến theo quy định. Thư ký phiên hòa giải có trách nhiệm ghi biên bản về diễn biến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi kết thúc phiên hòa giải, Thư ký đưa biên bản lên phần mềm để các đương sự xem, đồng thời Thư ký đọc lại biên bản để các đương sự đối chiếu và sửa đổi, bổ sung nếu có. Tòa án sẽ tiến hành cho các đương sự và Thẩm phán tiến hành ký biên bản thông qua chữ ký điện tử để đảm bảo việc ký biên bản là cùng lúc và trực tiếp. Trường hợp này, biên bản phải được chuyển thành file pdf và giao cho các đương sự ký trực tiếp trên phần mềm họp trực tuyến theo sự điều khiển của Thẩm phán. Ngay sau khi kết thúc việc ký chữ ký số, Thư ký lưu file biên bản, chứng cứ vào USB hoặc CD và đóng dấu bút lục lưu vào hồ sơ.

**3. Đánh giá thực trạng áp dụng hòa giải trực tuyến trong tố tụng để giải quyết tranh chấp dân sự**

***3.1. Về ưu điểm***

Áp dụng hòa giải trực tuyến trong giải quyết tranh chấp dân sự đáp ứng nhu cầu của xã hội trong thời đại 4.0, đồng thời phù hợp với chủ trương về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động chuyên môn, góp phần hoàn thành chiến lược chuyển đổi số và xây dựng Tòa án điện tử, tiến tới xây dựng Tòa án thông minh. Đặc biệt, việc tiến hành hòa giải trực tuyến không chỉ phục vụ cho hoạt động tố tụng công khai, minh bạch, rõ ràng mà còn thuận tiện để người dân tham gia vào việc giải quyết vụ án, phá vỡ các rào cản về vị trí địa lý, tiết kiệm được rất nhiều thời gian và chi phí không cần thiết cho đương sự so với hình thức hòa giải truyền thống trực tiếp tại trụ sở Tòa án, đặc biệt là những đương sự ở các khu vực xa trung tâm hay khu vực nông thôn.

Một khía cạnh khác, trong trường hợp các bên đã có sự mâu thuẫn nghiêm trọng thì việc cùng có mặt (giáp mặt) tại trụ sở Tòa án để hòa giải sẽ làm căng thẳng hơn quan hệ giữa các bên và tranh chấp sẽ có thể trầm trọng hơn. Việc các bên không ở cùng phòng (ở các không gian khác nhau) sẽ khắc phục được nhược điểm này; trong trường hợp các đương sự “cùng phía” có thể thảo luận riêng các vấn đề một cách tự do và thoải mái hơn.

***3.2. Về nhược điểm***

Thiếu các quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp là rào cản lớn cho việc áp dụng hòa giải trực tuyến trong tố tụng để giải quyết tranh chấp dân sự. Hiện nay, vẫn còn một số hoạt động tố tụng cơ bản chưa được luật quy định theo hướng cho phép ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện như mở phiên hợp, đối thoại, hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử trực tuyến. Đây là khó khăn lớn cho việc triển khai áp dụng tố tụng điện tử nói chung và phiên hòa giải trực tuyến trong giải quyết tranh chấp dân sự nói riêng.

Chữ ký điện tử đã được cho phép sử dụng trong hoạt động tố tụng dân sự, tính pháp lý của văn bản có chữ ký điện tử được thừa nhận như văn bản có chữ ký thông thường khi đáp ứng điều kiện được quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.Do đó, có cơ sở cho Tòa án sử dụng chữ ký điện tử của đương sự khi ký các biên bản giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Theo quy định hiện hành thì trong hệ thống quản lý văn bản điều hành có 2 loại chữ ký số được áp dụng, đó là chữ ký số cá nhân (là chữ ký điện tử được ký bởi cá nhân có thẩm quyền, dùng để thay thế cho chữ ký tay truyền thống) và chữ ký số của cơ quan/tổ chức (là chữ ký điện tử được ký bởi người được ủy quyền của cơ quan/tổ chức; thường là văn thư của đơn vị, chữ ký này thay thế cho con dấu của cơ quan/tổ chức, có tính hiệu lực pháp lý như con dấu của cơ quan tổ chức). Tuy nhiên thực tế hiện nay tỉ lệ doanh nghiệp và người dân sử dụng chữ ký điện tử còn thấp.

Bên cạnh đó, điều kiện tất cả các đương sự được yêu cầu có đủ công nghệ để tham gia vào quá trình hòa giải trực tuyến nên trường hợp các bên không có đủ công nghệ có thể gặp bất lợi hoặc không thể tham gia đầy đủ. Song song với đó là chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin tại Việt Nam chưa đồng đều.

Việc xét xử trực tuyến cũng làm mất đi một số điểm hấp dẫn và trang nghiêm của quá trình tố tụng trực tiếp.

***3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện về hòa giải trực tuyến trong tố tụng giải quyết tranh chấp dân sự***

Dựa trên phân tích về ưu, nhược điểm của việc áp dụng hòa giải trực tuyến trong tố tụng để giải quyết tranh chấp dân sự, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế về hòa giải trực tuyến trong tố tụng giải quyết tranh chấp dân sự đối với hệ thống Tòa án nhân dân như sau:

 Thứ nhất, tiếp tục nâng cấp để đẩy mạnh việc ứng dụng có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin hiện có của các Tòa án nhân dân sẽ góp phần đáp ứng yêu cầu hòa giải trực tuyến. Trong trường hợp đương sự không đủ trang thiết bị hoặc khả năng sử dụng công nghệ thông tin có thể đến một trong các điểm cầu Tòa án nơi gần nhất để được hỗ trợ và tham gia hòa giải trực tuyến tại đó; ngoài ra, người khởi kiện có thể tham gia cùng điểm cầu với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình (nếu có). Bên cạnh đó, việc đầu tư cơ sở hạ tầng để đảm bảo việc tạo kết nối giữa các Tòa án là rất cần thiết: (1) Về phần mềm phải đảm bảo đầy đủ các tính năng để Tòa án có thể tiến hành một phiên hòa giải trực tuyến từ nhiều điểm cầu, cũng như đảm bảo tính bảo mật trong suốt quá trình diễn ra phiên họp. (2) Về trang thiết bị phòng họp phải được trang bị đường truyền internet, Máy tính; Hệ thống âm thanh; Camera; Màn hình điều khiển; Máy scan; Máy in; và hệ thống lưu trữ các thông tin về phiên họp.

Thứ hai, Thẩm phán, Thư ký ghi biên bản phiên hòa giải là những người trực tiếp sử dụng các trang thiết bị, phần mềm để tổ chức phiên họp đối thoại trực tuyến. Do đó, tăng cường kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin sẽ giúp Thẩm phán, Thư ký xử lý những tình huống phát sinh liên quan đến phiên họp trực tuyến. Đồng thời, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức Tòa án sẽ tạo thêm đội ngũ nhân lực kỹ thuật để hỗ trợ và giúp phát triển các ứng dụng tin học phục vụ cho công tác đặc thù của Tòa án.

Thứ ba, về chữ ký điện tử: (1) Trường hợp đã có chữ ký điện tử, Tòa án yêu cầu người khởi kiện xác nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử như chủ thuê bao, nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số và chứng thư số của chữ ký có hiệu lực (là chứng thư số chưa hết hạn, không bị tạm dừng hoặc bị thu hồi). Việc xác nhận này nhằm đảm bảo chữ ký điện tử của người khởi kiện không phải giả mạo và còn hiệu lực. (2) Trường hợp đương sự chưa có chữ ký điện tử, Tòa án hướng dẫn người khởi kiện liên hệ các tổ chức được cấp phép (theo Luật Giao dịch điện tử năm 2005) để cung cấp chữ ký số trong thời hạn 06 tháng (là thời hạn chuẩn bị xét xử đã được gia hạn đối với vụ án phức tạp hoặc có trở ngại khách quan được cho phép tại Điều 203 BLTTDS). Với điều kiện về cơ sở hạ tầng và thiết bị của người dân hiện nay thì cần thiết phải tăng cường hạ tầng công nghệ thông tin với hệ thống mạng hoạt động ổn định, đường truyền tốc độ cao kết nối mạng truyền số liệu; hỗ trợ kỹ thuật kịp thời cho quá trình ứng dụng chữ ký số chữ kỹ số và mở rộng đối tượng ra đến các doanh nghiệp và người dân.

Thứ tư, vấn đề bảo mật thông tin: (1) Ngay thời điểm tiếp nhận đơn khởi kiện hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu người khởi kiện cung cấp các thông tin cá nhân, thư điện tử và số điện thoại để có hướng xử lý thích hợp. Sau khi xác minh, các bên sẽ nhận được một tài khoản độc quyền để đăng nhập vào nền tảng và ngoại trừ các tình huống có bằng chứng có thể chứng minh rằng tài khoản đã bị đánh cắp hoặc xảy ra lỗi hệ thống, bất kỳ hành vi nào được thực hiện trên nền tảng được đăng nhập bằng tài khoản độc quyền sẽ được coi là hành vi được thực hiện bởi chủ sở hữu tài khoản. (2) Toàn bộ nội dung ghi âm, ghi hình của phiên hòa giải được lưu vào hệ thống của Tòa án nhằm đảm bảo tính bảo mật. Do đó, để phục vụ cho việc tiến hành hòa giải trực tuyến, Tòa án vẫn được phép ghi âm, ghi hình nhưng để đảm bảo tính bảo mật và đúng các quy định của Luật tố tụng dân sự, Luật An ninh mạng và Luật xử lý vi phạm hành chính thì đương sự trong vụ án không được phép ghi âm, ghi hình. Ngoại trừ dữ liệu được xác định là công khai được cho phép truy cập thì không ai được tiết lộ, truyền bá hoặc sử dụng dữ liệu được tạo ra trong quá trình hòa giải trực tuyến và nếu vi phạm phải xử lý theo quy định của pháp luật liên quan.

Thứ năm, cần sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật tố tụng theo hướng bổ sung phương thức xét xử trực tuyến và những quy định riêng nhằm triển khai, hướng dẫn việc áp dụng hòa giải trực tuyến trong tố tụng bên cạnh cơ chế hòa giải truyền thống, nhằm mở ra nhiều phương thức để các bên lựa chọn, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng tranh chấp.

Thứ sáu, nguyên tắc cơ bản cho tranh tụng trực tuyến là phải khách quan và hiệu quả, hợp pháp, theo định hướng bảo vệ quyền, thuận tiện cho người dân, an toàn và đáng tin cậy. Do đó, việc ban hành Quy tắc tố tụng trực tuyến của Tòa án nhân dân làm cơ sở điều chỉnh cụ thể về tố tụng trực tuyến là cần thiết.

**4. Kết luận**

Hơn 40 năm trước, Mauro Cappelletti – nhà luật học nổi tiếng thế kỷ 20 - đã cảnh báo về khoảng cách giữa công bằng dân sự và sự phức tạp của xã hội đương đại đòi hỏi các phương pháp giải quyết tranh chấp mới do các phương tiện giải quyết truyền thống ngày càng không đủ để giải quyết các thách thức của xã hội[[207]](#footnote-207). Trong những năm qua, Việt Nam hiện đang phát triển vượt bậc về hạ tầng internet (một trong các nước thí điểm thành công mạng 5G) và tỷ lệ dân số sử dụng internet hàng đầu thế giới, do đó, cơ sở cho việc xây dựng và vận hành “Tòa án trực tuyến”, trong đó có hòa giải trực tuyến là việc hoàn toàn khả thi. Hiện nay, hiều quốc gia trên thế giới đã thực hiện hòa giải trực tuyến và thực tế dịch Covid-19 ảnh hưởng khiến nhiều hoạt động vốn trước đây diễn ra dưới hình thức trực tiếp nay phải chuyển sang hình thức trực tuyến, hoặc kết hợp giữa trực tiếp với trực tuyến. Tòa án áp dụng hòa giải trực tuyến là không trái với quy định pháp luật và phù hợp với thực tiễn, góp phần vào mục tiêu phục vụ tốt nhất nhu cầu của nhân dân, phù hợp với xu hướng phát triển chung và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Hải An (Chủ biên) (2019), *Giáo trình giải quyết việc dân sự và hòa giải trong tố tụng dân sự*, Học viện Tòa án, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.223. [tran: Nguyen Hai An (Editor) (2019), *The curriculum of civil matter settlement and mediation in civil proceedings*, Court Academy, Published by Hanoi National University, p.223].

Hà Công Bảo Anh, Lê Hằng Mỹ Hạnh (2017), Giải quyết tranh chấp trực tuyến – khả năng áp dụng ở Việt Nam, *Tạp chí kinh tế đối ngoại số 93 (12/2017)*, truy cập ngày 24/9/2021 [trans: Ha Cong Bao Anh, Le Hang My Hanh (2017), Online dispute resolution – applicability in Vietnam, Foreign Economic Relations Journal No. 93 (12/2017), accessed September 24 2021].

Báo cáo số 17/BC-TANDTC ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của Tòa án và định hướng xây dựng Tòa án [trans: Report No. 17/BC-TANDTC dated July 9, 2021 of the Supreme People's Court on the application of information technology in the activities of the Court and orientation for the construction of the Court].

1. M. Cappelletti, ‘Une revolution en cours dans le droit judiciaire civile’, 1975, Revue Internationale de droit comparé, pp. 571-597.
2. Nguyễn Thị Hải Châu, “Những yêu cầu cơ bản khi tổ chức phiên tòa trực tuyến”, 27/9/2021, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/nhung-yeu-cau-co-ban-khi-to-chuc-phien-toa-truc-tuyen>, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, truy cập ngày 01/10/2021 [trans: Nguyen Thi Hai Chau, “Basic requirements when holding an online trial”, September 27, 2021, https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/nhung-yeu-cau-co-ban-khi-to-chuc-phien-toa-truc-tuyen, *Electronic People's Court Journal*, accessed on October 1, 2021].
3. Mai Tiến Dũng, “Xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số và nền kinh tế số ở Việt Nam”, 02/10/2021, <http://egov.chinhphu.vn/xay-dung-chinh-phu-dien-tu-huong-toi-chinh-phu-so-va-nen-kinh-te-so-o-viet-nam-a-newsdetails-37599-14-186.html>, *Cổng thông tin điện tử Chính phủ*, truy cập ngày 24/9/2021 [trans: Mai Tien Dung, “Building E-Government towards Digital Government and Digital Economy in Vietnam", October 2, 2021, http://egov.chinhphu.vn/xay-dung-chinh- phu-dien-tu-huong-toi-chinh-phu-so-vanen-king-te-so-o-viet-nam-a-newsdetails-37599-14-186.html, *Main Portal government*, accessed September 24, 2021].
4. Xuân Hà, “Từng bước xây dựng Tòa án điện tử, Tòa án số, tiến tới xây dựng và vận hành Tòa án thông minh”, 22/9/2021, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/tin-quan-tam/tung-buoc-xay-dung-toa-an-dien-tu-toa-an-so-tien-toi-xay-dung-va-van-hanh-toa-an-thong-minh>, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, truy cập ngày 24/9/2021 [trans:
5. Xuan Ha, "Step by step building an electronic court, a digital court, moving towards building and operating a smart court", https://tapchitoaan.vn/bai-viet/tin-quan-tam/tung-buoc-xay-dung-toa-an-dien-tu-toa-an-so-tien-toi-xay-dung-va- van-hanh-toa-an-thong-minh, *Electronic People's Court Journal*, accessed September 24, 2021].
6. Tường Huy, “Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia”, 18/5/2021, <https://dangcongsan.vn/multimedia/mega-story/thuc-day-manh-me-chuyen-doi-so-quoc-gia-580776.html>, *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, truy cập ngày 15/9/2021 [trans: Tuong Huy, "Strongly promoting national digital transformation", May 18, 2021, https://dangcongsan.vn/multimedia/mega-story/thuc-day-manh-me-chuyen-doi-so -quoc-gia-580776.html, *Communist Party of Vietnam Electronic Newspaper*, accessed September 15, 2021].
7. Hiền Minh, “Hiện thực hóa khát vọng chuyển đổi số của Việt Nam”, 16/12/2020, <http://baochinhphu.vn/Utilities/PrintView.aspx?distributionid=417161>, *Báo điện tử Chính phủ*, truy cập ngày 15/9/2021 [trans: Hien Minh, "Realizing Vietnam's digital transformation aspirations", December 16, 2020, http://baochinhphu.vn/Utilities/PrintView.aspx?distributionid=417161, *Government e-newspaper*, access Updated on September 15, 2021].
8. Trần Văn Quảng (2012), ”Một số vấn đề về chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, Số Chuyên đề Pháp luật về hòa giải, tr. 109 [trans: Tran Van Quang (2012), "Some issues about the institution of conciliation in Vietnamese civil procedure law", Journal of Democracy and Law, Legal Topics on Mediation, pp. 109].
9. The SPC Releases the Rules of Online Litigation of People’s Court, <http://english.court.gov.cn/2021-06/18/content_37545136.htm>, truy cập ngày 20/9/2021 [trans: Tòa án nhân dân tối cao Trung Quốc ban hành các Quy tắc tranh tụng trực tuyến của Tòa án nhân dân].

Dispute Resolution Reference Guide, Produced by Dispute Prevention and Resolution Division (2012), <https://www.justice.gc.ca/eng/rp-pr/csj-sjc/dprs-sprd/res/drrg-mrrc/10.html>, truy cập ngày 15/9/2021 [Hướng dẫn tham khảo giải quyết tranh chấp, do Bộ phận Giải quyết và Ngăn chặn tranh chấp thuộc Bộ Tư pháp Canada biên soạn].

Department of Justice, Canada (2012), <https://www.justice.gc.ca/eng/rp-pr/csj-sjc/dprs-sprd/res/drrg-mrrc/10.html>, truy cập ngày 15/9/2021.

**MÔ HÌNH HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN Ở SINGAPORE VÀ**

**KINH NGHIỆM ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM**

 ***Đoàn Thị Ngọc Hải*[[208]](#footnote-208)\***

*TÓM TẮT: Bài viết nghiên cứu và luận giải mô hình hòa giải tại Tòa án ở Singapore và một số quy định trong hệ thống pháp luật Singapore về hòa giải tại Tòa án; Trên cơ sở đó đưa ra một số kinh nghiệm có thế vận dụng vào thực tiễn Việt Nam.*

***Từ khóa****: Mô hình hòa giải tại Tòa án, Singapore, kinh nghiệm áp dụng, Việt Nam*

**1. Dẫn nhập**

Hòa giải không phải là vấn đề mới ở Singapore. Một số học giả nghiên cứu về mô hình hòa giải cho rằng, hòa giải xuất hiện ở Singapore từ khi bắt đầu có cư dân sống trên quốc đảo này. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đã làm mai một vị trí của hòa giải. Hòa giải chỉ được phục hồi ở Singapore vào giữa thập kỷ 90 của thế kỷ trước, khi “Phong trào giải quyết tranh chấp thay thế - ADR” chính thức bắt đầu năm 1994. Người có công lớn trong việc đẩy mạnh phong trào này là ông Young Pung How, Chánh án Tòa án tối cao Singapore và cũng là người đã tiến hành nhiều cải cách trong lĩnh vực tố tụng dân sự ở Singapore để khuyến khích các bên dàn xếp tranh chấp và đàm phán với nhau mà không cần phải mở phiên tòa xét xử. Năm 1994, hòa giải được đưa vào các Tòa án cấp dưới theo chương trình “Giải quyết tranh chấp thay thế tại Tòa án” (Court Dispute Resolution – CDR). Mục tiêu của chương trình là khôi phục lại mô hình hòa giải - một quy trình giải quyết tranh chấp quen thuộc trong văn hóa Singapore; duy trì sự hài hòa, đồng thuận trong gia đình và toàn xã hội; tăng hiệu quả giải quyết tranh chấp bằng cách giảm chi phí tố tụng và sử dụng tối đa các nguồn lực công để giải quyết xung đột. Và mô hình hòa giải ở Singapore được chia thành ba danh mục lớn gồm: hòa giải kết nối với Tòa án; hòa giải trong Tòa án, các cơ quan ban ngành của Chính phủ và hòa giải tư nhân.

Bên cạnh chương trình CDR, ngành Tòa án Singapore bắt đầu triển khai các phiên họp trước khi diễn ra phiên tòa (pre-trial conference) đối với các vụ việc dân sự tại Tòa án tối cao và các Tòa án cấp dưới từ tháng 01/1992. Các phiên họp này do một nhân viên Tòa án chủ trì, nhằm mục đích đánh giá vụ án để tìm ra phương án giải quyết tối ưu và khuyến khích các đương sự dàn xếp tranh chấp thông qua thương lượng. Việc tổ chức các phiên họp như vậy được chính thức quy định trong Quy tắc tố tụng tại Tòa án Singapore năm 1996. Theo quy định này, Tòa án có quyền yêu cầu các đương sự tham dự phiên họp trước phiên tòa (được tổ chức không công khai), tại phiên họp đó, Tòa án sẽ đưa ra phương hướng mà Tòa án cho là phù hợp để giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng, công bằng và ít chi phí nhất.[[209]](#footnote-209)

Chính phủ Singapore cũng đóng vai trò tích cực trong việc thúc đẩy hòa giải ở Singapore và khuyến khích các bên tranh chấp sử dụng hòa giải trước khi đưa vụ việc ra Tòa án để giải quyết. Tháng 5/1996, Ủy ban về ADR được thành lập với chức năng nghiên cứu các biện pháp thúc đẩy hơn nữa hòa giải ở Singapore và mở rộng phạm vi áp dụng hòa giải bên ngoài Tòa án[[210]](#footnote-210). Ủy ban đưa ra hai khuyến nghị nhằm phân chia hòa giải khu vực tư làm hai nhánh là hòa giải thương mại và hòa giải cộng đồng: *Một là,* Ủy ban đề xuất thành lập một Trung tâm hòa giải thương mại thuộc Học viện Luật Singapore (Trung tâm Hòa giải Singapore – SMC). SMC được chính thức thành lập ngày 16/8/1997; *Hai là,* Ủy ban khuyến nghị thành lập các Trung tâm hòa giải cộng đồng để công chúng dễ tiếp cận. Các lãnh đạo cộng đồng và các tình nguyện viên được đào tạo để trở thành hòa giải viên, nhằm hướng dẫn cộng đồng cách thức tự giải quyết các tranh chấp nội bộ của họ. Khuyến nghị này đã được Bộ Pháp luật thực thi. Tháng 01/1998, Luật về Trung tâm Hòa giải cộng đồng có hiệu lực. Bộ Pháp luật giám sát các trung tâm này và vẫn giữ vai trò thúc đẩy hòa giải và ADR nói chung. Các sáng kiến thúc đẩy hòa giải khác được đưa ra bởi Văn phòng Tổng Công tố viên, theo đó, tất cả các cơ quan nhà nước nên sử dụng hòa giải là sự lựa chọn đầu tiên để giải quyết tranh chấp và trong các hợp đồng của Chính phủ cần có điều khoản về giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Hòa giải Singapore. Ở Singapore có hai loại hình hòa giải chủ yếu là hòa giải gắn với Tòa án (court-annexed mediation) và hòa giải tư (private mediation). Hòa giải gắn với Tòa án là hình thức hòa giải được tiến hành sau khi các bên đã bắt đầu quá trình tố tụng tại Tòa án. Loại hình hòa giải này chủ yếu được thực hiện tại các Tòa án cấp dưới (Subordinate Courts) và được điều phối bởi Trung tâm Giải quyết tranh chấp thay thế (Primary Dispute Resolution Centre – PDRC). Hòa giải tư ở Singapore chủ yếu được thực hiện bởi Trung tâm Hòa giải Singapore (SMC) - một tổ chức phi lợi nhuận thuộc Học viện Luật Singapore. Ngoài ra, ở Singapore còn tồn tại loại hình hòa giải thứ ba, được tiến hành trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức, hiệp hội, như các Trung tâm Hòa giải cộng đồng, Hiệp hội Người tiêu dùng Singapore.

**2. Mô hình hòa giải tại Tòa án ở Singapore và một số quy định pháp luật**

***2.1. Mô hình hòa giải tại Tòa án ở Singapore***

*Thứ nhất, đối với hệ thống Tòa án ở Singapore*

Hệ thống Tòa án ở Singapore bao gồm Tòa án tối cao và các Tòa án cấp dưới (Subordinate Courts), có thẩm quyền xét xử tất cả các vụ việc dân sự và hình sự ở Singapore, trừ các vụ việc hôn nhân và gia đình trong đó luật áp dụng là Luật Hồi giáo. Tòa án tối cao bao gồm: Tòa án phúc thẩm tối cao (Court of Appeal), Tòa án cấp cao (High Court) và Tòa án Hiến pháp (Constitutional Tribunal). Các Tòa án cấp dưới bao gồm: Các Tòa sơ thẩm thẩm quyền rộng (District Courts), các Tòa sơ thẩm thẩm quyền hẹp (Magistrates’ Courts), các Tòa vị thành niên, các Tòa gia đình (Family Courts) và các Tòa án xử vụ việc nhỏ theo thủ tục rút gọn (Small Claims Tribunals).

Tòa án Bang là “phòng máy” của hệ thống Tòa án Singapore, quản lý khối lượng công việc hằng năm khoảng 350.000 vụ án. Hướng dẫn thực hành của Tòa án ghi nhận “thử nghiệm giải quyết tranh chấp thay thế (ADR) cho tất cả các tranh chấp dân sự. Tòa án khuyến khích các bên cân nhắc lựa chọn ADR như “điểm dừng đầu tiên” để giải quyết tranh chấp trong giai đoạn sớm nhất có thể, và “tất nhiên”, Tòa án sẽ chuyển những vụ việc phù hợp sang kênh giải quyết tranh chấp Tòa án hay hình thức ADR khác. Tòa án Bang cũng áp dụng hòa giải cho những vụ việc hình sự ít nghiêm trọng, bắt đầu bằng khiếu nại đến Thẩm phán cấp thấp. Các bên có thể được hướng dẫn tham gia hòa giải hình sự do Thẩm phán cấp thấp hoặc Thẩm phán Hòa bình tiến hành, và nếu vụ việc được thỏa thuận giải quyết, thì khiếu nại được rút lại và không tiến hành bất kỳ hoạt động nào nữa. Tháng 10/2018, Tòa án Bang cũng đưa thêm thương lượng vào kho công cụ ADR của mình. Đây là một qui trình qua đó một nhà thương lượng – Thẩm phán hướng dẫn và giúp đỡ các bên đạt được một kết quả ngoài Tòa án bằng cách tích cực đưa ra các biện pháp hoặc đề xuất mà các bên có thể cân nhắc.

*Thứ hai, vai trò của hòa giải tại Tòa án ở Singapore*

Sự trở lại của hoạt động hòa giải ở Singapore phụ thuộc phần lớn vào sự hỗ trợ của Tư pháp Singapore, đặc biệt, Giám đốc danh dự Tư pháp Yong Pung. Ngành tư pháp bắt đầu xét xử trước Hội nghị (PTCs) cho các vụ án dân sự tối cao và Toà án cấp dưới là vào đầu tháng 1 năm 1992. Những PTCs, dẫn đầu bằng cách đăng ký, phục vụ để đánh giá trường hợp để xử lý tối ưu và hiệu quả và khuyến khích các bên giải quyết tranh chấp thông qua đàm phán trên một “cơ sở không có định kiến”. Việc sử dụng của PTCs được chính thức hóa vào năm 1996 tại Tòa án Tối cao thông qua O34A Quy định của Tòa án Singapore. Để trao quyền cho các Tòa án ra lệnh cho các bên tham gia PTCs bí mật để làm cho đơn đặt hàng hoặc hướng khác vì nó liên quan đến thích hợp cho việc xử lý, nhanh chóng và kinh tế của tranh chấp bất cứ lúc nào sau khi bắt đầu thủ tục tố tụng.

Tại singapore, phần lớn các cuộc hòa giải liên quan đến Tòa án là dựa trên cơ sở Tòa án trong đó chủ yếu được diễn ra tại các Tòa án cấp dưới và là một phần của Trung tâm giải quyết tranh chấp chính. Tuy nhiên, các Tòa án có thể tham khảo các trường hợp đến các Trung tâm hòa giải bên ngoài như SMC và Cộng đồng Trung tâm hòa giải trong những trường hợp thích hợp. Với những tình huống như vậy, Tòa án theo sáng kiến của riêng mình, đề xuất hoặc khuyến nghị các bên tiến hành hòa giải hoặc khuyến khích các bên xem xét hòa giải. Bên cạnh đó, Tòa án cũng có thể đưa các vụ việc ra hòa giải với sự đồng ý của các bên. Ở Singapore, các cuộc hòa giải tại Tòa án gia đình, Điều lệ Cap 353 quy định về hòa giải cho các bên ly hôn hoặc ly thân theo thủ tục tư pháp. Theo Đạo luật về Trung tâm hòa giải cộng đồng (Cap 49A), một Thẩm phán khi nhận được đơn khiếu nại có thể chuyển đơn khiếu nại đến một Trung tâm hòa giải nếu đương sự cho rằng vấn đề của họ có thể giải quyết một cách thích hợp thông qua hòa giải. Trên thực tế, một mô hình hòa giải thông qua Tòa án ở Singapore rất phát triển. Mô hình được tạo ra với các dân tộc và một nền văn hóa đa dạng của các tộc người Singapore. Trong điều kiện hiện nay, mô hình liên quan đến một hội nghị hòa giải do một Thẩm phán thực hiện đóng một vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn các bên đương sự và đưa ra lời khuyên, đề xuất và các giải pháp để các bên thống nhất.

Các cơ quan Tư pháp đã đi đầu trong ADR thể chế thông qua việc giới thiệu hòa giải trong các Tòa án trong năm 1994 với sự ra mắt của Tòa án giải quyết tranh chấp (CDR)[[211]](#footnote-211). Mục tiêu chính là giới thiệu lại vào nền văn hóa Singapore một quá trình mà nó không phải là một người lạ và để bảo vệ gia đình và xã hội hài hòa và gắn kết. Các lý do khác bao gồm tăng năng suất bằng cách giảm chi phí của cuộc xung đột và sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực công để giải quyết xung đột. Ngày nay, CDR đã trở thành vững chắc cố thủ trong các Toà án cấp dưới. Hơn nữa, những nỗ lực của ngành Tư pháp đã ăn sâu trong cộng đồng pháp lý của Singapore, một nền văn hóa phấn đấu giải quyết tranh chấp điển hình.

Ở Singapore, đa số hòa giải gắn với Tòa án được tiến hành ở các Tòa án cấp dưới do Trung tâm Giải quyết tranh chấp Tòa án PDRC điều phối, sau khi tranh chấp đã được Tòa án thụ lý. Như đã nêu ở trên, chương trình giải quyết tranh chấp thay thế tại Tòa án (CDR) được triển khai theo một dự án thử nghiệm từ tháng 6/1994 và Trung tâm Hòa giải Tòa án được thành lập năm 1995, sau đó được đổi tên thành Trung tâm Giải quyết tranh chấp thay thế vào tháng 5/1998 do chương trình này được mở rộng tới các phương thức ADR khác ngoài hòa giải. Ngoài hòa giải theo chương trình CDR, mô hình hòa giải còn có thể được sử dụng trong các phiên họp trước phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, phần lớn hòa giải tại Tòa án được tiến hành theo chương trình CDR.

Các Tòa án có thể chuyển vụ án tới các Trung tâm hòa giải bên ngoài Tòa án như SMC và các Trung tâm hòa giải cộng đồng nếu xét thấy thích hợp. Việc chuyển vụ án sang thủ tục hòa giải là do Tòa án tự mình đề xuất với các bên hoặc theo sự thỏa thuận của các bên. Hầu hết các vụ việc được các Tòa án cấp dưới thụ lý đều trải qua thủ tục hòa giải. Hòa giải ở CDR được tiến hành bởi các Thẩm phán, vì các Tòa án ở Singapore họ quan niệm rằng, trong văn hóa Singapore nói riêng và văn hóa châu Á nói chung, tiếng nói của người có thẩm quyền luôn có trọng lượng hơn. Thẩm phán hòa giải (Settlement Judges) có được sự tín nhiệm và tôn trọng cao hơn từ các bên tranh chấp, nên có thể dẫn dắt quá trình hòa giải đạt hiệu quả cao hơn. Khác với mô hình hòa giải phương Tây, Thẩm phán hòa giải của Singapore có vai trò chủ động hơn và can thiệp sâu hơn vào quá trình hòa giải. Thẩm phán có thể đề xuất giải pháp và chủ động cùng các bên tìm ra giải pháp phù hợp để giải quyết tranh chấp. Thẩm phán hòa giải chịu sự điều chỉnh của Tiêu chuẩn mẫu dành cho hòa giải viên của các Tòa án cấp dưới. Ngoài ra, khoản 4 của Tiêu chuẩn mẫu còn quy định hòa giải viên phải tuân thủ Bộ Quy tắc đạo đức đối với Hòa giải viên của các Tòa án cấp dưới ở Singapore. Bộ Quy tắc đạo đức này quy định các vấn đề như tính vô tư, trung lập, bảo mật thông tin, tôn trọng sự tự nguyện của các bên, xung đột lợi ích, đào tạo và tiêu chuẩn đối với hòa giải viên. Hòa giải cũng được triển khai ở các Tòa án khác trong hệ thống Tòa án cấp dưới ở Singapore như Tòa gia đình, Tòa xử vụ việc nhỏ và Tòa sơ thẩm thẩm quyền hẹp[[212]](#footnote-212).

Hòa giải đóng vai trò quan trọng trong qui trình của Tòa án tối cao. Trong suốt vụ án, Thẩm phán chủ tọa hoặc nhân viên Tư pháp tổ chức hội nghị quản lý vụ án và tại đó các bên được khuyến khích khai thác khả năng hòa giải hoặc dùng hình thức ADR khác. Những vụ án phù hợp được chuyển sang hòa giải tại SMC. Khi thực thi quyền thì tùy quyết định chi phí, Tòa án cũng có thể cân nhắc cách thức xử sự của các bên về bất kỳ nỗ lực nào giải quyết tranh chấp thông qua ADR. Điều này tạo động lực cho các bên cân nhắc nghiêm túc hòa giải hoặc hình thức ADR khác để giải quyết tranh chấp của mình.

Quy trình hòa giải tại PDRC, phiên CDR có thể được tổ chức tại hầu như bất kỳ thời điểm trong quá trình đưa ra xét xử. Bằng việc sử dụng các phiên CDR, PDRC xử lý các gam toàn bộ các sai lầm cá nhân dân sự và các trường hợp khi hợp đồng được nộp tại Tòa án cấp dưới. Chúng bao gồm sơ suất y tế và các trường hợp sở hữu trí tuệ. Các thực hành PDRC khác biệt giữa các trường hợp quản lý đối với các loại khác nhau của trường hợp. CDR phiên chủ trì của Thẩm phán Quận giàu kinh nghiệm đảm nhận vai trò của thẩm phán giải quyết. Trong trường hợp thích hợp, Thẩm phán giải quyết có thể tiến hành phiên CDR với một người khác (hoặc là một thẩm phán hoặc một chuyên gia nước ngoài). Các phiên họp của CDR được thực hiện tại Tòa án như là một thành phần không thể tách rời của quá trình vụ án dân sự công bằng.

CDR là một đánh giá hoặc dựa trên quyền dưới hình thức hòa giải. CDR Thẩm phán này hướng khác nhau đáng kể trong tự nhiên từ rất nhiều các quá trình ADR thuận lợi. Quét hòa giải tìm cách duy trì một cái nhìn khách quan, nơi mà các giá trị của vụ án là thảo luận thẳng thắn và công khai. Trung gian hòa giải giúp các bên bằng cách xem trước các kết quả có thể xảy ra trường hợp cần tiến hành xét xử. Đánh giá hoạt động hòa giải với các nguyên tắc áp dụng pháp luật là tiêu điểm của nó và các bên có một sự đánh giá đầy đủ thời gian, chi phí và những tác động khác của một kết quả khiếu kiện[[213]](#footnote-213).

Đối với vấn đề bảo mật trong hòa giải, Tòa án có thể cấp cứu trợ nếu có đã được thực tế lạm dụng hoặc lạm dụng thông tin bí mật bị đe dọa. Trong X Pte Ltd & Anor CDE v [1992] 2 SLR 996, Tòa án được trích dẫn với Coco v phê duyệt AN Clarke (kỹ sư) Ltd [1969] RPC 41 cho các yếu tố của hành vi vi phạm thông tin bí mật như sau: (1)Thông tin được bảo vệ phải có chất lượng cần thiết của sự tự tin về nó, (2)Thông tin đó đã được truyền đạt trong những trường hợp nhập khẩu một nghĩa vụ của sự tự tin, và (3)Có phải là một sử dụng trái phép thông tin gây thiệt hại cho bên những người ban đầu truyền đạt nó. Vi phạm về bảo mật có thể áp dụng trong hòa giải đã được công bố thông tin đã được tiết lộ cho các Hòa giải viên chỉ với mục đích của các Hòa giải viên thực hiện chức năng của họ như vậy. Hòa giải có thể là vi phạm sự tự tin có được sử dụng trái phép các thông tin hoặc tiết lộ cho bên thứ ba mà không được phép. Trong một số trường hợp thông tin bí mật được tiết lộ trong buổi hòa giải có thể được thương mại nhạy cảm và hòa giải những người sử dụng thông tin như vậy vì lợi ích riêng của họ có thể bị ra lệnh phải bồi thường cho bên bị thương.

*Thứ ba, kết quả hòa giải tại Tòa án ở Singapore*

Ở Singapore, các loại vụ việc được dàn xếp tại SMC bao gồm tranh chấp ngân hàng, tranh chấp xây dựng, tranh chấp hợp đồng, tranh chấp giữa các công ty, tranh chấp về ly hôn và các vấn đề sau ly hôn, tranh chấp gia đình, tranh chấp về công nghệ thông tin, tranh chấp về bảo hiểm, khiếu nại do sơ suất, tranh chấp quan hệ đối tác, khiếu nại thương tích cá nhân, tranh chấp vận chuyển, tranh chấp thuê nhà…Và thực tế SMC đã xử lý các tranh chấp vượt quá 90 triệu$ Singapore, trung bình một năm có khoảng gần 2000 vụ tranh chấp được chuyển đến SMC để giải quyết trong đó có khoảng 75% số vụ việc được hòa giải thành. Số tiền mà SMC thu được từ việc hòa giải các vụ việc do các bên tranh chấp yêu cầu là 1,19 tỷ $ Singapore; Các bên yêu cầu hòa giải tại SMC được yêu cầu thanh toán cho các dịch vụ được thực hiện. Phí hành chí cho mỗi bên là 250 $ Singapore cho mỗi bên. Sau đó các bên tự tính phí hòa giải và phí hòa giải được tính theo thang điểm trượt tùy thuộc vào số lượng yêu cầu được gửi để hòa giải. SMC bao gồm trong các dịch vụ hỗ trợ hành chính và thư ký thiết lập, sắp sếp cho phiên hòa giải (khi cần thiết).

***2.2. Quy định pháp luật về hòa giải tại Tòa án ở Singapore***

*Trước hết*, phải kể đến đó là Bộ Quy tắc đạo đức và các nguyên tắc cơ bản về hòa giải tại Tòa án của Singapore năm 2010. Bộ Quy tắc này áp dụng cho mọi hoạt động hòa giải được tiến hành tại các Tòa án cấp dưới, bao gồm hòa giải do cán bộ Tòa án tiến hành tại Trung tâm Giải quyết tranh chấp Tòa án (PDRC)[[214]](#footnote-214), Trung tâm Giải quyết tranh chấp gia đình (FRC), hòa giải do nhân viên Tòa án tiến hành tại các Ban Hòa giải tranh chấp về cấp dưỡng cho cha mẹ (MMC) và tại Tòa án xử vụ việc nhỏ, cũng như hòa giải do các Hòa giải viên tình nguyện tiến hành tại các Tòa án cấp dưới; Các quy tắc đạo đức cơ bản đối với Hòa giải viên bao gồm: Hành động với thiện chí, bảo đảm sự trung lập, vô tư, bảo mật thông tin trong hòa giải, tôn trọng quyền tự định đoạt của các bên. Ví dụ, hòa giải viên có thể thuyết phục các bên, nhưng không được chỉ đạo, ép buộc các bên thay đổi quyết định của họ, kể cả khi hòa giải viên cho rằng quyết định đó là sai lầm hoặc không có lợi. Hòa giải viên có nhiệm vụ thúc đẩy việc hình thành giải pháp cho tranh chấp và luôn duy trì không khí buổi hòa giải mang tính đối thoại và xây dựng. Hòa giải viên có quyền chấm dứt quy trình hòa giải nếu có căn cứ cho rằng, một bên tranh chấp đang lạm dụng quy trình hòa giải, chẳng hạn như cố ý trì hoãn kéo dài, giành lợi thế một cách không công bằng, hoặc theo đuổi một mục đích bất hợp pháp[[215]](#footnote-215).

*Thứ hai,* thông luật (Common law): Ngoài Bộ Quy tắc đạo đức và các nguyên tắc cơ bản về hòa giải tại Tòa án được nêu ở trên, Singapore không có một một đạo luật quy định toàn diện về hòa giải tại Tòa án. Vì vậy, Tòa án phải dựa vào các quy tắc của thông luật (Common law), tức là dựa vào án lệ, để xác định những vấn đề pháp lý về hòa giải (như hiệu lực của điều khoản về hòa giải trong hợp đồng, chế tài do vi phạm điều khoản hòa giải, hiệu lực thi hành của thỏa thuận hòa giải, bảo mật thông tin trong hòa giải).

**3. Một số kinh nghiệm áp dụng cho Việt Nam**

Nghiên cứu mô hình hòa giải tại Tòa án ở Singapore, bài viết đưa ra một số kinh nghiệm áp dụng vào thực tiễn Việt Nam như sau:

Thứ nhất, nên xây dựng Chương trình chứng nhận hòa giải viên tại Việt Nam. Mặc dù Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, tại khoản 1, Điều 10 của Luật có quy định về điều kiện bổ nhiệm Hòa giải viên: "a) Đã là Thẩm phán, Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên Viện kiểm sát, Chấp hành viên thi hành án dân sự, Thanh tra viên; Luật sư, chuyên gia, nhà chuyên môn khác có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác; người có hiểu biết về phong tục tập quán, có uy tín trong cộng đồng dân cư; b) Có kinh nghiệm, kỹ năng hòa giải, đối thoại; c) Có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao;d) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải, đối thoại do cơ sở đào tạo của Tòa án nhân dân tối cao cấp, trừ người đã làThẩm phán, Thẩm tra viên Tòa án ngạch Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp, Thư ký Tòa án ngạch Thư ký viên chính, Thư ký viên cao cấp, Kiểm sát viên, Chấp hành viên thi hành án dân sự, Thanh tra viên". Song đây là những tiêu chuẩn còn mang tính chung chung, vì những người thực tế đã giữ các chức vụ ở trên như điều luật đã quy định, họ chỉ có kinh nghiêm công tác chứ chưa có kỹ năng hòa giải. Vì vậy những đối tượng trên nếu được miễn đào tạo các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải thì sẽ ảnh hưởng đến chất lượng hòa giải, tỉ lệ hòa giải thành sẽ không cao. Vì vậy, theo bài viết, Việt Nam có thể cân nhắc xây dựng một Chương trình chứng nhận hòa giải viên cho tất cả những người sẽ được bổ nhiệm là Hòa giải viên theo kinh nghiệm của Singapore.

Thứ hai, khi quy định về quyền lựa cho Tòa án như đã nêu ở trên, có thể sẽ xuất hiện những tranh chấp mà cả hai bên đương sự đểu là phía nước ngoài và tham gia vào hoạt động tố tụng tại Việt Nam và trên cơ sở lựa chọn Tòa Án Việt Nam để giải quyết, trong khi ngôn ngữ được sử dụng trong hoạt động tố tụng tại Tòa án Việt Nam là tiếng Việt. Mặc dù pháp luật có quy định người tham gia tố tụng dân sự có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình và phải có người phiên dịch, nhưng đôi khi các bên lại mong muốn dùng ngôn ngữ mang tính phổ biến hiện nay là tiếng Anh để dễ dàng thể hiện được ý định của mình trong quá trình tranh tụng. Với những hạn chế của cả hai phương thức trên, sự ra đời của một cơ quan Tòa án như SICC được xem như là sự kết hợp mang tính dung hòa, khắc phục được những hạn chế và đồng thời sẽ phát huy được những ưu điểm của từng phương thức. Vì vậy, nên thành lập Tòa án quốc tế đặt tại Hà Nội và thành phố Hô Chí Minh vì ở đây số lượng giải quyết các tranh chấp dân sự và kinh doanh thương mại lớn. Cơ quan này sẽ trực thuộc Tòa án thành phố HN và thành phố Hồ Chí Minh theo điểmb, khoản 1 Điều 38 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014

### Thứ ba, xây dựng Quy tắc đạo đức của Hòa giải viên. Điều 3, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020 có quy định về nguyên tắc hòa giải, đối thoại tại Tòa án, tuy nhiên thì Luật lại không có quy định về quy tắc đạo đức của Hòa giải viên khi thực hiện hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Vì vậy cần sớm xây dựng Quy tắc đạo đức của Hòa giải viên là cần thiết và Việt Nam có thể tham khảo Quy tắc ứng xử của Hòa giải viên ở Singapore.

###  Thứ tư, thực tiễn giải quyết các vụ án dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại ở Việt Nam mất khá nhiều thời gian bởi phải tuân theo quy trình thủ tục tố tụng và hòa giải đối với các vụ án cũng vậy. Trong khi ở Singapore họ áp dụng mô hình hòa giải tại Tòa án và khi đương sự nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp thì thời gian tối đa cũng chỉ 3 tháng là kết thúc việc giải quyết vụ việc tranh chấp đó, tiết kiệm được chi phí cũng như thời gian cho cả Tòa án và các bên đương sự. Từ thực tiễn đó, Việt Nam cũng nên học tập mô hình giải quyết đó của Singapore.

### 4. Kết luận

Có thể thấy mô hình hòa giải tại Tòa án ở Singapore không quá lâu đời (từ những năm 1990). Song đến nay thì Singapore đã xây dựng cho mình một thương hiệu về mô hình hòa giải nói chung và hòa giải tại Tòa án nói riêng. Chính từ mô hình này đã tạo thương hiệu cho Singapore trở thành Trung tâm hòa giải của thế giới và là cở để cho nhiều quốc gia tham khảo học tập trong đó có Việt Nam. Có được kết quả như vậy là bởi Singapore đã có sự định hướng rõ ràng cho việc xây dựng mô hình hòa giải tại Tòa án của quốc gia mình, rút gọn thời gian giải quyết các vụ án nói chung, tiết kiệm được chi phí cho cả nhà nước và người dân, đồng thời đảm bảo chất lượng cao đối với các vụ việc tranh chấp trên thực tế. Do đó, việc nghiên cứu mô hình hòa giải tại Tòa án ở Singapore có giá trị tham khảo rất lớn cho cho việc xây dựng mô hình hòa giải tại Tòa án ở Việt Nam trong thời gian tới hiệu quả hơn./.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2021

2. Nguyễn Bích Thảo, "*Thể chế hòa giải ở Singapore*" <https://thegioiluat.vn/bai-viet-hoc-thuat/THE-CHE-HOA-GIAI-O-SINGAPORE-11333/>, truy cập ngày 3/9/2021

3.<https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/Hoa-Giai-Co-So.aspx?ItemID=108>, truy cập ngày 4/9/2021

4. Singapore Ministry of Law, Community Mediation Centre Annual Report 2010/2011,http://app2.mlaw.gov.sg/LinkClick.aspxfileticket=2aeBBRAMO8Q3d&tabid=310; truy cập ngày 3/9/2021

5. Loong Seng Onn, An Overview of the Singapore Legal System, Chapter 3: Mediation, xem thêm <http://www.singaporelaw.sg/content/Mediation.html>; truy cập ngày 4/9/2021

6.EugeneTan&GaryChan,TheSingaporeLegalSystem,http://www.singaporelaw.sg/content/LegalSyst1.html#Section7, truy cập ngày 5/9/2021

7. Goh Joon Seng (2003), Mediation in Singapore: The Law and Practice, http://www. seanlawassociation.org/docs/ w4sing2.pdf-c; truy cập ngày 5/9/2021

8. Mr Loong Seng Onn "Non-Court annexed mediation in sinfgapore paper for the, international conference & showcase on judicaal reforms" Execurtive Director Mediation Centre.

9. Loong Seng Onn, An Overview of the Singapore Legal System, Chapter 3: Mediation.

10. All statistics obtained from SMC data collected from surveys of disputants and lawyers from SMC cases, collated since January 1998 to August 2004.

**HÒA GIẢI CÁC VỤ ÁN DÂN SỰ TẠI TÒA ÁN**

**THEO PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

***Lê Xuân Phúc[[216]](#footnote-216)\****

*TÓM TẮT: Bài viết phân tích các vấn đề pháp lý về hòa giải các vụ án dân sự tại tòa án theo pháp luật hiện hành như: Các giai đoạn tiến hành hòa giải vụ án dân sự tại Tòa án, phạm vi hòa giải, thành phần và thủ tục hòa giải, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, tính tự nguyện của việc hòa giải.*

**Từ khóa: Vụ án dân sự, hòa giải dân sự, hòa giải tại Tòa án**

Hòa giải là hoạt động do Tòa án tiến hành nhằm giúp đỡ các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực dân sự. Việc hòa giải có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó vừa đảm bảo tiết kiệm chi phí cho Nhà nước và công dân, giảm bớt giai đoạn tố tụng kéo dài, vừa giải quyết triệt để các mâu thuẫn giữa các đương sự. Do đó, nếu hoạt động hòa giải được quan tâm thì quyền và lợi ích của các bên đương sự sẽ được bảo đảm.

**1. Các giai đoạn hòa giải vụ án dân sự tại Tòa án**

Hòa giải tại Tòa án được thực hiện theo quy định của Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án và theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hòa giải theo Luật HGĐT là hoạt động hòa giải do Hòa giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ án dân sự nhằm hỗ trợ các bên tranh chấp tham gia hòa giải thỏa thuận giải quyết các tranh chấp phát sinh.

Cơ sở của hòa giải là quyền tự định đoạt của các đương sự. Để giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tòa án không chỉ xét xử mà còn hòa giải. Theo Điều 5 LHGĐT, Nhà nước khuyến khích các bên giải quyết vụ việc dân sự, bằng hình thức hòa giải tại Tòa án; Điều 10 BLTTDS quy định, tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật này. Theo đó, hoạt động hòa giải tại Tòa án được tiến hành ở các giai đoạn sau đây:

\* Hòa giải trước khi Tòa án thụ lý vụ án

 Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2020 đã đưa ra một quy trình mới, một cách thức mới ngoài quy trình tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (BLTTDS) để các bên lựa chọn giải quyết tranh chấp. Hòa giải theo quy định của Luật này được thực hiện trước khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện vụ án về tranh chấp dân sự.

\* Hòa giải trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm

 Trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ những vụ án không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được quy định tại Điều 206 và Điều 207 của BLTTDS hoặc vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn (Điều 205 BLTTDS).

\* Hòa giải tại phiên tòa sơ thẩm

 Chủ tọa phiên tòa hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không, trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án (Điều 246 BLTTDS).

\* Hòa giải tại phiên tòa phúc thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm, nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

**2. Phạm vi hòa giải**

\* Phạm vi hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Tại khoản 4 Điều 3 LHGĐT, nội dung thỏa thuận hòa giải, thống nhất đối thoại không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Phần nội dung không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác làm cho hòa giải tại Tòa án nhìn có vẻ bó hẹp hơn so với hòa giải trong hoạt động tố tụng.

\* Phạm vi hòa giải theo Bộ luật Tố tụng Dân sự

Tại khoản 1 Điều 205 BLTTDS quy định trách nhiệm hòa giải của tòa án: *“Trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án, Toà án tiến hành hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ những vụ án không được hoà giải hoặc không tiến hành hoà giải được quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Bộ luật này”.* Do vậy, hòa giải tiến hành với việc giải quyết hầu hết vụ việc dân sự, trừ những trường hợp không hòa giải được hoặc pháp luật quy định không được hòa giải. Theo Điều 206 BLTTDS, tòa án không hòa giải đối với những yêu cầu đòi bồi thường gây thiệt hại đến tài sản của nhà nước; những vụ án phát sinh từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội.

Đối với yêu cầu đòi bồi thường gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, tòa án không tiến hành hòa giải vì tài sản của Nhà nước thuộc sở hữu toàn dân. Bất cứ hành vi nào gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước đều là trái pháp luật và phải chịu trách nhiệm bồi thường. Người gây thiệt hại không có quyền thương lượng hay thỏa thuận với Nhà nước về trách nhiệm bồi thường của mình.

Đối với những vụ việc dân sự phát sinh từ giao dịch trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội, thì tòa án không được hòa giải nếu việc hoà giải nhằm mục đích để các bên tiếp tục thực hiện các giao dịch đó. Trường hợp các bên chỉ có tranh chấp về việc giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu do trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội, thì Toà án vẫn phải tiến hành hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu đó.

Về nguyên tắc, tòa án phải hòa giải vụ việc dân sự trước khi đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Tuy vậy, theo quy định tại Điều 207 BLTTDS đối với những vụ án không tiến hành hòa giải được thì Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Những vụ án không tiến hành hòa giải được bao gồm:

*- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt.*

*- Đương sự không thể tham gia hoà giải được vì có lý do chính đáng.*

*- Đương sự là vợ hoặc chồng trong vụ án ly hôn là người mất năng lực hành vi dân sự.*

*- Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*

Trong trường hợp bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, thì Toà án lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được do bị đơn vắng mặt và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Trong trường hợp tại phiên toà bị đơn có yêu cầu Toà án hoãn phiên toà để tiến hành hoà giải, thì Toà án không chấp nhận, nhưng cần tạo điều kiện cho các bên thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đối với ba trường hợp còn lại, tòa án phải lập biên bản không hòa giải được, nêu rõ lý do để lưu vào hồ sợ vụ án, sau đó đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa.

Đối với những vụ án do cơ quan cơ quan tổ chức khởi kiện vì lợi ích của người khác, nếu phải hòa giải thì tòa án không hòa giải giữa cơ quan, tổ chức khởi kiện với bị đơn mà phải hòa giải giữa bị đơn với nguyên đơn (những chủ thể của tranh chấp) hoặc người đại diện của họ trừ trường hợp pháp luật quy định không được hòa giải hoặc không hòa giải được.

**3. Thành phần và thủ tục hòa giải**

***3.1. Thành phần và thủ tục hòa giải theo LHGĐT***

\* Thành phần phiên hòa giải tại Tòa án

Theo quy định tại Điều 25 LHGĐT, thành phần phiên hòa giải gồm có:

- Hòa giải viên;

- Các bên, người đại diện, người phiên dịch;

- Người được mời tham gia hòa giải, đối thoại trong trường hợp cần thiết.

Trong một số phiên hòa giải, các bên có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia hòa giải, đối thoại; đồng thời phải thông báo bằng văn bản về họ, tên, địa chỉ của người đại diện cho bên kia và Hòa giải viên biết. Đối với hòa giải việc ly hôn, các bên trong quan hệ vợ, chồng phải trực tiếp tham gia hòa giải.

Quyền và nghĩa vụ của người đại diện của các bên được xác định theo quy định của Bộ luật Dân sự.

\* Thủ tục tiến hành hòa giải

Theo quy định Điều 26 LHGĐT*,* hòa giải viên giới thiệu thành phần tham gia phiên hòa giải, đối thoại; trình bày nội dung cần hòa giải; diễn biến quá trình chuẩn bị hòa giải; phổ biến quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ việc dân sự, phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành. Người khởi kiện, người yêu cầu hoặc người đại diện của họ trình bày nội dung yêu cầu, khởi kiện; đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, đối thoại và hướng giải quyết tranh chấp, khiếu kiện. Người bị kiện hoặc người đại diện của họ trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, người yêu cầu; đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, đối thoại; hướng giải quyết tranh chấp, khiếu kiện. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc người đại diện của họ trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, người yêu cầu, người bị kiện; đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, đối thoại; hướng giải quyết tranh chấp, khiếu kiện. Người được mời tham gia hòa giải, đối thoại phát biểu ý kiến. Hòa giải viên thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 23 của Luật này để hỗ trợ các bên trao đổi ý kiến, trình bày bổ sung về những nội dung chưa rõ và đi đến thỏa thuận, thống nhất việc giải quyết tranh chấp. Hòa giải viên tóm tắt những vấn đề các bên đã thỏa thuận, thống nhất hoặc chưa thỏa thuận, thống nhất.

Theo quy định Điều 27 LHGĐT, khi các bên đạt được sự thỏa thuận, thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ hoặc một phần vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính, Hòa giải viên ấn định thời gian, địa điểm mở phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại. Phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại có thể được tổ chức ngay sau phiên hòa giải, đối thoại hoặc vào thời gian phù hợp khác.

Theo quy định tại Điều 30 LHGĐT, hòa giải viên trình bày tóm tắt diễn biến quá trình hòa giải, đối thoại và nội dung các bên đã thỏa thuận, thống nhất. Các bên, người đại diện phát biểu ý kiến về nội dung đã thỏa thuận, thống nhất. Trường hợp nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên chưa rõ thì Thẩm phán yêu cầu các bên trình bày bổ sung. Hòa giải viên lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, biên bản ghi nhận kết quả đối thoại theo quy định tại Điều 31 của Luật này và đọc lại biên bản cho các bên nghe. Các bên, người đại diện, người phiên dịch ký hoặc điểm chỉ, Hòa giải viên ký vào biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, biên bản ghi nhận kết quả đối thoại. Thẩm phán tham gia phiên họp ký xác nhận biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, biên bản ghi nhận kết quả đối thoại và phải giữ bí mật thông tin về nội dung hòa giải, đối thoại do các bên cung cấp tại phiên họp theo yêu cầu của họ.

***3.2 Thành phần và thủ tục hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự***

 ***\**** Thành phần phiên hòa giải

Theo quy định tại Điều BLTTDS, thành phần phiên hòa giải bao gồm:

- Thẩm phán chủ trì phiên hoà giải.

- Thư ký Toà án ghi biên bản hoà giải.

- Các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của các đương sự.

Trong một vụ án có nhiều đương sự mà có đương sự vắng mặt trong phiên hòa giải nhưng các đương sự có mặt vẫn đồng ý tiến hành hòa giải và việc hòa giải đó không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì thẩm phán tiến hành hòa giải giữa các đương sự có mặt; nếu các đương sự đề nghị hoãn phiên tòa hòa giải để có mặt tất cả các đương sự trong vụ án thì thẩm phán hoãn phiên hòa giải.

- Người phiên dịch, nếu đương sự không biết tiếng Việt.

Việc hòa giải là nhằm giúp cho các đương sự thực hiện quyền tự định đoạt của họ và làm cho việc giải quyết vụ án được hiệu quả cao mà không phải xét xử. Vì vậy, BLTTDS quy định rất rõ là người tiến hành hòa giải là thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, còn thư ký chỉ là người giúp việc và phải có mặt trong phiên hòa giải để ghi biên bản hòa giả. Việc quy định này là cần thiết vì hòa giải là để cho các đương sự giải quyết với nhau trước, bằng cách thương lượng, thỏa thuận và sự thỏa thuận này phải được tòa án công nhận bằng một quyết định và quyết định này có giá trị bắt buộc đối với các bên đương sự và nó cũng đòi hỏi cả sự tôn trọng của xã hội. Vì lẽ đó, BLTTDS quy định bắt buộc người đứng ra tổ chức hòa giải và chủ trì phiên hòa giải phải là thẩm phán và đương sự phải có mặt đầy đủ.

\* Thủ tục tiến hành hòa giải

Theo quy định của Điều 208 BLTTDS, trước khi tiến hành phiên hòa giải, tòa án phải thông báo cho các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự về thời gian, địa điểm tiến hành phiên hòa giải, nội dung các vấn đề cần hòa giải. Theo Điều 210 BLTTDS, khi tiến hành hòa giải, Thẩm phán phổ biến cho các đương sự biết các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các bên liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hoà giải thành để họ tự nguyện thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Khi đã có đầy đủ điều kiện để tiến hành hòa giải thì thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có cán bộ thư ký tòa án giúp việc ghi biên bản sẽ tiến hành giải phiên hòa giải. Thẩm phán công bố nội dung vụ án tranh chấp, phổ biến cho các đương sự biết các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các bên liên hệ đến quyền và nghĩa vụ của mình. Thẩm phán phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành hoặc không thành để các bên đương sự tự nguyện thương lượng thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi được thẩm phán hướng dẫn và nghe giải thích pháp luật có liên quan đến vụ án đang tranh chấp, đến lượt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phát biểu quan điểm của họ về vấn đề đang tranh chấp và đưa ra định hướng giải quyết. Đối với những ý kiến của đương sự đưa ra cách giải quyết bất hợp lý như khởi kiện tài sản không có căn cứ, yêu cầu bồi thường quá đáng thì thẩm phán chủ trì phải kịp thời phân tích, thẳng thắn chỉ cho họ biết yêu cầu của họ đưa ra là không hợp lý để họ cân nhắc lại.

Khi đương sự thỏa thuận được với nhau về các vấn đề phải giải quyết trong vụ án thì toà án lập biên bản hòa giải thành, trong đó nêu rõ nội dung tranh chấp và những nội dung đã được đương sự thỏa thuận. Biên bản này chưa có giái trị pháp lý, nó chỉ là tài liệu văn bản xác nhận một sự kiện và nó là cơ sở để tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Biên bản hòa giải phải có các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 211 BLTTDS. Ngoài ra, biên bản phải có đầy đủ chữ ký hoặc điểm chỉ của các đương sự có mặt trong phiên hòa giải, chữ ký của thư ký toà án ghi biên bản và của thẩm phán chủ trì phiên hòa giải. Biên bản này được gửi ngay cho các đương sự tham gia hòa giải.

**4. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự**

Khi phiên hòa giải kết thúc, các đương sự đã tìm ra tiếng nói chung, đã thỏa thuận được với nhau một giải pháp để giải quyết vụ án một cách phù hợp, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cả đôi bên và được ghi lại trong biên bản hòa giải. Tuy nhiên, BLTTDS quy định phải dành cho các bên đương sự một thời gian cần thiết nữa để họ suy nghĩ, cân nhắc lại tất cả những nội dung mà họ đã thỏa thuận giải quyết tranh chấp. Hết thời hạn đó mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến tòa án mới ra quyết định công nhận.

Theo quy định tại Điều 212 BLTTDS, hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì thẩm phán chủ trì phiên hòa giải hoặc một thẩm phán được chánh án toà án phân công ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, tòa án phải gửi quyết định đó cho các đương sự và viện kiểm sát cùng cấp.

Thẩm phán chỉ ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 212 BLTTDS mà các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì thỏa thuận đó chỉ có giá trị đối với những người có mặt và được thẩm phán ra quyết định công nhận nếu không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt. Trong trường hợp thỏa thuận của họ có ảnh hướng đến quyền, nghĩa vụ của các đương sự vắng mặt thì thỏa thuận này chỉ có giái trị và được thẩm phán ra quyết định công nhận nếu được đương sự vắng mặt tại phiên tòa đồng ý bằng văn bản.

Theo quy định tại Điều 213 BLTTDS, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tòa án ban hành. Đương sự không có quyền kháng cáo, viện kiểm sát không có quyền kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định này.

Như vậy, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đã khép lại quá trình tố tụng đối với việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, để đề phòng các sai lầm hay vi phạm pháp luật có thể xảy ra trong quá trình tiến hành hòa giải, Điều 213 BLTTDS quy định quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự vẫn có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nếu có căn cứ cho rằng sự thỏa thuận đó là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa hoặc vi phạm điều cấm của pháp luât, trái đạo đức xã hội.

***5. Tính tự nguyện trong hòa giải***

 Nhìn chung, hình thức hòa giải tại Tòa án, hòa giải tại phiên tòa sơ thẩm, hòa giải tại phiên tòa phúc thẩm mang tính tự nguyện của các đương sự. Tuy nhiên, hòa giải trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm thông thường là một thủ tục phải có khi giải quyết vụ việc dân sự.

Quá trình hòa giải thành trong hoạt động tố tụng và kết quả Tòa án ra quyết định công nhận thỏa thuận của đương sự chiếm khoảng 60% vụ việc dân sự được giải quyết. Từ ngày 01/01/2021, Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2020 có hiệu lực là một cơ chế giải quyết hiệu quả và nhân văn, góp phần hạn chế và giải quyết các tranh chấp, xung đột phát sinh trong xã hội một cách hòa bình; tạo môi trường thân thiện bền vững, đáp ứng mong đợi của người dân và xã hội thì cần đến sự nỗ lực và trách nhiệm cao của mọi chủ thể có liên quan.

**CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI TRONG
TỐ TỤNG TRỌNG TÀI TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY**

***Kiều Anh Vũ\****

*[[217]](#footnote-217)TÓM TẮT: Trọng tài thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án ngày càng được lựa chọn phổ biến. Trong tố tụng trọng tài, các bên tranh chấp vẫn được quyền yêu cầu hòa giải để giải quyết vụ tranh chấp trước khi Hội đồng trọng tài ra phán quyết trọng tài. Bài viết này nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay về vấn đề hòa giải trong tố tụng trọng tài, bao gồm đánh giá các quy định về trình tự, thủ tục tiến hành hòa giải trong tố tụng trọng tài; so sánh những điểm khác biệt cơ bản giữa hòa giải trong tố tụng trọng tài với hòa giải thương mại và hòa giải trong tố tụng Tòa án. Trên cơ sở chỉ ra một số bất cập của các quy định về hòa giải trong tố tụng trọng tài, bài viết cũng đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về hòa giải trong tố tụng trọng tài.*

**Từ khóa:** hòa giải, tố tụng trọng tài, trọng tài thương mại.

**1. Đặt vấn đề**

Hòa giải (conciliation) là “hành vi của người thứ ba làm trung gian giữa hai bên tranh chấp nhằm thuyết phục họ dàn xếp hoặc giải quyết tranh chấp giữa họ”[[218]](#footnote-218).

“Hòa giải với tư cách là một phương thức giải quyết tranh chấp xuất hiện từ rất lâu trên thế giới nhưng phần lớn được thực hiện bởi sự tự nguyện của các bên tranh chấp. Hòa giải được khuyến khích được sử dụng bởi pháp luật với tư cách là một phương thức giải quyết tranh chấp nhằm giảm bớt áp lực xét xử cho tòa án được quy định bởi pháp luật của nhiều nước trên thế giới, kể cả Việt Nam”[[219]](#footnote-219).

Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay, hòa giải là một trong các phương thức giải quyết tranh chấp phổ biến, được áp dụng rộng rãi trong việc giải quyết tranh chấp trên nhiều lĩnh vực với các hình thức hòa giải khác nhau như: hòa giải ở cơ sở, hòa giải lao động, hòa giải thương mại, hòa giải tại Tòa án và hòa giải trong tố tụng trọng tài. Nói một cách khái quát, hòa giải bao gồm hòa giải trong tố tụng (Tòa án, Trọng tài) và hòa giải ngoài tố tụng. Trong đó, hòa giải trong tố tụng trọng tài là hình thức hòa giải có những đặc trưng riêng biệt so với các hình thức hòa giải khác ở các khía cạnh như điều kiện hòa giải, chủ thể tiến hành hòa giải, trình tự, thủ tục hòa giải.

“Quy định về hòa giải giữa các bên trong trọng tài có ý nghĩa thực tiễn to lớn bởi nếu hòa giải thành, sẽ giúp các bên tiết kiệm thời gian, chi phí theo đuổi vụ kiện”[[220]](#footnote-220). “Việc khuyến khích các bên hòa giải thành trong quá trính trọng tài là điều mà các hội đồng trọng tài thường xuyên thực hiện bởi điều đó giúp mau chóng kết thúc tố tụng trọng tài, có lợi cho các bên tranh chấp”[[221]](#footnote-221). Mặc dù vậy, quy định về hòa giải trong tố tụng trọng tài của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (Luật TTTM) còn khá ít ỏi và còn nhiều bất cập; các nghiên cứu về hòa giải trong tố tụng trọng tài chưa thật sự đa dạng, sâu rộng. Do vậy, bài viết này tập trung nghiên cứu, phân tích, đánh giá, bình luận về các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành mà chủ yếu là quy định của Luật TTTM về hòa giải trong tố tụng trọng tài cũng như chỉ ra một số bất cập trong việc hòa giải trong tố tụng trọng tài; từ đó đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về hòa giải trong tố tụng trọng tài.

**2. Đánh giá các quy định của pháp luật về hòa giải trong tố tụng trọng tài**

Các quy định pháp luật điều chỉnh đối với hoạt động hòa giải trong tố tụng trọng tài tại Việt Nam hiện nay được quy định chủ yếu trong Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (Luật TTTM). Tuy vậy, các quy định về hòa giải trong tố tụng trọng tài theo quy định của Luật này chiếm vị trí khá khiêm tốn. Chỉ có 02 điều luật trong tổng số 82 điều luật của Luật TTTM quy định về hòa giải trong tố tụng trọng tài (Điều 9 và Điều 58). Mặc dù vậy, hai điều luật này cũng cho thấy một số đặc trưng cơ bản của hoạt động hòa giải trong tố tụng trọng tài.

***2.1. Điều kiện tiến hành hòa giải trong tố tụng trọng tài***

Theo quy định tại Điều 9 Luật TTTM, trong quá trình tố tụng trọng tài, các bên có quyền yêu cầu Hội đồng trọng tài hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp. Điều 58 Luật TTTM cũng quy định theo yêu cầu của các bên, Hội đồng trọng tài tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp. Như vậy, điều kiện để tiến hành hòa giải trong tố tụng trọng tài là “theo yêu cầu của các bên”. “Các bên” ở đây được hiểu là các bên tranh chấp, là là cá nhân, cơ quan, tổ chức Việt Nam hoặc nước ngoài tham gia tố tụng trọng tài với tư cách nguyên đơn, bị đơn.

Do hòa giải trong tố tụng trọng tài được tiến hành theo “yêu cầu của các bên” nên thủ tục hòa giải này là không bắt buộc. Tính không bắt buộc của thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài được hiểu là Hội đồng trọng tài không bắt buộc tiến hành hòa giải với mọi vụ tranh chấp. Hội đồng trọng tài không bắt buộc tự mình tiến hành hòa giải nếu không có yêu cầu của các bên. “Hòa giải trong tố tụng trọng tài không phải là thủ tục bắt buộc, tuy nhiên trọng tài viên, Hội đồng trọng tài luôn khuyến khích các bên hòa giải để giải quyết tranh chấp”[[222]](#footnote-222).

Tuy vậy, một vấn đề khác được đặt ra là kể cả trong trường hợp các bên đã có yêu cầu hòa giải thì Hội đồng Trọng tài có bắt buộc tiến hành hòa giải không? Hội đồng trọng tài có quyền không chấp nhận yêu cầu hòa giải của các bên tranh chấp hay không? Có ý kiến cho rằng “nếu trong quá trình trọng tài, các bên muốn hòa giải thì trọng tài có thể tiến hành hòa giải”[[223]](#footnote-223). Tác giả cho rằng việc dùng từ “có thể” trong trường hợp này là không thật sự phù hợp. Lời văn của quy định tại Điều 9 và Điều 58 LTTM không dùng từ “có thể” đối với thủ tục hòa giải khi các bên có yêu cầu. Tác giả cho rằng trước khi các bên có yêu cầu hòa giải thì thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài là không bắt buộc và Hội đồng trọng tài có thể thực hiện hoặc không thực hiện hòa giải nhưng khi các bên đã chính thức có yêu cầu hòa giải thì Hội đồng trọng tài phải tiến hành hòa giải, bắt buộc hòa giải khi đã có yêu cầu của các bên.

Hội đồng trọng tài phải tiến hành hòa giải khi có “yêu cầu của các bên” là phù hợp với phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, phù hợp với nguyên tắc tôn trọng sự tự do, tự nguyện thỏa thuận giữa các bên tranh chấp. Trọng tài là một phương thức giải quyết tranh chấp dựa trên thỏa thuận (thông qua thỏa thuận trọng tài được xác lập hợp pháp). Điều 4 Luật TTTM quy định về nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài xác định rõ Trọng tài viên phải tôn trọng thoả thuận của các bên nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội; Hội đồng trọng tài có trách nhiệm tạo điều kiện để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, nếu các bên có thỏa thuận về hòa giải trong tố tụng trọng tài và yêu cầu Hội đồng trọng tài tiến hành hòa giải thì Hội đồng trọng tài phải tôn trọng thỏa thuận, yêu cầu đó của các bên và phải tiến hành hòa giải.

Mặc dù điều kiện để tiến hành hòa giải trong tố tụng trọng tài là phải có yêu cầu của các bên nhưng yêu cầu này được thể hiện dưới hình thức như thế nào là vấn đề chưa được quy định rõ. Luật TTTM hiện nay không có bất kỳ quy định nào nêu rõ hình thức của yêu cầu hòa giải của các bên trong tố tụng trọng tài. Liệu rằng các bên có phải lập một thỏa thuận hòa giải bằng văn bản để gửi đến Hội đồng trọng tài để yêu cầu Hội đồng trọng tài hòa giải hay không? Các bên tranh chấp phải cùng lúc yêu cầu Hội đồng trọng tài tiến hành hòa giải hay chỉ một bên đưa ra yêu cầu trước và sau đó bên còn lại chấp thuận tham gia vào tiến trình hòa giải? Nếu so sánh với phương thức hòa giải thương mại theo quy định tại Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24-02-2017 về hòa giải thương mại thì điều kiện để giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại là phải có thỏa thuận hòa giải (Điều 6) và thỏa thuận hòa giải phải được xác lập bằng văn bản, dưới hình thức điều khoản hòa giải trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thỏa thuận riêng (Điều 11). Trong khi đó, Luật TTTM hoàn toàn không quy định về thỏa thuận hòa giải, hình thức của thỏa thuận hòa giải, hình thức của yêu cầu hòa giải trong tố tụng trọng tài.

Trên thực tế, yêu cầu hòa giải trong tố tụng trọng tài thường xuất phát từ một trong các bên tranh chấp chứ không phải do các bên tranh chấp cùng lúc yêu cầu. Yêu cầu về hòa giải của một bên tranh chấp có thể được lập bằng văn bản gửi đến Hội đồng trọng tài hoặc thậm chí có trường hợp được nêu ra tại phiên họp giải quyết tranh chấp (mà không lập văn bản). Khi tiếp nhận yêu cầu về hòa giải của một trong các bên tranh chấp, Hội đồng trọng tài sẽ hỏi ý kiến của bên còn lại có yêu cầu hòa giải hay không, có đồng ý để Hội đồng trọng tài hòa giải hay không? Nếu cả hai bên cùng thống nhất ý kiến về việc yêu cầu Hội đồng trọng tài tiến hành hòa giải thì được xem là các bên có yêu cầu hòa giải và Hội đồng trọng tài sẽ tiến hành hòa giải. Nếu một bên đưa ra yêu cầu hòa giải nhưng bên còn lại từ chối tham gia hòa giải thì chỉ là yêu cầu của một bên, không thỏa mãn điều kiện “yêu cầu của các bên”, khi đó Hội đồng trọng tài không tiến hành hòa giải mà sẽ tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp theo quy định. Trong một số trường hợp, Hội đồng trọng tài cũng chủ động đề xuất, khuyến nghị các bên tiến hành hòa giải để thỏa thuận giải quyết tranh chấp nhưng Hội đồng trọng tài cũng chỉ tiến hành hòa giải khi các bên cùng đồng thuận về việc yêu cầu Hội đồng trọng tài hòa giải. Như vậy, yêu cầu về hòa giải của các bên trong tố tụng trọng tài không bắt buộc phải thể hiện dưới dạng một thỏa thuận hòa giải bằng văn bản như trong hòa giải thương mại; yêu cầu hòa giải của các bên trong tố tụng trọng tài cũng không bắt buộc phải thực hiện cùng một lúc, trên cùng một văn bản mà mỗi bên có thể lần lượt đưa ra yêu cầu của mình, miễn sao các bên cùng có yêu cầu về hòa giải, đồng ý để Hội đồng trọng tài tiến hành hòa giải.

Do Luật TTTM không quy định cụ thể về hình thức của yêu cầu hòa giải trong tố tụng trọng tài nên thông thường Hội đồng trọng tài sẽ tự quyết định về vấn đề này, có thể bằng văn bản hoặc bằng lời nói tại phiên họp giải quyết tranh chấp. Dù vậy, tác giả cho rằng, yêu cầu hòa giải trong tố tụng trọng tài là một vấn đề quan trọng trong tố tụng trọng tài, sẽ ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ tranh chấp, nên nếu bất kỳ bên nào đưa ra yêu cầu về hòa giải và có ý kiến về vấn đề hòa giải trong tố tụng trọng tài thì phải lập bằng văn bản gửi đến Hội đồng trọng tài.

***2.2. Trình tự, thủ tục tiến hành hòa giải trong tố tụng trọng tài***

Khác với quy định về hòa giải trong tố tụng Tòa án, hòa giải thương mại hay các hình thức hòa giải khác, trình tự, thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài hiện nay không được quy định cụ thể, chi tiết. Điều này có sự thuận lợi là tạo ra tính linh hoạt cho thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài, các bên có thể chủ động trong việc thỏa thuận trình tự, thủ tục của việc hòa giải hoặc Hội đồng trọng tài cũng có thể chủ động, linh hoạt trong việc tổ chức hòa giải giữa các bên. Tuy vậy, sự thiếu vắng các quy định cụ thể cũng có thể tạo ra một khoảng trống pháp lý nhất định trong việc tiến hành hòa giải trong tố tụng trọng tài, tạo ra sự không thống nhất về mặt thủ tục giữa các Hội đồng trọng tài, gây ra sự lúng túng nhất định cho Hội đồng trọng tài cũng như các bên tranh chấp trong việc tham gia hòa giải.

*Chủ thể tiến hành hòa giải trong tố tụng trọng tài*

Mặc dù không có quy định rõ ràng nhưng với quy định tại Điều 9 và Điều 58 Luật TTTM, có thể xác định được chủ thể yêu cầu hòa giải trong tố tụng trọng tài là các bên tranh chấp và chủ thể tiến hành hòa giải là Hội đồng trọng tài giải quyết vụ tranh chấp.

Quy định của Luật TTTM xác định cụ thể chủ thể tiến hành hòa giải là Hội đồng trọng tài. Quy định này rõ ràng và tiến bộ hơn so với quy định của Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003. Điều 37 Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003 quy định “trong quá trình tố tụng trọng tài, các bên có thể tự hòa giải” (khoản 1) và cũng có quy định “các bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài tiến hành hòa giải”. Thuật ngữ “tự hòa giải” trong Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003 là không thật sự rõ ràng, có thể nhầm lẫn với thương lượng hoặc hòa giải bởi một chủ thể khác không phải là Hội đồng trọng tài. Quy định của Luật TTTM tại Điều 9 và Điều 58 đã khắc phục bất cập này của Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003 và xác định chủ thể duy nhất tiến hành hòa giải trong tố tụng trọng tài là Hội đồng trọng tài.

Với việc xác định rõ Hội đồng trọng tài có thẩm quyền hòa giải trong tố tụng trọng tài, khi yêu cầu hòa giải trong tố tụng trọng tài, các bên tranh chấp không cần chọn hay chỉ định thêm hòa giải viên để hòa giải mà chính Hội đồng trọng tài sẽ đóng vai trò là “người hòa giải”, hay “hòa giải viên” tại thời điểm thực hiện hòa giải. Có thể nói rằng, Hội đồng trọng tài được đồng thời thực hiện vai trò của Hòa giải viên (nhưng không gọi là “Hòa giải viên” mà vẫn gọi là “Hội đồng trọng tài”) khi các bên có yêu cầu hòa giải.

Điều này có nét tương đồng với hòa giải trong tố tụng Tòa án sau khi vụ án đã được thụ lý. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nếu vụ án đã được thụ lý và Tòa án tiến hành hòa giải thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng là Thẩm phán chủ trì phiên họp hòa giải và là người tiến hành hòa giải. Thẩm phán vừa là người tiến hành hòa giải, vừa là người tiến hành xét xử cũng giống như Hội đồng trọng tài vừa là người tiến hành hòa giải, vừa là người giải quyết tranh chấp.

Tuy vậy, nếu so sánh với phương thức hòa giải thương mại theo Nghị định 22/2017/NĐ-CP thì chủ thể hòa giải hoàn toàn khác biệt. Trong hòa giải thương mại, chủ thể tiến hành hòa giải phải là hòa giải viên thương mại. Hòa giải viên thương mại bao gồm hòa giải viên thương mại vụ việc và hòa giải viên thương mại của tổ chức hòa giải thương mại được các bên lựa chọn hoặc được tổ chức hòa giải thương mại chỉ định theo đề nghị của các bên để hỗ trợ các bên giải quyết tranh chấp theo quy định của Nghị định này[[224]](#footnote-224). Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 Nghị định 22/22017/NĐ-CP, hòa giải viên thương mại không được đồng thời là trọng tài viên đối với cùng vụ tranh chấp đang hoặc đã tiến hành hòa giải. Như vậy, hòa giải viên thương mại không được đồng thời là trọng tài viên giải quyết vụ tranh chấp nhưng Trọng tài viên tham gia Hội đồng trọng tài thì vẫn được tiến hành hòa giải trong tố tụng trọng tài. Đây là một trong những điểm khác biệt giữa hòa giải thương mại và hòa giải trong tố tụng trọng tài.

*Thời điểm bắt đầu thủ tục hòa giải, thời hạn hòa giải trong tố tụng trọng tài*

Luật TTTM không có các quy định về thời điểm bắt đầu hòa giải cũng như thời hạn hòa giải trong tố tụng trọng tài. Kể từ khi có yêu cầu hòa giải của các bên, khi nào Hội đồng trọng tài sẽ tiến hành hòa giải và thủ tục hòa giải sẽ được tiến hành trong bao lâu? Các Quy tắc tố tụng của các trung tâm trọng tài hiện nay hầu như cũng không có quy định về vấn đề này.

Có thể thấy rằng, vì chủ thể hòa giải trong tố tụng trọng tài là Hội đồng trọng tài nên để bắt đầu thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài thì Hội đồng trọng tài đã phải được thành lập. Hòa giải trong tố tụng trọng tài sẽ không thể thực hiện được nếu như chưa thành lập Hội đồng trọng tài. Tuy vậy, kể từ khi Hội đồng trọng tài nhận được yêu cầu hòa giải của các bên, trong bao nhiêu lâu Hội đồng trọng tài phải tiến hành hòa giải thì chưa có quy định cụ thể. Một trong các ưu điểm của giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là sự nhanh chóng nên Hội đồng trọng tài phải tiến hành hòa giải càng sớm càng tốt. Trên thực tế, tại phiên họp giải quyết tranh chấp, nếu các bên có yêu cầu hòa giải thì Hội đồng trọng tài có thể tiến hành hòa giải ngay lập tức.

Khác với hòa giải trong tố tụng trọng tài, đối với hòa giải thương mại, theo Quy tắc hòa giải thương mại của một số Trung tâm hòa giải thương mại hiện nay hoặc Trung tâm trọng tài có chức năng hòa giải thương mại, đều có quy định về thời gian bắt đầu thủ tục hòa giải. Chẳng hạn, theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy tắc hòa giải của Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC) thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)[[225]](#footnote-225) hoặc quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy tắc hòa giải của Trung tâm Trọng tài Thương mại Phía Nam (STAC)[[226]](#footnote-226), thủ tục hòa giải thương mại sẽ được bắt đầu trong thời hạn 05 ngày ngày làm việc kể từ ngày các Trung tâm nhận được Bản (Đơn) yêu cầu hoà giải và phí hoà giải từ bên yêu cầu hoà giải.

Với thực tiễn nêu trên, để thực hiện thống nhất về việc xử lý yêu cầu hòa giải của các bên, tác giả cho rằng cần có quy định về thời điểm Hội đồng trọng tài phải bắt đầu tiến hành thủ tục hòa giải khi nhận được yêu cầu hòa giải của các bên.

Về thời hạn hòa giải trong tố tụng trọng tài, Luật TTTM cũng như các Quy tắc tố tụng trọng tài của các Trung tâm trọng tài tại Việt Nam hiện nay đều không có quy định cụ thể. Tương tự, phương thức giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại theo Nghị định 22/2017/NĐ-CP cũng không quy định về thời hạn hòa giải. Tuy vậy, tham chiếu quy định của Điều 20 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020, Luật này có quy định rõ thời hạn hòa giải tại Tòa án là 20 ngày kể từ ngày Hòa giải viên được chỉ định; đối với vụ việc phức tạp, thời hạn này có thể được kéo dài nhưng không quá 30 ngày; các bên có thể thống nhất kéo dài thời hạn hòa giải, đối thoại, nhưng không quá 02 tháng. Trong khi đó, các quy định về hòa giải trong tố tụng Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cũng không quy định về thời hạn hòa giải (có quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử).

Qua việc đối chiếu các cách tiếp cận nêu trên về thời hạn hòa giải, tác giả đồng tình với cách tiếp cận không cần quy định về thời hạn tối đa cho việc thực hiện thủ tục hòa giải và do vậy, không cần quy định thời hạn về thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài. Bởi lẽ thời hạn hòa giải, các phiên hòa giải sẽ được tiến hành tùy thuộc vào tính chất của từng vụ tranh chấp cụ thể và thỏa thuận của các bên về việc hòa giải. Trong trường hợp một bên cho rằng không cần hòa giải nữa hoặc thời gian hòa giải đã đủ dài hoặc trường hợp một bên có biểu hiện kéo dài việc hòa giải, lợi dụng việc hòa giải để kéo dài tiến trình tố tụng trọng tài thì một trong các bên tranh chấp vào bất kỳ lúc nào, có thể chấm dứt việc hòa giải và yêu cầu Hội đồng trọng tài dừng việc hòa giải và tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp. Do vậy, một trong các bên vẫn giữ được sự chủ động, có quyền quyết định trong việc chấm dứt hòa giải bất kỳ lúc nào nên tác giả cho rằng không cần quy định về thời hạn hòa giải. Thay vào đó, cần có quy định về trường hợp chấm dứt hòa giải trong tố tụng trọng tài như cách tiếp cận của Nghị định 22/2017/NĐ-CP về các trường hợp chấm dứt thủ tục hòa giải thương mại, trong đó có trường hợp chấm dứt theo đề nghị của một hoặc các bên tranh chấp.

*Phiên họp hòa giải trong tố tụng trọng tài*

Luật TTTM không có quy định riêng về phiên họp hòa giải (phiên hòa giải) mà chỉ quy định về phiên họp giải quyết tranh chấp theo quy định tại Chương VIII Luật này, từ Điều 54 đến Điều 59. Trong đó, có Điều 58 về hòa giải trong tố tụng trọng tài. Với bố cục quy định như vậy, phải chăng phiên họp hòa giải trong tố tụng trọng tài cũng được xem là phiên họp giải quyết tranh chấp?

Tác giả cho rằng không thể đồng nhất phiên họp hòa giải cũng là phiên họp giải quyết tranh chấp bởi lẽ tính chất của “hòa giải” và “giải quyết tranh chấp” là hoàn toàn khác nhau. Bản chất của phiên họp hòa giải là sự hỗ trợ, giúp các bên đạt được sự thỏa thuận, trong khi bản chất của phiên họp giải quyết tranh chấp là có tính phân xử, quyết định. Đối với hòa giải trong tố tụng Tòa án theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015, phiên họp hòa giải và phiên tòa là hoàn toàn khác nhau, mặc dù tại phiên tòa Hội đồng xét xử vẫn có thể tạo điều kiện cho các bên thương lượng, hòa giải nhưng không có nghĩa là phiên họp hòa giải được coi là đồng nhất với phiên tòa và ngược lại.

Với vị trí của Điều 58 Luật TTTM, tác giả cho rằng cần hiểu đó là phần thủ tục hòa giải trong một phiên họp giải quyết tranh chấp. Phiên họp giải quyết tranh chấp sẽ có nhiều phần, nhiều thủ tục liên tục theo sự điều hành của Hội đồng trọng tài, bao gồm các phần như: các bên trình bày lời mở đầu, phần hỏi, phần tranh luận, phần kết luận,… Trường hợp có yêu cầu hòa giải của các bên tại phiên họp giải quyết tranh chấp thì phần hòa giải sẽ được Hội đồng trọng tài tiến hành tại phiên họp giải quyết tranh chấp đó.

Như vậy, Luật TTTM chỉ quy định về phần hòa giải trong phiên họp giải quyết tranh chấp (nếu có yêu cầu của các bên theo quy định tại Điều 58) mà không có quy định về phiên họp hòa giải với tính chất là phiên họp độc lập, riêng biệt với phiên họp giải quyết tranh chấp.

Tác giả cho rằng bên cạnh quy định về hòa giải trong phiên họp giải quyết tranh chấp, cần có quy định cụ thể về phiên họp hòa giải với tính chất là một phiên học độc lập, riêng biêt với phiên họp giải quyết tranh chấp. Trình tự, thủ tục của phiên họp hòa giải cần linh hoạt hơn so với phiên họp giải quyết tranh chấp. Chẳng hạn, giấy triệu tập (thông báo, giấy mời) tham dự phiên họp hòa giải không cần phải gửi cho các bên chậm nhất 30 ngày trước ngày mở phiên họp như trường họp tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp mà thời hạn thông báo cần rút ngắn hơn (trừ trường hợp các bên không có thoả thuận khác hoặc quy tắc tố tụng trọng tài không có quy định khác).

Về thành phần của phiên hòa giải, “so với phiên họp giải quyết tranh chấp, Luật hiện hành không có quy định rõ ràng về thành phần của phiên hòa giải. Ở đây, chắc chắn là có sự tham gia của hội đồng trọng tài. Bên cạnh đó, Luật còn quy định “các bên”. Tuy nhiên, thuật ngữ này có thể gây ra khó khăn cho việc nhận thức. Luật sư của các bên có được coi là các bên không? Đại diện theo ủy quyền theo ủy quyền của các bên có tham gia phiên hòa giải không?”[[227]](#footnote-227). Tác giả cho rằng thành phần tham dự của phiên hòa giải cũng nên được quy định thống nhất như thành phần tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 55 Luật TTTM. Theo đó, các bên có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho người đại diện tham dự phiên hòa giải; có quyền mời người làm chứng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; trong trường hợp có sự đồng ý của các bên, Hội đồng trọng tài có thể cho phép những người khác tham dự phiên hòa giải.

Về trình tự, thủ tục của phiên hòa giải, Hội đồng trọng tài sẽ điều hành theo cách thức phù hợp nhất sao cho tiết kiệm thời gian, chi phí và đáp ứng nguyện vọng của các bên. Luật TTTM không cần quy định chi tiết về trình tự, thủ tục của phiên hòa giải như cách quy định đối với phiên họp giải quyết tranh chấp mà có thể trao quyền cho các Trung tâm trọng tài quy định hoặc do các bên thỏa thuận. Dù vậy, hiện nay, các Quy tắc tố tụng trọng tài hiện hành của các Trung tâm trọng tài, hầu như cũng không có các quy định cụ thể về trình tự, thủ tục về phiên hòa giải và thậm chí trình tự, thủ tục phiên họp giải quyết tranh chấp cũng không được quy định cụ thể mà sẽ do Hội đồng trọng tài linh hoạt thực hiện.

*Kết quả hòa giải trong tố tụng trọng tài*

Về kết quả hòa giải trong tố tụng trọng tài, tương tự các phương thức hòa giải khác, hòa giải trong tố tụng trọng tài có thể đạt được kết quả hòa giải thành hoặc không thành.

Trong trường hợp hòa giải không thành, Hội đồng trọng tài sẽ tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp theo quy định.

Trường hợp hòa giải thành, theo quy định tai Điều 58 Luật TTTM, khi các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết trong vụ tranh chấp thì Hội đồng trọng tài lập biên bản hoà giải thành có chữ ký của các bên và xác nhận của các Trọng tài viên; Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên.

Đối với biên bản hòa giải thành, Luật TTTM quy định rõ sẽ do Hội đồng trọng tài (người tiến hành hòa giải) lập. Đây cũng là một điểm khác biệt so với hòa giải thương mại. Theo quy định tại Điều 9 Nghị định 22/2017/NĐ-CP, hòa giải viên thương mại không có quyền và nghĩa vụ về việc lập biên bản hòa giải thành cho các bên. Đồng thời, khoản 1 Điều 15 Nghị định 22/2017/NĐ-CP quy định rõ “khi đạt được kết quả hòa giải thành các bên lập văn bản về kết quả hòa giải thành”. Hòa giải viên thương mại không có nghĩa vụ lập văn bản kết hòa giải thành nhưng văn bản kết quả hòa giải thành phải có chữ ký của hòa giải viên thương mại theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định 22/2017/NĐ-CP.

Về chữ ký trên biên bản hòa giải thành trong tố tụng trọng tài, Điều 58 Luật TTTM quy định phải có chữ ký của các Trọng tài viên và “các bên” mà không phải là chữ ký của tất cả những người tham dự phiên hòa giải. Điều đó nghĩa là, trường hợp phiên hòa giải có sự tham dự của người khác, thậm chí là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, thư ký phiên họp do Hội đồng trọng tài chỉ định,… thì không bắt buộc phải có chữ ký của những người này. Tuy vậy, theo tác giả, nên có chữ ký của tất cả những người tham gia phiên hòa giải.

Luật cũng không quy định chi tiết về nội dung cần có của Biên bản hòa giải thành mà sẽ do Hội đồng trọng tài lập phù hợp với diễn biến phiên họp và nội dung thỏa thuận của các bên.

Trên cơ sở biên bản hòa giải thành, Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên, Luật không quy định thời hạn bao lâu Hội đồng trọng tài phải ra quyết định này. Hình thức, nội dung của quyết định này cũng không được quy định rõ. Liệu rằng các Trọng tài viên có bắt buộc phải ký tên vào quyết định này không (trước đó đều đã ký vào biên bản hòa giải thành) hay chỉ cần Chủ tịch Hội đồng trọng tài ký thay mặt cho Hội đồng trọng tài? Tác giả cho rằng vì đây là quyết định của Hội đồng trọng tài nên các Trọng tài viên vẫn cần ký vào quyết định này.

Một vấn đề rất quan trọng khác là trong khoảng thời gian từ sau khi lập Biên bản hòa giải thành đến trước khi có quyết định công nhận sự thỏa thuận, một trong các bên tranh chấp có được quyền thay đổi ý kiến của mình hay không? Nếu một trong các bên thay đổi ý kiến thì Hội đồng trọng tài sẽ xử lý như thế nào?

Theo cách tiếp cận của Bộ luật Tố tụng dân sự về hòa giải trong tố tụng Tòa án, trường hợp các đương sự đã đạt được thỏa thuận và đã lập biên bản hòa giải thành thì vẫn có thời gian để các bên thay đổi ý kiến. Theo quy định tại khoản 1 Điều 212 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nếu hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó thì Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải hoặc một Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công mới ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Tác giả cho rằng để tránh thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài bị kéo dài, việc ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên nên được Hội đồng trọng tài ban hành ngay sau khi lập Biên bản hòa giải thành mà không nên có thời gian chờ như hòa giải trong tố tụng Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nêu trên. Việc này không khó khăn và không mất nhiều thời gian chuẩn bị của Hội đồng trọng tài. Các bên tranh chấp có nghĩa vụ, trách nhiệm cẩn trọng, cân nhắc kỹ lưỡng về quyết định của chính mình trong quá trình hòa giải và một khi các bên đã đạt được thỏa thuận, biên bản hòa giải thành đã được lập thì thỏa thuận đó là có tính ràng buộc và không thể thay đổi và do vậy, quyết định công nhận sự thỏa thuận phải được ban hành ngay sau đó.

Mặc dù Điều 58 Luật TTTM có quy định về hòa giải thành như nêu trên nhưng Luật này cũng không đưa ra định nghĩa, giải thích rõ ràng thế nào là “hòa giải thành”. Hòa giải thành là các bên phải đạt được thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ tranh chấp hay chỉ cần đạt được thỏa thuận về việc giải quyết một phần vụ tranh chấp? Nếu các bên chỉ đạt được thỏa thuận một phần thì Hội đồng trọng tài có lập biên bản hòa giải thành không và Hội đồng trọng tài có ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận đối với các vấn đề đã đạt được thỏa thuận một phần đó không?

Theo cách tiếp cận tại khoản 2 Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, trong hòa giải tại tố tụng Tòa án, Thẩm phán chỉ ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự nếu các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Trong khi đó, khoản 4 Điều 2 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 giải thích hòa giải thành là thông qua hòa giải, các bên tham gia hòa giải tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ hoặc một phần vụ việc dân sự mà phần này không liên quan đến những phần khác của vụ việc dân sự đó.

Đối với hòa giải thương mại, khoản 4 Điều 3 Nghị định 22/2017/NĐ-CP tiếp cận theo hướng kết quả hòa giải thành là thỏa thuận giữa các bên tranh chấp về việc giải quyết một phần hoặc toàn bộ tranh chấp phát sinh.

Như vậy, các hình thức hòa giải khác nhau đang có cách tiếp cận khác nhau về khái niệm hòa giải thành và việc xử lý kết quả hòa giải thành.

Mặc dù, Luật TTTM không đưa ra định nghĩa trực tiếp về hòa giải thành nhưng Điều 58 Luật TTTM cũng có quy định giá trị pháp lý của quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên là “chung thẩm và có giá trị như phán quyết trọng tài”. Theo khoản 10 Điều 3 Luật TTTM, phán quyết trọng tài là quyết định của Hội đồng trọng tài giải quyết toàn bộ nội dung vụ tranh chấp và chấm dứt tố tụng trọng tài. Như vậy, có thể hiểu rằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên có giá trị như phán quyết trọng tài tức là có tính chất “giải quyết toàn bộ nội dung vụ tranh chấp và chấm dứt tố tụng trọng tài”. Điều đó dẫn đến cách hiểu hòa giải thành trong tố tụng trọng tài phải là trường hợp các bên đạt được thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ tranh chấp và quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên sẽ chấm dứt tố tụng trọng tài.

Mặc dù trường hợp các bên chỉ đạt được thỏa thuận một phần về việc giải quyết tranh chấp không được xem là hòa giải thành, không được lập biên bản hòa giải thành và Hội đồng trọng tài không ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên nhưng không có nghĩa là các thỏa thuận một phần đó của các bên là vô nghĩa. Những gì các bên đã có ý kiến, đã thống nhất sẽ vẫn là cơ sở quan trọng để Hội đồng trọng tài xem xét, quyết định các vấn đề liên quan trong phán quyết trọng tài.

Một vấn đề khác được đặt ra là nếu theo quy định tại Điều 58 Luật TTTM, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên có giá trị như phán quyết trọng tài thì quyết định này có thể bị hủy như hủy phán quyết trọng tài hay không? Tác giả cho rằng việc hủy quyết uyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn không khả thi và hợp lý. Về cơ sở pháp lý, Chương XI Luật TTTM chỉ quy định về hủy phán quyết trọng tài và không có quy định về hủy quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên, thậm chí cũng không có quy định nào về việc hủy các quyết định khác của Hội đồng trọng tài. Hơn nữa, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên là dựa trên kết quả hòa giải thành của các bên, dựa trên thỏa thuận của các bên nên khả năng một bên yêu cầu hủy quyết định này là vô cùng thấp. Tóm lại, tác giả cho rằng không có cơ sở cho việc yêu cầu hủy quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên do Hội đồng trọng tài ban hành.

*Chấm dứt hòa giải trong tố tụng trọng tài*

Luật TTTM không có quy định cụ thể về các trường hợp chấm dứt hòa giải trong tố tụng trọng tài. Tác giả cho rằng cần có quy định về vấn đề này. Có thể quy định như cách tiếp cận trong hòa giải thương mại tại Điều 17 Nghị định 22/2017/NĐ-CP, cụ thể hòa giải sẽ chấm dứt trong trường hợp: hòa giải thành (và có quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên); theo đề nghị của một hoặc các bên tranh chấp hoặc Hội đồng trọng tài xét thấy không cần thiết tiếp tục thực hiện hòa giải, sau khi tham khảo ý kiến của các bên. Ngoài ra, cũng có thể tham khảo cách quy định tại khoản 3 Điều 40 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020 là nếu một hoặc các bên vắng mặt sau 02 lần được thông báo hợp lệ về việc hòa giải thì thủ tục hòa giải cũng chấm dứt.

Một vấn đề khác mang tính kỹ thuật là khi chấm dứt thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài, Hội đồng trọng tài có phải lập một quyết định hay một thông báo về việc chấm dứt hòa giải và gửi cho các bên hay không? Theo khoản 9 Điều 3 LTTTM, quyết định trọng tài là quyết định của Hội đồng trọng tài trong quá trình giải quyết tranh chấp. Thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài là một thủ tục trong quá trình giải quyết tranh chấp và việc chấm dứt thủ tục hòa giải cũng là một quyết định của Hội đồng trọng tài. Do vậy, tác giả cho rằng, khi chấm dứt thủ tục hòa giải, Hội đồng trọng tài cần ban hành quyết định về việc này và gửi cho các bên.

*Thi hành quyết định của Hội đồng trọng tài về công nhận sự thỏa thuận của các bên*

Dù rằng khi các bên đạt được thỏa thuận thông qua hòa giải thành thì khả năng các bên tự nguyện thi hành quyết định công nhận sự thỏa thuận là rất cao nhưng không loại trừ khả năng một lần nữa, một trong các bên của thỏa thuận lại tiếp tục vi phạm thỏa thuận đó và khi đó, phải có cơ chế đảm bảo thi hành đối với quyết định của Hội đồng trọng tài về công nhận sự thỏa thuận của các bên tranh chấp.

Luật TTTM chưa thật sự quy định rõ là vấn đề thi hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên do Hội đồng trọng tài ban hành sau khi các bên hòa giải thành. Mặc dù Điều 58 Luật TTTM quy định quyết định của Hội đồng trọng tài công nhận sự thỏa thuận của các bên là chung thẩm và có giá trị như phán quyết trọng tài nhưng như vậy là chưa thật sự đầy đủ và rõ ràng về việc thi hành đối với quyết định này.

Việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài có thể được tiến hành theo hình thức trọng tài quy chế hoặc trọng tài vụ việc tùy thuộc vào sự thỏa thuận của các bên. Phán quyết trọng tài cũng có sự phân biệt đối với phán quyết của trọng tài quy chế và phán quyết của trọng tài vụ việc. Trên cơ sở đó, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên có phân biệt quyết định của trọng tài quy chế và quyết định của trọng tài vụ việc hay không?

Theo quy định tại khoản 1 Điều 62 và khoản 2 Điều 66 Luật TTTM, phán quyết của Trọng tài vụ việc phải được đăng ký tại Tòa án nơi Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết trước khi yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành phán quyết trọng tài đó. Trong khí đó, phán quyết của trọng tài quy chế (trọng tài Việt Nam) không cần phải thực hiện thủ tục đăng ký hay yêu cầu công nhận trước khi yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành. Như vậy, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên do Hội đồng trọng tài có được áp dụng tương tự hay không? Quyết định của Hội đồng trọng tàu vụ việc ban hành có cần phải đăng ký hoặc yêu cầu công nhận tại Tòa án trước khi yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành hay không? Thậm chí quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên do Hội đồng trọng tài quy chế ban hành có cần đăng ký hoặc yêu cầu Tòa án công nhận trước khi yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành hay không cũng là vấn đề chưa được quy định rõ.

Nếu theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Chương XXXIII Bộ Luật này quy định chung về việc “công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án”. Về mặt hình thức, hòa giải trong tố tụng trọng tài cũng là một hình thức hòa giải ngoài Tòa án. Như vậy, quyết định của Hội đồng trọng tài về công nhận sự thỏa thuận của các bên do Hội đồng trọng tài ban hành có thuộc phạm vi áp dụng của Bộ luật Tố tụng dân sự hay không, có phải yêu cầu Tòa án công nhận trước khi yêu cầu Cơ quan thi hành án hay không? Vấn đề này vẫn chưa có câu trả lời rõ ràng.

Bên cạnh đó, Điều 8 Luật TTTM chỉ quy định về việc xác định cơ quan thi hành án đối với phán quyết trọng tài và quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài. Theo đó, Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài là Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Hội đồng trọng tài ra phán quyết; cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài là Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi biện pháp khẩn cấp tạm thời cần được áp dụng. Vậy, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền đối với quyết định của Hội đồng trọng tài về công nhận sự thỏa thuận của các bên thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án nào? Câu trả lời không được quy định trong Luật TTTM.

Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 và điểm đ khoản 2 Điều 35 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại được thi hành theo quy định của Luật này và Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có thẩm quyền thi hành Bản án, quyết định của Trọng tài thương mại. Tuy nhiên, Luật Thi hành án dân sự cũng không phân biệt rõ phán quyết của trọng tài quy chế và trọng tài vụ việc và cũng không nêu rõ loại quyết định nào của Hội đồng trọng tài sẽ được yêu cầu thi hành án. Hội đồng trọng tài có thể ban hành rất nhiều các quyết định trong quá trình giải quyết tranh chấp, bao gồm các quyết định về thủ tục, quyết định về nội dung, kể cả quyết định về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, quyết định về công nhận sự thỏa thuận của các bên. Không phải quyết định nào cũng là quyết định để yêu cầu thi hành án.

Theo Điều 27 Luật Thi hành án dân sự hiện hành, Trọng tài thương mại đã ra bản án, quyết định được quy định tại Điều 2 của Luật này phải cấp cho đương sự bản án, quyết định có ghi “Để thi hành”. Như vậy, phải chăng quyết định của Hội đồng trọng tài (kể cả trọng tài vụ việc và trọng tài quy chế) về công nhận sự thỏa thuận của các bên chỉ cần ghi “Để thi hành” thì sẽ được yêu cầu Cơ quan thi hành án cấp tỉnh cho thi hành mà không cần phải thực hiện thủ tục đăng ký hay công nhận tại Tòa án trước đó?

Tác giả cho rằng, với chủ trương “khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài” theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị, kết quả giải quyết tranh chấp bằng trọng tài phải được đảm bảo thi hành nhanh chóng, hiệu quả. Do đó, quyết định của Hội đồng trọng tài về công nhận sự thỏa thuận của các bên (trên cơ sở kết quả hòa giải thành) nên được yêu cầu thi hành ngay mà không cần phải qua bước đăng ký hay công nhận tại Tòa án một lần nữa, kể cả quyết định của trọng tài quy chế và trọng tài vụ việc.

**3. Kết luận**

Thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài là một thủ tục có ý nghĩa quan trọng giúp các bên đạt được thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp. Đây là một thủ tục đặc thù của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại, có sự kết hợp giữa hòa giải và trọng tài.

Luật TTTM đã bước đầu có những quy định đầu tiên về hòa giải trong tố tụng trọng tài. Luật TTTM đã quy định rõ điều kiện để tiến hành hòa giải trong tố tụng trọng tài là phải có yêu cầu của các bên. Luật này cũng xác định rõ chủ thể tiến hành, chủ trì hòa giải là Hội đồng trọng tài chứ không phải là hòa giải viên độc lập với Hội đồng trọng tài. Luật TTTM cũng cho thấy thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài là một thủ tục không tách rời với các thủ tục khác trong tố tụng trọng tài, cũng là một thủ tục trong tiến trình Hội đồng trọng tài giải quyết vụ tranh chấp chứ không phải là một thủ tục độc lập, thực hiện song song với thủ tục tố tụng trọng tài (trên thực tế, tồn tại các phương thức giải quyết tranh chấp đa tầng, hỗn hợp, kết hợp giữa hòa giải và trọng tài và hai thủ tục này có thể được tiên shành một cách linh hoạt trước – sau, lần lượt hay song song). Luật TTTM cũng cơ bản quy định về thủ tục xử lý kết quả hòa giải thành của các bên, xác định được giá trị pháp lý của quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên.

Dù vậy, với chỉ hai điều luật về hòa giải trong tố tụng trọng tài được quy định tại Luật TTTM, khung pháp lý về hòa giải trong tố tụng trọng tài chưa thật sự được định hình rõ ràng. Luật TTTM thiếu vắng rất nhiều quy định mang tính cơ bản, quan trọng đối với thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài. Điều này tạo ra rất nhiều bất cập, khó khăn, lúng túng cho các bên tham gia hòa giải trong tố tụng trọng tài và cả Hội đồng trọng tài. Cụ thể, rất nhiều vấn đề về hòa giải trong tố tụng trọng tài chưa được Luật TTTM quy định như: thời điểm bắt đầu thủ tục hòa giải, thời hạn hòa giải trong tố tụng trọng tài; trình tự, thủ tục cụ thể của phiên hòa giải; trình tự, thủ tục của việc lập biên bản hòa giải thành, ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận; các trường hợp chấm dứt hòa giải trong tố tụng trọng tài và đặc biệt chưa có quy định rõ ràng về việc công nhận hay đăng ky quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, việc thi hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Với những bất cập, hạn chế đó, tác giả cho rằng Luật Trọng tài thương mại cần có các quy định cụ thể hơn về thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài. Có thể cần có một Chương riêng về hòa giải trong tố tụng trọng tài. Tác giả biết rằng dù Luật Trọng tài thương mại của các quốc gia trên thế giới và kể cả Luật Mẫu về Trọng tài thương mại của Ủy ban liên hiệp quốc về Luật thương mại quốc tế cũng không có các quy định chi tiết về hòa giải trong tố tụng trọng tài. Tuy nhiên, với bối cảnh Việt Nam và với những bất cập rõ ràng của các quy định về hòa giải trong tố tụng trọng tài đã và đang tồn tại, không thể không khắc phục bằng các quy định đầy đủ hơn, cụ thể hơn và tốt hơn. Kể cả Luật Mẫu về Trọng tài thương mại cũng cần được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung theo thời gian và không phải Luật mẫu không quy định chi tiết thì Luật Trọng tài thương mại của Việt Nam cũng không cần quy định chi tiết.

Trong bối cảnh Luật TTTM chưa được sửa đổi, bổ sung, tác giả cho rằng các cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt là Tòa án nhân dân tối cao, có thể nghiên cứu và có những hướng dẫn cần thiết về thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài. Ngoài ra, các Trung tâm trọng tài thương mại, cần rà soát các Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm để có sự sửa đổi, bổ sung phù hợp đối với thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài. Các Trung tâm trọng tài có thể ban hành các điều khoản về hòa giải trong tố tụng trọng tài trong Quy tắc tố tụng trọng tài hoặc ban hành phần Phụ lục về hòa giải trong tố tụng tài hoặc cũng có thể ban hành các hướng dẫn về thủ tục hòa giải trong tố tụng trọng tài kèm theo Quy tắc tố tụng trọng tài của các Trung tâm trọng tài.

Đối với các Hội đồng trọng tài, khi giải quyết tranh chấp, cần khuyến khích các bên hòa giải trong tố tụng trọng tài, cần hướng dẫn, hỗ trợ các bên thống nhất một số vấn đề về thủ tục về hòa giải trong tố tụng trọng tài để làm cơ sở thực hiện thủ tục hòa giải sao cho thuận lợi, phù hợp với nguyện vọng của các bên.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Luật Trọng tài thương mại năm 2010

Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 về hòa giải thương mại

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020

Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003

Đỗ Văn Đại – Trần Hoàng Hải (2011), *Pháp luật Việt Nam về Trọng tài thương mại,* Nxb Chính trị Quốc gia

Học viện tư pháp (2018), *Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật và tham gia giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án của Luật sư,* Nxb Tư pháp

Trần Minh Ngọc (2019), *Pháp luật về Trọng tài thương mại,* Nxb Lao động

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình về Cạnh tranh và Giải quyết tranh chấp thương mại,* Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam

<https://stac.com.vn>

<http://www.lapphap.vn>

<https://www.vmc.org.vn>

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HOÀ GIẢI THƯƠNG MẠI TRONG TƯƠNG QUAN SO SÁNH GIỮA NGHỊ ĐỊNH 22/2017/NĐ-CP VỚI LUẬT HÒA GIẢI ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN**

***La Minh Tường[[228]](#footnote-228)\****

 *TÓM TẮT: Bài viết phân tích một số quy định của pháp luật về hòa giải thương mại trên cơ sở so sánh Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại với Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại.*

***Từ khóa:*** *Hòa giải thương mại, hòa giải tại Tòa án, Nghị định 22/2017/NĐ-CP*

**1. Khái niệm hòa giải thương mại và hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án**

Hòa giải là phương thức giải quyết tranh chấp với sự giúp đỡ của người trung gian thứ ba giúp các bên giải quyết các xích mích, mâu thuẫn một cách nhanh chóng và thân thiện. Việc hoà giải thành sẽ góp phần giải quyết kịp thời, tận gốc các mâu thuẫn phát sinh. Với những ưu điểm như vậy nên hòa giải là một phương thức giải quyết tranh chấp luôn được các bên tranh chấp ưu tiên lựa chọn. Đối với các tranh chấp kinh doanh thương mại, hiện nay ở nước ta có nhiều hình thức hòa giải khác nhau, trong có hai hình thức hòa giải khá phổ biến đó là hòa giải tại các tổ chức hòa giải thương mại được điều chỉnh bởi Nghị định 22/2017/NĐ-CP và hòa giải tại Tòa án theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Theo quy định tại Nghị định 22/2017/NĐ-CP thì hoà giải thương mại được hiểu là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại do các bên thoả thuận và được hòa giải viên thương mại làm trung gian hòa giải hỗ trợ giải quyết tranh chấp.[[229]](#footnote-229) Như vậy, trên cơ sở khái niệm này, hoà giải thương mại được hiểu là một phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Toà án, trong đó Hoà giải viên là người trung gian hỗ trợ cho các bên về pháp lý và giải quyết tranh chấp bằng cách thương lượng, thỏa thuận các vấn đề có tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại.

Mục đích của Nhà nước đối với việc hòa giải thương mại ngoài Tòa án là nhằm giảm thiểu bớt những tranh chấp mâu thuẩn không đáng có trong quá trình hoạt động kinh doanh, huy động các nguồn lực tham gia làm hoà giải viên để tổ chức hoạt động hoà giải thương mại, giảm bớt thời gian, kinh phí cho Doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh khi phải khởi kiện đến Tòa án. Chính sách này là phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng đã được ban hành tại Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trịvề chiến lược cải cách tư pháp là *“Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài; tòa án hỗ trợ bằng quyết định công nhận việc giải quyết đó”.*

Theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì hòa giải tại Tòa án là hoạt động hòa giải do Hòa giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ án nhằm hỗ trợ các bên tham gia thỏa thuận, thống nhất giải quyết vụ việc theo quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.[[230]](#footnote-230) Như vậy, hòa giải tại Tòa án được thực hiện trước khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại. Nếu các bên tranh chấp hòa giải thành theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì Tòa án không phải thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy mới có quan điểm cho rằng: Giải quyết tranh chấp bằng con đường hòa giải tại Tòa án mang lại nhiều lợi ích hơn cho các bên so với giải quyết bằng con đường tố tụng. Các bên nên lựa chọn cơ chế hòa giải tại Tòa án và tạo điều kiện cho mình cũng như các bên trong tranh chấp tìm kiếm cơ hội thỏa thuận, thống nhất việc giải quyết tranh chấp nếu thực sự mong muốn có được kết quả hài hòa lợi ích các bên.[[231]](#footnote-231)

Như vậy, việc nghiên cứu khái niệm về hòa giải được quy định trong Nghị định 22/2017/NĐ-CPvà trong Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án cho thấy, mục đích của việc hòa giải nhằm hỗ trợ các bên tham gia thỏa thuận, thống nhất giải quyết các mâu thuẫn và được thực hiện thông qua hoạt động hòa giải của hòa giải viên, khác chăng là việc hòa giải ở các tổ chức hòa giải theo quy định của Nghị định 22/2017/NĐ-CP được xem là hòa giải ngoài tố tụng còn hòa giải tại Tòa án theo Luật Hòa giải, đối thoại là hòa giải trong tố tụng.

**2. Một số quy định về hoà giải thương mại dưới góc độ so sánh Nghị định 22/2017/NĐ-CP với Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án**

***2.1. Nguyên tắc hòa giải***

Nguyên tắc pháp luật là nguyên lý, tư tưởng chỉ đạo, có tình chất xuất phát điểm, cấu thành một bộ phận quan trọng nhất, thể hiện tính toàn diện, linh hoạt, thấm nhuần toàn bộ nội dung cũng như hình thức của hệ thống pháp luật, là cơ sở chỉ đạo toàn bộ hoạt động xây dựng và thực hiện pháp luật. Do đó, bất kỳ một hoạt động nào muốn đi đúng hướng và đạt kết quả đòi hỏi hoạt động đó phải tuân theo những nguyên tắc nhất định.[[232]](#footnote-232) Hoạt động hòa giải cũng không phải là ngoại lệ, để hoạt động hòa giải đạt được hiệu quả như mong đợi, nhằm bảo đảm quyền lợi cho các bên tranh chấp, Nghị định 22/2017/NĐ-CP và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án đã quy định khá cụ thể các nguyên tắc cần phải thực hiện khi tiến hành hòa giải.

Đối với hoạt động hòa giải được thực hiện bởi các tổ chức hòa giải thương mại theo qui định Nghị định 22/2017/NĐ-CP, khi tiến hành hòa giải, hòa giải viên giải quyết dựa trên ba nguyên tắc cơ bản đó là:

*Một là*, các bên tranh chấp tham gia hòa giải hoàn toàn tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ;

*Hai là*, các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải phải được giữ bí mật, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác;

*Ba là,* nội dung thỏa thuận hòa giải không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ, không xâm phạm quyền của bên thứ ba.

Như vậy, với những qui định này, hoà giải viên luôn tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận, thống nhất của các bên; không được ép buộc các bên thỏa thuận, trái với ý chí của họ. Tuy nhiên, các thoả thuận không được trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội, mọi thông tin về hoạt động kinh doanh của các bên đều được giữ bí mật một cách tuyệt đối.

Đối với hoạt động hòa giải được thực hiện tại Tòa án theo Luật HGĐT tại Tòa án, khi tiến hành hòa giải, hòa giải viên khi tiến hành hòa giải cũng phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau đây:

*Một là*, trong quá trình hòa giải Hòa giải viên phải tôn trọng sự tự nguyện của đương sự, các nội dung thỏa thuận, thống nhất phải phản ánh đúng ý chí của các bên tham gia hòa giải, đối thoại; tuyệt đối không được đe dọa, ép buộc, các bên thỏa thuận, thống nhất trái với ý chí của họ. Bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia hòa giải, đối thoại.

*Hai là*, nội dung thỏa thuận hòa giải, thống nhất đối thoại không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

 *Ba là*, các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải phải được giữ bí mật theo quy định của Luật.

*Ba là,* hòa giải viên, các bên tham gia hòa giải, đối thoại, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được mời tham gia hòa giải, đối thoại không được tiết lộ thông tin mà mình biết được trong quá trình hòa giải, đối thoại.

*Bốn là*, trong quá trình hòa giải không được ghi âm, ghi hình, ghi biên bản hòa giải. Việc lập biên bản chỉ được thực hiện để ghi nhận kết quả hòa giải; Hòa giải viên, các bên tham gia hòa giải chỉ được ghi chép để phục vụ cho việc hòa giải và phải bảo mật nội dung đã ghi chép.

*Năm là*, cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng tài liệu, lời trình bày của các bên trong quá trình hòa giải làm chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Như vậy, khi tiến hành hòa giải tranh chấp kinh doanh thương mại tại các tổ chức hòa giải giải thương mại theo Nghị định 22/2017/NĐ-CP hay hòa giải tại Tòa án theo Luật HGĐT tại Tòa án thì việc hòa giải đều dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và xuất phát từ lợi ích của các bên. Với cả hai hình thức hòa giải này, nếu các bên tranh chấp đạt được thỏa thuận sau khi hòa giải thì việc thực hiện các thỏa thuận đó có đều có tính khả thi cao hơn so với các quyết định giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

***2.2. Về tiêu chuẩn Hòa giải viên***

Hoạt động hòa giải được thực hiện hiện bởi hòa giải viên, do đó vai trò của hòa giải viên rất quan trọng. Về cơ bản thì hòa giải viên không chỉ là người hiểu biết pháp luật mà còn đáp ứng các tiêu chuẩn khác như phải có đạo đức, uy tín, có khả năng vận động và thuyết phục,…Việc nghiên cứu cho thấy, Nghị định 22/2017/NĐ-CP và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án có những quy định tương đồng về tiêu chuẩn hòa giải viên. Cụ thể:

Theo quy định Nghị định 22/2017/NĐ-CP, người có đủ tiêu chuẩn sau đây thi được làm hòa giải viên thương mại: (i) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự; có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, độc lập, vô tư, khách quan; (ii) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên; (iii) Có kỹ năng hòa giải, hiểu biết pháp luật, tập quán kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực liên quan. Như vậy, một cá nhân khi thỏa mãn các tiêu chí nêu trên sẽ được và có đơn yêu cầu thì Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người đó thường trú, ghi tên người đề nghị đăng ký vào danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc và công bố danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

Theo quy định của Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án, tiêu chuẩn để làm hòa giải viên tại Tòa án trước hết phải là Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật và có đủ các điều kiện sau đây thì có thể được bổ nhiệm làm Hòa giải viên:

(i) Đã là Thẩm phán, Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên Viện kiểm sát, Chấp hành viên thi hành án dân sự, Thanh tra viên; luật sư, chuyên gia, nhà chuyên môn khác có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác; người có hiểu biết về phong tục tập quán, có uy tín trong cộng đồng dân cư;

(ii) Có kinh nghiệm, kỹ năng hòa giải, đối thoại;

(iii) Có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao;

(iv) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải, đối thoại do cơ sở đào tạo của Tòa án nhân dân tối cao cấp, trừ người đã là Thẩm phán, Thẩm tra viên Tòa án ngạch Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp, Thư ký Tòa án ngạch Thư ký viên chính, Thư ký viên cao cấp, Kiểm sát viên, Chấp hành viên thi hành án dân sự, Thanh tra viên.

Hòa giải viên tại Tòa án là người có đủ điều kiện và được Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm để tiến hành hòa giải tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và đối thoại khiếu kiện hành chính.

Như vậy, tiêu chuẩn để được bổ nhiệm làm hòa giải viên tại Tòa án theo Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án khắt khe hơn so với tiêu chuẩn làm hòa giải viên thương mại được quy định trong Nghị định 22/2017/NĐ-CP.

***2.3. Trình tự, thủ tục hòa giải***

*\* Trình tự, thủ tục hòa giải theo Nghị định*

Trình tự, thủ tục hòa giải các tranh chấp thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại được điều chỉnh bởi Nghị định 22/2017/NĐ-CP phải trải qua các bước sau đây:

*Bước 1:* Thỏa thuận hòa giải

Thỏa thuận hòa giải có thể được xác lập dưới hình thức điều khoản hòa giải trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thỏa thuận riêng. Việc thỏa thuận hòa giải này được xác lập bằng văn bản.

*Bước 2:* Lựa chọn, chỉ định hòa giải viên thương mại

Hòa giải viên thương mại do các bên thỏa thuận lựa chọn từ danh sách hòa giải viên thương mại của tổ chức hòa giải thương mại hoặc từ danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc do Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố. Việc chỉ định hòa giải viên thương mại thông qua tổ chức hòa giải thương mại được thực hiện theo Quy tắc hòa giải của tổ chức hòa giải thương mại.

*Bước 3:* Trình tự, thủ tục tiến hành hòa giải

Các bên có quyền lựa chọn Quy tắc hòa giải của tổ chức hòa giải thương mại để tiến hành hòa giải hoặc tự thỏa thuận trình tự, thủ tục hòa giải. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về trình tự, thủ tục hòa giải thì hòa giải viên thương mại tiến hành hòa giải theo trình tự, thủ tục mà hòa giải viên thương mại thấy phù hợp với tình tiết vụ việc, nguyện vọng của các bên và được các bên chấp thuận. Tranh chấp có thể do một hoặc nhiều hòa giải viên thương mại tiến hành theo thỏa thuận của các bên. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình hòa giải, hòa giải viên thương mại đều có quyền đưa ra đề xuất nhằm giải quyết tranh chấp. Địa điểm, thời gian hòa giải được thực hiện theo thỏa thuận của các bên hoặc theo lựa chọn của hòa giải viên thương mại trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.

 Khi đạt được kết quả hòa giải thành các bên lập văn bản về kết quả hòa giải thành. Văn bản về kết quả hòa giải thành có hiệu lực thi hành đối với các bên theo quy định của pháp luật dân sự. Văn bản về kết quả hòa giải thành gồm các nội dung chính: Căn cứ tiến hành hòa giải; thông tin cơ bản về các bên; nội dung chủ yếu của vụ việc; thỏa thuận đạt được và giải pháp thực hiện; các nội dung khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật. Văn bản về kết quả hòa giải thành có chữ ký của các bên và hòa giải viên thương mại. Trường hợp không đạt được kết quả hòa giải thành, các bên có quyền tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

*Bước 4*: Công nhận kết quả hòa giải thành

Văn bản về kết quả hòa giải thành được xem xét công nhận theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

          *Bước 5*: Chấm dứt thủ tục hòa giải

Thủ tục hòa giải chấm dứt trong các trường hợp: Khi các bên đạt được kết quả hòa giải thành. Khi hòa giải viên thương mại xét thấy không cần thiết tiếp tục thực hiện hòa giải, sau khi tham khảo ý kiến của các bên.Theo đề nghị của một hoặc các bên tranh chấp.

*\* Trình tự, thủ tục hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án*

Cũng như Nghị định 22/2017, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án quy định khá đầy đủ, chặt chẽ trình tự, thủ tục khi tiến hành hòa giải. Theo đó, việc hòa giải được tiến hành theo các bước sau đây:

*Bước 1:* Nhận, xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu và chỉ định Hòa giải viên

Để được hòa giải tại Tòa án thì đương sự phải gởi đơn khởi kiện kèm theo tài liệu, chứng cứ đến Tòa án có thẩm quyền và phải được Tòa án có thẩm quyền chấp nhận nhận đơn khởi kiện, đơn yêu cầu nói trên. Việc gửi đơn, nhận đơn phải thực hiện theo Điều 190, Điều 191 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc hòa giải tại Tòa án chỉ được thực hiện đối với các vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và không thuộc các trường hợp Luật quy định không được hòa giải. Mặt khác, việc hòa giải phải được sự đồng ý của các bên tham gia hòa giải. Đối với những trường hợp không thuộc thẩm quyền của Tòa án thì giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để trả lại đơn.

Đối với những đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thuộc trường hợp phải tiến hành hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì giải quyết như sau:

- Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, đơn yêu cầu, Tòa án thông báo cho người khởi kiện, người yêu cầu biết vụ việc thuộc trường hợp được hòa giải, đối thoại tại Tòa án và yêu cầu người khởi kiện, người yêu cầu trả lời cho Tòa án: Có đồng ý thực hiện việc hòa giải, đối thoại không? Trường hợp đồng ý hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì có chọn Hòa giải viên nào giải quyết không?

*Bước 2:* Chuẩn bị hòa giải, đối thoại

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người khởi kiện, người yêu cầu phải trả lời bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác cho Tòa án biết về những nội dung đã được Tòa án thông báo. Hết thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án thì tùy từng trường hợp, Tòa án xử lý giải quyết như sau:

+ Nếu người khởi kiện, người yêu cầu có ý kiến đồng ý hòa giải, đối thoại  thì chuyển đơn và tài liệu kèm theo cho Thẩm phán phụ trách hòa giải, đối thoại thực hiện nhiệm vụ chỉ định Hòa giải viên.

+ Nếu người khởi kiện, người yêu cầu có ý kiến không đồng ý hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì xử lý đơn và các tài liệu theo quy định của pháp luật về tố tụng.

Trường hợp Tòa án chưa nhận được ý kiến trả lời của người khởi kiện, người yêu cầu thì Tòa án thực hiện thông báo lại lần thứ hai cho người khởi kiện, người yêu cầu biết để thực hiện quyền lựa chọn hòa giải, đối thoại và lựa chọn Hòa giải viên.

Nếu quá thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo lần thứ hai mà người khởi kiện, người yêu cầu vẫn không trả lời thì chuyển đơn và tài liệu kèm theo cho Thẩm phán phụ trách hòa giải, đối thoại thực hiện nhiệm vụ chỉ định Hòa giải viên.

Sau khi chỉ định Hòa giải viên,Tòa án thông báo bằng văn bản về việc chuyển vụ việc sang hòa giải, đối thoại Tòa án và văn bản chỉ định Hòa giải viên cho Hòa giải viên, người khởi kiện, người yêu cầu, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường hợp Hòa giải viên được lựa chọn thuộc danh sách Hòa giải viên của Tòa án nhân dân cấp huyện khác thì văn bản chỉ định Hòa giải viên phải được gửi cho Tòa án đó.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người bị kiện, phải trả lời bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác về việc đồng ý hoặc không đồng ý tiến hành hòa giải, đối thoại. Hết thời hạn này thì tùy từng trường hợp mà xử lý như sau:

+ Hòa giải viên tiến hành hòa giải, đối thoại nếu người bị kiện đồng ý hòa giải, đối thoại hoặc không trả lời Tòa án;

+ Thẩm phán phụ trách hòa giải, đối thoại chỉ định Hòa giải viên khác nếu người bị kiện đề nghị thay đổi Hòa giải viên;

+ Tòa án chuyển đơn để xử lý theo quy định của pháp luật về tố tụng nếu người bị kiện, người bị yêu cầu không đồng ý hòa giải, đối thoại.

*Bước 3:* Tiến hành phiên hòa giải, đối thoại

Khi các bên đồng ý gặp nhau để thống nhất phương án giải quyết vụ việc, Hòa giải viên ấn định thời gian, địa điểm tiến hành phiên hòa giải, đối thoại và thông báo cho các bên chậm nhất là 05 ngày trước ngày mở phiên hòa giải, đối thoại. Phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại có thể được tổ chức ngay sau phiên hòa giải, đối thoại hoặc vào thời gian phù hợp khác. Hòa giải viên phải thông báo cho những người tham gia phiên họp biết để tham dự.

Thành phần phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án bao gồm:  Hòa giải viên; Các bên tham gia hòa giải, đối thoại, người đại diện của họ, người phiên dịch và Thẩm phán tham gia phiên họp.

*Bước 4:* Ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành

Sau khi lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại, Hòa giải viên chuyển biên bản cùng tài liệu kèm theo cho Tòa án để ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong trường hợp các bên có yêu cầu.

Như vậy, hoạt động hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại được thực hiện mềm dẻo và linh hoạt, đề cao sự tự do thỏa thuận của các bên tranh chấp mà không phải tuân theo một thủ tục tố tụng bắt buộc như hòa giải tại Tòa án. Theo đó các Hoà giải viên thương mại và các bên tranh chấp có thể lựa chọn phương thức hòa giải như: (i) Lựa chọn trình tự, thủ tục hòa giải, hòa giải viên thương mại, địa điểm, thời gian để tiến hành hòa giải; (ii) Đồng ý hoặc từ chối hòa giải; (iii) Yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải; (iv) Yêu cầu việc hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai; (v) Được bày tỏ ý chí và quyết định về nội dung hòa giải và hòa giải viên không có thẩm quyền ra quyết định buộc các bên phải tuân theo. Trường hợp không đạt được kết quả hòa giải thành, các bên có quyền tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

**3. Kiến nghị**

Để giảm bớt thời gian chuẩn bị thụ lý vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và thời gian Tòa án thông báo qua lại với người khởi kiện trong giai đoạn hỏi đương sự có đồng ý hòa giải vụ án hay không, có đồng ý lựa chọn Hòa giải viên hay không theo Luật Hòa giải đối thoại tại tòa án, tôi xin kiến nghị như sau:

Đối với những tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thuộc trường hợp phải tiến hành hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì giải quyết theo hướng sau:

- Kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, đơn yêu cầu, Tòa án chuyển hồ sơ cho Hòa giải viên trong đơn vị và thông báo cho người khởi kiện, người yêu cầu biết vụ việc thuộc trường hợp được hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Sau đó Hòa giải viên giải quyết vụ việc hòa giải đối thoại theo quy định của Luật Hòa giải đối thoại tại tòa án.

Nếu người khởi kiện, người yêu cầu, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không đồng ý hòa giải hoặc muốn chọn Hòa giải viên khác, thì Hòa giải viên được giao nhiệm vụ ban đầu báo cáo với Tòa án để giải quyết theo quy định.

- Trong trường hợp Tòa án nhận đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đối với vụ án kinh doanh thương mại mà có kèm theo biên bản hòa giải không thành của Trung tâm hòa giải thương mại theo Nghị định 22/2017/NĐ-CP, thì Tòa án không chuyển hồ sơ cho Hòa giải viên mà thụ lý vụ án để giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

**4. Giới thiệu về Trung tâm Hòa giải thương mại Công Minh.**

Trung tâm hòa giải thương mại Công Minh được thành lập theo quy định của Nghị định 22/2017/NĐ-CPcó tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Trung tâm Hoà giải thương mại Công Minh do được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập và Sở Tư pháp cấp tỉnh, nơi Trung tâm đặt trụ sở cấp giấy đăng ký hoạt động.

Trung tâm Hòa giải thương mại Công Minh là trung tâm hòa giải thương mại đầu tiên tại khu vực Miền Trung nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng, được thành lập theo Quyết định Số 14/BTP/GP ngày 03/8/2020 của Bộ Tư Pháp và được sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy đăng ký hoạt động số 01/ĐKHĐ-HGTM ngày 07/9/2020 với Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm là: ***Hòa giải tranh chấp thương mại theo quy định của pháp luật.***

Trung tâm là một đơn vị pháp nhân độc lập.

Trụ sở tại: số 33 Trường Chinh, thành phố Huế.

Website: hoagiaicongminh.com

Email: hoagiaicongminh@gmail.com; Điện thoại: 02343 504 504

Trung tâm Hòa giải thương mại Công Minh được thành lập, đây là bước khởi đầu trên địa bàn khu vực miền trung có thêm một tổ chức mới làm nhiệm vụ giải thích, hòa giải những mâu thuẫn nội tại và các tranh chấp không đáng có trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của các cá nhân, tổ chức. Góp phần nhỏ làm ổn định tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

Trung tâm Hòa giải thương mại Công Minh đã được sự cộng tác của đội ngũ Hòa giải viên có nhiều kinh nghiệm trong công tác trên các lĩnh vực về kinh tế, hành chính, tư pháp…, kỹ năng hòa giải cũng như khả năng vận động, thuyết phục các bên trong các lĩnh vực pháp luật về kinh doanh thương mại cùng đội ngũ Thư ký nghiệp vụ có trình độ chuyên môn vững vàng, đầy nhiệt tình với tinh thần cống hiến cao trong công việc.

Trung tâm luôn mong muốn được sự cộng tác hỗ trợ của quý vị trong thời gian tới. Tin tưởng rằng Trung tâm Hòa giải thương mại Công Minh sẽ hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ hòa giải để không phụ lòng Quý khách đã lựa chọn khi có tranh chấp phát sinh về lĩnh vực thương mại./.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Công Bình (2011), Giáo Trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam, Nxb Giáo Dục Việt Nam, tr.28, 29.

### 2. Phạm Thị Hằng, *Lợi ích của hòa giải, đối thoại tại Tòa án trong tương quan so sánh với tố tụng*, [https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/loi-ich-cua-hoa-giai-doi-thoai-tai-toa-an-trong-tuong-quan-so-sanh-voi-to-tung,](https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/loi-ich-cua-hoa-giai-doi-thoai-tai-toa-an-trong-tuong-quan-so-sanh-voi-to-tung%2C) truy cập 5/11/2021.

3. Quốc Hội, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020.

**PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN CỦA HÀN QUỐC**

**VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM**

***Bùi Ai Giôn[[233]](#footnote-233)\****

## *TÓM TẮT:* ***Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án*** *giúp giải quyết triệt để, hiệu quả các tranh chấp mà không phải mở phiên tòa xét xử; kết quả hòa giải thành, đối thoại thành phần lớn được các bên tự nguyện thi hành; vụ việc không phải trải qua thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm theo quy định của các luật tố tụng; tiết kiệm chi phí, thời gian, công sức của các bên liên quan và Nhà nước; hạn chế tranh chấp, khiếu kiện kéo dài, gây bức xúc trong dư luận. Tuy nhiên, do đây là mô hình mới nên thực tiễn thi hành sẽ gặp không ít khó khăn, vướng mắc. Vì vậy, việc học tập, trao đổi các mô hình hòa giải, đối thoại tại Tòa án của một số nước trên thế giới, chẳng hạn như Hàn Quốc có một ý nghĩa hết sức to lớn nhằm đạt được hiệu quả cao khi thi hành trên thực tế.*

***Từ khóa:*** *Hòa giải tại Tòa án; Hòa giải viên; Trung tâm hòa giải, đối thoại.*

**1. Cơ sở lý luận về hòa giải tại Tòa án**

Hòa giải là một biện pháp truyền thống để giải quyết các tranh chấp trong đời sống xã hội, nhưng quan niệm về hòa giải còn nhiều vấn đề chưa thống nhất. Trên thế giới có nhiều quan niệm khác nhau về hòa giải: Hòa giải (Conciliation) là sự can thiệp, sự làm trung gian hòa giải; Hành vi của người thứ ba làm trung gian giữa hai bên tranh chấp nhằm thuyết phục họ dàn xếp hoặc giải quyết tranh chấp giữa họ; Việc giải quyết tranh chấp thông qua người trung gian hòa giải (Bên trung lập)[[234]](#footnote-234). Hiện nay, nhiều định nghĩa về hòa giải được áp dụng bởi các quốc gia khác nhau, mặc dù các định nghĩa này cũng có những điểm tương đồng. Hòa giải được định nghĩa một cách chung nhất là một quy trình có trật tự, theo đó hai hoặc nhiều bên tham gia tranh chấp tự mình, trên cơ sở tự nguyện, đạt được thỏa thuận thống nhất giải quyết tranh chấp với sự hỗ trợ của Hòa giải viên[[235]](#footnote-235). Không giống như trọng tài hoặc tố tụng tại Tòa án, Hòa giải viên không có quyền lực pháp lý để buộc các bên tranh chấp chấp nhận quyết định của mình mà chỉ dựa vào sự thuyết phục để các bên đạt được sự đồng thuận. Theo thông lệ chung, hòa giải có thể được khởi xướng bởi các bên, theo đề nghị hoặc quyết định của Tòa án hoặc theo quy định của pháp luật. Hòa giải tại Tòa án là một loại hòa giải và thường chỉ bất kỳ quá trình hòa giải nào được thực hiện dưới sự hỗ trợ của Tòa án. Đây là một thủ tục trước khi xét xử, được thực hiện đối với các tranh chấp có thể hòa giải được khởi kiện tại Tòa án, với sự hỗ trợ của Hòa giải viên. Trên thế giới không có một định nghĩa chung giải thích thế nào là *“Tại Tòa án”* về mức độ hoặc loại Tòa án tham gia. Về vấn đề này, khi xem xét mối quan hệ giữa thủ tục tố tụng tại Tòa án và hòa giải, có thể phân thành ba loại hòa giải bao gồm: (1) Hòa giải tư hoàn toàn độc lập với các thủ tục tố tụng và thường diễn ra mà không liên quan đến bất kỳ thủ tục tố tụng nào của Tòa án; (2) Hòa giải tại Tòa án được khởi xướng bởi Tòa án, nhưng sau đó được tiến hành mà không có sự tham gia của Tòa án; (3) Hòa giải trong tố tụng được gắn chặt hơn với Tòa án và hoạt động với tư cách là một tổ chức có trụ sở và nhân sự[[236]](#footnote-236).

Tại Việt Nam, **Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Đây là một chính sách được thể chế hóa nhằm thu hút, huy động nguồn nhân lực có kiến thức và kinh nghiệm trong xã hội tham gia phối hợp cùng Tòa án tiến hành hòa giải, đối thoại để giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính.** Hòa giải, đối thoại là hoạt động mang tính xã hội, tính nhân văn cao, tác động tích cực đến sự ổn định xã hội. Hòa giải tại Tòa án ở Việt Nam[[237]](#footnote-237) được hiểu chung nhất là quá trình hòa giải mà trong đó việc hòa giải được Tòa án ủy thác cho Trung tâm hòa giải được thành lập hoặc đóng bên cạnh Tòa án nhằm thực hiện chức năng sàng lọc những sự kiện không phức tạp, có giá trị nhỏ mà không cần vận hành hệ thống tư pháp để xử lý. Cụ thể, Tòa án hợp tác cùng với Trung tâm hòa giải dựa trên văn bản thỏa thuận, trong đó Tòa án chuyển giao một số việc thuộc thẩm quyền của Tòa, hoặc yêu cầu hòa giải của Thẩm phán cho Trung tâm hòa giải và Tòa án chỉ tiến hành xét xử trong trường hợp không hòa giải thành. Các Trung tâm hòa giải có liên kết với hệ thống Tòa án nhưng không phải là bộ phận của Tòa án, thường là thực thể pháp lý độc lập, có sự độc lập đối với Tòa án. Mô hình hòa giải này có một số lợi ích như giảm tải công việc cho Tòa án, giảm tính cứng nhắc, thiếu linh hoạt của tố tụng dân sự, thúc đẩy thay đổi thủ tục tố tụng Tòa án và văn hóa pháp lý truyền thống, thúc đẩy cải cách Tòa án. Sự tồn tại của mô hình này phụ thuộc rất nhiều vào khung pháp luật, sự ủng hộ của ngành Tòa án, sự tin tưởng của các đương sự.

Như vậy, có thể thấy rằng hình thức hòa giải tại Tòa án tuy cònmới mẻ nhưng có xu hướng được ưa chuộng và chú trọng phát triển. Hòa giải tại Tòa án là phương thức giải quyết tranh chấp với nhiều ưu điểm, đã và đang được ưu tiên lựa chọn tại nhiều quốc gia trên thế giới như Đức, Italia, Hàn Quốc, Hàn Quốc… nhưng đối với Việt Nam đây là mô hình hòa giải mới khi triển khai thi hành trên thực tế[[238]](#footnote-238). Do đó, việc học tập, trao đổi các mô hình hòa giải, đối thoại tại Tòa án của một số nước trên thế giới có một ý nghĩa hết sức to lớn nhằm đạt được hiệu quả cao khi thi hành trên thực tế. Trong phạm vi bài viết, tác giả xin trao đổi về mô hình hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Hàn Quốc.

**2. Kinh nghiệm về hòa giải tại Tòa án của Hàn Quốc**

***2.1***. ***Hình thức tổ chức hoạt động hòa giải tại Tòa án***

Hàn Quốc là một [nền kinh tế](https://vi.wikipedia.org/wiki/N%E1%BB%81n_kinh_t%E1%BA%BF) [thị trường](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_t%E1%BA%BF_th%E1%BB%8B_tr%C6%B0%E1%BB%9Dng) [phát triển](https://vi.wikipedia.org/wiki/N%C6%B0%E1%BB%9Bc_c%C3%B4ng_nghi%E1%BB%87p) với [kỹ nghệ](https://vi.wikipedia.org/wiki/K%E1%BB%B9_ngh%E1%BB%87) cùng mức độ [công nghiệp hóa](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_nghi%E1%BB%87p_h%C3%B3a) cao và là một trong *“*[*4 con Rồng kinh tế*](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%91n_con_h%E1%BB%95_ch%C3%A2u_%C3%81)*”* của [châu Á](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2u_%C3%81) cùng với [Hồng Kông](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%93ng_K%C3%B4ng), [Đài Loan](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A0i_Loan) và [Singapore](https://vi.wikipedia.org/wiki/Singapore)[[239]](#footnote-239). Hàn Quốc thực hiện cả *“Chế định hòa giải phụ thuộc vào Tòa án”* và chế định hòa giải liên kết ngoài Tòa án (ADR phụ thuộc vào Tòa án – được tiến hành trong Tòa án và ADR liên kết ngoài Tòa án – được tiến hành bên ngoài Tòa án thông qua Tòa án). Tại Hàn Quốc chế định hòa giải không được quy định trong Luật Tố tụng dân sự mà được quy định trong Luật Hòa giải tư pháp tranh chấp dân sự thi hành từ ngày 01/9/1990 (Được sửa đổi bởi luật khác, hiện nay được thực hiện theo Luật số 13952 ngày 03/02/2016, có hiệu lực từ 04/02/2017) và Luật Tố tụng hôn nhân và gia đình được ban hành ngày 31/12/1990[[240]](#footnote-240). Luật Hòa giải tư pháp tranh chấp dân sự quy định rõ mục đích của Luật này là giải quyết tranh chấp dân sự theo một thủ tục đơn giản dựa trên sự nhượng bộ lẫn nhau, nhận thức chung và bối cảnh thực tế giữa các đương sự. Tất cả các vụ việc tranh chấp có liên quan đến dân sự như vụ việc có giá trị tranh chấp nhỏ, vụ việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng một Thẩm phán và vụ việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng ba Thẩm phán đều có thể tiến hành hòa giải[[241]](#footnote-241).

Tại Hàn Quốc có hai loại vụ việc được tiến hành hòa giải gồm: Vụ việc do các bên tranh chấp yêu cầu hòa giải và vụ việc mà Hội đồng xét xử quyết định đưa ra hòa giải nếu thấy cần thiết. Đối với vụ việc yêu cầu hòa giải, khi vụ việc được tiếp nhận, Thẩm phán phụ trách hòa giải phân loại vụ việc theo nội dung của vụ việc rồi phân loại vụ việc hòa giải mà bản thân trực tiếp giải quyết và vụ việc Hòa giải viên thường trực giải quyết. Vụ việc Thẩm phán phụ trách hòa giải trực tiếp giải quyết được phân loại thành các vụ việc sau: (1) Vụ việc Thẩm phán phụ trách hòa giải trực tiếp tiến hành thủ tục hòa giải, (2) vụ việc ban hòa giải tiến hành thủ tục hòa giải, (3) vụ việc theo phương thức tiến hành hòa giải bởi 01 Hòa giải viên, (4) vụ việc tiến hành bằng hòa giải của các cơ quan giải quyết tranh chấp bên ngoài. Đối với vụ việc mà Hội đồng xét xử nếu thấy cần thiết quyết định đưa ra hòa giải trong quá trình giải quyết rồi tiến hành thủ tục hòa giải gọi là vụ việc được đưa ra hòa giải. Quyết định của Hội đồng xét xử không cần có sự đồng ý của đương sự[[242]](#footnote-242). Đây cũng là quy định khuyến khích, tạo cơ hội để được hòa giải, nhờ đó mà số vụ việc hòa giải tăng mạnh. Không có quy định, tiêu chuẩn, nguyên tắc nào để lựa chọn vụ việc đưa ra hòa giải. Các yếu tố thường được xem xét, đánh giá như tỷ lệ hòa giải thành loại hình vụ việc, nội dung vụ việc, ý chí của đương sự, mối quan hệ giữa các đương sự… Ở Hàn Quốc, một trong những loại vụ việc được hòa giải thành tương đối cao thường liên quan đến tranh chấp hợp đồng cho thuê, bồi thường thiệt hại liên quan đến tai nạn giao thông…

***2.2***. ***Chủ thể tiến hành hòa giải tại Tòa án***

***Thứ nhất,***Thẩm phán phụ trách hòa giải quản lý toàn bộ vụ án yêu cầu hòa giải và vụ án được Hội đồng xét xử chuyển cho Thẩm phán phụ trách hòa giải để đưa ra hòa giải (Điều 7 Luật HGTPTCDS). Thẩm phán phụ trách hòa giải xử lý các công việc cụ thể như sau (khoản 5 Điều 3 Quy tắc): Thành lập ban hòa giải và quyết định phương thức hoạt động của ban hòa giải; Phân công vụ việc hòa giải; Khuyến khích đưa vụ án ra hòa giải và quản lý vụ án được đưa ra hòa giải; Chỉ đạo, giám sát công việc hỗ trợ cần thiết cho công tác hòa giải phù hợp; Bồi dưỡng Hòa giải viên; Lập và thực hiện kế hoạch đẩy mạnh thủ tục hòa giải; Báo cáo liên quan đến công tác hòa giải, các công việc cần thiết khác để đẩy mạnh thủ tục hòa giải.

***Thứ hai,*** Hội đồng xét xử. Hiện tại, vụ án mà số tiền nguyên đơn yêu cầu dưới ba mươi triệu Won (khoảng 600 triệu đồng) là vụ án có giá trị tranh chấp nhỏ, trên ba mươi triệu won đến dưới hai trăm nghìn won (khoảng trên 600 triệu đến dưới 4 tỷ đồng) là vụ án thuộc thẩm quyền của Hội đồng một Thẩm phán, trên hai trăm triệu won (khoảng trên 4 tỷ đồng) là vụ án thuộc thẩm quyền của Hội đồng ba Thẩm phán.

***Thứ ba,*** Hòa giải viên, Hòa giải bởi ban hòa giải là phương thức tiến hành hòa giải bởi ban hòa giải, được thành lập gồm Trưởng ban hòa giải và hai Hòa giải viên mở lên. Thông thường, một Hòa giải viên là luật sư và một Hòa giải viên không phải là luật sư. Gần đây, hòa giải theo hình thức *“Phương thức tiến hành hòa giải bởi một Hòa giải viên”* đang được thực hiện độc lập với hòa giải bởi han hòa giải. Phương thức này là việc Thẩm phán phụ trách hòa giải chỉ định Hòa giải viên tiến hành hòa giải trên thực tế. Hòa giải viên báo cáo kết quả cho Thẩm phán. Phương thức này là hình thức Hòa giải viên hỗ trợ công việc cho Thẩm phán phụ trách hòa giải chứ không phải là hình thức chế định hòa giải độc lập. Tuy nhiên, chế định này có ý nghĩa ở điểm Hòa giải viên không phải là Thẩm phán chủ động tiến hành thủ tục hòa giải.

Chánh án Tòa án các cấp lựa chọn Hòa giải viên phù hợp trong khu vực thẩm quyền (Điều 2 Quy tắc về Hòa giải viên). Chánh án Tòa án các cấp tìm kiếm Hòa giải viên bằng phương pháp ủy thác đề cử với các tổ chức như chính quyền địa phương, cơ quan giáo dục, hiệp hội luật sư, hiệp hội bác sĩ, hiệp hội kiến trúc sư... hoặc tuyển chọn công khai trên trang web của Tòa án. Nhiệm kỳ của Hòa giải viên là 02 năm (Khoản 2 Điều 10 Luật HGTPTCDS) nhưng có thể được tái bổ nhiệm.

***Thứ tư,***Hòa giải viên thường trực. Khác với Hòa giải viên thông thường là Hòa giải viên thường trực làm việc ở một ngành nghề khác và chỉ đến Tòa án để giải quyết vụ việc hòa giải mỗi khi có vụ việc hòa giải, Hòa giải viên thường trực là Hòa giải viên trực thuộc Tòa án có quyền hạn như Thẩm phán phụ trách hòa giải và tiến hành thủ tục hòa giải độc lập. Hòa giải viên thường trực có quyền hạn và trách nhiệm tương đương với Thẩm phán phụ trách hòa giải nên Hòa giải viên thường trực được bổ nhiệm trong số những người có chứng chỉ luật sư có kinh nghiệm hơn 10 năm trong ngành luật; hoặc người có chứng chỉ luật sư có kinh nghiệm hơn 3 năm làm Hòa giải viên (Khoản 2 Điều 2-2 Quy tắc về Hòa giải viên).

Cùng với việc thực hiện chế định Hòa giải viên thường trực, Tòa án các cấp đã thành lập trung tâm hòa giải là nơi các Hòa giải viên thường trực làm việc nhằm xử lý hiệu quả công việc hòa giải. Hiện tại 10 trung tâm hòa giải đã được thành lập mới tại các Tòa án và 29 Hòa giải viên thường thực: Trung tâm hòa giải tại Seoul (09 Hòa giải viên thường trực) và Busan, ở phía Nam Seoul, phía Bắc Seoul, phía Tây Seoul, Uijeongbu, Daejeon, Daegu, Gwangju, Incheon (2 đến 3 Hòa giải viên thường trực mỗi trung tâm). Trung tâm hòa giải là cơ sở vật chất, nhân lực hỗ trợ xử lý công việc hòa giải về mặt hành chính cho Hòa giải viên thường trực. Trung tâm hòa giải được thành lập trong cùng với Tòa án nhưng sử dụng không gian độc lập với Tòa án.

***Thứ năm,*** Hòa giải viên phụ trách. Hòa giải viên thông thường làm việc trong các ngành nghề khác và chỉ đến Tòa án tham gia vào thủ tục hòa giải không thường xuyên mỗi khi được chỉ định vụ việc hòa giải. Còn Hòa giải viên phụ trách là Hòa giải viên đến Tòa án làm việc theo các thứ trong tuần hoặc 02 đến 03 ngày một tuần và thực hiện công tác hòa giải. Hiện tại, tất cả mọi Tòa án trên toàn quốc đang thực hiện chế định này. Hòa giải viên phụ trách đảm bảo tính liên tục của công việc thông qua công tác định kỳ tại Tòa án, nhận ủy thác tiến hành công việc từ Thẩm phán phụ trách hòa giải và tiến hành thủ tục hòa giải theo phương thức tiến hành hòa giải bởi một Hòa giải viên trên thực tế.

Thực tế, Hòa giải viên phụ trách chủ đạo thực hiện thủ tục hòa giải và đảm nhận rất nhiều vụ việc hòa giải nên đa số Hòa giải viên phụ trách được bổ nhiệm trong số các Hòa giải viên có chứng chỉ luật sư. Khác với Hòa giải viên thường trực, Hòa giải viên phụ trách không có quyền hạn thực hiện thủ tục hòa giải một cách độc lập, Hòa giải viên phụ trách vẫn có thể hành nghề luật sư ngoài công việc của Hòa giải viên. Hòa giải viên phụ trách được Chánh án Tòa án các cấp bổ nhiệm trong số các Hòa giải viên. Thông thường, Hòa giải viên phụ trách làm việc theo từng năm một.

***2.3. Trình tự, thủ tục hòa giải[[243]](#footnote-243)***

**-** *Về thông báo phiên hòa giải:* Dù là vụ án yêu cầu hòa giải hay vụ án được đưa ra hòa giải thì phiên hòa giải tiến hành hòa giải trên thực tế do người hòa giải ấn định và thông báo đến đương sự (Khoản 1 Điều 15 Luật HGTPTCDS). Khác với xét xử, ngoài việc thông báo bằng văn bản qua bưu điện có thể thông báo bằng nhiều phương pháp đa dạng như điện thoại, fax, thư điện tử... (Khoản 2 Điều 15 Luật HGTPTCDS). Việc đưa ra hòa giải của Hội đồng xét xử dựa theo quyết định riêng, trường hợp ra quyết định đưa ra hòa giải tại phiên tòa xét xử, Hội đồng xét xử thông báo bằng lời nói. Nếu Hội đồng xét xử trực tiếp tiến hành thì có nhiều trường hợp ngày mở phiên hòa giải cũng được thông báo ngay lập tức.

*- Về địa điểm hòa giải:* Nhiều trường hợp địa điểm tiến hành phiên hòa giải là phòng hòa giải được bố trí tại Tòa án. Tùy theo vụ án cũng có thể tiến hành hòa giải tại địa điểm ngoài Tòa án như nơi xảy ra tranh chấp... (Điều 19 Luật HGTPTCDS). Đối với vụ án Hội đồng xét xử hòa giải, cũng có trường hợp tiến hành hòa giải tại phòng Thẩm phán.

*- Về thủ tục hòa giải kín:* Tòa án có thể tiến hành phiên hòa giải kín. Tuy nhiên, người hòa giải có thể cho phép người khác vào tham dự (Điều 20 Luật HGTPTCDS). Khác với xét xử, hòa giải bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật kinh doanh của đương sự. Đặc biệt, do lời khai trong quá trình hòa giải không được dùng vào quá trình xét xử (Điều 23 Luật HGTPTCDS), nên Tòa án cần tiến hành phiên hòa giải kín để đương sự trình bày lời khai thành thật và thoải mái.

*- Về sự có mặt của đương sự:* Đối với vụ án được đưa ra hòa giải, đa phần Hội đồng xét xử xác nhận ý kiến của đương sự và ra quyết định đưa ra hòa giải, nên nhìn chung các đương sự có mặt trong phiên hòa giải. Trường hợp đương sự vắng mặt, vụ án hòa giải kết thúc bằng *“Quyết định thay cho hòa giải”* hoặc hòa giải không thành (Khoản 1 Điều 4 Quy tắc hòa giải dân sự).

*- Về lập biên bản:* Khi tiến hành phiên hòa giải, cán bộ Tòa án lập biên bản ghi lại việc đương sự có mặt hay không, sự tiếp tục của thủ tục hòa giải, hòa giải thành hay không thành... (Điều 24 Luật HGTPTCDS). Về nguyên tắc, biên bản do cán bộ Tòa án tham dự phiên hòa giải lập. Trên thực tế, hầu như không có việc cán bộ Tòa án tham dự phiên hòa giải, Cán bộ Tòa án nghe nội dung từ người hòa giải tiến hành phiên hòa giải sau đó lập biên bản.

*- Về việc tiến hành tiếp phiên hòa giải và thời gian của thủ tục hòa giải:* Ưu điểm của hòa giải là giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng nên thủ tục hòa giải được tiến hành nhanh nhất có thể. Phần lớn các vụ án kết thúc bằng một phiên hòa giải, tuy nhiên cũng có trường hợp hòa giải được tiến hành hai lần, ba lần.

*- Về quyết định không tiến hành hòa giải:* Người hòa giải như Thẩm phán phụ trách có thể kết thúc vụ án bằng quyết định không tiến hành hòa giải trong trường hợp vụ án không phù hợp với hòa giải hoặc trường hợp đương sự yêu cầu hòa giải với mục đích không chính đáng (Điều 26 Luật HGTPTCDS). Quyết định không tiến hành hòa giải chủ yếu được đưa ra trong vụ án yêu cầu hòa giải. Vì đối với vụ án được đưa ra hòa giải, Hội đồng xét xử phụ trách lựa chọn vụ án phù hợp với hòa giải rồi mới đưa ra hòa giải.

*- Về hòa giải thành:* Khi các đương sự đạt được thỏa thuận, nội dung đó được viết vào biên bản và cùng lúc đó thủ tục hòa giải kết thúc. Khi đạt được thỏa thuận, thông thường nội dung đó được ghi chép thành văn bản, đương sự ký tên hoặc đóng dấu. Biên bản ghi lại nội dung thỏa thuận, tức biên bản hòa giải có hiệu lực giống với bản án (Điều 29 Luật HGTPTCDS). Không phải chỉ cần các đương sự đạt được thỏa thuận là hòa giải thành mà chỉ khi người hòa giải như Thẩm phán phụ trách hòa giải thẩm tra nội dung thỏa thuận và ghi lại vào biên bản thì mới hòa giải thành. Đối với vụ án được đưa ra hòa giải, trường hợp hòa giải thành được coi là người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện (Khoản 2 Điều 4 Quy tắc hòa giải dân sự).

*- Về hòa giải không thành:* Trường hợp các đương sự không đạt được thỏa thuận, người hòa giải như Thẩm phán phụ trách hòa giải có thể kết thúc vụ án bằng quyết định thay cho hòa giải hoặc hòa giải không thành (Điểm 1 Điều 27 Luật HGTPTCDS). Nếu kết thúc bằng hòa giải không thành thì thủ tục hòa giải kết thúc. Trường hợp các đương sự đạt được thỏa thuận, người hòa giải như Thẩm phán phụ trách hòa giải có thể kết thúc vụ án bằng quyết định thay cho hòa giải hoặc hòa giải không thành nếu nhận thấy nội dung đạt được thỏa thuận không hợp lý (Điểm 2 Điều 27 Luật HGTPTCDS). Nếu kết thúc bằng hòa giải không thành thì thủ tục hòa giải kết thúc. Đối với vụ án yêu cầu hòa giải, ngoại trừ vụ án hòa giải thành, nếu hòa giải kết thúc bằng các kết luận còn lại thì được coi là người yêu cầu đã khởi kiện khi nộp đơn yêu cầu hòa giải (Điều 36 Luật HGTPTCDS). Đây là quy định để khuyến khích yêu cầu hòa giải. Đối với vụ án yêu cầu hòa giải, người yêu cầu hòa giải khi yêu cầu hòa giải nộp án phí bằng 1/10 án phí nộp khi khởi kiện; nếu vụ án chuyển sang tố tụng thì phải nộp thêm 9/10 lên Tòa án. Đối với vụ án được đưa ra hòa giải, trừ trường hợp hòa giải thành thì khi hòa giải kết thúc, những vụ án còn lại được chuyển lại cho Hội đồng xét xử phụ trách tiến hành tố tụng.

**3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

Tại Việt Nam đã có một số cơ chế hòa giải, đối thoại ngoài Tòa án và cơ chế hòa giải trong tố tụng. Tuy nhiên, Tòa án vẫn đang đối mặt với sự quá tải về công việc do số lượng tranh chấp ngày càng gia tăng cả về số lượng và tính chất phức tạp. Qua tham khảo kinh nghiệm pháp luật về hòa giải tại Tòa án của Hàn Quốc, cho thấy xu hướng giải quyết tranh chấp về hòa giải tại Tòa án là một trong những xu hướng tất yếu. Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ra đời**,**có thể học hỏi các kinh nghiệm của Hàn Quốc nhằm nâng cao hiệu quả hơn trong công tác hòa giải, đối thoại như sau:

*Thứ nhất,* các Trung tâm hòa giải tại Tòa án là xu hướng chung của các quốc gia. Mỗi nước có mô hình riêng nhưng việc thành lập các trung tâm thể hiện sự chuyên biệt trong hoạt động hòa giải, tách biệt với hoạt động tố tụng và thuận tiện cho đương sự liên hệ. Tùy vào hoàn cảnh thực tế mà mô hình và cách thức tổ chức hòa giải tại Tòa án khác nhau đối với mỗi nước, chẳng hạn như: Hệ thống, thể chế chính sách và phong tục tập quán giữa Việt Nam và Hàn Quốc không giống nhau, do đó, hệ thống luật lệ và quy phạm pháp luật cũng khác nhau. Tuy nhiên, Hàn Quốc là nước rất chú trọng đến công tác hòa giải trong giải quyết tranh chấp và cố gắng thông qua các Hòa giải viên để giảm gánh nặng cho hệ thống Tòa án xét xử. Do đó, Việt Nam cần xây dựng thể chế pháp luật cụ thể; Có chủ trương chính sách và các bước triển khai để xây dựng và phát triển các Trung tâm hòa giải/đối thoại cũng như xây dựng các chế định về hòa giải tại Tòa án trong giải quyết tranh chấp ở Việt Nam. Hàng năm, tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm khi thi hành Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trên thực tế.

*Thứ hai,* đối với việc tuyển chọn Hòa giải viên. Thông thường các hệ thống hòa giải tại Tòa án tín nhiệm các Thẩm phán đã về hưu và các chuyên gia pháp lý khác tham gia làm Hòa giải viên, nhưng nhiều hệ thống rất linh hoạt, đã mở rộng ra một loạt các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên môn khác cũng có thể làm Hòa giải viên. Xét về tiêu chuẩn, mô hình hòa giải tại Tòa án của hầu hết các nước xem xét các yếu tố như: Trình độ học vấn, đào tạo bước đầu, phát triển nghề nghiệp liên tục và kinh nghiệm liên quan… Hàn Quốc tuyển chọn từ nguồn các Thẩm phán đã nghỉ hưu, Luật sư, các chuyên gia pháp luật, chuyên gia về các lĩnh vực chuyên ngành. Tại Việt Nam nguồn Hòa giải viên được tuyển chọn từ những người đã là Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên Viện kiểm sát, Chấp hành viên Thi hành án dân sự, Thẩm tra viên trước khi nghỉ hưu; luật sư, chuyên gia, nhà chuyên môn khác có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác, hiểu biết về phong tục tập quán, có uy tín trong cộng đồng dân cư[[244]](#footnote-244). Hàn Quốc chú trọng đào tạo các kỹ năng cho Hòa giải viên như kỹ năng lắng nghe, thương lượng, kiểm soát tình hình… và sẽ được sát hạch định kỳ và tham gia các khóa bồi dưỡng, chuyên sâu theo lĩnh vực mà mình phụ trách. So với Hàn Quốc, nguồn tuyển chọn Hòa giải viên của Việt nam có đối tượng phong phú hơn. Ngoài những người đã từng công tác liên quan đến pháp luật thì đối tượng tuyển chọn Hòa giải viên còn bao gồm cả những chuyên gia, nhà chuyên môn khác có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác, hiểu biết về phong tục tập quán, có uy tín trong cộng đồng dân cư[[245]](#footnote-245). Đối với Hòa giải viên đã từng công tác liên quan đến pháp luật, thì họ đã có ít nhiều kinh nghiệm pháp lý khi giải quyết các vụ việc tranh chấp tại Tòa án, nên sẽ thuận lợi hơn những Hòa giải viên khác chưa từng công tác liên quan đến pháp luật. Do đó, Việt Nam cần lựa chọn người đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm Hòa giải viên theo quy định của luật để tập huấn, bồi dưỡng, bổ nhiệm làm Hòa giải viên, nhằm nâng cao, chú trọng đào tạo các kỹ năng cho Hòa giải viên. Đồng thời, các Hòa giải viên sẽ được sát hạch định kỳ và tham gia các khóa bồi dưỡng cơ bản, nâng cao, chuyên sâu theo lĩnh vực mà mình phụ trách.

*Thứ ba,* trên thế giới hiện nay có hai phương thức trả thù lao cho Hòa giải viên phổ biến, đó là trả theo vụ việc và trả theo tháng. Trả thù lao theo vụ việc thường áp dụng đối với các trường hợp Hòa giải viên là cộng tác viên của Tòa án, làm việc bán thời gian nên Tòa án thường bổ nhiệm không hạn chế số lượng Hòa giải viên. Tại Hàn Quốc thù lao cho từng chủ thể Hòa giải viên mà mức chi thù lao khác nhau, chẳng hạn như sau:

- Về thù lao cho Hòa giải viên thông thường do Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao quyết định hàng năm và do Tòa án chi trả (Điều 6 Quy tắc). Đương sự không trả thù lao cho Hòa giải viên. Thù lao cho Hòa giải viên sẽ khác nhau tùy theo từng phương thức (Hòa giải bởi ban hòa giải được mức cao hơn hòa giải bởi một Hòa giải viên, vụ án có giá trị tranh chấp nhỏ thì mức thù lao ít hơn vụ án khác, vụ án đầu tiên cao hơn mỗi vụ án tiếp theo. Thẩm phán phụ trách hòa giải có thể tăng thù lao won, mỗi vụ tiếp cho Hòa giải viên sau khi xem xét các yếu tố như nội dung công việc, thời gian hòa giải, mức độ tham gia vào hòa giải... (Khoản 3 Điều 6 Quy tắc Hòa giải viên).

- Về thù lao cho Hòa giải viên phụ trách được cấp thù lao cố định hàng tháng, nhưng đa số Hòa giai viên phụ trách nhận thù lao là 60.000 won/vụ án và tối đa là 200.000 won/ngày đối với vụ án thông thường: 30.000 won/vụ án và tối đa là 150.000 won/ngày đối với vụ án có giá trị tranh chấp nhỏ[[246]](#footnote-246).

Tại Việt Nam thù lao của Hòa giải viên, được trả thù lao theo từng vụ việc sau khi đã tiến hành phiên hòa giải, đối thoại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Mức thù lao theo khung được quy định cụ thể tại Nghị định số 16/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp và việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án và thù lao Hòa giải viên tại Tòa án[[247]](#footnote-247). Tòa án nơi giải quyết vụ việc hòa giải, đối thoại chi trả thù lao cho Hòa giải viên sau khi tiến hành hòa giải, đối thoại và chấm dứt hòa giải theo quy định tại Điều 40 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Tuy nhiên, thực tiễn cần nghiên cứu và quy định về chế độ thù lao hợp lý cho các Hòa giải viên. Trong đó, cần xác định Hòa giải viên là một nghề chuyên nghiệp. Vì thế, các chế độ đãi ngộ đối với Hòa giải viên cần được xem xét kỹ lưỡng và phải thật sự thỏa đáng. Theo tác giả, do Hòa giải viên không phải là công chức hưởng lương trực tiếp từ ngân sách nhà nước như Thẩm phán, Thư ký Tòa án… Vì vậy, có thể xem xét và quy định chế độ thù lao của Hòa giải viên theo hình thức làm vụ việc nào thì hưởng thù lao đối với vụ việc đó. Hay nói cách khác, chế độ thù lao của Hòa giải viên có thể theo hình thức ngày làm việc giống như Hội thẩm nhân dân. Tuy nhiên, cần phải có sự điều chỉnh ngày công làm việc của Hòa giải viên phù hợp với thực tế công việc. Do đó, tác giả cho rằng, cần căn cứ mức lương tối thiểu tại Việt Nam hiện nay và phải xem xét các yếu tố như khó khăn, trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao, để từ đó, xây dựng cơ chế thù lao hợp lý, thỏa đáng với Hòa giải viên. Bởi có như vậy, các Hòa giải viên mới có thể chuyên tâm trong công việc và đảm bảo sự độc lập, khách quan, vô tư khi thực hiện hòa giải[[248]](#footnote-248).

*Thứ tư,* tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi, chia sẽ với các nước trên thế giới cũng như trong khu vực, nhất là nước có nhiều kinh nghiệm và thành công trong việc thực hiện hòa giải, đối thoại tại Tòa án để tổ chức các buổi trao đổi, tọa đàm học tập kinh nghiệm nhằm giúp cho hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án đạt được hiểu quả cao hơn trong thực tiễn thi hành.Mặc khác, đây là quy định mới có nhiều tính ưu việt nên cần tuyên truyền, phổ biến luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật, hoạt động triển khai luật trên các phương tiện thông tin đại chúng cho người dân biết và nắm rõ những quy định của Luật. Đồng thời, khuyến khích và tạo cơ chế cho các bên thỏa thuận, thống nhất giải quyết tranh chấp, khiếu kiện của mình bằng Luật hòa giải, đối thoại. Quyền lựa chọn hòa giải, đối thoại là luôn được mong đợi rằng các bên sẽ lựa chọn để giải quyết tranh chấp, khiếu kiện của mình, trừ trường hợp không thuộc Luật hòa giải, đối thoại.

*Thứ năm,* tổ chức tập huấn bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải, đối thoại cho Thẩm phán, Thư ký, Hòa giải viên. Thường xuyên trao đổi, tọa đàm nghiệp vụ để tạo điều kiện cho Thẩm phán, Thư ký, Hòa giải viên nắm chắc các quy định của luật và các văn bản liên quan, đặc biệt là kỹ năng hòa giải về các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính. Tọa cơ chế hòa giải viên độc lập khi tiến hành hòa giải, đối thoại[[249]](#footnote-249). Điều này tạo sự chủ động và nâng cao trách nhiệm của Hòa giải viên khi tiến hành hòa giải, đối thoại. Tuy nhiên, để hoạt động hòa giải, đối thoại phát huy hiệu quả cao thì luôn cần đến sự hỗ trợ đầy đủ và kịp thời của Tòa án, đặc biệt là Tòa án nơi tiến hành hòa giải, đối thoại. Hỗ trợ, hướng dẫn Hòa giải viên tiến hành hòa giải, đối thoại; đánh giá, nhận xét kết quả hoạt động của Hòa giải viên; hỗ trợ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; đề xuất khen thưởng, đề nghị xử lý vi phạm đối với Hòa giải viên; Bố trí địa điểm, trang thiết bị và điều kiện bảo đảm khác cho hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án… Các hoạt động hỗ trợ trên đây của Tòa án giúp Hòa giải viên trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ và phát huy tối đa năng lực và hiệu quả.

**4. Kết luận**

Hòa giải, đối thoại là hoạt động mang tính xã hội, tính nhân văn cao, tác động tích cực đến sự ổn định xã hội. Hòa giải tại với Tòa án là phương thức giải quyết tranh chấp với nhiều ưu điểm, đã và đang được ưu tiên lựa chọn tại nhiều quốc gia trên thế giới. Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án có hiệu lực pháp luật sẽ huy động được nguồn nhân lực chất lượng cao như Thẩm phán, các chức danh tư pháp đã nghỉ hưu, luật sư, chuyên gia… đồng thời cho thấy vai trò hỗ trợ tích cực của Tòa án trong hòa giải, đối thoại. Trong bối cảnh tinh giản biên chế hiện nay, hòa giải, đối thoại giúp giảm đáng kể các vụ việc phải xét xử, giúp Tòa án tập trung nâng cao chất lượng xét xử những vụ việc có tính chất phức tạp. Để đảm bảo những thành công mà Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án mang lại, bên cạnh việc tổng kết đánh giá kết quả đạt được thì việc học tập các mô hình hòa giải, đối thoại gắn với Tòa án cũng các nước trên thế giới, chẳng hạn như Hàn Quốc, có ý nghĩa hết sức to lớn, nhằm đẩy mạnh hoạt động cải cách tư pháp, cũng như giảm tải áp lực cho hệ thống Tòa án trong thời gian qua./.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Pryan A. Garner chủ biên (2004), Black’s Law Dictionary, tái bản lần thứ 8, NXB West, Thomson, tr. 307.

2. Ibid, đoạn 10 về các khía cạnh của hòa giải trong các vấn đề dân sự và thương mại.

3. Steffek, F, Hòa giải trong Liên minh Châu Âu: Giới thiệu, Cambridge, tháng 6/2012.

4. Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020.

5. Luật Hòa giải ở cơ sở; Bộ luật Lao động; Luật Thương mại; Luật Đất đai.

6. Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính.

7. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.

8. Luật Tố tụng hôn nhân và gia đình đa phần áp dụng Luật Hòa giải dân sự Hàn Quốc.

9. ThS. Chu Thành Quang – NCS. Phạm Thị Hằng, *Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về hòa giải gắn với Tòa án,* NXB Lao Động.

10. Luật Hòa giải tư pháp tranh chấp dân sự Hàn Quốc.

11. ThS. Chu Thành Quang – NCS. Phạm Thị Hằng, *Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về hòa giải gắn với Tòa án,* NXB Lao Động.

12. Giải đáp số 01/2021/GĐ-TANDTC ngày 01/7/2021.

13. Nghị định số 16/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp và việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án và thù lao Hòa giải viên tại Tòa án.

14. TS. Nguyễn Vinh Hưng, *Nguyên tắc tiến hành hòa giải vụ việc dân sự trong luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020*, Tạp chí Tòa án, số 21 (2020).

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT**

**VỀ HÒA GIẢI CÁC TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI**

 **THEO LUẬT HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN**

***Trần Tuyết Trinh[[250]](#footnote-250)\****

*TÓM TẮT: Chế định hòa giải các tranh chấp kinh doanh thương mại (KDTM) được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) đã góp phần giải quyết các tranh chấp hiện nay. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là làm thế nào để đổi mới, nâng cao hơn nữa ý nghĩa của hòa giải trong giải quyết các tranh chấp KDTM nhằm tháo gỡ những mâu thuẫn giữa các bên một cách hiệu quả nhất, giảm tải áp lực, thời gian, chi phí, để các bên cùng đạt được thỏa thuận ợi và xã hội ngày càng phát triển bền vững. Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật HGĐTTTA) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 01/01/2021, đã đưa ra quy trình, giải pháp đột phá mới trong việc giải quyết các tranh chấp KDTM bằng phương thức hòa giải trước thủ tục tố tụng thông thường. Tuy nhiên, hòa giải theo Luật HGĐTTTA là một phương thức giải quyết mới nên quá trình thi hành sẽ gặp không ít khó khăn, vướng mắc. Trong phạm vi bài viết, tác giả phân tích một số quy định pháp luật về hòa giải các tranh chấp KDTM theo Luật HGĐTTTA; đồng thời đưa ra một số đề xuất, kiến nghị.*

***Từ khóa:*** *Hòa giải, tranh chấp KDTM; Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.*

**1. Đặt vấn đề**

Tại Việt Nam, chế định hòa giải các tranh chấp kinh doanh thương mại (KDTM) được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) đã tạo hành lang pháp lý bảo vệ các quan hệ hợp tác kinh doanh, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào để đổi mới, nâng cao hơn nữa ý nghĩa của hòa giải trong giải quyết các tranh chấp KDTM nhằm tháo gỡ những mâu thuẫn giữa các bên một cách hiệu quả nhất, giảm tải áp lực, thời gian, chi phí để các bên cùng đạt được thỏa thuận và xã hội ngày càng phát triển bền vững. Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật HGĐTTTA) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 01/01/2021, đã đưa ra một quy trình mới, một giải pháp đột phá mới trong việc giải quyết các tranh chấp KDTM bằng phương thức hòa giải trước thủ tục tố tụng thông thường. Tuy nhiên, hòa giải theo Luật HGĐTTTA là một phương thức giải quyết mới nên trong quá trình giải quyết các tranh chấp KDTM sẽ gặp không ít khó khăn, vướng mắc cần được hướng dẫn cụ thể để áp dụng thống nhất. Trong phạm vi bài viết, tác giả phân tích một số quy định pháp luật về trình tự, thủ tục trong hòa giải các tranh chấp KDTM theo Luật HGĐTTTA; đồng thời đưa ra một số đề xuất, kiến nghị trong thực tiễn áp dụng Luật này.

**2. Quy định của pháp luật về hòa giải các tranh chấp KDTM theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án**

Hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật HGĐTTTA cơ bản đã được ban hành đầy đủ, cụ thể: Nghị định số 16/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp, việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án và thù lao hòa giải viên tại Tòa án; Thông tư số 92/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC ngày 16/11/2020 của Chánh án TANDTC quy định chi tiết về trách nhiệm của Tòa án nhân dân trong trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Thông tư số 03/2020/TT-TANDTC ngày 16/11/2020 của Chánh án TANDTC quy định chi tiết về trình tự nhận, xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu tại Tòa án và chỉ định Hòa giải viên; Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC ngày 16/11/2020 của Chánh án TANDTC quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên.

Các quy định liên quan đến trình tự, thủ tục về hòa giải các tranh chấp KDTM theo Luật Hòa giải tại Tòa án được quy định, hướng dẫn tại Chương 2 của Luật HGĐT tại Tòa án về trình tự, thủ tục hòa giải, đối thoại và công nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Giải đáp số 01/2021/GĐ-TANDTC ngày 01/7/2021 của TANDTC về một số vấn đề nghiệp vụ về hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

*- Về trình tự nhận, xử lý đơn khởi kiện các tranh chấp KDTM tại Tòa án:*

Người khởi kiện gửi đơn khởi kiện kèm theo tài liệu, chứng cứ đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 19 của Luật HGĐTTT thì Tòa án thông báo bằng văn bản cho người khởi kiện biết về quyền được lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, người khởi kiện phải trả lời bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác cho Tòa án biết về những nội dung đã được Tòa án thông báo. Trường hợp người khởi kiện trực tiếp đến Tòa án trình bày ý kiến thì Tòa án lập biên bản ghi nhận ý kiến. Hết thời hạn này thì tùy từng trường hợp, Tòa án xử lý như sau: (1) Phân công Thẩm phán phụ trách nếu người khởi kiện có ý kiến đồng ý hòa giải; (2) Chuyển đơn để xử lý theo quy định của pháp luật về tố tụng nếu người khởi kiện có ý kiến không đồng ý hòa giải; (3) Thông báo lại lần thứ hai cho người khởi kiện biết để thực hiện quyền lựa chọn hòa giải. Trường hợp người khởi kiện đồng ý hòa giải hoặc không trả lời Tòa án thì Thẩm phán chỉ định Hòa giải viên và thông báo về việc chuyển vụ việc sang hòa giải cho Hòa giải viên, các đương sự được biết[[251]](#footnote-251).

*- Về tranh chấp KDTM thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải tại Tòa án:*

Luật HGĐTTTA quy định các trường hợp không tiến hành hòa giải tại Tòa án. Đối với những vụ việc này, người khởi kiện sẽ nộp đơn khởi kiện theo quy định của BLTTDS, bao gồm các trường hợp như sau: (1) Yêu cầu đòi bồi thường do gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước; (2) Vụ việc phát sinh từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội; (3) Các đương sự đã được mời tham gia hòa giải hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan hoặc không thể tham gia hòa giải được vì có lý do chính đáng; (4) Một trong các bên đề nghị không tiến hành hòa giải; (5) Một trong các bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của BLTTDS; (6) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật[[252]](#footnote-252).

*- Về thời hạn hòa giải các tranh chấp KDTM tại Tòa án:*

Thời hạn hòa giải là 20 ngày kể từ ngày Hòa giải viên được chỉ định; đối với vụ việc phức tạp, thời hạn này có thể được kéo dài nhưng không quá 30 ngày. Các bên có thể thống nhất kéo dài thời hạn hòa giải, nhưng không quá 02 tháng[[253]](#footnote-253).

*- Về trình tự phiên hòa giải các tranh chấp KDTM tại Tòa án:*

Hòa giải viên giới thiệu thành phần tham gia phiên hòa giải; trình bày nội dung cần hòa giải; diễn biến quá trình chuẩn bị hòa giải; phổ biến quy định của pháp luật, phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành. Các đương sự trình bày ý kiến của mình và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải; hướng giải quyết tranh chấp. Hòa giải viên có nhiệm vụ hỗ trợ các bên trao đổi ý kiến, trình bày bổ sung về những nội dung chưa rõ và đi đến thống nhất việc giải quyết tranh chấp[[254]](#footnote-254).

Khi các bên đạt được sự thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ hoặc một phần vụ việc KDTM, Hòa giải viên ấn định thời gian, địa điểm mở phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải. Phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải có thể được tổ chức ngay sau phiên hòa giải hoặc vào thời gian phù hợp khác[[255]](#footnote-255). Thành phần phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án gồm: Hòa giải viên; Các bên đương sự; Thẩm phán[[256]](#footnote-256). Hòa giải viên hoãn phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: Hòa giải viên, Thẩm phán tham gia phiên họp vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Theo yêu cầu của các bên… Thời gian hoãn phiên họp là không quá 07 ngày kể từ ngày ra thông báo hoãn phiên họp. Hết thời gian hoãn, Hòa giải viên phải mở lại phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải[[257]](#footnote-257).

*- Về trình tự phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án:*

Hòa giải viên trình bày tóm tắt nội dung các bên đã thống nhất. Các bên phát biểu ý kiến về nội dung đã thống nhất. Trường hợp nội dung thống nhất của các bên chưa rõ thì Thẩm phán yêu cầu các bên trình bày bổ sung. Hòa giải viên lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và đọc lại biên bản cho các bên nghe. Thẩm phán phải giữ bí mật thông tin về nội dung hòa giải do các bên cung cấp tại phiên họp theo yêu cầu của họ[[258]](#footnote-258).

Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải được lưu vào hồ sơ hòa giải và giao cho các bên có mặt. Trường hợp, có đương sự vắng mặt thì Hòa giải viên phải gửi biên bản cho họ để họ có ý kiến.

*- Về thủ tục ra quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án:*

Sau khi lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, Hòa giải viên chuyển biên bản cùng tài liệu kèm theo cho Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành trong trường hợp các bên có yêu cầu. Thời hạn chuẩn bị ra quyết định là 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản và tài liệu kèm theo. Trong thời hạn này, Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công xem xét ra quyết định có các quyền sau đây: (1) Yêu cầu một hoặc các bên trình bày ý kiến về kết quả hòa giải thành đã được ghi tại biên bản; (2) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp cho Tòa án tài liệu làm cơ sở cho việc ra quyết định, nếu xét thấy cần thiết. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Tòa án yêu cầu có trách nhiệm trả lời Tòa án trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án. Hết thời hạn này, trường hợp có đủ điều kiện thì Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành. Trường hợp không có đủ điều kiện thì Thẩm phán ra quyết định không công nhận kết quả hòa giải thành và nêu rõ lý do. Thẩm phán chuyển quyết định, biên bản và tài liệu kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật về tố tụng. Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành được gửi cho các bên và Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án ra quyết định[[259]](#footnote-259).

 *- Về điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án:*

Điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án các tranh chấp KDTM khi có đủ các điều kiện sau đây:(1) Các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; (2) Các bên là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận, thống nhất; (3) Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; (4) Trường hợp nội dung thỏa thuận hòa giải, của các bên liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người khác nhưng người đó không có mặt tại phiên hòa giải thì thỏa thuận, thống nhất chỉ được công nhận khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của họ; (5) Trường hợp các bên thỏa thuận, thống nhất được một phần tranh chấp dân sự thì chỉ được công nhận khi nội dung thỏa thuận, thống nhất không liên quan đến các phần khác của tranh chấp đó.

Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa áncó hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của BLTTDS. Quyết định được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự[[260]](#footnote-260). Quyết định có thể bị xem xét lại nếu có căn cứ cho rằng nội dung thống nhất của các bên vi phạm một trong các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật HGĐTTTA[[261]](#footnote-261). Trường hợp người nộp đơn khởi kiện rút đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 6 Điều 40 của Luật HGĐTTTA thì Hòa giải viên chuyển đơn và tài liệu kèm theo cho Tòa án đã nhận đơn để tiến hành xem xét, giải quyết theo quy định chung và thông báo cho các bên biết. Thẩm phán đã tham gia phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải không được tham gia giải quyết vụ việc đó theo trình tự của BLTTDS.

**3. Những vướng mắc, bất cập trong việc thực tiễn áp dụng phương thức hòa giải các tranh chấp KDTM theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án**.

Trước tình trạng số lượng án ngày càng tăng mạnh, Tòa án vẫn đang đối mặt với sự quá tải về công việc do số lượng tranh chấp ngày càng gia tăng cả về số lượng và tính chất phức tạp. Trong 03 năm 2016, 2017, 2018, các Tòa án nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh đã giải quyết 1.035.478 vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại và lao động trong tổng số 1.196.487 vụ việc đã thụ lý. Trong đó: năm 2017, Tòa thụ lý 394.970 vụ việc (So với năm 2016, số vụ thụ lý tăng 41.521 vụ, tăng 11,8%); năm 2018, Tòa án thụ lý 448.068 vụ việc (So với năm 2017, số vụ thụ lý tăng 53.098 vụ, tăng 13,4%)[[262]](#footnote-262). Trong khi đó, số lượng biên chế của Tòa án hiện chưa đáp ứng được yêu cầu so với cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, thẩm quyền của các Tòa án[[263]](#footnote-263). Với bối cảnh đó, để đảm bảo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đề ra, trong tình hình tinh giản biên chế, việc sớm có giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hòa giải trong giải quyết các vụ việc dân sự, đặc biệt là các vụ án KDTM có ý nghĩa hết sức quan trọng. Hòa giải theo Luật HGĐTTTA là một chế định ưu việt đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay. Thông qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật về hòa giải các tranh chấp KDTM theo Luật HGĐTTTA, tác giả nhận thấy, còn một số khó khăn, vướng mắc như sau:

***Thứ nhất,*** về xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp KDTM. Giai đoạn tiền hòa giải là giai đoạn đặc biệt quan trọng, giai đoạn này có nhiệm vụ xác định thẩm quyền giải quyết, phạm vi giải quyết và đặc biệt lựa chọn phương thức pháp luật điều chỉnh theo Luật HGĐTTTA hay BLTTDS để giải quyết. Mặc dù hai phương thức pháp luật này không xung đột nhưng thực tiễn thi hành sẽ dẫn đến những cách hiểu khác nhau. Hiện nay, có các cách hiểu khác nhau về xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp KDTM như sau:

Một là, Tòa án có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp KDTM để tiến hành hòa giải theo Luật HGĐTTTA vẫn phải tuân theo quy định về thẩm quyền của BLTTDS.

Hai là, Tòa án có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp KDTM để tiến hành hòa giải theo Luật HGĐTTTA cần tách bạch với thẩm quyền của Tòa án theo quy định của BLTTDS.

Tác giả đồng ý với cách hiểu thứ nhất. Bởi lẽ, tại khoản 2 Điều 1 và khoản 2 Điều 16 Luật HGĐTTTA và điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2020/TT-TANDTC quy định: “…Nếu đơn khởi kiện được gửi đến Tòa án không đúng thẩm quyền thì quá trình hòa giải chấm dứt và Chánh án Tòa án phân công Thẩm phán xem xét giải quyết đơn khởi kiện theo quy định của BLTTDS năm 2015”. Đây là quy định hướng dẫn xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp KDTM để tiến hành hòa giải theo Luật HGĐTTTA vẫn phải tuân theo quy định về thẩm quyền của BLTTDS. Tuy nhiên, ngoài quy định, hướng dẫn nêu trên thì TANDTC chưa có quy định hướng dẫn cụ thể nào quy định về xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp KDTM, nên thực tiễn thi hành còn lúng túng.

 ***Thứ hai,*** về vấn đề gửi tài liệu, chứng cứ cho các bên khi khởi kiện các tranh chấp KDTM theo Luật HGĐTTTA. Tại Điều 96 BLTTDS quy định về vấn đề gửi tài liệu, chứng cứ cho bị đơn khi khởi kiện tại Tòa án theo thủ tục tố tụng của BLTTDS. Tuy nhiên, tại Điều 16, 21, 22 Luật HGĐTTTA và các văn bản hướng dẫn thi hành, chưa quy định nghĩa vụ về đương sự phải sao gửi tài liệu, chứng cứ cho đương sự khác hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự khác. Theo nghiên cứu kinh nghiệm của Luật hòa giải của Ấn Độ cho thấy, quy định bên khởi kiện có nghĩa vụ cung cấp cho Hòa giải viên và các bên tham gia hòa giải bản ghi nhớ tóm tắt các vấn đề cần phải được giải quyết, quan điểm của mình đối với các vấn đề đó và tất cả các thông tin mà Hòa giải viên cần có để hiểu được vấn đề[[264]](#footnote-264). Nhận thấy, việc hòa giải tại Tòa án nhằm mục đích cho các bên hướng đến hòa giải thành nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí và công sức. Để phiên hòa giải có được chuẩn bị đầy đủ về mặt nội dung, thủ tục cũng như nâng cao hiệu quả công tác hòa giải thì người bị kiện có quyền tiếp cận các tài liệu, chứng cứ mà người khởi kiện cung cấp, giao nộp cho Tòa án. Việc xem xét, tìm hiểu trước nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện sẽ giúp cho hiệu quả của việc hòa giải tại Tòa án đạt hiệu quả cao hơn và giúp cho các bên chuẩn bị tâm lý cũng nhưng tiết kiệm thời gian, chi phí và công sức cho các đương sự.

***Thứ ba,*** về thời hạn hòa giải các tranh chấp KDTM theo Luật HGĐTTTA. Tại khoản 5 Điều 21 Luật HGĐTTTA quy định Hòa giải viên có quyền như sau: “Yêu cầu các bên bổ sung thông tin, tài liệu, chứng cứ…” và điểm b khoản 2 Điều 32 Luật HGĐTTTA quy định trong thời hạn chuẩn bị ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, Thẩm phán có các quyền *“Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp cho Tòa án tài liệu làm cơ sở cho việc ra quyết định, nếu xét thấy cần thiết. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Tòa án yêu cầu có trách nhiệm trả lời Tòa án trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án”*. Tuy nhiên, đối với các tranh chấp KDTM là các tranh chấp có tính chất phức tạp và việc thu thập tài liệu, chứng cứ có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giải quyết vụ án nên việc quy định thời gian như vậy sẽ rất khó khăn cho Thẩm phán và các bên đương sự để cung cấp tài liệu, chứng cứ. Thậm chí, ngay cả khi giải quyết các tranh chấp KDTM theo thủ tục tố tụng dân sự, Thẩm phán gặp rất nhiều khó khăn trong công tác này. Thủ tục tố tụng trong BLTTDS có chế tài trong trường hợp người khởi kiện không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Thẩm phán quy định tại khoản 2 Điều 193 BLTTDS thì sẽ trả lại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, hiện nay Luật HGĐTTTA không có quy định và chế tài về việc đương sự không bổ sung tài liệu, chứng cứ nếu Thẩm phán yêu cầu. Mặc khác, đối với trường hợp Tòa án cần xem xét hiện trạng tài sản liên quan đến tranh chấp KDTM, thì thời hạn để giải quyết theo trình tự, thủ tục đúng thời hạn theo Luật HGĐTTTA cũng khó khăn cho Tòa án. Bởi lẽ, việc xem xét hiện trạng tài sản như bất động sản thì Hòa giải viên cần phải mời các bên tham gia và phải mời các cơ quan quản lý về bất động sản (Cơ quan Quản lý đất đai, Tài nguyên Môi trường…) nên thời hạn hòa giải theo Luật HGĐTTTA sẽ không đúng thời hạn.

***Thứ tư,*** hiện chưa có biểu mẫu hướng dẫn ban hành về quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án. Sau khi các bên hòa giải thành, Hòa giải viên sẽ tiến hành ghi nhận kết quả bằng biên bản. Nếu các bên có yêu cầu, Hòa giải viên chuyển toàn bộ tài liệu cùng biên bản hòa giải thành đến Tòa án có thẩm quyền để ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành. Tuy nhiên, đến nay, vẫn chưa có hướng dẫn về biểu mẫu *“Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành”*, dẫn đến khi Tòa án ban hành quyết định còn thiếu thống nhất về căn cứ ban hành và nội dung thi hành. Ngoài 22 biểu mẫu (Gồm 11 biểu mẫu về hòa giải và 11 biểu mẫu về đối thoại) được quy định theo[Thông tư 02/2020/TT-TANDTC](https://thukyluat.vn/vb/thong-tu-02-2020-tt-tandtc-trach-nhiem-toa-an-nhan-dan-trong-hoat-dong-hoa-giai-tai-toa-an-701be.html) ngày 01/01/2021thì thực tiễn hòa giải vẫn còn nhiều biểu mẫu chưa được hướng dẫn quy định cụ thể[[265]](#footnote-265)*.* Thực tiễn công bố bản án, quyết định trong thời gian vừa qua trên cổng thông tin điện tử của Tòa án, có thể nhận thấy các Tòa án ban hành các kiểu quyết định khác nhau dựa trên các quy định mang tính chung tại Điều 34 Luật HGĐTTTA. Chẳng hạn tại Quyết định số 03/QĐHG-KDTM ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An, Tp. Hải Phòng và Quyết định số 01/QĐHG-KDTM ngày 17/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng ghi nhận quyền yêu cầu thi hành án khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, tại Quyết định số 01/QĐHG-KDTM ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An, Tp. Hải Phòng thì lại không nêu quyền yêu cầu thi hành án khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, các cách thức trình bày, căn cứ pháp luật của ba Quyết định có hiệu lực nêu trên cũng không thống nhất[[266]](#footnote-266).

**4. Một số đề xuất, kiến nghị**

*Thứ nhất,* cần tuyên truyền, phổ biến luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật, hoạt động triển khai luật trên các phương tiện thông tin đại chúng cho người dân biết và nắm rõ những quy định của Luật. Đồng thời, khuyến khích và tạo cơ chế cho các bên thỏa thuận, thống nhất giải quyết tranh chấp KDTM bằng phương thức hòa giải theo Luật HGĐTTTA. Quyền lựa chọn hòa giải là luôn được mong đợi rằng các bên sẽ lựa chọn để giải quyết tranh chấp KDTM của mình, trừ trường hợp không thuộc Luật HGĐTTTA.

*Thứ hai,* tổ chức tập huấn bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải các tranh chấp KDTM cho Thẩm phán, Hòa giải viên. Thường xuyên trao đổi, tọa đàm nghiệp vụ để tạo điều kiện cho Thẩm phán, Hòa giải viên nắm chắc các quy định của luật và các văn bản liên quan, đặc biệt là kỹ năng hòa giải về các tranh chấp KDTM.

*Thứ ba,* cần quy định hướng dẫn cụ thể về xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp KDTM nhằm phân biệt cụ thể thẩm quyền giải quyết theo Luật HGĐTTTA hay BLTTDS trong thực tiễn xét xử.

*Thứ tư,* cần quy định về nghĩa vụ khi đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án thì họ phải sao gửi tài liệu, chứng cứ đó cho đương sự khác hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự khác trong Luật HGĐTTTA, nhằm đảm bảo quyền tiếp cận tài liệu, chứng cứ, cũng như hiệu quả của các bên đương sự khi Hòa giải viên tiến hành hòa giải các tranh chấp KDTM.

*Thứ năm,* cần hướng dẫn về thời hạn hòa giải các tranh chấp KDTM theo Luật HGĐTTTA trong trường hợp cần xem xét hiện trạng tài sản trước khi lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải; theo hướng gia hạn thời hạn hòa giải trong trường hợp Tòa án chờ kết quả xem xét hiện trạng tài sản. Bởi lẽ, kết quả giải quyết xem xét hiện trạng tài sản còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau.

*Thứ sáu,* cần ban hành cụ thể, đầy đủ các biểu mẫu hướng dẫn, quy định thi hành Luật HGĐTTTA trên thực tiễn xét xử. Trong đó, chú trọng ban hành biểu mẫu về quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án. Bởi lẽ, quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án có ý nghĩa quan trọng cho các bên khi thi hành trên thực tế.

**5. Kết luận**

Quá trình phát triển đất nước cũng như kinh nghiệm quốc tế cho thấy, hòa giải đóng vai trò đặc biệt quan trọng khi giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn phát sinh trong xã hội nói chung và trong kinh doanh thương mại nói riêng. Với cách thức thân thiện, đồng thuận trên nguyên tắc chia sẻ, cảm thông, phương thức giải quyết tranh chấp KDTM thông qua hòa giải tại Tòa án góp phần hàn gắn những mâu thuẫn, rạn nứt, nâng cao ý thức pháp luật của người dân, ngăn ngừa các tranh chấp trong tương lại, tạo sự đồng thuận, xây dựng khối đoàn kết trong nhân dân, góp phần bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội và phát triển kinh tế đất nước.

Hòa giải thành giúp giải quyết triệt để, hiệu quả các tranh chấp mà không phải mở phiên tòa xét xử; kết quả hòa giải thànhphần lớn được các bên tự nguyện thi hành; vụ việc không phải trải qua thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm theo quy định của các luật tố tụng; tiết kiệm chi phí, thời gian, công sức của các bên liên quan và Nhà nước; hạn chế tranh chấp kéo dài, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Đối với Tòa án, đổi mới, tăng cường và nâng cao hiệu quả hòa giải là giải pháp căn cơ, giúp giải quyết khối lượng công việc ngày càng nặng nề, trong bối cảnh hàng năm các vụ việc tranh chấp không ngừng tăng lên cả về số lượng và tính chất phức tạp.Từ thực tiễn áp dụng giải quyết các tranh chấp KDTM theo Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án và tiếp thu kinh nghiệm về hòa giải của nhiều nước trên thế giới cho thấy cơ chế hòa giải gắn với Tòa án đã huy động nguồn lực có kiến thức, kinh nghiệm của xã hội tham gia, từ đó giúp cho việc hòa giải sẽ có hiệu quả hơn.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ luật Dân sự năm 2015;

2. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

3. Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;

4. Thông tư số 92/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính *quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án;*

5. Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC ngày 16/11/2020 của Chánh án TANDTC *quy định chi tiết về trách nhiệm của Tòa án nhân dân trong trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án;*

6. Thông tư số 03/2020/TT-TANDTC ngày 16/11/2020 của Chánh án *TANDTC quy định chi tiết về trình tự nhận, xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu tại Tòa án và chỉ định Hòa giải viên;*

7. Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC ngày 16/11/2020 của Chánh án TANDTC *quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên;*

8. Nghị định số 16/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ *quy định chi tiết mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp, việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án và thù lao hòa giải viên tại Tòa án;*

9. Công văn số 01/2021GĐ-TANDTC ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân tối cao *về việc giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ về hòa giải, đối thoại tại Tòa án;*

10. Báo cáo số 56/BC-TANDTC ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, *Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự án Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;*

11. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 của BCHTW khóa XII *về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*

12. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 03/QĐHG-KDTM ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An, Tp. Hải Phòng;

13. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 01/QĐHG-KDTM ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An, Tp. Hải Phòng;

14. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 01/QĐHG-KDTM ngày 17/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng;

15. *“Quy tắc hòa giải và thương lượng*”, Tòa án cấp cao Delhi: New Delhi, các quy tắc 10, 13, 15, 20, 26.

**XÂY DỰNG KHUNG PHÁP LÝ HÒA GIẢI TRỰC TUYẾN TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ, KINH DOANH THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM**

***Nguyễn Văn Tứ[[267]](#footnote-267)\****

*TÓM TẮT: Hiện nay, ngành Tòa án nước ta đang đề xuất xây dựng hệ thống tòa án điện tử với mô hình xét xử trực tuyến, hòa giải trực tuyến, ... nhằm giảm tác động của đại dịch covid-19, đáp ứng bối cảnh chuyển đổi số và phù hợp với các cam kết quốc tế Việt Nam tham gia. Tuy nhiên, khung pháp lý hiện hành điều chỉnh các thủ tục tố tụng trực tuyến nêu trên vẫn còn thiếu và chưa rõ ràng. Bài viết làm rõ bản chất của thủ tục hòa giải trực tuyến; phân tích một số bất cập của pháp luật hiện hành khi triển khai thủ tục hòa giải trực tuyến; từ đó đưa ra một số kiến nghị để xây dựng khung pháp lý hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự, kinh doanh thương mại ở Việt Nam hiện nay.*

***Từ khóa****: Hòa giải trực tuyến, chuyển đổi số, tòa án điện tử, xét xử trực tuyến*

**1. Đặt vấn đề**

Hòa giải trong tố tụng dân sự ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án; là phương thức hiệu quả để bảo đảm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Hòa giải thành giúp giải quyết triệt để, hiệu quả các tranh chấp mà không phải mở phiên tòa xét xử; rút ngắn thời gian giải quyết vụ án; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Tòa án. Hòa giải trong tố tụng dân sự còn góp phần hàn gắn những rạn nứt, ngăn ngừa các tranh chấp trong tương lai giữa các đương sự; nâng cao ý thức pháp luật của người dân; giữ gìn ổn định trật tự xã hội, tạo sự đồng thuận và xây dựng khối đoàn kết trong nhân dân - đây cũng là kinh nghiệm của nhiều quốc gia có nền tư pháp tiến bộ trên thế giới.

Trong những năm qua, Bộ Chính Trị, Ban chỉ đạo quốc gia về cải các tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) đã có nhiều sự quan tâm và ban hành nhiều văn bản để xây dựng tòa án điện tử thông qua Nghị quyết số 52/NQ-TW ngày 27-9-2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Chỉ thị số 02/2020/CT-CA của Chánh án TANDTC về tăng cường xét xử, giải quyết các vụ án, vụ việc bằng phương thức trực tuyến khi có đủ điều kiện (kỹ thuật); [Công văn số 127/TANDTC/VP](https://luatvietnam.vn/y-te/cong-van-127-tandtc-vp-2020-ve-phong-chong-dich-benh-covid-19-182603-d6.html) ngày 16/4/2020 của TANDTC về phòng, chống dịch bệnh Covid-19;... tuy nhiên các văn bản nêu trên chỉ dừng lại ở mức khuyến khích, mang tính định hướng, kế hoạch của ngành mà chưa có văn bản cụ thể hướng dẫn áp dụng và triển khai hoạt động hòa giải trực tuyến trong thực tiễn.

Hiện nay, áp dụng công nghệ để giải quyết trực tuyến đối với các tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại thông qua phiên hòa giải, phiên xét xử đang là xu thế tất yếu, cần thiết trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4 diễn ra như vũ bão trên toàn cầu; phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia và đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đại dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp, kéo dài, do thực hiện giãn cách xã hội, nhiều Toà án không thể thực hiện các thủ tục tố tụng dân sự theo thời gian luật định. Việc này làm ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động tư pháp, quyền và lợi ích của Nhà nước, tổ chức, cá nhân. Do đó việc nghiên cứu bản chất về hòa giải trực tuyến, đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành về hòa giải trong tố tụng từ đó đưa ra giải pháp xây dựng khung pháp lý điều chỉnh về hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự, kinh doanh thương mại thực sự cấp thiết trong tình hình hiện nay.

**2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò về hòa giải trực tuyến trong tố tụng**

***Khái niệm***

Hiện nay, trên thế giới cũng như Việt Nam, chưa có văn bản chính thức nào đưa ra khái niệm hòa giải trực tuyến trong tố tụng. Theo từ điển Bách khoa Việt Nam định nghĩa: Hòa giải là giải quyết các tranh chấp bằng việc các bên dàn xếp, thương lượng với nhau có sự tham gia của bên thứ ba. Còn Sổ tay đào tạo hòa giải của Hội đồng hòa giải và thương lượng Tòa án tối cao Ấn Độ đưa ra khái niệm: “Hòa giải là quy trình đàm phán tự nguyện, có cấu trúc và lấy các bên làm trọng tâm, tại đó một bên thứ ba trung gian giúp các bên giải quyết ôn hòa tranh chấp của họ bằng cách sử dụng các kỹ thuật đàm phán và trao đổi thông tin chuyên biệt” và “Bản chất của hòa giải là quy trình đàm phán có trợ giúp. Hòa giải giải quyết cả các vấn đề về tình tiết và pháp lý, nguyên nhân nền tảng của tranh chấp…”.

Dưới gốc độ pháp lý, Điều 10 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS) có nhắc đến thuật ngữ hòa giải trong tố tụng dân sự: “Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật này”. Tuy nhiên, BLTTDS và các văn bản dưới luật cũng chưa đưa ra khái niệm cụ thể về hòa giải trong tố tụng dân sự.

Thuật ngữ “trực tuyến” thường được dùng cho một kết nối hoạt động với một mạng [truyền thông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Truy%E1%BB%81n_th%C3%B4ng), đặc biệt là trong mạng [Internet](https://vi.wikipedia.org/wiki/Internet) hoặc chỉ liên kết trong [mạng cục bộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/LAN). Trong sử dụng thông thường, "trực tuyến" thường đề cập đến internet hoặc mạng toàn cầu [World Wide Web](https://vi.wikipedia.org/wiki/World_Wide_Web). Thuật ngữ "trực tuyến" là từ ngữ dùng trong thời đại internet, có ý nghĩa cụ thể liên quan đến [công nghệ máy tính](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=C%C3%B4ng_ngh%E1%BB%87_m%C3%A1y_t%C3%ADnh&action=edit&redlink=1) và [viễn thông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%85n_th%C3%B4ng). Nói chung, "trực tuyến" chỉ ra một trạng thái kết nối với [mạng Internet toàn cầu](https://vi.wikipedia.org/wiki/World_Wide_Web). Khái niệm trên được mở rộng, không chỉ gói gọn trong ý nghĩa [tin học](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tin_h%E1%BB%8Dc) hay viễn thông mà được dùng cả trong khu vực của sự tương tác của con người với nhau và trong [giao tiếp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Giao_ti%E1%BA%BFp), các cuộc trò chuyện.[[268]](#footnote-268)

Từ những phân tích trên, theo tác giả, *hòa giải trực tuyến* là thủ tục giải quyết tranh chấp giữa các bên thông qua việc dàn xếp, thương lượng của bên thứ ba có sử dụng mạng truyền thông làm công cụ phục vụ hòa giải. *Hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự* là thủ tục giải quyết tranh chấp giữa các bên thông qua việc dàn xếp, thương lượng của Thẩm phán theo trình tự thủ tục tại BLTTDS, có sử dụng mạng truyền thông làm công cụ phục vụ hòa giải. Hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự bản chất là hòa giải trực tiếp, diễn ra ở phòng hòa giải theo quy định tại BLTTDS, nhưng một số chủ thể (đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự) do điều kiện khách quan không đến dự được phiên hòa giải, có thể tham gia từ các điểm cầu phụ, đảm bảo yêu cầu quy định. Phiên hòa giải vẫn đảm bảo nguyên tắc trực tiếp, công khai, minh bạch, có sự giám sát của các bên.

***Đặc điểm***

So với các hình thức hòa giải trực tiếp và các hình thức hòa giải khác như hòa giải thương mại, hòa giải cơ sở, các hình thức hòa giải tiền tố tụng khác; hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự mang một số đặc trưng sau:

*Thứ nhất, về chủ thể hòa giải:* Thẩm phán thực hiện việc hòa giải theo trình tự, thủ tục luật định còn các hình thức hòa giải khác do hòa giải viên thương mại; hòa giải viên Trung tâm đối thoại, hòa giải; Ủy ban nhân dân xã phường; Trọng tài viên thương mại tiến hành hòa giải.

*Thứ hai, về thời điểm hòa giải:* hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự được thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị xét xử. Đối với các hình thức hòa giải thương mại, hòa giải cơ sở, ... thường được thực hiện ở giai đoạn tiền tố tụng.

*Thứ ba, về hình thức, địa điểm tổ chức hòa giải:* so với hình thức hòa giải trực tiếp, hòa giải trực tuyến trong tố tụng có sử dụng mạng truyền thông để phục vụ việc hòa giải. Phiên hòa giải được diễn ra ở trụ sở Tòa án và tại các điểm cầu có đương sự tham gia được Tòa án cho phép.

*Thứ tư, về ghi nhận kết quả phiên hòa giải:* Bên cạnh việc ghi nhận kết quả phiên hòa giải bằng văn bản thì kết quả của Phiên hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự còn được lưu trữ bằng dữ liệu điện tử.

***Vai trò***

Bên cạnh việc mang vai trò của hình thức hòa giải trong tố tụng dân sự thông thường, hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự còn mang một số vai trò đặc trưng sau:

*Thứ nhất,* hòa giải trực tuyến là giải pháp cấp bách khi có dịch bệnh xảy ra hoặc khi có đương sự không thể đến trực tiếp phiên tòa vì các lý do bất khả kháng như: ốm đau đột xuất, đương sự ở nước ngoài không thể đến dự phiên tòa, ...

*Thứ hai,* hòa giải trực tuyến giúp các đương sự tiết kiệm chi phí, thời gian, công sức và đảm bảo sức khỏe khi không thể trực tiếp tham dự phiên tòa.

*Thứ ba,* hòa giải trực tuyến được thực hiện thông qua mạng truyền thông do đó toàn bộ quá trình hòa giải được lưu trữ trên các thiết bị điện tử góp phần lưu trữ được khối lượng lớn thông tin liên quan đến vụ việc.

*Thứ tư,* hòa giải trực tuyến là hình thức hòa giải hiện đại, phù hợp với xu thế hội nhập toàn cầu, góp phần đưa hệ thống tòa án Việt Nam kết nối với hệ thống tòa án các nước trên thế giới.

**3. Thực trạng pháp luật hiện hành điều chỉnh liên quan đến thủ tục hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự tại Việt Nam**

Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành không có quy định riêng biệt về trình tự, thủ tục hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự, kinh doanh thương mại. Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Bộ luật Dân sự 2015; Luật Công nghệ thông tin 2006; Luật giao dịch điện tử 2005 và một số văn bản dưới luật đã góp phần tạo nền tảng pháp lý cho việc ứng dụng công nghệ trong giải quyết tranh chấp, trong đó cũng tạo cơ sở bước đầu cho việc tổ chức phiên tòa hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự.

Bên cạnh các văn bản nêu trên, trong lĩnh vực chuyên ngành, thời gian qua Tòa án nhân dân tối cao đã có nhiều sự quan tâm và đã ban hành một số văn bản để khuyến khích và thúc đẩy xây dựng hệ thống Tòa án điện tử đáp ứng thời kỳ công nghiệp 4.0, thực hiện đúng cam kết khi Việt Nam đã tham gia Hội đồng Chánh án khu vực châu Á-Thái Bình Dương tại Chỉ thị số 02/2020/CT-CA của Chánh án TANDTC về tăng cường xét xử, giải quyết các vụ án, vụ việc bằng phương thức trực tuyến khi có đủ điều kiện (kỹ thuật); [Công văn số 127/TANDTC/VP](https://luatvietnam.vn/y-te/cong-van-127-tandtc-vp-2020-ve-phong-chong-dich-benh-covid-19-182603-d6.html) ngày 16/4/2020 của TANDTC về phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Nhìn chung, các văn bản nêu trên bước đầu làm cơ sở, tiền đề cho việc xây dựng khung pháp lý một cách đồng bộ và thống nhất về xây dựng hệ thống Tòa án điện tử nói chung và mô hình hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự nói riêng. Các quy định hiện hành nêu trên cũng là động lực để TANDTC đẩy nhanh việc ban hành các quy định, quy chế đặc thù hướng dẫn hoạt động và triển khai các thủ tục trực tuyến, nhất là trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp và kéo dài.

Tuy nhiên, trong bối cảnh và thực tiễn hiện nay, các quy định hiện hành có điều chỉnh liên quan đến hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự ở nước ta vẫn còn bộc lộ một số bất cập, hạn chế như sau:

***Thứ nhất, hiểu về hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự***

Như đã phân tích ở Mục 2 Bài viết, hiện nay ở nước ta thuật ngữ hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự vẫn chưa được giải thích ở bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào. Tại Điều 10 BLTTDS 2015 có đề cập đến thuật ngữ “hòa giải trong tố tụng dân sự” tuy nhiên thuật ngữ này cũng chưa được giải thích hay định nghĩa ở bất kỳ văn bản pháp luật nào khác. Do đó khi triển khai các thủ tục liên quan đến hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự trong thực tiễn sẽ dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau liên quan đến thủ tục này, dẫn đến việc áp dụng sẽ không thống nhất.

***Thứ hai, về tống đạt thông báo phiên hòa giải trực tuyến***

Khoản 1 Điều 208 BLTTDS 2015 quy định: “... Trước khi tiến hành phiên họp, Thẩm phán phải thông báo cho đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự về thời gian, địa điểm tiến hành phiên họp và nội dung của phiên họp”. Mặt khác, tại Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng thẩm phán TANDTC về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu và thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử cũng đã cho phép cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử.

Tuy nhiên, quy định hiện hành nêu trên không nói rõ đối với hình thức hòa giải trực tuyến trong tố tụng thì thông báo phiên họp hòa giải bắt buộc phải bằng hình thức văn bản hay chỉ cần thông báo qua hình thức thông điệp dữ liệu điện tử hoặc email, mạng xã hội, điện thoại, ... bởi lẽ phiên họp hòa giải được tổ chức trực tuyến chỉ khi gặp lý do bất khả kháng về dịch bệnh, đương sự có lý do khách quan không thể đến trực tiếp tòa án do đó việc chưa quy định rõ hình thức tống đạt đối với thủ tục hòa giải trực tuyến sẽ gây khó khăn cho các thẩm phán và cả đương sự khi triển khai thủ tục này. Hơn nữa, các quy định hiện hành tại BLTTDS 2015 cũng không quy định trường hợp thông báo thủ tục hòa giải qua phương tiện điện tử thì sẽ được lưu trữ ở đâu để đảm bảo không vi phạm thủ tục tố tụng.

***Thứ ba, về thành phần phiên họp hòa giải trực tuyến***

Điều 209 BLTTDS 2015 quy định về thành phần phiên họp hòa giải như sau: “Thành phần tham gia phiên họp gồm có: Thẩm phán chủ trì phiên họp; Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp; Các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của các đương sự; Đại diện tổ chức đại diện tổ chức đại diện tập thể lao động đối với vụ án lao động; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Người phiên dịch. Trường hợp cần thiết, Thẩm phán yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia phiên họp...”. Tuy nhiên, quy định nêu trên cũng chưa đề cập đến việc cho phép trong một số trường hợp đặc biệt như dịch bệnh, lý do bất khả kháng,... thì một hoặc một số người tham gia tố tụng phiên hòa giải nêu trên không cần đến trực tiếp phiên hòa giải mà có thể thông qua điểm cầu trực tuyến. Việc chưa có quy định rõ ràng thành phần phiên hòa giải trực tuyến, sự có mặt của các đương sự trực tiếp tại phiên hòa giải cũng chính là nguyên nhân dẫn đến việc thủ tục hòa giải trực tuyến vẫn chưa thể triển khai trên thực tế.

***Thứ tư, về trình tự phiên hòa giải trực tuyến***

Pháp luật hiện hành đã quy định về trình tự, thủ tục tổ chức phiên hòa giải trong tố tụng thông thường rất chặt chẽ tại Điều 210 BLTTDS 2015. Tuy nhiên, với đặc thù của hòa giải trực tuyến trong tố tụng là việc tổ chức một phiên hòa giải với điểm cầu chính tại trụ sở Tòa án và các điểm cầu phụ có người tham gia tố tụng không thể đến được phiên tòa thì trình tự tổ chức phiên hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự cũng sẽ có những điểm khác so với trình tự phiên hòa giải thông thường. Đến nay, Cơ quan lập pháp và TANDTC cũng chưa luật hóa hay có quy định hướng dẫn cụ thể về trình tự phiên hòa giải trực tuyến để thủ tục này được triển khai trong thực tế.

***Thứ năm, về biên bản phiên họp hòa giải***

Quy định hiện hành về lập Biên bản phiên họp hòa giải trong tố tụng dân sự như sau: Thư ký Tòa án phải lập biên bản về việc hòa giải. Biên bản hòa giải phải có các nội dung chính sau đây: ngày tháng năm tiến hành phiên họp, địa điểm tiến hành phiên họp, thành phần tham gia phiên họp; ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; những nội dung đã được các đương sự thống nhất, không thống nhất.[[269]](#footnote-269)

Như vậy, pháp luật quy định nghĩa vụ của Thư ký là lập biên bản về việc hòa giải, việc lập biên bản này được hiểu là lập dưới hình thức bằng văn bản, sau khi thư ký lập xong biên bản thì giao cho các đương sự đọc, kiểm tra lại toàn bộ nội dung, diễn biến của phiên hòa giải và yêu cầu các đương sự ký vào Biên bản hòa giải (kể cả hòa giải thành hoặc không thành). Tuy nhiên, với cách quy định trên khi triển khai hình thức hòa giải trực tuyến trong tố tụng sẽ gặp một số khó khăn như: Thư ký không thể ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời toàn bộ diễn biến Phiên hòa giải và ý kiến của tất cả đương sự, người tham gia tố tụng tham dự phiên hòa giải và sau khi kết thúc phiên hòa giải thì cũng không thể gửi Biên bản cho những người này ký, xác nhận ngay bởi lẽ hình thức hòa giải trực tuyến luôn được tổ chức ở nhiều điểm cầu khác nhau, nhiều ý kiến trình bày khác nhau của các đương sự thông qua các thiết bị công nghệ. Mặt khác, toàn bộ nội dung, diễn biến phiên hòa giải sẽ lưu trữ như thế nào, lưu trữ ở đâu để đảm bảo đúng trình tự thủ tục tố tụng cũng là một vấn đề cần được hướng dẫn.

***Thứ sáu, về ứng dụng công nghệ thông tin trong hòa giải trực tuyến***

Luật Giao dịch điện tử 2005 đã đưa ra các quy định cụ thể về thông điệp điện tử, chữ ký điện tử, tạo ra cơ sở pháp lý cho việc sử dụng phương tiện điện tử trong giao dịch dân sự nói chung và thủ tục hòa giải trực tuyến nói riêng. Các Nghị định 130/2018/NĐ-CP về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số, Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và cung cấp thông tin điện tử trên Internet cũng góp phần tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động giải quyết tranh chấp dân sự trực tuyến. Tuy nhiên, Luật giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành chỉ dừng lại ở việc quy định và cho phép sử dụng chữ ký số là chữ ký điện tử do đó phần nào làm hạn chế việc các đương sự sử dụng các chữ ký điện tử khác để thực hiện các giao dịch có liên quan đến thủ tục hòa giải trực tuyến.

**4. Một số đề xuất nhằm xây dựng khung pháp lý về hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự tại Việt Nam**

*Thứ nhất, cần có một định nghĩa rõ ràng về hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự*

Việc đầu tiên khi xây dụng khung pháp luật về hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự là cần đưa ra một định nghĩa rõ ràng, cụ thể về hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự để xác định phạm vi và đối tượng chịu sự quản lý. Từ đó, làm cơ sở cho việc xây dựng các quy định pháp luật khác có liên quan, trong đó có quy định về thủ tục cấp tống đạt thông báo hòa giải; trình tự thủ tục tổ chức phiên hòa giải, thành phần phiên hòa giải, lưu trữ kết quả phiên hòa giải,... đáp ứng nhu cầu từ thực tiễn và đáp ứng kỷ nguyên công nghệ số.

*Thứ hai, thủ tục tống đạt về phiên hòa giải trực tuyến*

Đặc thù của thủ tục tống đạt về phiên hòa giải trực tuyến là việc giao nhận thông báo tổ chức phiên hòa giải mà không có sự gặp gỡ giữa Tòa án và các đương sự. Do đó, cần quy định rõ việc cấp tống đạt các văn bản liên quan đến phiên hòa giải có thể gửi thông qua thông điệp dữ liệu điện tử của đương sự đăng ký tại cổng thông tin điện tử Tòa án hoặc bất kỳ phương tiện điện tử nào khác của đương sự, như: thư điện tử, điện thoại, mạng xã hội,... Khi các đương sự nhận được thông báo phiên hòa giải của Tòa án thì có thể dễ dàng sử dụng các hình thức chữ ký điện tử của mình để ký xác nhận đã được cấp tống đạt mà vẫn đảm bảo tuân thủ thủ tục tố tụng.

Để việc cấp tổng đạt, nhận tống đạt thông báo liên quan đến phiên hòa giải đều được thực hiện thông qua dữ liệu điện tử và ký nhận bằng chữ ký điện tử thì các nhà làm luật cần có các quy định quy định rõ hơn về thông điệp dữ liệu điện tử trong tố tụng Tòa án để mọi người dân được biết và áp dụng. Ngoài ra, nhà làm luật cũng cần quy định cho phép bổ sung thêm các hình thức của chữ ký điện tử, bởi lẽ pháp luật Việt Nam hiện hành chỉ điều chỉnh về chữ ký số mà không điều chỉnh các dạng chữ ký điện tử khác xuất hiện trên thị trường trong và ngoài nước.

*Thứ ba, thành phần tham gia hòa giải trực tuyến*

Quy định hiện hành bắt buộc ngoài những người tiến hành tố tụng thì những người tham gia tố tụng đều phải có mặt trực tiếp tại phiên hòa giải thì phiên hòa giải mới được tổ chức được tuy nhiên thực tế cho thấy trong một số trường hợp đặc biệt như dịch bệnh, đau ốm, lý do bất khả kháng khác mà những người tham gia tố tụng không thể đến trực tiếp phiên hòa giải để tham gia hòa giải mà chỉ có thể tham dự phiên hòa giải qua các phương tiện điện tử. Do đó, nhà làm luật cần quy định rõ trường hợp nào thì người tham gia tố tụng được phép không đến trực tiếp phiên hòa giải mà thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức trực tuyến, trường hợp nào thì bắt buộc đến trực tiếp phiên hòa giải.

*Thứ tư, về cách thức tổ chức, trình tự phiên hòa giải trực tuyến*

Cơ quan ban hành luật cần quy định thống nhất trình tự tổ chức phiên hòa giải trực tuyến trên cơ sở trình tự tổ chức phiên hòa giải tố tụng dân sự thông thường như từ trước đến nay. Bên cạnh đó cần quy định rõ điều kiện hạ tầng và chất lượng đường truyền, kết nối phần mềm bảo đảm sự có mặt của người tiến hành tố tụng tại đầu cầu trụ sở Tòa án và các đầu cầu của người tham gia tố tụng; hướng dẫn cụ thể về trình tự phiên hòa giải, phát biểu ý kiến, cách thức xem xét vật chứng, tài liệu, chứng cứ thông qua màn hình và âm thanh trực tuyến, vấn đề bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống mạng truyền dẫn, bảo mật thông tin ngành Tòa án.

*Thứ năm, về ghi nhận kết quả phiên hòa giải*

Để ghi nhận và lưu trữ chính xác, đầy đủ diễn biến, kết quả phiên hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc hòa giải và tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, theo tác giả cần có quy định cụ thể về việc lưu trữ thông tin diễn biến phiên hòa giải trên phương tiện điện tử và ứng dụng chuyển từ giọng nói sang văn bản (kèm đĩa CD) để lưu vào hồ sơ vụ án.

*Thứ sáu, quy định về xây dựng cơ sở hạ tầng, ứng dụng công nghệ để triển khai phiên hòa giải trực tuyến*

Cơ sở hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến hiệu quả triển khai phiên hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự do đó cần có các quy định ràng buộc trách nhiệm của các cấp Tòa án trong việc tăng cường cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng các phần mềm ứng dụng để công khai minh bạch trình tự, thủ tục tại tòa, để người dân có thể liên hệ, truy cập tìm hiểu thông tin về quá trình giải quyết công việc của mình tại tòa án. Đồng thời tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thuận tiện trong việc triển khai phiên hòa giải trực tuyến.

**5. Kết luận**

Ngày nay, sự phát triển rất nhanh của công nghệ thông tin đã mang lại nhiều cơ hội cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động của quản trị quốc gia và thực thi công lý trên thế giới. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự biến đổi không ngừng của công nghệ số đã và đang tạo điều kiện thuận lợi, làm thay đổi sâu sắc hiệu quả hoạt động của Tòa án. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng khung pháp lý về hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự là việc làm cần thiết, có tính thời sự và ý nghĩa khoa học. Bài viết đã từng bước làm rõ bản chất của hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự để phân biệt với các hình thức hòa giải khác hiện nay; phân tích thực trạng pháp luật hiện hành điều chỉnh liên quan đến thủ tục hòa giải trực tuyến trong tố tụng và đưa ra một số kiến nghị nhằm xây dựng khung pháp lý điều chỉnh về vấn đề này nhằm đáp ứng bối cảnh mới.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Chính trị (2019), Nghị quyết số 52-NQ-TW ngày 27-9-2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
2. Chính phủ (2018), Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;
3. Chính phủ (2013), Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và cung cấp thông tin điện tử trên Internet;
4. <https://www.viac.vn/goc-nhin-trong-tai-vien/tranh-gian-doan-do-covid19-co-che-phan-xu-truc-tuyen-ra-sao-a875.html>, truy cập ngày 22/06/2021;
5. <https://congly.vn/xay-dung-toa-an-dien-tu-la-mot-trong-nhung-nhiem-vu-trong-tam-xuyen-suot-cua-he-thong-toa-an-191243.html>, truy cập ngày 10/07/2021;
6. <https://vicmc.vn/hoa-giai-truc-tuyen-trong-giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai/>, truy cập ngày 18/07/2021;
7. <https://congly.vn/vai-tro-quan-trong-cua-hoa-giai-trong-giai-quyet-tranh-chap-dan-su-143002.html>, truy cập ngày 02/08/2021.
8. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), Bộ luật Tố tụng dân sự;
9. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), Bộ luật Dân sự;
10. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), Luật Giao dịch điện tử;
11. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2006), Luật Công nghệ thông tin;

**HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN –**

**QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG**

***Nguyễn Thị Hương[[270]](#footnote-270)\****

*TÓM TẮT: Bài viết tập trung phân tích một số qui định của pháp luật về hòa giải, đối thoại tại Tòa án như phạm vi, trình tự thủ tục hòa giải, đối thoại; đồng thời làm rõ một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về hòa giải, đối thoại tại Tòa án, từ đó đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.*

***Từ khóa:*** *Hòa giải tại tòa án, thủ tục hòa giải, đối thoại tại tòa án*

Thực tiễn giải quyết các tranh chấp, yêu cầu dân sự và khiếu kiện hành chính tại Việt Nam cho thấy, hòa giải, đối thoại (HGĐT) có vai trò đặc biệt quan trọng. Với cách thức thân thiện, đồng thuận trên nguyên tắc chia sẻ, cảm thông, HGĐT góp phần hàn gắn những mâu thuẫn, rạn nứt, nâng cao ý thức pháp luật của người dân, ngăn ngừa các tranh chấp trong tương lai, tạo sự đồng thuận, xây dựng khối đoàn kết trong nhân dân, góp phần bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Hòa giải thành (HGT), đối thoại thành (ĐTT) giúp giải quyết triệt để, hiệu quả các tranh chấp mà không phải mở phiên tòa xét xử; kết quả HGT, ĐTT phần lớn được các bên tự nguyện thi hành, vụ việc không phải trải qua thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng; tiết kiệm chi phí, thời gian, công sức của các bên liên quan và nhà nước; hạn chế tranh chấp, khiếu kiện kéo dài, gây bức xúc trong dự luận. Hiện nay, việc HGĐT được thực hiện cả trong tố tụng và ngoài tố tụng với nhiều cơ quan tổ chức khác nhau thực hiện. Việc thực hiện HGĐT đã mang nhiều kết quả tích cực, rất nhiều vụ việc tranh chấp, khiếu kiện đã được hòa giải thành, đối thoại thành. Tuy vậy, vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, số vụ việc về dân sự, khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án ngày càng tăng, trở thành áp lực cho Tòa án. Điều này đặt ra vấn đề cần phải có cơ chế hòa giải, đối thoại mới, gắn hoạt động hòa giải, đối thoại với Tòa án và huy động nguồn lực có kiến thức, kinh nghiệm của xã hội tham gia thì việc hòa giải, đối thoại sẽ tốt hơn. Tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (từ đây gọi tắt là Luật HGĐT) đã được Quốc hội thông qua ngày 16/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021. Như vậy, kể từ đây, bên cạnh thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thủ tục đối thoại theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính thì hệ thống pháp luật Việt Nam còn có thêm một hình thức giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính mới theo trình tự, thủ tục của Luật HGĐT. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sẽ phân tích, làm rõ một số quy định của pháp luật về HGĐT tại Tòa án, đồng thời chỉ ra một vài khó khăn, bất cập trong thực tiễn áp dụng và đề xuất giải pháp khắc phục.

**1. Quy định pháp luật về hòa giải, đối thoại tại Tòa án**

***1.1. Khái niệm hòa giải, đối thoại tại Tòa án***

Tại một số nước trên thế giới theo hệ thống thông luật (Common Law) như Mỹ, Ấn Độ...việc hòa giải các vụ án dân sự, hành chính được quy định chung trong Bộ luật Dân sự (BLDS) và Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) mà không có sự phân biệt giữa tố tụng dân sự và tố tụng hành chính. Các Bộ luật này cũng quy định trình tự, thủ tục hòa giải trong tố tụng (tại Tòa án) và trình tự, thủ tục hòa giải ngoài tố tụng (tại Trung tâm hòa giải tại Tòa án) khi giải quyết các tranh chấp dân sự và khiếu kiện hành chính.

Theo Từ điển tiếng Việt, hòa giải là “*hành vi thuyết phục các bên đồng ý chấm dứt xung đột hoặc xích mích một cách ổn thỏa*”; còn đối thoại là “*nói chuyện qua lại giữa hai hay nhiều người với nhau*” hoặc là “*bàn bạc, thương lượng trực tiếp với nhau giữa hai hay nhiều bên để giải quyết các vấn đề tranh chấp*”[[271]](#footnote-271). Như vậy, có thể hiểu hai hoạt động này đều là những biện pháp giải quyết tranh chấp, xích mích trong các quan hệ xã hội và được sử dụng ở nhiều nước trên thế giới.

Ở Việt Nam, nếu quan hệ dân sự là quan hệ hoàn toàn bình đẳng giữa các bên về quyền và nghĩa vụ thì quan hệ hành chính Nhà nước lại có đặc thù riêng, một bên bao giờ cũng là cơ quan hành chính Nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính Nhà nước thi hành quyền lực hành chính công và một bên là cá nhân, cơ quan, tổ chức chịu sự điều hành, quản lý của cơ quan hành chính Nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính Nhà nước. Do đó, Quốc hội đã ban hành Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) để cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng giải quyết các vụ việc dân sự, còn Luật tố tụng hành chính (Luật TTHC) để áp dụng khi giải quyết các vụ án hành chính, theo đó thủ tục HGĐT trong tố tụng là một trong những thủ tục Tòa án bắt buộc phải thực hiện khi giải quyết các vụ việc dân sự và vụ án hành chính. Giữa hòa giải trong TTDS và đối thoại trong TTHC có sự khác biệt nhất định, xuất phát từ tính chất “thỏa thuận” trong giải quyết tranh chấp dân sự và “không thể thỏa thuận” trong giải quyết khiếu kiện hành chính vì bên bị kiện thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

Bên cạnh phương thức giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện thông qua HGĐT trong TTDS và TTHC nêu trên, kể từ ngày 01/01/2021, HGĐT còn được quy định trong Luật HGĐT. Vì thời gian gần đây, hệ thống Tòa án Việt Nam cũng gặp phải tình trạng “*tắc nghẽn tại Tòa án và tiếp cận công lý*”[[272]](#footnote-272) như một số nước trên thế giới đã từng gặp. Số vụ việc các Tòa án phải giải quyết đến mức quá tải, các vụ việc dân sự, các khiếu kiện hành chính tiếp tục có xu hướng gia tăng mạnh do hệ thống pháp luật ngày càng được hoàn thiện, thẩm quyền của Tòa án được mở rộng. Mô hình HGĐT ngoài tố tụng tại Tòa án được thể chế hóa trong Luật HGĐT tại Tòa án sẽ giúp “*tìm ra con đường giải quyết khiếu kiện một cách ít tốn kém hơn, ít rủi ro hơn khi có thể và khi mà có thể tránh được việc mở phiên tòa, hòa giải ở các bước tiếp theo*”[[273]](#footnote-273). Như vậy, có thể hiểu, HGĐT tại Tòa án là một hoạt động ngoài tố tụng do chủ thể có thẩm quyền tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ án theo đề nghị của các bên tham gia HGĐT nhằm giúp cho các bên tìm được phương thức giải quyết tranh chấp, yêu cầu dân sự và khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền của Tòa án một cách ôn hòa, nhanh chóng và thuận tiện.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Luật HGĐT thì hòa giải tại Tòa án là hoạt động hòa giải do Hòa giải viên (HGV) tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ việc dân sự, nhằm hỗ trợ các bên tham gia hòa giải thỏa thuận giải quyết vụ việc dân sự, nhằm hỗ trợ các bên tham gia hòa giải thỏa thuận giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Luật này. Đối thoại tại Tòa án là hoạt động đối thoại do HGV tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ án hành chính, nhằm hỗ trợ các bên tham gia đối thoại thống nhất giải quyết khiếu kiện hành chính theo quy định của Luật này.

Từ khái niệm này, có thể rút ra một số đặc trưng của HGĐT tại Tòa án như sau:

*Thứ nhất*, HGĐT tại Tòa án là một trong những phương thức giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính được pháp luật quy định.

*Thứ hai*, HGĐT tại Tòa án do HGV tiến hành trước khi tòa án thụ lý vụ án.

*Thứ ba*, hoạt động HGĐT tại Tòa án chỉ được thực hiện đối với các vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trừ những vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính không tiến hành HGĐT theo quy định của Luật HGĐT và đồng thời phải được sự đồng ý của các bên tham gia hòa giải, đối thoại.

*Thứ tư*, các bên tham gia HGĐT có quyền yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án có hiệu lực pháp luật ngay và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và pháp luật về tố tụng hành chính.

***1.2. Phạm vi hòa giải, đối thoại tại Tòa án***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật HGĐT thì HGĐT được thực hiện trước khi Tòa án thụ lý vụ án về tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của BLTTDS, Luật TTHC. Như vậy, HGĐT tại Tòa án được tiến hành đối với hầu hết các vụ việc dân sự và hành chính, trừ những trường hợp không tiến hành HGĐT tại Tòa án.

Theo quy định tại Điều 19 Luật HGĐT thì những trường hợp sau đây sẽ không tiến hành HGĐT tại Tòa án, bao gồm:

-Yêu cầu đòi bồi thường do gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước.

Cũng giống như thủ tục hòa giải trong TTDS, HGV không tiến hành HGĐT tại Tòa án đối với yêu cầu đòi bồi thường gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Bởi lẽ, bất cứ hành vi nào gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước đều là trái pháp luật và phải chịu trách nhiệm bồi thường. Người gây thiệt hại không có quyền điều đình, thương lượng thỏa thuận với Nhà nước về trách nhiệm bồi thường của mình

- Vụ việc dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội. Đối với những vụ việc này, HGV cũng không hòa giải vì các giao dịch vô hiệu. Các bên tham gia giao dịch không thể thỏa thuận để giải quyết hành vi vi phạm pháp luật của mình.

- Người khởi kiện, người yêu cầu, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được mời HGĐT lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan hoặc không thể tham gia hòa giải, đối thoại được vì có lý do chính đáng.

Một trong những yêu cầu của HGĐT là sự thiện chí và trung thực của các bên tham gia nên mặc dù các bên đã đồng ý hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhưng trong quá trình thực hiện, HGV mời các bên tham gia HGĐT nhưng có người vắng mặt đến lần thứ hai mà không thuộc trường hợp nêu trên thì phải coi đây là trường hợp không HGĐT được.

- Một bên vợ hoặc chồng trong tranh chấp ly hôn là người mất năng lực hành vi dân sự.

Quyền kết hôn, quyền ly hôn là quyền nhân thân gắn liền với mỗi cá nhân và không thể chuyển giao cho người khác trừ trường hợp luật có quy định khác. Tại khoản 3 Điều 206 BLTTDS năm 2015 cũng quy định, đương sự là vợ hoặc chồng trong vụ án ly hôn là người mất năng lực hành vi dân sự thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do đó, trên cơ sở tính tương thích với BLTTDS thì Luật HGĐT cũng quy định đối với đơn khởi kiện xin ly hôn mà có một bên vợ hoặc chồng là người mất năng lực hành vi dân sự thì phải xác định đây là trường hợp không HGĐT tại Tòa án.

- Một trong các bên đề nghị không tiến hành HGĐT.

Theo khoản 1 Điều 3 của Luật HGĐT thì HGĐT tại Tòa án chỉ được tiến hành khi các bên dồng ý thực hiện HGĐT. Sau khi nhận đơn khởi kiện, đơn yêu cầu, nếu thuộc diện được HGĐT thì Tòa án phải thông báo cho người khởi kiện biết vụ việc sẽ được thực hiện HGĐT tại tòa án và yêu cầu người khởi kiện cho biết ý kiến. Tòa án chỉ được chỉ định HGV khi người khởi kiện, người yêu cầu có ý kiến đồng ý hòa giải, đối thoại hoặc sau 3 ngày nhận được thông báo lần thứ hai mà người khởi kiện, người yêu cầu không trả lời. Sau khi chỉ định HGV, Tòa án phải thông báo cho người bị kiện kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết. Nếu người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý thì vụ việc đó không tiến hành HGĐT.

- Một trong các bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp, tạm thời.

Theo quy định của BLTTDS năm 2015 và Luật TTHC năm 2015 thì trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự có quyền đề nghị Tòa án áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc trong trường hợp do tình thế khẩn cấp, cần phải bảo vệ ngay chứng cứ, ngăn chặn hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cùng với việc nộp đơn khởi kiện. Trước khi mở phiên tòa, việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời do một Thẩm phán xem xét, quyết định. Tại phiên tòa, việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời do Hội đồng xét xử xem xét, quyết định. Do đó, nếu kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì vụ việc đó không được HGĐT. Trường hợp quá trình hòa giải, đối thoại, có người tham gia yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì HGV phải chấm dứt việc HGĐT, chuyển cho Tòa án xem xét, thụ lý giải quyết theo quy định của BLTTDS, Luật TTHC.

***1.3. Trình tự, thủ tục hòa giải, đối thoại tại Tòa án***

Trên cơ sở nguyên tắc các bên tham gia HGĐT phải tự nguyện và bảo đảm quyền khởi kiện của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật tố tụng hành chính, Luật HGĐT tại Tòa án quy định cụ thể về trình tự, thủ tục HGĐT tại Tòa án. Có thể tóm tắt ngắn gọn trình tự, thủ tục này như sau:

**- Giai đoạn trước khi hòa giải, đối thoại:  Giai đoạn này được** bắt đầu từ khi người khởi kiện nộp đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đến Tòa án có thẩm quyền và kết thúc khi có quyết định chỉ định HGV của Thẩm phán được phân công phụ trách hòa giải, đối thoại. Theo quy định từ Điều 16 đến Điều 19 Luật HGĐT và Thông tư số 03/2020/TT-TANDTC ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân tối cao thì người khởi kiện, người yêu cầu gửi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu kèm theo các tài liệu, chứng cứ đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 190 của BLTTDS năm 2015; Điều 121 Luật TTHC năm 2015. Bộ phận tiếp nhận đơn khởi kiện của Tòa án có trách nhiệm vào sổ nhận đơn, xác nhận việc nhận đơn. Đối với những đơn không thuộc thẩm quyền của Tòa án hoặc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhưng thuộc một trong những trường hợp không tiến hành HGĐT tại Tòa án thì giải quyết theo quy định của BLTTDS, Luật TTHC. Đối với những đơn thuộc thẩm quyền của Tòa án và không thuộc trường hợp không tiến hành HGĐT tại Tòa án thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, Chánh án sẽ thông báo cho người khởi kiện, người yêu cầu biết về quyền lựa chọn HGĐT tại Tòa án. Trong thời hạn ba ngày làm việc, người khởi kiện, người yêu cầu phải trả lời về việc đồng ý hoặc không đồng ý hòa giải, đối thoại. Trong trường hợp nếu người khởi kiện, người yêu cầu từ chối hòa giải, đối thoại thì Chánh án sẽ phân công Thẩm phán xem xét, giải quyết đơn khởi kiện theo quy định của BLTTDS. Nếu người khởi kiện đồng ý hòa giải, đối thoại thì tùy theo từng trường hợp, Thẩm phán được phân công phụ trách hòa giải, đối thoại sẽ chỉ định Hòa giải viên theo sự lựa chọn hoặc sẽ tự mình chỉ định HGV. Tòa án sẽ thông báo bằng văn bản về việc chuyển vụ việc sang hòa giải, đối thoại và văn bản chỉ định Hòa giải viên cho Hòa giải viên, người khởi kiện, người yêu cầu, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi đã có quyết định chỉ định HGV và các bên không có yêu cầu thay đổi HGV thì vụ án bắt đầu chuyển sang giai đoạn HGĐT.

**- Giai đoạn hòa giải, đối thoại.**Giai đoạn này được bắt đầu tiếp theo sau giai đoạn tiền hòa giải đến khi tổ chức thành công phiên họp ghi nhận kết quả HGĐT tại Tòa án. Theo quy định từ Điều 20 đến Điều 31 Luật HGĐT thì thời hạn HGĐT tại Tòa án không quá 20 ngày, kể từ ngày HGV được chỉ định; đối với vụ việc phức tạp, thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày. Trường hợp các bên tham gia hòa giải, đối thoại thống nhất kéo dài thì thời hạn hòa giải, đối thoại không quá 02 tháng. Trong thời hạn này, HGV chuẩn bị các công tác cần thiết để hòa giải, đối thoại như tiếp nhận đơn và tài liệu do Tòa án chuyển đến, vào sổ theo dõi vụ việc, nghiên cứu đơn, yêu cầu các bên tham gia hòa giải, đối thoại bổ sung thông tin, tài liệu, chứng cứ.. HGV tiến hành mở phiên HGĐ tại Tòa án. Nếu các bên đạt được sự thỏa thuận, thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ hoặc một phần vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính thì HGV sẽ ấn định thời gian, địa điểm mở phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Thành phần phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án gồm HGV, các bên tham gia hòa giải, đối thoại, người đại diện, người phiên dịch; Thẩm phán phụ trách HGĐT hoặc Thẩm phán khác do Chánh án Tòa án phân công. HGV lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành có chữ ký của những người trên. Đến đây, việc hòa giải, đối thoại của các bên đã chấm dứt.

**- Giai đoạn sau hòa giải, đối thoại.** Sau khi có biên bản hòa giải thành, đối thoại thành, các bên có quyền yêu cầu hoặc không yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án. Nếu các bên có yêu cầu thì HGV chuyển biên bản cùng tài liệu kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính để xem xét ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, kết quả đối thoại thành. Thời hạn chuẩn bị ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành là 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản và tài liệu kèm theo. Trong thời hạn này, Thẩm phán được phân công xem xét ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành được thực hiện một số quyền như yêu cầu một hoặc các bên trình bày ý kiến về kết quả HGT, ĐTT, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp cho Tòa án tài liệu có liên quan…Khi xét thấy có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật HGĐT thì Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành. Nếu không đủ điều kiện thì Thẩm phán ra quyết định không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành và nêu rõ lý do.

**2. Một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về hòa giải, đối thoại tại Tòa án và kiến nghị hoàn thiện**

Mặc dù Luật HGĐT đã quy định tương đối chi tiết và đầy đủ các nội dung liên quan đến HGĐT tại Tòa án. Đồng thời, ngày sau khi được ban hành, TAND tối cao đã triển khai các giải pháp đồng bộ để thi hành Luật, các văn bản quy định chi tiết thi hành được kịp thời ban hành tạo hành lang pháp lý để Luật HGĐT đi vào cuộc sống. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng thì một số khó khăn, vướng mắc cũng đã nảy sinh và cần thiết phải có giải pháp khắc phục. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất, về quyền, nghĩa vụ của HGV.*

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật HGĐT thì HGV có quyền xem xét hiện trạng tài sản liên quan đến tranh chấp, khiếu kiện trước khi lập biên bản ghi nhận kết quả HGĐT theo yêu cầu của một trong các bên. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cho thấy việc xem xét hiện trạng tài sản không phải lúc nào cũng diễn ra thuận lợi và dễ dàng. Có trường hợp, tài sản là quyền sử dụng đất và các công trình trên đất đòi hỏi phải có sự đo vẽ hiện trạng chi tiết, đầy đủ thì mới có căn cứ để ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Nếu chỉ có HGV tiến hành xem xét hiện trạng thì sẽ không đảm bảo được sự chính xác mà cần thiết phải có sự phối hợp của các cơ quan chuyên môn tương tự như biện pháp xem xét, thẩm định tại chỗ quy định trong TTDS. Vậy vấn đề đặt ra là HGV có được quyền mời các cơ quan chuyên môn này tiến hành hoạt động xem xét, đo đạc hiện trạng tài sản hay không và chi phí cho hoạt động này sẽ do ai là người phải chịu. Trong khi tại điểm b khoản 2 Điều 9 Luật HGĐT quy định các bên tham gia HGĐT tại Tòa án chỉ phải chịu chi phí khi HGV xem xét hiện trạng tài sản liên quan đến vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính mà tài sản đó nằm ngoài phạm vi địa giới hành chính của tỉnh nơi Tòa án có thẩm quyền giải quyết có trụ sở. Thiết nghĩ, để quy định này mang tính khả thi và tạo điều kiện thuận lợi cho HGV, trước mắt TAND tối cao cần có giải đáp cụ thể về nội dung này theo hướng đối với những vụ việc cần phải tiến hành hoạt động đo đạc hiện trạng, kiểm đếm tài sản thì HGV có thể mời cơ quan chuyên môn tham gia xem xét hiện trạng và chi phí do các bên tham gia HGĐT phải chịu.

*Thứ hai, về trường hợp các bên không cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc theo yêu cầu của Hòa giải viên*

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 của Luật HGĐT, HGV có quyền yêu cầu các bên cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung tranh chấp, khiếu kiện; các thông tin, tài liệu liên quan khác cần thiết cho việc hòa giải, đối thoại. Đồng thời, theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 8 của Luật này thì các bên tham gia HGĐT có nghĩa vụ “..*trình bày chính xác tình tiết, nội dung của vụ việc, cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc theo yêu cầu của HGV; chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin, tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp trong quá trình HG*ĐT”. Như vậy, theo các quy định này thì các bên tham gia HGĐT có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ cho HGV. Vậy trong trường hợp các bên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ này, HGV không có đủ căn cứ để HG ĐT thì sẽ xử lý như thế nào? Theo quan điểm của tác giả, bản chất của HG ĐT là sự hỗ trợ các bên tham gia HG ĐT thỏa thuận giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính và phải dựa trên nguyên tắc tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận, thống nhất của các bên; không được ép buộc các bên thỏa thuận, thống nhất trái với ý chí của họ. Đồng thời, việc yêu cầu các bên cung cấp tài liệu, chứng cứ là quyền, không phải là nghĩa vụ của HGV. Vì vậy, nếu các bên không cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ thì HGV có thể coi đây là “trường hợp khác theo quy định của pháp luật” để chấm dứt việc HGĐT. Tuy nhiên, để có sự thống nhất trong áp dụng thì TAND tối cao cần có hướng dẫn cụ thể về nội dung này.

*Thứ ba, về thời hạn chuẩn bị ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật HGĐT thì thời hạn chuẩn bị ra quyết định công nhận kết quả HGĐT là 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản và tài liệu kèm theo. Trong thời hạn này, Thẩm phán có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp cho Tòa án tài liệu làm cơ sở ra quyết định nếu xét thấy cần thiết. Thời hạn trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án. Tuy vậy, thực tiễn TTDS tại Tòa án thời gian qua cho thấy, các cơ quan, tổ chức, cá nhân thường không thực hiện đúng thời hạn cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Và chắc chắn, tình trạng này cũng sẽ xảy ra tương tự khi Tòa án thực hiện Luật HGĐT. Khi đó, Thẩm phán sẽ không thể đủ căn cứ để ra quyết định công nhận trong thời hạn 15 ngày nêu trên. Trong khi Luật HGĐT lại không quy định trường hợp gia hạn hoặc kéo dài thời hạn chuẩn bị ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành. Thiết nghĩ, để tạo điều kiện thuận lợi cho các bên tham gia HG ĐT và phát huy được ý nghĩa của thiết chế này, cần bổ sung quy định kéo dài thời hạn chuẩn bị ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành từ 10 đến 15 ngày tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật này.

*Thứ tư, về một số biểu mẫu, sổ sách sử dụng trong quá trình thực hiện trình tự, thủ tục hòa giải, đối thoại tại Tòa án.*

Hiện nay, một số biểu mẫu áp dụng trong HGĐT đã được ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC ngày 16/112020 của TAND tối cao, trong đó có các biểu mẫu như Giấy mời tham gia phiên HGĐT, phiên họp ghi nhận kết quả HGĐT; Thông báo hoãn phiên họp ghi nhận kết quả HGĐT, phía cuối biểu mẫu có ghi HGV ký và ghi rõ họ tên, nhưng không có hướng dẫn cụ thể về việc Tòa án có phải đóng dấu xác nhận vào các văn bản này của HGV khi phát hành cho các bên tham gia HGĐT hay không? Giải pháp tại các Tòa án hiện nay là đóng dấu của Tòa án. Bên cạnh đó, Thông tư này cũng chưa ban hành biểu mẫu Quyết định phân công thẩm phán phụ trách hòa giải, quyết định phân công thẩm phán xem xét ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành và Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành. Các mẫu sổ sách và biểu mẫu thống kê được sử dụng trong quá trình HG ĐT tại Tòa án cũng chưa được ban hành để áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Do đó, để việc áp dụng Luật được thống nhất, tác giả kiến nghị TAND tối cao cần sớm ban hành bổ sung các biểu mẫu này.

Một vướng mắc khác các Tòa án đang gặp là khi HGV chuyển biên bản cùng tài liệu kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính để ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong trường hợp các bên có yêu cầu thì Tòa án có phải vào sổ thụ lý yêu cầu và ra thông báo thụ lý yêu cầu gửi cho các bên tham gia HG ĐT và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp hay không? Các quyết định công nhận hoặc không công nhận do Thẩm phán ban hành có được tính vào số liệu giải quyết hàng năm của Tòa án các cấp và của cá nhân Thẩm phán hay không? Qua trao đổi với các đồng nghiệp công tác tại TAND hai cấp thành phố Hải Phòng là địa phương thực hiện thí điểm hòa giải, đối thoại được biết, các tòa án thực hiện hoạt động vào sổ thụ lý yêu cầu và thông báo cho VKS cùng cấp, các bên tham gia HGĐT được biết. Số liệu thụ lý và ra quyết định được tính vào số liệu giải quyết hàng năm của Tòa án. Tuy vậy, để có đủ căn cứ pháp lý cho các Tòa án thực hiện thống nhất thì TAND tối cao cũng cần có hướng dẫn kịp thời về nội dung này.

*Thứ năm, về sự chưa tương thích giữa một số quy định của BLTTDS năm 2015, Luật TTHC 2015, Luật Thi hành án dân sự và Luật HGĐT*

Hiện nay, Luật HGĐT có một số quy định liên quan đến các Bộ luật và Luật khác, chẳng hạn như quy định về xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu; quy định về hiệu lực thi hành của quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành nhưng trong BLTTDS, Luật TTHC và Luật Thi hành án dân sự lại chưa có các quy định cụ thể để đảm bảo tính tương thích, đồng bộ. Do đó, tác giả kiến nghị cần sớm sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan trong các Bộ luật và Luật nêu trên để khắc phục vấn đề này.

Hòa giải, đối thoại tại Tòa án là một thiết chế mới tại Việt Nam, do vậy trong quá trình triển khai trên thực tế như đã phân tích sẽ không thể tránh khỏi sự vướng mắc, khó khăn, nhất là đối với các Tòa án không tiến hành triển khai thí điểm HGĐT trước khi Luật HGĐT được ban hành. Để nâng cao hiệu quả thi hành Luật trong thời gian tới, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần tiếp tục kịp thời có văn bản hướng dẫn cụ thể để tránh bất cập, vướng mắc. Có như vậy mới góp phần cho việc thực thi Luật HGĐT trong mối tương quan với pháp luật tố tụng trên thực tế được thuận lợi, thành công./.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

 1. Gordon J. Low- Thẩm phán cấp cao Mỹ chia sẻ tại Hội nghị tập huấn kỹ năng hòa giải, đối thoại tại Tòa án do TAND tối cao và Đại sứ quán Mỹ tổ chức tháng 12,2020.

Quốc Hội, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, năm 2020.

3. Viện ngôn ngữ học, Từ điển tiếng Việt, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2000.

**HOÀ GIẢI TRỰC TUYẾN TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ**

***Đào Thị Diệu Thương[[274]](#footnote-274)\****

*TÓM TẮT: Hiện nay, một số các quốc gia trên thế giới đã xây dựng cơ chế cho phép giải quyết tranh chấp trực tuyến, điển hình là Liên minh Châu Âu[[275]](#footnote-275). Cơ chế này không chỉ áp dụng với các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (như hoà giải, thương lượng, trọng tài,...) mà cả với hoạt động tố tụng tại Toà án[[276]](#footnote-276). Trong xu hướng phát triển ngày càng mạnh của công nghệ số, đặc biệt trước bối cảnh bùng phát của dịch bệnh COVID 2019, chúng ta cần nhanh chóng áp dụng hình thức trực tuyến trong hoạt động tố tụng để nhiệm vụ bảo vệ công lý của Toà án không bị trì hoãn. Một trong những hoạt động tố tụng quan trọng không kém phòng xử án ảo đó chính là hoà giải trực tuyến trong tố tụng dân sự. Đây là hoạt động tố tụng do toà án tiến hành nhằm giúp đỡ các đương sự thoả thuận với nhau về giải quyết vụ án dân sự được tổ chức tại phòng hoà giải, có sử dụng các thiết bị điện tử kết nối với nhau thông qua môi trường mạng, cho phép đương sự, người tham gia tố tụng khác,… tham gia phiên hoà giải tại địa điểm ngoài phòng hoà giải vào cùng một thời điểm. Bài viết sẽ làm rõ nhu cầu hoà giải trực tuyến trong tố tụng dân sự hiện nay cũng như những thách thức với Việt Nam khi thực hiện phương thức này.*

***Từ khoá:*** *hoà giải, giải quyết tranh chấp, trực tuyến, tố tụng.*

**1. Đặt vấn đề**

Hiện nay một số quốc gia trên thế giới đã xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến. Điển hình là Liên minh Châu Âu với các cơ chế như giải quyết tranh chấp tiêu dùng trực tuyến, giải quyết tranh chấp tên miền .eu. Tuy nhiên, phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến này thường được biết đến chủ yếu với các hình thức ngoài tố tụng. Hiện nay, trước nhu cầu phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và sự bùng phát của đại dịch Covid thì giải quyết tranh chấp trực tuyến theo con đường tố tụng tại Toà án đã dẫn trở thành xu hướng phổ hiện nay với sự xuất hiện của Toà án điện tử. Triển khai Tòa án điện tử là sử dụng công nghệ để hỗ trợ các hoạt động của Tòa án theo các công đoạn, quy trình nghiệp vụ:

• Khai án trực tuyến (e-filing)

• Thanh toán trực tuyến (e-payment)

• Hầu tòa trực tuyến (e-summon)

• Tố tụng trực tuyến (e-litigation)

• Xử án và tuyên án trực tuyến (e-judgement)[[277]](#footnote-277)

Bài viết này sẽ đề cập đến một giai đoạn tố tụng tại Toà án được thực hiện bằng phương thức trực tuyến đó là hoà giải trực tuyến trong tố tụng dân sự.

**2. Nhu cầu của việc giải quyết tranh chấp trực tuyến ở Việt Nam**

***2.1. Nhu cầu chuyển đổi số và xây dựng Toà án điện tử trước sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0***

Cách mạng Công nghiệp 4.0 (hay Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư) là sự ra đời của một loạt các công nghệ mới, kết hợp tất cả các kiến thức trong lĩnh vực vật lý, kỹ thuật số, sinh học, và ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực, nền kinh tế, các ngành kinh tế và ngành công nghiệp[[278]](#footnote-278). Trong đó, những yếu tố cốt lõi của Kỹ thuật số bao gồm: Trí tuệ nhân tạo (AI), Vạn vật kết nối – Internet of Things (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data).

Cách mạng công nghệ 4.0 tạo điều kiện thuận lợi cho việc tạo ra các nhà máy thông minh, sự phát triển của internet vạn vật giúp tạo ra bản sao ảo của thế giới vật lý, cho phép mọi người ở khắp nơi trên thế giới kết nối với nhau thông qua mạng internet dịch vụ qua các thiết bị di động ở mọi nơi.

Chính vì những lợi ích trên của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 nên đòi hỏi chúng ta phải thật sự nghiêm túc  trong việc ứng dụng nó nhằm thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa nói chung và trước hết phải đi từ các bộ máy quản lí nhà nước. Để hiện thực hoá được điều này, chuyển đổi số đóng một vai trò quan trọng trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Tại Việt Nam, khái niệm “Chuyển đổi số” thường được hiểu theo nghĩa là quá trình thay đổi từ mô hình tổ chức truyền thống sang mô hình tổ chức số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet cho vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud) không chỉ tại các doanh nghiệp mà trong cả các lĩnh vực khác của xã hội như chính phủ, truyền thông đại chúng, y học, khoa học...Thời gian qua, chúng ta đã chứng kiến những bước phát triển vượt bậc với sự xuất hiện của Chính phủ điện tử. Trong xu hướng chung đó, sự xuất hiện của “Tòa án trực tuyến” cũng là một điều tất yếu. Hiện tại, một số quốc gia trên thế giới đã áp dụng hiệu quả mô hình này giúp rút ngắn thời gian tiếp nhận và thụ lý án đồng thời giảm các án tồn đọng tại Toà án điển hình như Australia, Trung Quốc,...

***2.2. Sự bùng nổ của đại dịch Covid 2019***

Đại dịch Covid - 2019 là [đại dịch](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_d%E1%BB%8Bch) [bệnh truyền nhiễm](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%87nh_truy%E1%BB%81n_nhi%E1%BB%85m) với tác nhân là [virus](https://vi.wikipedia.org/wiki/Virus) [SARS-CoV-2](https://vi.wikipedia.org/wiki/SARS-CoV-2) và [các biến thể của nó](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1c_bi%E1%BA%BFn_ch%E1%BB%A7ng_c%E1%BB%A7a_SARS-CoV-2) đang diễn ra trên phạm vi [toàn cầu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_gi%E1%BB%9Bi). Khởi nguồn vào cuối tháng 12 năm 2019 với tâm dịch đầu tiên tại [thành phố](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_ph%C3%B3_t%E1%BB%89nh) [Vũ Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C5%A9_H%C3%A1n) thuộc [miền Trung Trung Quốc đại lục](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%8Ba_l%C3%BD_Trung_Qu%E1%BB%91c), bắt nguồn từ một nhóm người mắc [viêm phổi](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%C3%AAm_ph%E1%BB%95i) không rõ nguyên nhân. Giới chức [y tế](https://vi.wikipedia.org/wiki/Y_t%E1%BA%BF) địa phương xác nhận rằng trước đó họ đã từng tiếp xúc, chủ yếu với những [thương nhân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%C6%A1ng_gia) buôn bán và làm việc tại [chợ bán buôn hải sản Hoa Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A3_b%C3%A1n_bu%C3%B4n_h%E1%BA%A3i_s%E1%BA%A3n_Hoa_Nam). Các nhà khoa học Trung Quốc đã tiến hành [nghiên cứu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nghi%C3%AAn_c%E1%BB%A9u) và phân lập được một chủng [coronavirus](https://vi.wikipedia.org/wiki/Coronavirus) mà [Tổ chức Y tế Thế giới](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%95_ch%E1%BB%A9c_Y_t%E1%BA%BF_Th%E1%BA%BF_gi%E1%BB%9Bi) lúc đó tạm gọi là [2019-nCoV](https://vi.wikipedia.org/wiki/2019-nCoV).

Các ca nghi nhiễm đầu tiên ở [Vũ Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C5%A9_H%C3%A1n) được báo cáo vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trường hợp tử vong do SARS-CoV-2 đầu tiên xảy ra ở [Vũ Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C5%A9_H%C3%A1n) vào ngày 9 tháng 1 năm 2020. Các ca nhiễm virus đầu tiên được xác nhận bên ngoài Trung Quốc bao gồm hai người phụ nữ ở [Thái Lan](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_Lan) và một người đàn ông ở [Nhật Bản](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BA%ADt_B%E1%BA%A3n). Sự lây nhiễm virus từ người sang người đã được xác nhận cùng với [tỷ lệ](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%B7_l%E1%BB%87) bùng phát dịch tăng vào giữa tháng 1 năm 2020.  Ngày 11 tháng 3 năm 2020, [Tổ chức Y tế Thế giới](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%95_ch%E1%BB%A9c_Y_t%E1%BA%BF_Th%E1%BA%BF_gi%E1%BB%9Bi) (WHO) ra tuyên bố gọi "[COVID-19](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%87nh_virus_corona_2019)" là "[Đại dịch toàn cầu](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_d%E1%BB%8Bch)"[[279]](#footnote-279). Đến ngày 10/9, thế giới có trên 223,8 triệu người mắc COVID-19, trong đó hơn 4,61 triệu trường hợp đã tử vong vì đại dịch này[[280]](#footnote-280).

Để ứng phó với đại dịch này, [Chính phủ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_ph%E1%BB%A7) các quốc gia trên thế giới đã tiến hành biện pháp nhằm bảo vệ [sức khỏe](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%E1%BB%A9c_kh%E1%BB%8Fe) người dân bao gồm: [hạn chế đi lại](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A1n_ch%E1%BA%BF_%C4%91i_l%E1%BA%A1i_li%C3%AAn_quan_%C4%91%E1%BA%BFn_%C4%91%E1%BA%A1i_d%E1%BB%8Bch_COVID-19), [phong tỏa kiểm dịch](https://vi.wikipedia.org/wiki/Phong_t%E1%BB%8Fa_d%E1%BB%8Bch_b%E1%BB%87nh), ban bố [tình trạng khẩn cấp](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%ACnh_tr%E1%BA%A1ng_kh%E1%BA%A9n_c%E1%BA%A5p), sử dụng [lệnh giới nghiêm](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%87nh_gi%E1%BB%9Bi_nghi%C3%AAm), tiến hành [cách ly xã hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1ch_ly_x%C3%A3_h%E1%BB%99i_%28d%E1%BB%8Bch_b%E1%BB%87nh%29), hủy bỏ các sự kiện đông người, đóng cửa trường học và những cơ sở [dịch vụ](https://vi.wikipedia.org/wiki/D%E1%BB%8Bch_v%E1%BB%A5), [kinh doanh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_doanh) ít quan trọng, khuyến khích người dân tự nâng cao ý thức phòng bệnh, đeo khẩu trang, hạn chế ra ngoài khi không cần thiết, đồng thời chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh, học tập, làm việc từ truyền thống sang [trực tuyến](https://vi.wikipedia.org/wiki/Internet). Có thể nói, các biện pháp này đã làm thay đổi cục diện về hình thức hoạt động của các tổ chức trên toàn thế giới. Nếu như trước đây, khi chưa có sự bùng phát của đại dịch này thì trước nhu cầu của chuyển đổi số và sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, mô hình Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, Toà án điện tử cũng đã xuất hiện. Tuy nhiên, trước sự bùng phát của đại dịch Covid 2019 với sự lây nhiễm từ người sang người qua đường tiếp xúc trực tiếp, gián tiếp (qua các vật dụng hoặc bề mặt bị nhiễm mầm bệnh), hoặc tiếp xúc gần với người nhiễm bệnh qua dịch tiết từ miệng và mũi[[281]](#footnote-281) thì nhu cầu chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh, học tập, làm việc từ truyền thống sang [trực tuyến](https://vi.wikipedia.org/wiki/Internet) là một điều tất yếu. Đây chính là một trong những nguyên nhân để việc giải quyết tranh chấp trực tuyến với mô hình Toà án điện tử nhanh chóng trở thành hiện thực.

***2.3. Sự phát triển của phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến***

Bên cạnh phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống tại Toà án thì trong nhiều năm qua, Việt Nam đã thúc đẩy việc sử dụng các biện pháp giải quyết tranh chấp thay thế (Alternative Dispute Resolution- ADR) để thay cho giải quyết tranh chấp tại toà án khá hiệu quả bởi hàng loạt những ưu điểm như nhanh chóng, linh hoạt, tiết kiệm[[282]](#footnote-282). Tuy nhiên, trước sự phát triển của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 và sự bùng nổ của đại dịch Covid 2019 thì cả phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống cũng như các biện pháp giải quyết thay thế như trọng tài, hoà giải, thương lượng đã được chứng minh là không có nhiều lợi thế. Không giống như các quy trình giải quyết tranh chấp khác, Online Dispute Resolution - ODR dựa trên các hình thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR) và toà án thông qua môi trường trực tuyến[[283]](#footnote-283). Đó là một cơ chế nhanh chóng, linh hoạt, hiệu quả và không tốn kém để xử lý các tranh chấp mà không bị giới hạn bởi ranh giới quốc gia, lãnh thổ hoặc trong điều kiện giãn cách xã hội, hạn chế đi lại, tiếp xúc trước bối cảnh dịch bệnh Covid 2019 bùng phát như hiện nay. Ở Việt Nam hiện nay tuy chưa phổ biến nhưng đã xuất hiện một số hình thức giải quyết tranh chấp thay thế bằng con đường trực tuyến. Điển hình phải kể đến đó là hoà giải thương mại trực tuyến[[284]](#footnote-284) đã bước đầu tạo điều kiện cho việc hình thành giải quyết tranh chấp trực tuyến tại Việt Nam. Tuy nhiên, với phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống tại Toà án thì mô hình trực tuyến hiện nay vẫn chưa chính thức được thực hiện trên thực tế. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 trên thế giới vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp và chưa có dấu hiệu dừng lại; nhằm tránh tập trung đông người, hạn chế lây lan dịch bệnh trong phòng xét xử, hệ thống Tòa án đã phải hạn chế/tạm dừng mở phiên tòa – phiên họp, tiếp công dân và một số hoạt động khác…Tuy nhiên về lâu dài khi chưa có biện pháp ngăn chặn dịch bệnh một cách triệt để mà vẫn tiếp tục tạm dừng xét xử và một số hoạt động tố tụng; kéo dài thời hạn giải quyết các tranh chấp sẽ dễ gây bức xúc trong dư luận và mất lòng tin của quần chúng nhân dân đối với hệ thống pháp luật. Trước bối cảnh đó, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, Toà án bắt đầu từng bước thực hiện mô hình “Toà án điện tử” theo Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Với mô hình này, tất cả các công đoạn, quy trình nghiệp vụ sẽ được thực hiện một cách trực tuyến đó là: tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, phân công xử lý án cho Thẩm phán, Thư ký Toà án,....Hiện nay, ngành Toà án đang nhanh chóng triển khai mô hình Toà án điện tử vào thực tiễn nhưng trước hết việc xét xử trực tuyến thay cho xét xử tập trung sẽ được ưu tiên thực hiện trước. Bên cạnh mô hình xét xử trực tuyến, phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng cần nhanh chóng được triển khai bởi lẽ theo quy định tại Điều 10 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án có trách nhiệm tiến hành hoà giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự nên với những vu việc nếu chưa tổ chức phiên họp này sẽ chưa thể đưa ra xét xử dù rằng đã triển khai xét xử trực tuyến. Ngoài ra, xét dưới góc độ tổ chức trực tuyến thì phiên toà xét xử hay phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng đều dựa trên nền tảng hoạt động của internet với cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật tương đồng nhau như kết nối internet; các phần mềm: Vmeet, các phần mềm gọi video trên máy tính (SureMeet – Lạc Việt, MegaMeeting – Mobifone, Zoom, Google Meet);...

Như vậy, trước những nhu cầu của xã hội hiện nay, phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống bằng con đường Toà án cũng đang dần dần chuyển sang hình thức trực tuyến. Trong giai đoạn đầu triển khai mô hình Toà án điện tử, xét xử trực tuyến và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải sẽ là những quy trình nghiệp vụ được ưu tiên đưa vào áp dụng.

**3. Những thách thức khi áp dụng hoà giải trực tuyến trong tố tụng dân sự ở Việt Nam**

Việc giải quyết tranh chấp tại Toà án nói chung cũng như triển khai phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải thông qua ODR có nhiều lợi thế so với các phương pháp truyển thống. Tuy nhiên, hiện nay việc tổ chức phiên họp hoà giải trực tuyến trong tố tụng dân sự ở Việt Nam đặt ra một số thách thức nhất định, cụ thể như sau:

***3.1. Cơ sở pháp lý***

Trước nhu cầu chuyển đổi số, sự bùng nổ của đại dịch Covid và thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước theo Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Toà án bắt đầu từng bước thực hiện mô hình “Toà án điện tử” trong đó có triển khai thực hiện phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Để tạo tiền đề cho bước đầu triển khai mô hình Toà án điện tử, đã có một số các quy định và văn bản pháp lý quy định về vấn đề này như sự thừa nhận của hình thức nộp đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Toà án[[285]](#footnote-285). Ngày 12 tháng 11 năm 2021, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 33/2021/QH15 về tổ chức phiên toà trực tuyến có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. Có thể nói, đây là văn bản pháp lý chính thức đầu tiên quy định về phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến tại Toà án. Theo đó, Toà án nhân dân được tổ chức phiên tòa trực tuyến để xét xử sơ thẩm, phúc thẩm vụ án dân sự có tình tiết, tính chất đơn giản, tài liệu, chứng cứ rõ ràng, trừ các vụ án liên quan đến bí mật Nhà nước. Nghị quyết cũng xác định phiên tòa trực tuyến được tổ chức tại phòng xử án, có sử dụng các thiết bị điện tử kết nối với nhau thông qua môi trường mạng. Cho phép các đương sự, người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa tại địa điểm ngoài phòng xử án do Tòa án quyết định nhưng vẫn bảo đảm trực tiếp theo dõi đầy đủ hình ảnh, âm thanh và tham gia các trình tự, thủ tục tố tụng của phiên tòa bằng lời nói, hành vi tố tụng, công khai, cùng một thời điểm. Việc tổ chức phiên tòa phải tuân thủ các quy định pháp luật, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, đảm bảo sự tôn nghiêm của phiên tòa. Mặc dù đây là một văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp đối với việc tổ chức phiên toà trực tuyến tuy nhiên cũng có thể coi văn bản này là nền tảng pháp lý quan trọng để tiến tới mô hình hoà giải trực tuyến trong tương lai. Bên cạnh các quy định trực tiếp trong hoạt động tố tụng tại Toà án, cũng đã có một số quy định về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số để hỗ trợ cho cá nhân, cơ quan, tổ chức nếu lựa chọn phương thức khởi kiện trực tuyến cũng như cung cấp các tài liệu, chứng cứ, cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử. Để tiến tới thực hịện mô hình Toà án điện tử, Toà án nhân dân tối cao đã và đang triển khai rất nhiều hoạt động và dự án trên thực tế. Tháng 01/2021, Văn phòng Chính phủ và Toà án nhân dân tối cao đã ký Quy chế phối hợp trong công tác xây dựng Chính phủ điện tử, Tòa án điện tử phục vụ chỉ đạo, điều hành và cải cách hành chính[[286]](#footnote-286). Trên cơ sở Quy chế này, Tòa án nhân dân Tối cao đã kết nối thành công, liên thông gửi, nhận văn bản điện tử trên Trục liên thông văn bản quốc gia; tích hợp, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến của Tòa án nhân dân trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, gồm: Tra cứu bản án, quyết định của Tòa án, Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán, án lệ; nộp đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ; đăng ký nhận các thông báo, văn bản tố tụng bằng phương thức điện tử; đăng ký cấp bản sao bản án, tài liệu trong hồ sơ vụ án; thanh toán tạm ứng án phí được thí điểm tại thành phố Hà Nội. Bên cạnh đó, Toà án nhân dân tối cao Việt Nam cũng đang phối hợp với Toà án tối cao Hàn Quốc triển khai thực hiện Dự án tăng cường tính minh bạch và nâng cao chất lượng xét xử đồng thời kết hợp với Bộ Thông tin và truyền thông để từng bước tạo nền tảng xây dựng Toà án điện tử trong tương lai.

Mặc dù đã tiến hành nhiều hoạt động thực tế và có quy định về một số quy trình nghiệp vụ để tiến tới xây dựng mô hình Toà án điện tử nhưng hiện nay chưa có một văn bản pháp lý chính thức nào về vấn đề này nói chung cũng như phương pháp hoà giải trực tuyến nói riêng. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có thể nói là văn bản pháp lý cơ bản để điều chỉnh về trình tự thủ tục giải quyết một vụ việc dân sự tại Toà án nhưng cũng chỉ có một số ít quy định tạo tiền đề cho việc tổ chức một phiên toà hoặc phiên họp hoà giải trực tuyến mà chưa có quy định trực tiếp nào về phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến nói chung cũng như hoà giải trực tuyến trong tố tụng dân sự nói riêng. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 trên thế giới vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp và chưa có dấu hiệu dừng lại, việc triển khai mô hình Toà án điện tử trở nên cấp bách hơn bao giờ hết, Toà án nhân dân tối cao đã ban hành dự thảo Quy chế tổ chức phiên toà trực tuyến tuy nhiên đến nay vẫn chưa được ban hành chính thức.

***3.2. Phát triển hạ tầng số***

Ở bất kỳ một quốc gia nào, sự thành công của phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến phụ thuộc khá nhiều vào các vấn đề kỹ thuật và công nghệ. Để đưa hoà giải trực tuyến trong tố tụng nhanh chóng được triển khai trên thực tế thì đây cũng là một thách thức lớn với ngành Toà án. Trên thực tế hiện nay đã có rất nhiều Toà án đang triển khai nhiều quy trình nghiệp vụ dựa trên nền tảng công nghệ như TAND tỉnh An Giang triển khai phần mềm VNPT - ioffice (do Tập đoàn VNPT sản xuất) là hệ thống phần mềm sử dụng công nghệ điện toán đám mây - công nghệ tiên tiến và phổ biến nhất hiện nay, bảo đảm kết nối liên thông văn bản giữa tòa án cấp tỉnh và cấp huyện[[287]](#footnote-287); một số Toà án đã tiến hành số hoá hồ sơ[[288]](#footnote-288). Hiện nay, Hội nghị trực tuyến mà ngành Tòa án đang sử dụng là một cải cách mạnh mẽ về phương thức hội họp, đem lại hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí và thời gian rất nhiều so với việc tổ chức hội nghị, phiên họp, truyền thống. Theo đó cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật mà ngành Toà án đã có như:

- Phòng xét xử đã được trang bị hệ thống âm thanh, hình ảnh: ampli, loa, micro, máy vi tính, màn hình hiển thị (Tivi hoặc máy chiếu), camera, máy fax, scan…

- Kết nối internet: đường truyền riêng cho ngành Tòa án (đang phục vụ cho hội nghị trực tuyến) và các đường truyền dịch vụ khác (do mỗi Tòa địa phương thuê để phục vụ riêng) có tính ổn định cao và tốc độ nhanh đủ để đáp ứng nhu cầu để thiết lập hệ thống trực tuyến.

- Các phần mềm: Vmeet (đang dùng để sử dụng hội nghị trực tuyến), các phần mềm gọi video trên máy tính (SureMeet – Lạc Việt, MegaMeeting – Mobifone, Zoom, Google Meet, …), đa số miễn phí nhưng chất lượng ổn định, và lưu lại được video diễn biến cả phiên tòa[[289]](#footnote-289).

Mặc dù hiện nay đã có khá nhiều các phương tiện hỗ trợ cho Toà án triển khai mô hình Toà án điện tử với việc mở phiên toà, phiên họp hoà giải trực tuyến nhưng vẫn còn rời rạc, chưa mang tính hệ thống[[290]](#footnote-290), chưa có một bộ phận chuyên nghiệp hỗ trợ cho Toà án. Bên cạnh đó, các hạ tầng cơ bản khác như chất lượng đường truyền internet, sự ổn định của điện nguồn cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng nhiều đến khả năng triển khai mô hình Toà án điện tử tại Việt Nam trong tương lai.

**4. Giải pháp để áp dụng hoà giải trực tuyến trong tố tụng dân sự ở Việt Nam**

Để có thể sớm triển khai mô hình Toà án điện tử nói riêng cũng như phiên toà, phiên họp hoà giải trực tuyến tác giả cho rằng cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Nhà nước cần nhanh chóng triển khai mô hình Toà án điện tử vào thực tiễn. Mô hình này sẽ mang lại rất nhiều lợi ích, như: nâng cao khả năng tiếp cận công lý, giảm các thủ tục và chi phí không cần thiết cho các đương sự, đặc biệt là những đương sự ở các khu vực xa trung tâm hay khu vực nông thôn; Hỗ trợ Thẩm phán, bất kể ở khu vực địa lý nào, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn hiệu quả hơn; Hỗ trợ bộ phận quản lý hành chính Tòa án thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được dễ dàng hơn. Các cơ quan hữu quan như Viện kiểm sát cũng cần sớm triển khai các hoạt động nghiệp vụ trên mạng internet và bảo đảm rằng hệ thống này thuận tiện đối với người dân, tạo điều kiện cho người dân có thể dễ dàng tiếp cận công lý[[291]](#footnote-291).

- Nhanh chóng xây dựng một khung pháp lý vững chắc với các đạo luật và văn bản hướng dẫn thi hành; hoàn thiện và ban hành Quy chế tổ chức phiên toà trực tuyến để có cơ sở pháp lý cho việc triển khai mô hình Toà án điện tử trên thực tế. Ngoài ra, theo quan điểm của tác giả, khi đã triển khai được phiên toà trực tuyến thì phiên họp trực tuyến giải quyết việc dân sự cũng như phiên họp hoà giải sẽ là những quy trình tố tụng dễ dàng được triển khai theo bởi những điểm tương đồng của chúng[[292]](#footnote-292). Với vai trò quan trọng của phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải trong tố tụng dân sự thì việc sớm được triển khai sẽ góp phần đưa mô hình Toà án điện tử với tất cả các giai đoạn tố tụng nhanh chóng trở thành hiện thực mà không chỉ dừng lại mô hình phiên toà trực tuyến. Tác giả đề xuất một số nội dung cần được cụ thể hoá trong các quy định của pháp luật để triển khai mô hình hoà giải trực tuyến như sau:

***Thứ nhất,*** về n**guyên tắc tổ chức phiên hoà giải trực tuyến**

**+** Tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và người tham gia tố tụng khác.

+ Bảo đảm bí mật, an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

***Thứ hai,* về phạm vi mở phiên hoà giải trực tuyến**

Áp dụng đối với các vụ án dân sự có tính chất đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có địa chỉ nơi cư trú, trụ sở rõ ràng.

***Thứ ba,* về điều kiện tổ chức phiên hoà giải trực tuyến**

**Việc tổ chức phiên hoà giải trực tuyến được thực hiện khi các đương sự có đơn đề nghị mở phiên tòa trực tuyến; Viện kiểm sát có văn bản đồng ý mở phiên hoà giải trực tuyến.**

***Thứ tư,* yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ đối với các điểm cầu**

**+ Phòng hoà giải (điểm cầu chính) phải được trang bị hệ thống trực tuyến bao gồm trang thiết bị điện tử, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin riêng biệt với trang thiết bị công nghệ thông tin thông thường khác của Tòa án.**

**+ Điểm cầu thành phần đối với phiên hoà giải trực tuyến phải đảm bảo không gian tại điểm cầu lịch sự, nghiêm túc, yên tĩnh; ánh sáng phù hợp không gian, tránh ngược sáng, màu sắc phản cảm; bảo đảm hình ảnh, không gian xung quanh người tham gia được hiển thị đầy đủ trên màn hình trình chiếu; các thiết bị điện tử phù hợp bảo đảm việc truyền âm thanh và hình ảnh tại phiên họp được thực hiện rõ nét, không gián đoạn. Ngoài những nội dung cơ bản trên, cần quy định chi tiết về các yêu cầu khi tham gia cũng như trình tự, thủ tục tố tụng tại phiên hoà giải trực tuyến.**

- Đẩy nhanh việc hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tiến tới hoàn thành việc cấp căn cước công dân có gắn chíp điện tử quốc gia kèm theo chữ ký điện tử cá nhân cho công dân. Đây là nền tảng cho việc triển khai các quy trình nghiệp vụ trực tuyến trong mô hình Toà án điện tử.

- Đẩy mạnh hoàn thiện lộ trình Toà án điện tử với việc đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ - kỹ thuật. Việc nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ, thiết bị, kỹ thuật cho các phiên toà, phiên họp để đảm bảo việc truyền tải thông suốt nội dung dữ liệu, âm thanh, hình ảnh, chất lượng tương tác trong quá trình phiên toà, phiên họp diễn ra là yêu cầu tiên quyết đối với mô hình này. Hiện nay trên thế giới, hệ thống Tòa án của một số quốc gia đã tiến hành và thành công trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của mình, ngoài hệ thống Tòa án của Trung Quốc còn có hệ thống Tòa án của Australia, Singapore, Malaysia. Qua kinh nghiệm của các nước, chúng ta có thể học hỏi các phương án cụ thể như sau:

+ Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến:

Việc nộp đơn bằng văn bản có nhiều hạn chế như việc lưu trữ văn bản chiếm quá nhiều diện tích, việc tìm kiếm văn bản gặp nhiều khó khăn và phụ thuộc rất nhiều vào các cán bộ văn thư lưu trữ. Việc di chuyển các tài liệu từ nơi này qua nơi khác cũng dẫn đến việc mất mát hoặc thất lạc tài liệu. Ngoài ra, nếu hồ sơ không được lưu giữ cẩn thận cũng có thể xảy ra khả năng hồ sơ bị hư hỏng.

Với việc áp dụng hệ thống nộp đơn tài liệu chứng cứ qua mạng sẽ được nộp bằng bản mềm và được nhập vào hệ thống máy chủ của Tòa án mà không cần phải in ra. Những tài liệu này sẽ được quản lý trên máy tính và sẽ được đánh mã số để phục vụ cho việc tìm kiếm. Như vậy đương sự hoặc luật sư có thể trực tiếp nộp đơn qua mạng internet từ nhà riêng, văn phòng hoặc bất kỳ nơi đâu. Ngoài ra, hệ thống còn có thể tự động phân công xử lý án đến Thẩm phán, Thư lý Toà án; tự động đánh giá tính đầy đủ hợp lệ của hồ sơ vụ án.

+ Phòng xử án điện tử là phòng xử án ảo, các chủ thể là thành phần của một phiên tòa sẽ tham gia vào phiên xét xử giống như một hội nghị video được thiết lập bởi Skype nếu cần có thể liên hệ với các cơ quan, tổ chức liên quan cũng thông qua hình thức này mà không cần các chủ thể phải có mặt tập trung tại phòng xử án thông thường. Bên cạnh những cơ sở hạ tầng có sẵn, Toà án cần trang bị thêm các phương tiện công nghệ cao như camera thông minh, trí tuệ nhân tạo có thể nhận diện, phân tích cử chỉ, cảm xúc của các đương sự khi tranh tụng; công nghệ hỗ trợ vừa ghi âm, nhận dạng giọng nói, hệ thống sẽ hỗ trợ tự động bóc tách thành biên bản lời khai; tích hợp công nghệ giúp phát hiện ra những điểm bất thường của những người tham gia tố tụng như người làm chứng khi trình bày lời khai,.... Hiện nay, ở một số quốc gia trên thế giới đã thiết lập một nền tảng độc lập hỗ trợ cho toà án, cơ quan khác hoặc trung tâm hoà giải trong việc giải quyết tranh chấp trực tuyến như nền tảng giải quyết tranh chấp trực tuyến Matterhorn[[293]](#footnote-293). Đây cũng là một giải pháp mà chúng ta cũng có thể học hỏi trong tương lại khi mà mô hình Toà án điện tử được triển khai chính thức trên thực tế. Để sử dụng hiệu quả những phương tiện công nghệ này thì các chủ thể tiến hành tố tụng và chủ thể tham gia tố tụng cũng phải thích nghi với công nghệ trực tuyến, bởi các kỹ năng, thao tác của mỗi bên tham gia tố tụng trong phiên toà, phiên họp trực tuyến có sự khác biệt với phương pháp truyền thống.

+ Xây dựng hệ thống quản lý án điện tử, tối ưu hoá hoạt động nội bộ của Toà án và với các cơ quan liên quan.

Hệ thống quản lý án điện tử là một ứng dụng phần mềm kết nối với mạng internet được xây dựng nhằm quản lý và giám sát các vụ án từ khi thụ lý đến khi được giải quyết xong. Hệ thống này sẽ ghi lại các vụ án, quản lý danh sách các vụ án sẽ được xét xử, ghi lại những lệnh của Tòa án và kết quả của từng vụ án. Hệ thống quản lý án điện tử giúp các cán bộ chuyên trách quản lý án; hỗ trợ thư ký sắp xếp lịch và hồ sơ các vụ án sẽ được xét xử; hỗ trợ Thẩm phán trong việc đưa ra phán quyết; đồng thời là nguồn thông tin số liệu về hoạt động của Tòa án[[294]](#footnote-294).

Hệ thống quản lý án điện tử đã giúp Tòa án thực hiện các quy trình, thủ tục mang tính chất lặp đi lặp lại một cách chính xác hơn, nhanh hơn và chi phí thấp hơn so với khi làm thủ công. Nếu như trước đây, việc đăng ký một vụ án phải mất vài ngày với sự tham gia của nhiều cán bộ Tòa án thì khi hệ thống này được áp dụng, việc đăng ký như vậy chỉ mất vài phút và do một cán bộ đảm nhiệm. Hiện nay, ngành Toà án đã triển khai thực hiện hệ thống quản lý án điện tử, tuy nhiên để xây dựng mô hình Toà án điện tử cần phải đặt hệ thống này trong một thể thống nhất, được tích hợp với hoạt động nội bộ của Toà án. Cụ thể là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của hệ thống Toà án khi đăng nhập một lần vào nền tảng có thể thực hiện được tất cả các công việc của mình đồng thời có thể khai thác những thông tin cơ bản của các vụ việc từ hệ thống quản lý án điện tử.

Bên cạnh việc tối ưu hoá hoạt động nội bộ của ngành Toà án, cần đẩy mạnh tối ưu hoá hoạt động của Toà án với các cơ quan liên quan như Viện kiểm sát, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Cơ sở dữ liệu bảo hiểm, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư,...Để thực hiện điều này đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng xây dựng và hoàn thành mục tiêu chuyển đổi số quốc gia.

**5. Kết luận**

Xuất phát từ nhu cầu thực tế và những ưu điểm vượt trội của phương pháp giải quyết tranh chấp trực tuyến nói chung cũng như phiên toà, phiên họp hoà giải nói riêng mô hình Toà án điện tử cần nhanh chóng được triển khai thực hiện trên thực tế. Bài viết đã làm rõ nhu cầu, thách thức cũng như một số giải pháp áp dụng phiên toà cũng như phiên họp hoà giải trực tuyến. Tuy nhiên, trong tương lai cần nghiên cứu thêm về từng công đoạn, quy trình nghiệp vụ để xây dựng thành công mô hình Toà án điện tử trên thực tế.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hoà giải thương mại.

3. Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTPTANDTC của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ngày 30 tháng 12 năm 2016 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử.

4. Dự thảo Quy chế tổ chức phiên toà trực tuyến do Toà án nhân dân tối cao ban hành.

5. Tài liệu tập huấn *“Nền tảng Toà án điện tử”* ngày 14 tháng 7 năm 2021, Bộ Thông tin và truyền thông.

6. Trần Anh Huy, Các vấn đề pháp lý về hợp đồng điện tử trong thời kỳ cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia: *“Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lý đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam”*, do Bộ Tư pháp tổ chức ngà 24 tháng 6 năm 2019.

7. Nguyễn Ngọc Hà (2020), *Cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến trong liên minh Châu Âu và khuyến nghị đối với Việt Nam,* Tạp chí [Khoa học pháp lý, Số 03 (133), tr. 83.](http://lib.hcmulaw.edu.vn/opac/WShowDetail.aspx?intItemID=95)

8. Arno R. Lodder &John Zeleznikow (2010), *Enhanced Dispute Resolution though the ues of information technology,* Cambridge University Press, tr.8;

9. Esther van den Heuvel (1997), *Online Dispute Resolution as a solution to cross- boder e dispute, An introduction to ODR*, OECD, tr.8;

10. Các website:

-[https://www.govtech.com/civic/sxsw-2019-utah-pajama-court-and-resolving-cases-online.html,](https://www.govtech.com/civic/sxsw-2019-utah-pajama-court-and-resolving-cases-online.html%2C) truy nhập ngày 01/8/2021.

- [https://vi.wikipedia.org/wiki/Cách\_mạng\_Công\_nghiệp\_lần\_thứ\_tư;](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1ch_m%E1%BA%A1ng_C%C3%B4ng_nghi%E1%BB%87p_l%E1%BA%A7n_th%E1%BB%A9_t%C6%B0) truy nhập ngày 01/10/2021.

-[https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i\_d%E1%BB%8Bch\_COVID-19,](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_d%E1%BB%8Bch_COVID-19%2C) truy nhập ngày 11/9/2021.

-[https://vtv.vn/the-gioi/hon-2238-trieu-ca-mac-covid-19-tren-the-gioi-bien-the-mu-co-the-gay-ra-cac-moi-lo-ngai-trong-thoi-gian-toi-20210909182525482.htm;](https://vtv.vn/the-gioi/hon-2238-trieu-ca-mac-covid-19-tren-the-gioi-bien-the-mu-co-the-gay-ra-cac-moi-lo-ngai-trong-thoi-gian-toi-20210909182525482.htm) truy nhập ngày 11/9/2021.

-[https://www.who.int/vietnam/vi/news/detail/14-07-2020-q-a-how-is-covid-19-transmitted;](https://www.who.int/vietnam/vi/news/detail/14-07-2020-q-a-how-is-covid-19-transmitted) truy nhập ngày 01/10/2021.

- <https://doi.org/10.1017/CBO9780511777554>, truy cập ngày 01/10/2021.

- <http://www.oecd.org/internet/consumer/1878940.pdf>, truy cập ngày 20/9/2020.

-[https://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/chinh-tri/van-phong-chinh-phu-toa-an-nhan-dan-toi-cao-phoi-hop-xay-dung-toa-an-dien-tu-704986.html;](https://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/chinh-tri/van-phong-chinh-phu-toa-an-nhan-dan-toi-cao-phoi-hop-xay-dung-toa-an-dien-tu-704986.html) truy nhập ngày 12/10/2021.

- [https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/huong-den-mo-hinh-toa-an-dien-tu--632554/;](https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/huong-den-mo-hinh-toa-an-dien-tu--632554/) truy nhập ngày 12/10/2021.

- <https://vksdanang.gov.vn/chi-tiet?id=45862&_c=69;> t.ruy nhập ngày 12/10/2021

-[https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nghien-cuu/mo-hinh-xet-xu-truc-tuyen-thay-xet-xu-tap-trung;](https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nghien-cuu/mo-hinh-xet-xu-truc-tuyen-thay-xet-xu-tap-trung) truy nhập ngày 12/10/2021.

- [https://getmatterhorn.com/;](https://getmatterhorn.com/) truy nhập ngày 01/10/2021.

-[https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat-the-gioi/mo-hinh-toa-an-truc-tuyen-tai-trung-quoc-kinh-nghiem-cho-viet-nam;](https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat-the-gioi/mo-hinh-toa-an-truc-tuyen-tai-trung-quoc-kinh-nghiem-cho-viet-nam) truy nhập ngày 01/10/2021.

1. ***\* PGS.TS., Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: luongdd@hul.edu.vn*** [↑](#footnote-ref-1)
2. ***\*\* ThS., GV Khoa Luật dân sự, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: hunglb@hul.edu.vn*** [↑](#footnote-ref-2)
3. Điều 401 Bộ luật dân sự 2015 có quy định về hiệu lực của hợp đồng như sau: “1. Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có quy định khác. 2. Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Hợp đồng chỉ có thể bị sửa đổi hoặc hủy bỏ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật.” [↑](#footnote-ref-3)
4. #  Xem thêm Lê Thị Thu Thủy (2018), *Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ - nhìn từ góc độ lý luận,* <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207418>, cập nhật ngày 01/9/2018.

 [↑](#footnote-ref-4)
5. Điều 11 -19 Nghị định 22/2017/NĐ- CP về hòa giải thương mại. [↑](#footnote-ref-5)
6. Điều 15 Nghị định 22/2017/NĐ- CP về hòa giải thương mại. [↑](#footnote-ref-6)
7. Điều 26 Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án. [↑](#footnote-ref-7)
8. ***\* PGS.TS., Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trọng tài viên Trung tâm trọng tài thương mại Phía Nam (STAC)*** [↑](#footnote-ref-8)
9. ***\*\* ThS., Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, Hòa giải viên Trung tâm trọng tài thương mại Phía Nam (STAC)*** [↑](#footnote-ref-9)
10. Trung tâm Hòa giải Việt Nam (2021), “Ra mắt nền tảng hòa giải trực tuyến MedUp”, [https://www.viac.vn/tin-tuc-su-kien/ra-mat-nen-tang-hoa-giai-truc-tuyen-medup-n1087.html], truy cập ngày 22/11/2021 [↑](#footnote-ref-10)
11. Nguyễn Bá Bình, Nguyễn Thị Anh Thơ (2015), “*Khung pháp luật riêng về hòa giải thương mại của UNCITRAL*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Số 14 (294), tr. 43-48 [↑](#footnote-ref-11)
12. Lưu Hương Ly (2011), *“Hòa giải trong thương mại và phát triển phương thức hòa giải trong thương mại ở Việt Nam*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 10(195), tr.43-48 [↑](#footnote-ref-12)
13. Nguyễn Thị Hoa (2021), “*Thực trạng áp dụng phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài và hoà giải trực tuyến tại Liên minh Châu Âu*”, Kỷ yếu tọa đàm khoa học “Thực trạng giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, hòa giải trực tuyến của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay”, Bộ Tư pháp [↑](#footnote-ref-13)
14. Phan Thị Thanh Thủy (2016), *“Giải quyết tranh chấp thương mại trực tuyến: Những vấn đề pháp lý đặt ra cho Việt Nam”*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Tập 32, Số 4, tr.38-45 [↑](#footnote-ref-14)
15. UNCITRAL (2017), “Technical Notes on Online Dispute ResolutionƯ , [<https://www.uncitral.org/pdf/english/texts/odr/V1700382_English_Technical_Notes_on_ODR.pdf>], truy cập ngày ngày 22/5/2021 [↑](#footnote-ref-15)
16. Dương Quỳnh Hoa (2011), “*Hòa giải - một phương thức giải quyết tranh chấp thay thế*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 23 (208), tr.47-55 [↑](#footnote-ref-16)
17. Lê Hương Giang (2019), “*Hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*”, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội [↑](#footnote-ref-17)
18. Bộ Tư pháp (2021), Trang thông tin bổ trợ tư pháp, <https://bttp.moj.gov.vn/Pages/hoa-giai-thuong-mai.aspx>, truy cập ngày 11/5/2021 [↑](#footnote-ref-18)
19. Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) (2020), Thống kê hoạt động giải quyết tranh chấp, <https://www.viac.vn/thong-ke/thong-ke-hoat-dong-giai-quyet-tranh-chap-nam-2019-s31.html>, truy cập ngày 11/5/2021 [↑](#footnote-ref-19)
20. Nguyễn Ngọc Lâm (2014), “*Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế : Nhận dạng tranh chấp, biện pháp ngăn ngừa và phương pháp giải quyết*”, Nxb. Chính trị Quốc gia, [↑](#footnote-ref-20)
21. Lê Hương Giang (2019), “*Hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*”, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội [↑](#footnote-ref-21)
22. Trung tâm hòa giải thương mại Quốc tế Việt Nam, [<http://www.vicmc.vn/>], truy cập ngày 22/5/2021 [↑](#footnote-ref-22)
23. Dương Quỳnh Hoa (2019), “*Giải quyết tranh chấp trực tuyến ở Việt Nam*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Số 19 (419), tr. 44-50 [↑](#footnote-ref-23)
24. Dương Quỳnh Hoa (2020), “*Giải quyết tranh chấp trực tuyến ở Việt Nam”,* Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Số 19 (419), tr. 44-50 [↑](#footnote-ref-24)
25. European Commission, “Online Dispute Resolution”, [<https://ec.europa.eu/consumers/odr/main/?event=main.home2.show>], truy cập ngày 22/5/2021 [↑](#footnote-ref-25)
26. European Commission, “Online Dispute Resolution”, [<https://ec.europa.eu/consumers/odr/main/?event=main.home2.show>], truy cập ngày 22/5/2021 [↑](#footnote-ref-26)
27. Điều 16 Luật trọng tài thương mại năm 2010 [↑](#footnote-ref-27)
28. Lê Văn Thiệp (2016), “Pháp luật thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay”, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội [↑](#footnote-ref-28)
29. International Congress and Convention Association, [<https://www.iccaworld.org>], truy cập ngày 25/5/2021 [↑](#footnote-ref-29)
30. Seoul Protocol on Video Conferencing in International Arbitration, [https://www.viac.eu/images/COVID19/Seoul\_Protocol\_on\_Video\_Conferencing\_in\_International\_Arbitration.pdf], truy cập ngày 22/11/2021 [↑](#footnote-ref-30)
31. Nguyễn Thành Minh Chánh (2021), “*Thúc đẩy giải quyết tranh chấp trực tuyến ngoài Tòa án trong thương mại điện tử tại Việt Nam*”, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, [https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nghien-cuu/thuc-day-giai-quyet-tranh-chap-truc-tuyen-ngoai-toa-an-trong-thuong-mai-dien-tu-tai-viet-nam], truy cập ngày 22/11/2021 [↑](#footnote-ref-31)
32. ***\* TS., GV Khoa Luật dân sự, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: anhntv@hul.edu.vn*** [↑](#footnote-ref-32)
33. 1 Xem Điều 202 luật Đất đai năm 2013. [↑](#footnote-ref-33)
34. 2 Xem Điều 88 Nghị định số́ 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Đất đai [↑](#footnote-ref-34)
35. 3 Xem thêm Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán – Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. [↑](#footnote-ref-35)
36. 4 Xem tại khoản 2, khoản 3, điều 202, luật Đất đai năm 2013 [↑](#footnote-ref-36)
37. 5 Xem Nghị định số́ 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Đất đai [↑](#footnote-ref-37)
38. 6 Xem thêm Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán – Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. [↑](#footnote-ref-38)
39. ***\* TS., GV Khoa Luật dân sự, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: huongvt@hul.edu.vn*** [↑](#footnote-ref-39)
40. Tháng 5/2014, Chính phủ Hoa Kỳ thông qua Nhóm công tác II của Ủy ban luật thương mại quốc tế của Liên hợp quốc (UNCITRAL) đưa ra đề xuất xây dựng một công ước đa phương về thi hành thỏa thuận giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế thông qua hoà giải (thỏa thuận giải quyết tranh chấp), với mong muốn khuyến khích hòa giải như cách thức mà Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài (Công ước New York) đã thúc đây sự phát triển của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Từ Phiên họp thứ 63 đến 67, Nhóm công tác II đã thảo luận và đàm phán dự thảo Công ước với sự tham gia của 85 quốc gia thành viên của Liên hợp quốc và 35 tổ chức phi chính phủ. Nhiều quốc gia là đối tác thương mại lớn của Việt Nam đã tích cực thúc đẩy việc xây dựng và ký Công ước như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Trung Quốc, Singapore. Về phía Việt Nam, Bộ Ngoại giao là cơ quan chủ trì cùng với đại diện của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao… tham gia các phiên đàm phán Công ước với tư cách quan sát viên. [↑](#footnote-ref-40)
41. Công ước Singapore về hoà giải thương mại quốc tế và khả năng tham gia của Việt Nam, <https://phaply.net.vn/cong-uoc-singapore-ve-hoa-giai-thuong-mai-quoc-te-va-kha-nang-tham-gia-cong-uoc-cua-viet-nam-a236044.html>, Truy cập ngày 05/10/2021. [↑](#footnote-ref-41)
42. Xem Điều 1 Công ước Singapore về Hoà giải [↑](#footnote-ref-42)
43. Điều 3 Công ước Singapore về Hoà giải [↑](#footnote-ref-43)
44. Điều 5 Công ước Singapore [↑](#footnote-ref-44)
45. Xem Điều 4 Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hoà giải thương mại. [↑](#footnote-ref-45)
46. Xem điều 5 Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hoà giải thương mại [↑](#footnote-ref-46)
47. Xem Điều 6 Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hoà giải thương mại [↑](#footnote-ref-47)
48. PM North, JJ Fawcett, Cheshire and North’s Private International Law (13th ed, OUP, 2004) 406; Hilton v Guyot 159 US 113 (1895), 163-164. [↑](#footnote-ref-48)
49. Nguyễn Mạnh Dũng, thi hành bản án, quyết định của Toà án, trọng tài nước ngoài,

<http://dzungsrt.com/wp-content/uploads/2015/03/03142016tham-luan-ACJM-2Final-1.pdf>, truy cập ngày 10/10/2021. [↑](#footnote-ref-49)
50. Điều 423 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 [↑](#footnote-ref-50)
51. \* Trưởng Phòng Bổ trợ tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế [↑](#footnote-ref-51)
52. ***\* LS., Công ty Luật Bình Minh, Đoàn Luật sư TP. Đà Nẵng, email:*** ***dothanhha.hp17@gmail.com*** [↑](#footnote-ref-52)
53. Hòa giải thương mại tại Việt Nam, [https://www.viac.vn/tin-tuc-su-kien/hoa-giai-thuong-mai-tai-viet-nam-](https://www.viac.vn/tin-tuc-su-kien/hoa-giai-thuong-mai-tai-viet-nam-n694.html?fbclid=IwAR2kKKFlu5HnEy1NGZZCISwDxewk5_C0faX1TYkkvIa6fPtkbvn9uoPSR8Q) , truy cập ngày 10/9/2021 [↑](#footnote-ref-53)
54. Điều 9, Nghị định 22/2017/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-54)
55. Hòa giải thương mại: Lựa chọn hiệu quả cho giải quyết tranh chấp, <http://thiduakhenthuongvn.org.vn/kinh-te/hoa-giai-thuong-mai-lua-chon-hieu-qua-cho-giai-quyet-tranh-chap>, truy cập ngày 8/9/2021. [↑](#footnote-ref-55)
56. Điều 10 Luật mẫu UNCITRAL về Hòa giải thương mại (bảng tiếng Anh) [↑](#footnote-ref-56)
57. Điều 7 Nghị định 22/2017/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-57)
58. ***\* ThS., GV Khoa Luật dân sự, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: hongpt@hul.edu.vn*** [↑](#footnote-ref-58)
59. Nhà pháp Luật Việt – Pháp,*Tuyển tập một số văn bản về trọng tài và hòa giải thương mại - sổ tay hướng dẫn sử dụng và chuyển hóa Vào nồi luật luật mẫu về hòa giải thương mại quốc tế của ủy ban pháp luật thương mại quốc tế của Liên Hợp Quốc 2002*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, 155 (2010). [↑](#footnote-ref-59)
60. Nhà pháp Luật Việt – Pháp, tlđd, tr159. [↑](#footnote-ref-60)
61. <https://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/ong-nguyen-hoa-binh-de-hoa-giai-thanh-cong-phai-co-tam-long-nhan-ai-657279.html>, truy cập ngày 19/5/2021. [↑](#footnote-ref-61)
62. Lê Nết, Hòa giải trong tố tụng dân sự - nhìn từ góc độ kinh tế, Tạp chí Khoa học pháp lý số 02/2006, <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2008/02/17/214562/>, truy cập ngày 19/5/2021. [↑](#footnote-ref-62)
63. Từ điển tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng, tr430 (1998). [↑](#footnote-ref-63)
64. Rothenberg, R.Plain Dictionary of Law, Signet, p410 (1996). [↑](#footnote-ref-64)
65. Oxford Dictionary of Law, Oxford University Press, p311 (2003) [↑](#footnote-ref-65)
66. Khoản 1, Điều 2, Luật hòa giải ở cơ sở 2013. [↑](#footnote-ref-66)
67. Khoản 2 Điều 2, Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020. [↑](#footnote-ref-67)
68. Nhà pháp Luật Việt – Pháp, tlđd, tr156. [↑](#footnote-ref-68)
69. Đối với hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc trường hợp là hợp đồng thương mại thì có thể sử dụng phương thức hòa giải thương mại theo Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại. [↑](#footnote-ref-69)
70. Theo điều 10 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về hòa giải trong tố tụng dân thì loa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của bộ luật này. [↑](#footnote-ref-70)
71. Xem thêm điều 17, Luật hòa giải ở cơ sở 2013. [↑](#footnote-ref-71)
72. Xem thêm Điều 207, Bộ luật tố tụng dân sự 2015. [↑](#footnote-ref-72)
73. Xem thêm Điều 16 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, Điều 32 – 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Điều 212,213 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. [↑](#footnote-ref-73)
74. <https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_s%C3%A1ch_qu%E1%BB%91c_gia_theo_s%E1%BB%91_l%C6%B0%E1%BB%A3ng_ng%C6%B0%E1%BB%9Di_s%E1%BB%AD_d%E1%BB%A5ng_internet>, truy cập ngày 18/5/2021. [↑](#footnote-ref-74)
75. <https://www.vietnamplus.vn/nguoi-dung-viet-ton-hon-5-tieng-moi-ngay-chi-de-dung-smartphone/712270.vnp>, truy cập ngày 18/5/2021. [↑](#footnote-ref-75)
76. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2019/08/15/xu-huong-phat-trien-chinh-phu-dien-tu-o-viet-nam-hien-nay/>, truy cập ngày 18/5/2021. [↑](#footnote-ref-76)
77. <https://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/phat-trien-chinh-phu-dien-tu-o-viet-nam-trong-boi-canh-cach-mang-cong-nghiep-40-329075.html>, truy cập ngày 18/5/2021. [↑](#footnote-ref-77)
78. Trong bộ luật tố tụng dân sự tại điều 210 khoảng 4 chỉ quy định thẩm phán phổ biến cho các đương sự về các quy định của pháp luật liên quan đến việc giải quyết vụ án... [↑](#footnote-ref-78)
79. <https://www.viac.vn/tin-tuc-su-kien/ra-mat-nen-tang-hoa-giai-truc-tuyen-medup-n1087.html>, truy cập ngày 18/5/2021. [↑](#footnote-ref-79)
80. Xem thêm <https://kiemsat.vn/vksnd-huyen-lang-giang-to-chuc-phien-toa-hinh-su-rut-kinh-nghiem-truc-tuyen-su-dung-tai-lieu-chung-cu-duoc-so-hoa-52621.html>; <https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/tin-hoat-dong-vksnd-toi-cao/phien-toa-hinh-su-rut-kinh-nghiem-truc-tuyen-trong-d2-t2819.html>; <https://congly.vn/tand-tinh-son-la-to-chuc-phien-toa-rut-kinh-nghiem-theo-yeu-cau-cai-cach-tu-phap-186002.html>, truy cập ngày 18/5/2021. [↑](#footnote-ref-80)
81. Điều 35, Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020. [↑](#footnote-ref-81)
82. ***\* ThS., GV Khoa Luật dân sự, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: synl@hul.edu.vn*** [↑](#footnote-ref-82)
83. Kevin M.Lemley (2004), *I’ll Make Him an Offer He Can’t Refuse: Proposed Model for Alternative Dispute Resolution in Intellectual Property Disputes*, Akron Law Review 37(2), 287-328, tr.306. [↑](#footnote-ref-83)
84. Cheryl H.Agris and others(2011), *The Benefits of Mediation and Arbitration for Dispute Resolution in Intellectual Property Law,* New York Dispute Resolution Lawyer, Vol.4, No.2, tr.61. [↑](#footnote-ref-84)
85. Kevin M.Lemley (2004), tlđd, tr.306. [↑](#footnote-ref-85)
86. Alternative Dispute Resolution Program. [↑](#footnote-ref-86)
87. Cheryl H.Agris and others(2011), tlđd, tr.61. [↑](#footnote-ref-87)
88. Susan Corbett (2011), *Mediation of Intellectual Property Disputes: A Critical Analysis*, New Zealand Business Law Quarterly, Vol.17, tr.4. [↑](#footnote-ref-88)
89. Trong vụ *Rosalba Alassini v Telecom Italia,* Tòa án Italy từ chối thụ lý vì đương sự chưa thực hiện quy trình giải quyết trước tố tụng (out-of-court). Vụ việc được đưa lên Tòa án Công lý châu Âu nhưng Tòa này tuyên bố quyết định trên là không trái với Công ước Nhân quyền châu Âu. Susan Corbett (2011), tlđd, p.6. [↑](#footnote-ref-89)
90. Civil Procedure Rules, sau đây gọi tắt là CPR [↑](#footnote-ref-90)
91. Section 1, Civil Procedure Act 1997, <https://www.legislation.gov.uk/uksi/1998/3132/contents/made> [↑](#footnote-ref-91)
92. Quy tắc 1.1., The Civil Procedure Rules 1998, <https://www.legislation.gov.uk/uksi/1998/3132/contents/made> [↑](#footnote-ref-92)
93. Quy tắc 1.4, The Civil Procedure Rules 1998 [↑](#footnote-ref-93)
94. Pablo Cortes (2015), *The Promotion of Civil and Commercial Mediation in the UK*, University of Leicester School of Law Research Paper No.15-23, tr.13 [↑](#footnote-ref-94)
95. Quy tắc 44.5, The Civil Procedure Rules 1998 [↑](#footnote-ref-95)
96. Tony Allen, *Dunnett v Railtrack: The Implications,* <https://www.cedr.com/dunnett-v-railtrack-the-implications/>, truy cập lần cuối 12/10/2021. [↑](#footnote-ref-96)
97. Sue Prince (2020), *Encouragement of Mediation in England and Wales Has Been Futile: Is There Now a Role for Online Dispute Resolution in Settling Low-value Claims*, International Journal of Law in Context, p.4 [↑](#footnote-ref-97)
98. Pablo Cortes (2015), tlđd, tr.14. [↑](#footnote-ref-98)
99. Sue Prince (2020), tlđd, tr.5 [↑](#footnote-ref-99)
100. Pablo Cortes (2015), tlđd, tr.15. [↑](#footnote-ref-100)
101. Mary Victoria (2006), *Mediation of Intellectual Property Disputes*, Journal of Intellectual Property Law & Practice, Vol.1, No.6, tr.400. [↑](#footnote-ref-101)
102. Nominet Dispute Resolution Service Policy, <https://media.nominet.uk/wp-content/uploads/2017/10/17150434/final-proposed-DRS-policy.pdf>, truy cập lần cuối 11/10/2021. [↑](#footnote-ref-102)
103. Judgment [2004] EWCA Civ 887 *Reed Executive Plc, Reed Solutions Plc v Reed Business Information Ltd, Reed Elsevier (Uk) Ltd, Totaljobs.com Ltd*. [↑](#footnote-ref-103)
104. Nguyên văn: *Without Prejudice Communication*. Cụm từ này chỉ những đối thoại của hai bên trong nỗ lực dàn xếp tranh chấp ngoài tố tụng. Các tài liệu áp dụng chế định “Without Prejudice” (tạm dịch: không phương hại) phải được giữ bí mật, và không được xem là chứng cứ hợp pháp tại tòa. [↑](#footnote-ref-104)
105. Đoạn 16, 37, 43, 45. Judgment [2004] EWCA Civ 887 *Reed Executive Plc, Reed Solutions Plc v Reed Business Information Ltd, Reed Elsevier (Uk) Ltd, Totaljobs.com Ltd*. [↑](#footnote-ref-105)
106. Mary Victoria (2006), tlđd, tr.399. [↑](#footnote-ref-106)
107. Mary Victoria (2006), tlđd, tr.400. [↑](#footnote-ref-107)
108. Phần 72, Manual of Patent Practice, <https://www.gov.uk/guidance/manual-of-patent-practice-mopp/section-72-power-to-revoke-patents-on-application#ref72-26>, truy cập lần cuối 13/10/2021. [↑](#footnote-ref-108)
109. \* ThS., GV Khoa Luật kinh tế, Trường Đại học Luật, Địa học Huế; Email: taitv@hul.edu.vn [↑](#footnote-ref-109)
110. \*\* ThS, GV Khoa Luật hành chính, Trường Đại học Luật, Địa học Huế; Email: taitv@hul.edu.vn [↑](#footnote-ref-110)
111. Dẫn theo Bộ Luật Dân sự Pháp, bản dịch của tập thể tác giả Nhà pháp luật Việt Pháp, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, Tr315. [↑](#footnote-ref-111)
112. Tòa án nhân dân Tối cao Việt Nam, Liên minh châu Âu, Chương trình phát triển LHQ, Báo cáo đánh giá mô hình thí điểm về hòa giải, đối thoại tại Tòa án Việt Nam, 2020, tr147. [↑](#footnote-ref-112)
113. Tham khảo thêm Bộ Luật Dân sự Bắc kỳ năm 1931, tại: <https://drive.google.com/file/d/1WVnVGX3uzmY9aBbpRJehxBlZoMTqnMJD/view?fbclid=IwAR10vzuHWO2sDtUJBnkD1a-vY4Zcd0Daz8LJGzejlDnvJHkcGmiQ0QHp63Q> và Bộ Luật Dân sự năm 1972 của Chính quyền sài gòn tại: <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2018/04/29/bo-dn-luat-nam-1972-nam-viet-nam/> [↑](#footnote-ref-113)
114. Điều 385 Bộ Luật Dân sự năm 2015. [↑](#footnote-ref-114)
115. Chương XVI chỉ quy định các loại hợp đồng thông dụng gồm: hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng trao đổi tài sản, hợp đồng tặng cho tài sản, hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng thuê khoán tài sản, hợp đồng mượn tài sản, hợp đồng về quyền sử dụng đất, hợp đồng hợp tác, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng vận chuyển, hợp đồng gia công, hợp đồng gửi giữ tài sản, hợp đồng ủy quyền. [↑](#footnote-ref-115)
116. Khoản 3 Điều 188 Nghị định 43/2014/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đất đai. [↑](#footnote-ref-116)
117. Khoản 5 Điều 202 Luật Đất đai năm 2013. [↑](#footnote-ref-117)
118. Khoản 7 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. [↑](#footnote-ref-118)
119. Điều 419 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. [↑](#footnote-ref-119)
120. Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015. [↑](#footnote-ref-120)
121. Khoản 1 Điều 36 Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án nhân dân năm 2020. [↑](#footnote-ref-121)
122. ***\* ThS., Khoa luật Thương mại – Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, email: tlhuan@hcmulaw.edu.vn*** [↑](#footnote-ref-122)
123. ***\*\* Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, email: phuocthanhn1999@gmail.com*** [↑](#footnote-ref-123)
124. Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, tr. 446. [↑](#footnote-ref-124)
125. Nguyễn Văn Hoàng (2017), *Pháp luật hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai từ thực tiễn huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, tr. 7 – 8. [↑](#footnote-ref-125)
126. Nguyễn Văn Hoàng (2017), *tlđd* (4), tr.8. [↑](#footnote-ref-126)
127. Điều 205 BLTTDS 2015. [↑](#footnote-ref-127)
128. Khoản 5 Điều 211 BLTTDS 2015. [↑](#footnote-ref-128)
129. Khoản 1 Điều 212 BLTTDS 2015. [↑](#footnote-ref-129)
130. Đề cương giới thiệu Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, <https://stp.thuathienhue.gov.vn/?gd=26&cn=350&tc=5310>, truy cập ngày 28/9/2021. [↑](#footnote-ref-130)
131. Hà Phong, Lý Thị Mai, “*Nhân văn, giảm tải áp lực xét xử*”, <http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Phap-luat/1003256/nhan-van-giam-tai-ap-luc-xet-xu>, truy cập ngày 27/9/2021. [↑](#footnote-ref-131)
132. Hồ Hương, “*Thực trạng các tranh chấp dân sự được hòa giải ngoài tố tụng dân sự*”, <https://quochoi.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/content/tintuc/Lists/News&ItemID=44825>, truy cập ngày 26/9/2021. [↑](#footnote-ref-132)
133. Hồ Hương, *tlđd* (9). [↑](#footnote-ref-133)
134. Liên minh châu Âu, UNDP, UNICEF, Bộ Tư pháp Việt Nam (2020), “*Báo cáo tóm tắt: Thực trạng giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải ở cơ sở”*, tr.3. [↑](#footnote-ref-134)
135. Liên minh châu Âu, UNDP, UNICEF, *tlđd* (13), tr.10. [↑](#footnote-ref-135)
136. *“Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai* ***tự hòa giải*** *hoặc giải quyết tranh chấp đất đai thông qua hòa giải ở cơ sở”.* [↑](#footnote-ref-136)
137. Hà Phương, “Lý Sơn trở thành huyện đảo thứ 2 không có chính quyền cấp xã”, <https://kinhtedothi.vn/ly-son-tro-thanh-huyen-dao-thu-2-khong-co-chinh-quyen-cap-xa-378784.html>, truy cập ngày 28/9/2021. [↑](#footnote-ref-137)
138. Liên minh châu Âu, UNDP, UNICEF, *tlđd* (13), tr.5. [↑](#footnote-ref-138)
139. Đặng Thanh Hoa, Nguyễn Đức Nam, “*Một số vấn đề về Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án*”, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nghien-cuu/mot-so-van-de-ve-luat-hoa-giai-doi-thoai-tai-toa-an>, truy cập ngày 28/9/2021. [↑](#footnote-ref-139)
140. Khoản 2 Điều 1 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 *“Hòa giải, đối thoại theo quy định của Luật này được thực hiện trước khi Tòa án thụ lý vụ án về tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính”.*

Khoản 2 Điều 16 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 *“2. Tòa án nhận đơn, vào sổ nhận đơn, xác nhận việc nhận đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 121 của Luật Tố tụng hành chính”.* [↑](#footnote-ref-140)
141. *“Việc xác định khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định và được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê chuẩn. Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì việc xác định khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân huyện quyết định”.* [↑](#footnote-ref-141)
142. *“Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì Ủy ban nhân dân huyện sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử có từ mười một đến hai mươi mốt thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương”* [↑](#footnote-ref-142)
143. *“Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm lập danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu”.* [↑](#footnote-ref-143)
144. Đặng Thanh Hoa, Nguyễn Đức Nam, *tlđd* (18). [↑](#footnote-ref-144)
145. Đặng Thanh Hoa, Nguyễn Đức Nam, *tlđd* (18). [↑](#footnote-ref-145)
146. ***\*PGS.TS., Trưởng Khoa Luật Dân sự-Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh;***

 ***Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 505.01-2020.02.*** [↑](#footnote-ref-146)
147. Xem A\_CN.9\_232\_F (tr.34). [↑](#footnote-ref-147)
148. UNCITRAL, *Yearbook (Volume XVI: 1985)*, UNITED NATIONS, New York, 1989, tr.32. [↑](#footnote-ref-148)
149. UNCITRAL, *Sđd*, tr.77. [↑](#footnote-ref-149)
150. UNCITRAL, *Sđd*, tr.139. [↑](#footnote-ref-150)
151. Antonias Dimolitsa, “Les points de divergence entre la nouvelle loi grecque sur l'arbitrage et la loi-type CNUDCI”, Rev. arb. 2000, tr.244. [↑](#footnote-ref-151)
152. Antonias Dimolitsa, *Bđd*, tr.244. [↑](#footnote-ref-152)
153. Olivier Caprasse, “Le nouveau droit belge de l’arbitrage”, Rev. arb. 2013, tr.971. [↑](#footnote-ref-153)
154. Guy Keutgen, “La réforme 2013 du droit belge de l’arbitrage”, Revue de droit international et de droit comparé 2014, tr.97. [↑](#footnote-ref-154)
155. Xem Rev. arb. 2013, tr.567. [↑](#footnote-ref-155)
156. Guy keutgen *Bđd*, tr.97. [↑](#footnote-ref-156)
157. Xem Rev. arb. 2013, tr.567. [↑](#footnote-ref-157)
158. Jean-Marie Tchakoua, "Le Statut de la dentence arbitrale d'accord parties: Les limites d'un déguisement bien utile”, RDAI 2002, tr.776. [↑](#footnote-ref-158)
159. Cass. civ. 1re, 14 novembre 2012 : Rev. arb. 2013. 138, note Jean Billemont. [↑](#footnote-ref-159)
160. Jean Billemont, “La sentence d'accord-parties : vraie sentence ou transaction déguisée ?”, Rev. arb. 2013, tr.141. [↑](#footnote-ref-160)
161. Décision du Tribunal régional supérieur de Francfort (OLG Frankfurt), du 14 mars 2003 (publiée dans Schieds no 2O Sch 01/02) : Gazette du Palais, 22 mai 2004, n° 143, tr. 32. [↑](#footnote-ref-161)
162. Edouard Bertrand, *Bđd*, tr.15. [↑](#footnote-ref-162)
163. Edouard Bertrand, “Sur le bon usage des sentences d'accord parties”, Rev. arb. 2006, tr.14. [↑](#footnote-ref-163)
164. Xem Rev. arb. 2013, tr.567. [↑](#footnote-ref-164)
165. Xem Rev. arb. 2019, tr.343. [↑](#footnote-ref-165)
166. Jean-Marie Tchakoua, *Bđd*, tr.781. [↑](#footnote-ref-166)
167. Edouard Bertrand, *Bđd*, tr.16. [↑](#footnote-ref-167)
168. Xem A\_CN.9\_232\_F (tr.33). [↑](#footnote-ref-168)
169. Xem A\_CN.9\_246\_F (tr.24). [↑](#footnote-ref-169)
170. Edouard Bertrand, *Bđd*, tr.21. [↑](#footnote-ref-170)
171. Jean-Baptiste Racine, *Droit de l’arbitrage*, Puf 2016, phần số n° 815. [↑](#footnote-ref-171)
172. Edouard Bertrand, *Bđd*, tr.16. [↑](#footnote-ref-172)
173. Về yêu cầu có thủ tục công nhận và cho thi hành này, xem Van Dai DO, “*Plaidoyer pour la force exécutoire de la sentence arbitrale sans procédure d’approbation (exequatur) préalable*”, Revue Recherche juridique-Droit prospectif (ISSN:0249-8731), số 2020-1. [↑](#footnote-ref-173)
174. Về không yêu cầu có thủ tục công nhận và cho thi hành này, xem Van Dai DO, *Bđd*. [↑](#footnote-ref-174)
175. Jean-Marie Tchakoua, *Bđd*, tr.787. [↑](#footnote-ref-175)
176. Edouard Bertrand, *Bđd*, tr.21. [↑](#footnote-ref-176)
177. Theo Quyết định số 21/2017/DS-GĐT ngày 04-7-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao**, “***đối với thỏa thuận gán nhà trả nợ giữa vợ chồng ông Sen bà Liên với vợ chồng ông Văn bà Nga: Là thỏa thuận giữa hai bên làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ tài sản nên cũng là hợp đồng, phải giải quyết theo pháp luật về hợp đồng. Thủ tục hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc không đúng quy định của pháp luật nên Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đã bị hủy, không có giá trị thi hành nhưng sự kiện thỏa thuận là có thật nên các bên vẫn có nghĩa vụ chịu trách nhiệm về giao dịch đã tham gia***”***.* [↑](#footnote-ref-177)
178. Bản án số 419/2014/KDTM-PT ngày 26/3/2014 của Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh. [↑](#footnote-ref-178)
179. Jean-Marie Tchakoua, *Bđd,* tr.781. [↑](#footnote-ref-179)
180. ***\* TS., GV Khoa Luật dân sự, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: hangntt@hul.edu.vn*** [↑](#footnote-ref-180)
181. ***\*\* ThS., GV Khoa Luật dân sự, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: thanhhm@hul.edu.vn*** [↑](#footnote-ref-181)
182. Khoản 2 điều 2 luật hoà giải tại toà án 2020 [↑](#footnote-ref-182)
183. Khoản 1 điều 2 luật hoà giải tại toà án 2020 [↑](#footnote-ref-183)
184. Điều 10 Luật Đối thoại, hoà giải 2020 [↑](#footnote-ref-184)
185. Frederick E. Woods,  *Legal*  *Issues*  *in*  *the*  *New*  *Methods*  *of*  *Dispute*  *Resolution*, in At torneys general and New Methods of dispute resolution 32 (Michael g. Cochrane, ed.) (ABA 1990). [↑](#footnote-ref-185)
186. <https://onlinemasteroflegalstudies.com/career-guides/become-a-mediator/court-certified-mediation-requirements-by-state/> [↑](#footnote-ref-186)
187. FrancescaCuomo ulloa, *Ai muốn làm trung gian? Thẩm quyền và trách nhiệm của hòa giải viên dân sự và thương mại mới,* trong hòa giải dân sự theo Chỉ thị 208/52/EC 69–77 (Nhà xuất bản Đại học Firenze 2011). [↑](#footnote-ref-187)
188. Larisa Zaitseva Và Svetlan Và Racheva, ***Hòa giải và trợ giúp pháp lý*,** Đại học bang Tyumen, Nga. [↑](#footnote-ref-188)
189. Федеральный закон от 21 ноября 2011 г. No 324-ФЗ «О бесплатной юридической помощи в Российской Федерации» [*Federal’nyi zakon ot 21 noyabrya 2011 g. No. 324-FZ ‘O besplatnoi yuridicheskoi pomoshchi v Rossiiskoi Federatsii’* [federal Law of 21 November 2011 No. 324-fZ on a free Legal Aid in the russian federation]]. [↑](#footnote-ref-189)
190. ***\* TS., Vụ Giám đốc kiểm tra về dân sự, kinh doanh – thương mại, Tòa án nhân dân tối cao*** [↑](#footnote-ref-190)
191. ***\*\* ThS., Vụ Giám đốc kiểm tra về dân sự, kinh doanh – thương mại, Tòa án nhân dân tối cao*** [↑](#footnote-ref-191)
192. Điều 10 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 [↑](#footnote-ref-192)
193. Hiền Minh, “Hiện thực hóa khát vọng chuyển đổi số của Việt Nam”, 16/12/2020, <http://baochinhphu.vn/Utilities/PrintView.aspx?distributionid=417161>, *Trang thông tin điện tử Chính Phủ*, truy cập ngày 15/9/2021. [↑](#footnote-ref-193)
194. Trần Văn Quảng (2012), ”Một số vấn đề về chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, Số Chuyên đề Pháp luật về hòa giải, tr. 109. [↑](#footnote-ref-194)
195. Nguyễn Hải An (Chủ biên) (2019), *Giáo trình giải quyết việc dân sự và hòa giải trong tố tụng dân sự*, Học viện Tòa án, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.223. [↑](#footnote-ref-195)
196. Báo cáo số 17/BC-TANDTC ngày 09/7/2021 về công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của Tòa án và định hướng xây dựng Tòa án. [↑](#footnote-ref-196)
197. Dispute Resolution Reference Guide, Produced by Dispute Prevention and Resolution Division

 Department of Justice, Canada (2012), <https://www.justice.gc.ca/eng/rp-pr/csj-sjc/dprs-sprd/res/drrg-mrrc/10.html>, truy cập ngày 15/9/2021 [↑](#footnote-ref-197)
198. Hà Công Bảo Anh, Lê Hằng Mỹ Hạnh (2017), Giải quyết tranh chấp trực tuyến – khả năng áp dụng ở Việt Nam, *Tạp chí kinh tế đối ngoại số 93 (12/2017)*. [↑](#footnote-ref-198)
199. Dispute Resolution Reference Guide, Produced by Dispute Prevention and Resolution Division

 Department of Justice, Canada (2012); <https://www.justice.gc.ca/eng/rp-pr/csj-sjc/dprs-sprd/res/drrg-mrrc/10.html>, truy cập ngày 15/9/2021. [↑](#footnote-ref-199)
200. The SPC Releases the Rules of Online Litigation of People’s Court, <http://english.court.gov.cn/2021-06/18/content_37545136.htm>, truy cập ngày 20/9/2021. [↑](#footnote-ref-200)
201. Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. [↑](#footnote-ref-201)
202. Điều 3 Nghị quyết 04/2016/NĐ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. [↑](#footnote-ref-202)
203. Điều 4 Luật Giao dịch điện tử năm 2005. [↑](#footnote-ref-203)
204. Tường Huy, “Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia”, 18/5/2021, <https://dangcongsan.vn/multimedia/mega-story/thuc-day-manh-me-chuyen-doi-so-quoc-gia-580776.html>, *Trang thông tin điện tử Đảng Cộng sản,* truy cập ngày 15/9/2021. [↑](#footnote-ref-204)
205. Điều 205, Điều 208, Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 [↑](#footnote-ref-205)
206. Khoản 4 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 [↑](#footnote-ref-206)
207. M. Cappelletti, ‘Une revolution en cours dans le droit judiciaire civile’, 1975, Revue Internationale de droit comparé, pp. 571-597. [↑](#footnote-ref-207)
208. ***\* ThS., Khoa Pháp luật dân sự, Trường Đại học Luật, Hà Nội; Email: doanngochainb@gmail.com*** [↑](#footnote-ref-208)
209. Nguyễn Bích Thảo, "*Thể chế hòa giải ở Singapore*" <https://thegioiluat.vn/bai-viet-hoc-thuat/THE-CHE-HOA-GIAI-O-SINGAPORE-11333/>, truy cập ngày 3/9/2021 [↑](#footnote-ref-209)
210. <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/Hoa-Giai-Co-So.aspx?ItemID=108>, truy cập ngày 4/9/2021. [↑](#footnote-ref-210)
211. Singapore Ministry of Law, Community Mediation Centre Annual Report 2010/2011,http://app2.mlaw.gov.sg/LinkClick.aspxfileticket=2aeBBRAMO8Q3d&tabid=310; truy cập ngày 3/9/2021 [↑](#footnote-ref-211)
212. Mr Loong Seng Onn "Non-Court annexed mediation in sinfgapore paper for the, international conference & showcase on judicaal reforms" Execurtive Director Mediation Centre [↑](#footnote-ref-212)
213. Loong Seng Onn, An Overview of the Singapore Legal System, Chapter 3: Mediation, xem thêm <http://www.singaporelaw.sg/content/Mediation.html>; truy cập ngày 4/9/2021 [↑](#footnote-ref-213)
214. Goh Joon Seng (2003), Mediation in Singapore: The Law and Practice, http://www. seanlawassociation.org/docs/ w4sing2.pdf-c; truy cập ngày 5/9/2021 [↑](#footnote-ref-214)
215. Loong Seng Onn, An Overview of the Singapore Legal System, Chapter 3: Mediation. [↑](#footnote-ref-215)
216. ***\* Phòng 9-VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế*** [↑](#footnote-ref-216)
217. **\* *ThS., Luật sư tại Công ty Luật KAV Lawyers; Trọng tài viên, Hòa giải viên, Thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Phía Nam (STAC); Đại diện ICC YAF, MCIArb. Email:*** ***vu@kavlawyers.com*** [↑](#footnote-ref-217)
218. [http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207706#](http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207706), truy cập ngày 02-11-2021. [↑](#footnote-ref-218)
219. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình về Cạnh tranh và Giải quyết tranh chấp thương mại,* Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, tr. 327. [↑](#footnote-ref-219)
220. Trần Minh Ngọc (2019), *Pháp luật về Trọng tài thương mại,* Nxb Lao động, tr. 152. [↑](#footnote-ref-220)
221. Trần Minh Ngọc (2019), *Pháp luật về Trọng tài thương mại,* Nxb Lao động, tr. 153. [↑](#footnote-ref-221)
222. Học viện tư pháp (2018), *Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật và tham gia giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án của Luật sư,* Nxb Tư pháp, tr. 465. [↑](#footnote-ref-222)
223. Đỗ Văn Đại – Trần Hoàng Hải (2011), *Pháp luật Việt Nam về Trọng tài thương mại,* Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 248. [↑](#footnote-ref-223)
224. Khoản 3 Điều 3 Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24-02-2017 về hòa giải thương mại. [↑](#footnote-ref-224)
225. <https://www.vmc.org.vn/quy-tac-hoa-giai.html#post-18>, truy cập ngày 02-11-2021. [↑](#footnote-ref-225)
226. <https://stac.com.vn/quy-tac-hoa-giai/>, truy cập ngày 02-11-2021. [↑](#footnote-ref-226)
227. Đỗ Văn Đại – Trần Hoàng Hải (2011), *Pháp luật Việt Nam về Trọng tài thương mại,* Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 249. [↑](#footnote-ref-227)
228. ***\* Giám đốc Trung tâm Hòa giải thương mại Công Minh*** [↑](#footnote-ref-228)
229. Khoản 1 Điều 3 Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại [↑](#footnote-ref-229)
230. Khoản 2 Điều 2 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020. [↑](#footnote-ref-230)
231. ###  Phạm Thị Hằng, *Lợi ích của hòa giải, đối thoại tại Tòa án trong tương quan so sánh với tố tụng,* [https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/loi-ich-cua-hoa-giai-doi-thoai-tai-toa-an-trong-tuong-quan-so-sanh-voi-to-tung,](https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/loi-ich-cua-hoa-giai-doi-thoai-tai-toa-an-trong-tuong-quan-so-sanh-voi-to-tung%2C) truy cập 5/11/2021.

 [↑](#footnote-ref-231)
232. Nguyễn Công Bình, Giáo Trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam, Nxb Giáo Dục Việt Nam, 2011, tr.28, 29. [↑](#footnote-ref-232)
233. ***\* ThS., Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Email: buiaigion.toaan@gmail.com*** [↑](#footnote-ref-233)
234. XemPryan A. Garner chủ biên (2004), Black’s Law Dictionary, tái bản lần thứ 8, NXB West, Thomson, tr. 307. [↑](#footnote-ref-234)
235. Xem Ibid, đoạn 10 về các khía cạnh của hòa giải trong các vấn đề dân sự và thương mại, Điều 3. [↑](#footnote-ref-235)
236. Xem Steffek, F., *Hòa giải trong Liên minh Châu Âu: Giới thiệu*, Cambridge, tháng 6 năm 2012, tr. 1. [↑](#footnote-ref-236)
237. Thuật ngữ *“Hòa giải gắn với Tòa án - (Hay còn gọi là court-annexed mediation)”* ở một số nước trên thế giới được pháp luật Việt Nam cụ thể hóa thành Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020. [↑](#footnote-ref-237)
238. Trước Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2020 có hiệu lực, pháp luật Việt Nam, có thể phân loại cơ chế hòa giải, đối thoại thành hai nhóm: Hòa giải, đối thoại ngoài tố tụng và hòa giải, đối thoại trong tố tụng. Trong đó, hòa giải ngoài tố tụng gồm: Hòa giải ở cơ sở theo Luật Hòa giải ở cơ sở; Hòa giải tranh chấp lao động theo Bộ luật Lao động; Hòa giải thương mại theo Luật Thương mại; Hòa giải tranh chấp đất đai theo Luật Đất đai và một số loại khác (Như hòa giải tranh chấp sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng). Hòa giải, đối thoại trong tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính. [↑](#footnote-ref-238)
239. Xem Bách khoa toàn thư mở Wikipedia. [↑](#footnote-ref-239)
240. Xem Luật Tố tụng hôn nhân và gia đình đa phần áp dụng Luật Hòa giải dân sự (Khoản 1 Điều 49 Luật Tố tụng hôn nhân và gia đình) đối với hòa giải vụ việc hôn nhân và gia đình. [↑](#footnote-ref-240)
241. Xem Th.S Chu Thành Quang – NCS. Phạm Thị Hằng, *Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về hòa giải gắn với Tòa án,* NXB Lao Động, tr. 160. [↑](#footnote-ref-241)
242. Xem Điều 6 Luật Hòa giải tư pháp tranh chấp dân sự. [↑](#footnote-ref-242)
243. Xem Th.S Chu Thành Quang – NCS. Phạm Thị Hằng, *Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về hòa giải gắn với Tòa án,* NXB Lao Động, tr. 167-173. [↑](#footnote-ref-243)
244. Xem Khoản 2 Điều 10 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. [↑](#footnote-ref-244)
245. Xem Mục 1 giải đáp số 01/2021/GĐ-TANDTC ngày 01/7/2021. [↑](#footnote-ref-245)
246. Xem Th.S Chu Thành Quang – NCS. Phạm Thị Hằng, *Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về hòa giải gắn với Tòa án,* NXB Lao Động, tr. 167. [↑](#footnote-ref-246)
247. Xem Nghị định số 16/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp và việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án và thù lao Hòa giải viên tại Tòa án. Theo đó, Hòa giải viên sẽ được trả thù lao theo từng vụ việc sau khi đã tiến hành phiên hòa giải, đối thoại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Mức thù lao theo khung được quy định cụ thể như sau:

- Đối với các vụ Hòa giải thành, đối thoại thành: Hòa giải viên được hưởng thù lao từ 1.000.0000 đồng/01 vụ việc đến tối đa 1.500.000 đồng/01 vụ việc.

- Đối với các vụ việc Người nộp đơn khởi kiện, đơn yêu cầu rút đơn khởi kiện; đơn yêu cầu: Hòa giải viên được hưởng thù lao từ 500.000 đồng/01 vụ việc đến dưới 1.000.000 đồng/01 vụ việc.

- Đối với các vụ việc chấm dứt hòa giải theo quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 40 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án: Hòa giải viên được hưởng 500.000 đồng/ 01 vụ việc. [↑](#footnote-ref-247)
248. Xem TS. Nguyễn Vinh Hưng, *Nguyên tắc tiến hành hòa giải vụ việc dân sự trong luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020*, Tạp chí Tòa án, số 21 (2020), tr. 39. [↑](#footnote-ref-248)
249. Xem Khoản 7 Điều 3 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. [↑](#footnote-ref-249)
250. ***\* GV Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa-Vũng Tàu; Email:*** ***trantuyettrinh05@gmail.com******.*** [↑](#footnote-ref-250)
251. Xem Điều 16 Luật HGĐT tại Tòa án. [↑](#footnote-ref-251)
252. Xem Điều 19 Luật HGĐT tại Tòa án. [↑](#footnote-ref-252)
253. Xem Điều 20 Luật HGĐT tại Tòa án. [↑](#footnote-ref-253)
254. Xem Điều 26 Luật HGĐT tại Tòa án. [↑](#footnote-ref-254)
255. Xem Điều 27 Luật HGĐT tại Tòa án. [↑](#footnote-ref-255)
256. Xem Điều 28 Luật HGĐT tại Tòa án. [↑](#footnote-ref-256)
257. Xem Điều 29 Luật HGĐT tại Tòa án [↑](#footnote-ref-257)
258. Xem Điều 30 Luật HGĐT tại Tòa án. [↑](#footnote-ref-258)
259. Xem Điều 32 Luật HGĐT tại Tòa án [↑](#footnote-ref-259)
260. Xem Điều 35 Luật HGĐT tại Tòa án [↑](#footnote-ref-260)
261. Xem Điều 36 Luật HGĐT tại Tòa án. [↑](#footnote-ref-261)
262. Xem Báo cáo số 56/BC-TANDTC ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, *Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự án Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án*, tr.2. [↑](#footnote-ref-262)
263. Xem Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 của BCHTW khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. [↑](#footnote-ref-263)
264. Xem*“Quy tắc hòa giải và thương lượng”*, Tòa án cấp cao Delhi: New Delhi, các quy tắc 10, 13, 15, 20, 26 [↑](#footnote-ref-264)
265. Xem khoản 1 Điều 32 Luật HGĐT tại Tòa án quy định: *“Sau khi lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, biên bản ghi nhận kết quả đối thoại, Hòa giải viên chuyển biên bản cùng tài liệu kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính để ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong trường hợp các bên có yêu cầu”.* [↑](#footnote-ref-265)
266. Xem các Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 03/QĐHG-KDTM ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An, Tp. Hải Phòng; Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 01/QĐHG-KDTM ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An, Tp. Hải Phòng; Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 01/QĐHG-KDTM ngày 17/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng. [↑](#footnote-ref-266)
267. ***\* Luật sư, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, Email:*** ***luatsutudanang@gmail.com*** [↑](#footnote-ref-267)
268. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia [↑](#footnote-ref-268)
269. Khoản 1, khoản 3 Điều 211 BLTTDS 2015 [↑](#footnote-ref-269)
270. ***\* TS. Phó chánh án Tòa án Tỉnh Hưng Yên*** [↑](#footnote-ref-270)
271. Viện ngôn ngữ học, Từ điển tiếng Việt, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2000. [↑](#footnote-ref-271)
272. Ấn Độ, Hàn Quốc [↑](#footnote-ref-272)
273. Thẩm phán Gordon J. Low- Thẩm phán cấp cao Mỹ chia sẻ tại Hội nghị tập huấn kỹ năng hòa giải, đối thoại tại Tòa án do TAND tối cao và Đại sứ quán Mỹ tổ chức tháng 12,2020. [↑](#footnote-ref-273)
274. \* ThS; Khoa Luật - Đại học Sài Gòn; email: dtdthuong@sgu.edu.vn [↑](#footnote-ref-274)
275. Nguyễn Ngọc Hà (2020), *Cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến trong liên minh Châu Âu và khuyến nghị đối với Việt Nam*, Tạp chí [Khoa học pháp lý, Số 03 (133), tr. 83.](http://lib.hcmulaw.edu.vn/opac/WShowDetail.aspx?intItemID=95) [↑](#footnote-ref-275)
276. [https://www.govtech.com/civic/sxsw-2019-utah-pajama-court-and-resolving-cases-online.html,](https://www.govtech.com/civic/sxsw-2019-utah-pajama-court-and-resolving-cases-online.html%2C) truy nhập ngày 01/8/2021. [↑](#footnote-ref-276)
277. . Tài liệu tập huấn *“Nền tảng Toà án điện tử”* ngày 14 tháng 7 năm 2021, Bộ Thông tin và truyền thông. [↑](#footnote-ref-277)
278. https://vi.wikipedia.org/wiki/Cách\_mạng\_Công\_nghiệp\_lần\_thứ\_tư; truy nhập ngày 01/10/2021. [↑](#footnote-ref-278)
279. [https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i\_d%E1%BB%8Bch\_COVID-19,](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_d%E1%BB%8Bch_COVID-19%2C) truy nhập ngày 11/9/2021. [↑](#footnote-ref-279)
280. [https://vtv.vn/the-gioi/hon-2238-trieu-ca-mac-covid-19-tren-the-gioi-bien-the-mu-co-the-gay-ra-cac-moi-lo-ngai-trong-thoi-gian-toi-20210909182525482.htm;](https://vtv.vn/the-gioi/hon-2238-trieu-ca-mac-covid-19-tren-the-gioi-bien-the-mu-co-the-gay-ra-cac-moi-lo-ngai-trong-thoi-gian-toi-20210909182525482.htm) truy nhập ngày 11/9/2021. [↑](#footnote-ref-280)
281. [https://www.who.int/vietnam/vi/news/detail/14-07-2020-q-a-how-is-covid-19-transmitted;](https://www.who.int/vietnam/vi/news/detail/14-07-2020-q-a-how-is-covid-19-transmitted) truy nhập ngày 01/10/2021 [↑](#footnote-ref-281)
282. Arno R. Lodder &John Zeleznikow (2010), *Enhanced Dispute Resolution though the ues of information technology*, Cambridge University Press, tr.8; <https://doi.org/10.1017/CBO9780511777554>, truy cập ngày 01/10/2021. [↑](#footnote-ref-282)
283. Esther van den Heuvel (1997), *Online Dispute Resolution as a solution to cross- boder e dispute, An introduction to ODR*, OECD, tr.8;  <http://www.oecd.org/internet/consumer/1878940.pdf>, truy cập ngày 20/9/2020. [↑](#footnote-ref-283)
284. Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hoà giải thương mại. [↑](#footnote-ref-284)
285. Điểm c, khoản 1, Điều 190 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTPTANDTC về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử. [↑](#footnote-ref-285)
286. [https://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/chinh-tri/van-phong-chinh-phu-toa-an-nhan-dan-toi-cao-phoi-hop-xay-dung-toa-an-dien-tu-704986.html;](https://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/chinh-tri/van-phong-chinh-phu-toa-an-nhan-dan-toi-cao-phoi-hop-xay-dung-toa-an-dien-tu-704986.html) truy nhập ngày 12/10/2021. [↑](#footnote-ref-286)
287. [https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/huong-den-mo-hinh-toa-an-dien-tu--632554/;](https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/huong-den-mo-hinh-toa-an-dien-tu--632554/) truy nhập ngày 12/10/2021. [↑](#footnote-ref-287)
288. <https://vksdanang.gov.vn/chi-tiet?id=45862&_c=69;> t.ruy nhập ngày 12/10/2021 [↑](#footnote-ref-288)
289. [https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nghien-cuu/mo-hinh-xet-xu-truc-tuyen-thay-xet-xu-tap-trung;](https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nghien-cuu/mo-hinh-xet-xu-truc-tuyen-thay-xet-xu-tap-trung) truy nhập ngày 12/10/2021. [↑](#footnote-ref-289)
290. Điểm a, khoản 1, Điều 7 Dự thảo Quy chế tổ chức phiên toà trực tuyến do Toà án nhân dân tối cao ban hành. [↑](#footnote-ref-290)
291. Trần Anh Huy, Các vấn đề pháp lý về hợp đồng điện tử trong thời kỳ cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia: *“Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lý đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam”*, do Bộ Tư pháp tổ chức ngày 24/6/2019. [↑](#footnote-ref-291)
292. Tác giả đã phân tích ở mục 2.3 [↑](#footnote-ref-292)
293. [https://getmatterhorn.com/;](https://getmatterhorn.com/) truy nhập ngày 01/10/2021. [↑](#footnote-ref-293)
294. [https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat-the-gioi/mo-hinh-toa-an-truc-tuyen-tai-trung-quoc-kinh-nghiem-cho-viet-nam;](https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat-the-gioi/mo-hinh-toa-an-truc-tuyen-tai-trung-quoc-kinh-nghiem-cho-viet-nam) truy nhập ngày 01/10/2021. [↑](#footnote-ref-294)